HÀ-CÁN-CHI

chủ biên

LỊCH SỬ CÁCH MẠNG HIỆN ĐẠI TRUNG-QUỐC

TẬP I

NHÀ XUẤT BẢN NGOẠI VĂN

BẮC-KINH—1959

In tại nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa

MỤC LỤC

Chương I

PHONG TRÀO NGŨ TỨ, PHONG TRÀO CỘNG SẢN TRUNG-QUỐC NỔI DẬY (5-1919—6-1921) 1

I—Tư bản ngoại quốc xâm nhập. Xã hội phong kiến Trung-quốc biến thành xã hội nửa thuộc địa, nửa phong kiến. Cách mạng dân chủ cũ và sự thất bại của nó. 1

II—Chủ nghĩa tư bản công nghiệp Trung-quốc ra đời và bước phát triển của nó trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Giai cấp vô sản công nghiệp Trung-quốc trưởng thành. Đặc điểm của giai cấp công nhân Trung-quốc. Phong trào công nhân trong buổi đầu. 9

III—Ảnh hưởng của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đối với cách mạng Trung-quốc . . 17

IV—Phong trào yêu nước Ngũ tứ. Phong trào ngày 3 tháng 6, giai cấp công nhân Trung-quốc tham gia đấu tranh. Phong trào văn hóa mới và sự phát triển của nó. Sự truyền bá chủ nghĩa Mác—Lê-nin ở Trung-quốc. 19

V—Phong trào công nhân Trung-quốc kết hợp với chủ nghĩa Mác—Lê-nin 27

Chương II

ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG-QUỐC RA ĐỜI, PHONG TRÀO CÔNG NHÂN ĐƯỢC PHÁT TRIỂN (7-1921—12-1923) . . . 31

I—Hoàn cảnh quốc tế từ năm 1921 đến 1923, hội nghị Hoa-thịnh-đốn và hiệp nghị chia cắt Trung-quốc giữa các nước đế quốc. 31

II—Nguyên tắc tổ chức do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng cộng sản Trung-quốc quy định. Đường lối cương lĩnh do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng cộng sản Trung-quốc quy định. 34

III—Cao trào của phong trào công nhân Trung-quốc. Phong trào công nhân ở Hồ-nam. Cuộc bãi công chính trị lớn của công nhân đường sắt Kinh—Hán. 44

IV—Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng cộng sản Trung-quốc xác định nguyên tắc căn bản của sách lược mặt trận thống nhất. 55

LỜI KẾT THÚC THỜI KỲ SÁNG LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG-QUỐC. 59

Chương III

MẶT TRẬN THỐNG NHẤT CÁCH MẠNG ĐƯỢC THÀNH LẬP, PHONG TRÀO CÁCH MẠNG LÊN CAO (1-1924—7-1926) . . 62

I—Tình hình thế giới và trong nước từ năm 1924 đến 1927. 62

II—Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Quốc dân đảng. Phong trào công nhân được phục hưng. Phong trào nông dân nổi dậy. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng cộng sản Trung-quốc. Phong trào hội nghị quốc dân phát triển. 67

III—Bãi công chống Nhật của công nhân Trung-quốc. Đại hội lao động toàn quốc lần thứ hai. Phong trào chống đế quốc ngày 30 tháng 5 ở Thượng-hải. Bãi công lớn ở Quảng-châu và Hương-cảng. Căn cứ địa cách mạng ở Quảng-đông được củng cố. Phong trào nông dân toàn quốc tiếp tục phát triển. 77
IV—Đồng chí Mao-Trạch-Đông nói rõ tư tưởng căn bản về cách mạng dân chủ mới. Tư tưởng phản động của Đái-Quý-Đào. Bọn hữu phái Tưởng-Giới-Thạch âm mưu đoạt quyền lãnh đạo cách mạng. Tập đoàn chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh của Trần-Độc-Tú nhượng bộ Tưởng-Giới-Thạch. 89

Chương IV
CHIẾN TRANH BẮC PHẠT, GIAI ĐOẠN KHẨN CẤP CỦA CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC LẦN THỨ NHẤT (7-1926—7-1927) 101
I—Tình hình trong nước trước chiến tranh Bắc phạt. Quân Bắc phạt tiến vào lưu vực Trường-giang. Quan hệ giai cấp đổi mới trong chiến tranh Bắc phạt. 101
II—Phong trào nông dân toàn quốc lấy Hồ-nam làm trung tâm.Lý luận khoa học của đồng chí Mao-Trạch-Đông về tác dụng của nông dân trong cách mạng. 111
III—Đế quốc ráo riết can thiệp vào cách mạng Trung-quốc. Cuộc đấu tranh lấy lại tô giới của công nhân Vũ-Hán và Cửu-giang. Công nhân Thượng-hải khởi nghĩa ba lần. Đánh lấy Nam-kinh và vụ Anh, Mỹ nổ súng vào Nam-kinh. Ngày 12 tháng 4, Tưởng-Giới-Thạch gây chính biến phản cách mạng. 122

IV—Phong trào quần chúng công nông trong thời kỳ Vũ-Hán tiếp tục lên cao. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ năm của Đảng cộng sản Trung-quốc. 132

V—Quốc dân đảng Vũ-Hán dao động trước sự tấn công của bọn phản cách mạng. Đường lối chủ nghĩa đầu hàng của Trần-Độc-Tú đã làm nguy hại đến cách mạng. Sự phản bội của tập đoàn Uông-Tinh-Vệ. Thất bại của cuộc chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất. 138

LỜI KẾT THÚC CUỘC CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC LẦN THỨ NHẤT. 147

Chương V

THOÁI TRÀO CỦA CÁCH MẠNG TRUNG-QUỐC, SỰ SÁNG LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG (8-1927—9-1931) 150

I—Tình hình chính trị sau khi cách mạng năm 1927 thất bại, cách mạng chuyển sang thoái trào. . . 150

II—Quá trình chuyển biến của cách mạng Trung-quốc từ tấn công đến lùi bước. Đảng cộng sản Trung-quốc sửa chữa đường lối "tả" khuynh lần thứ nhất trong Đảng. 159

III—Sáng lập căn cứ cách mạng ở Tỉnh-cương-sơn. . 166

IV—Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ sáu của Đảng cộng sản Trung-quốc. Lý luận của đồng chí Mao-Trạch-Đông về Chính quyền đỏ Trung-quốc có thể tồn tại và phát triển. 172

V—Sự thành lập căn cứ địa Trung ương và các nơi khác. Đảng cộng sản Trung-quốc sửa chữa đường lối "tả" khuynh lần thứ hai trong Đảng. Đường lối cách mạng ruộng đất và chính sách ruộng đất ở khu vực đỏ. 181

VI—Nguyên tắc cơ bản để xây dựng Hồng quân và nguyên tắc cơ bản về chiến lược chiến thuật của Hồng quân. Khu vực đỏ đã đập tan ba lần chiến tranh vây quét của bọn phản động Tưởng-Giới-Thạch, Cách mạng Trung-quốc tiến lên cao trào 192

Chương VI

PHONG TRÀO DÂN CHỦ CHỐNG NHẬT LÊN CAO, ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG-QUỐC SỬA CHỮA ĐƯỜNG LỐI "TẢ" KHUYNH TRONG ĐẢNG, TRIỆT ĐỂ THEO CON ĐƯỜNG BÔN-SÊ-VÍCH (9-1931—12-1935) 203

I—Tình hình thế giới từ năm 1929 đến 1932, đe dọa chiến tranh mới. 203

II—Đế quốc Nhật xâm chiếm Đông-bắc. Phong trào dân chủ dân tộc toàn quốc lên cao. 207

III—Sự hình thành của đường lối "tả" khuynh lần thứ ba. Dưới sự chỉ đạo của đường lối "tả" khuynh, hình thế có lợi cho cách mạng bị tan rã. 212

IV—Cuộc đấu tranh kháng Nhật chống Tưởng trong thời kỳ cao trào cách mạng trong nước tạm thời xuống thấp. 218

V—Dưới sự chỉ đạo của đường lối "tả" khuynh lần thứ ba, cuộc đấu tranh chống vây quét lần thứ năm bị thất bại. Sự di chuyển lớn về chiến lược của Hồng quân công nông. 228

VI—Hội nghị Tuân-nghĩa — Hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc. Cuộc đấu tranh chống đường lối sai lầm của Trương-Quốc-Đào trong lúc Hồng quân lên bắc đánh Nhật. Cuộc Trường chinh thắng lợi . 236

Chương VII

PHONG TRÀO DÂN CHỦ CHỐNG NHẬT LẠI LÊN CAO, THỜI KỲ MỚI CỦA HÒA BÌNH TRONG NƯỚC (12-1935—7-1937) . 242

I—Hoàn cảnh quốc tế từ năm 1933 tới năm 1935, chiến tranh đế quốc mới bắt đầu. 242

II—Sự thành hình của tư bản quan liêu Trung-quốc. Khu thống trị Quốc dân đảng ngày càng thuộc địa hóa. Cuộc đấu tranh giữa đế quốc Mỹ, Anh, Nhật ở Trung-quốc. 245

III—Đế quốc Nhật xâm chiếm miền bắc Trung-quốc. Đảng cộng sản Trung-quốc ra bản tuyên ngôn cứu quốc chống Nhật. Phong trào toàn quốc cứu quốc chống Nhật lại lên cao. 251

IV—Hội nghị Trung ương tháng 12 của Đảng cộng sản Trung-quốc. Đảng xác định sách lược mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật. 255

V—Đảng cộng sản Trung-quốc áp dụng chính sách bắt buộc Tưởng-Giới-Thạch chống Nhật. Sự biến Tây-an là bước ngoặt của thời cục. Mặt trận thống nhất chống Nhật bước đầu hình thành. Đấu tranh của Liên quân Đông-bắc chống Nhật. . 263

VI—Đồng chí Mao-Trạch-Đông làm công tác lý luận. Hai bài luận văn "Bàn về thực tiễn" và "Bàn về mâu thuẫn" đã đặt cơ sở tư tưởng chủ nghĩa Mác — Lê-nin cho Đảng cộng sản Trung-quốc. . 273

LỜI KẾT THÚC CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC LẦN THỨ HAI. 285

CHƯƠNG I

PHONG TRÀO NGŨ TỨ, PHONG TRÀO CỘNG SẢN TRUNG-QUỐC NỔI DẬY.

(5-1919—6-1921)

I— Tư bản ngoại quốc xâm nhập. Xã hội phong kiến Trung-quốc biến thành xã hội nửa thuộc địa, nửa phong kiến. Cách mạng dân chủ cũ và sự thất bại của nó.

Hình thức sản xuất chủ yếu của xã hội phong kiến Trung-quốc là tiểu nông nghiệp kết hợp với thủ công nghiệp gia đình. Người nông dân Trung-quốc đồng thời cũng là người thợ thủ công. Không những họ sản xuất nông sản phẩm cần thiết cho mình mà còn sản xuất phần lớn các thứ hàng thủ công cần thiết cho mình. Kinh tế thiên nhiên chiếm địa vị chủ yếu. Nhưng trong quá trình phát triển chậm chạp của xã hội phong kiến, cũng có nảy nở nhiều công trường thủ công đại quy mô có thị trường toàn quốc, như nghề đồ sứ, nghề tơ lụa v.v... Công trường thủ công là một thứ sản xuất lớn theo chủ nghĩa tư bản, trên cơ sở kỹ thuật thủ công và phân công hợp tác giữa những người làm thuê. Công trường thủ công gần với

nghề thủ công vì cơ sở của nó vẫn là kỹ thuật thủ công. Nhưng nó cũng gần với công xưởng tư bản vì nó là một nền sản xuất lớn dựa trên cơ sở bóc lột người làm thuê. Vì thế công trường thủ công là giai đoạn bắc cầu cho sản xuất lớn bằng máy móc. Công trường thủ công trong xã hội phong kiến Trung-quốc chưa trở thành hình thức sản xuất có địa vị chi phối. Nó được mở mang nhiều nhất là ở những vùng kinh tế phát triển tương đối cao, như vùng Trường-giang trở xuống, nó chưa chiếm được địa vị chi phối trong cả nền sản xuất thủ công, có nhiều ngành chủ yếu trong nghề thủ công chưa được phát triển thành công trường. Nói chung, trước chiến tranh Nha phiến(1) công nghiệp Trung-quốc chưa phát triển đến thời kỳ công trường thủ công. Mặc dầu vậy, trong các công trường thủ công ấy đã có mầm mống chủ nghĩa tư bản. Nếu không có ảnh hưởng tư bản nước ngoài, thì xã hội Trung-quốc cũng theo quy luật độc lập phát triển của mình, mà dần dần và tất nhiên sẽ phát triển đến xã hội tư bản chủ nghĩa.

Lúc giữa thế kỷ 19, sau khi tư bản nước ngoài xâm nhập, xã hội phong kiến Trung-quốc đã thay đổi lớn lao và bắt đầu bước sang địa vị nửa thuộc địa và nửa phong kiến, tính độc lập phát triển cũng do đó bị gián đoạn.

Quá trình tư bản nước ngoài xâm nhập Trung-quốc, đi đôi với quá trình phát triển của bản thân nó. Từ chiến tranh Nha phiến (1840) đến chiến tranh Trung Nhật (1894), các nước

(1) Từ 1840 đến 1842, nhân dân Trung-quốc phản đối người Anh chở Nha phiến bán sang Trung-quốc, nước Anh bèn lấy cớ bảo hộ thông thương, phái binh xâm lược Trung-quốc. Quân đội Trung-quốc dưới sự chỉ huy của Lâm-Tắc-Từ đã chống lại kịch liệt. Lúc đó nhân dân Quảng-châu có tổ chức "Bình Anh đoàn", làm cho quân xâm lược Anh bị đánh nhiều vố nặng.

tư bản liệt cường đã có nhiều lần phát động chiến tranh xâm lược Trung-quốc. Vì bại trận nên Trung-quốc bị bắt buộc phải ký nhiều hiệp ước bất bình đẳng, cắt đất đai, bồi thường, mở thương cảng, thừa nhận hiệp định về thuế quan, thừa nhận quyền lãnh sự tài phán, thừa nhận tự do truyền giáo v.v... Lúc đó là thời đại tự do cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản, đặc điểm của việc xâm lược kinh tế là chở hàng hóa ra ngoài. Các hiệp ước đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nước tư bản liệt cường chở hàng hóa bán đồ vào Trung-quốc.

Cuối thế kỷ 19 là lúc chủ nghĩa tư bản thế giới bước sang chủ nghĩa đế quốc, lũng đoạn thay thế cho tự do cạnh tranh, vì thế việc xâm lược có đặc điểm lịch sử mới của nó, tức tư bản chở ra ngày càng nhiều, hình thức xâm lược càng có tính chất lũng đoạn, kết quả là việc xâu xé Trung-quốc càng quyết liệt. Chiến tranh Trung Nhật năm 1894 và liên quân 8 nước đánh Trung-quốc năm 1900 đã nói rõ đặc điểm lịch sử đó. Sau chiến tranh Trung Nhật, nước Nhật đã bắt buộc Trung-quốc ký kết hiệp ước Mã-quan, giành được đặc quyền mở công xưởng ở Trung-quốc. Từ đó về sau, đế quốc đến Trung-quốc đề mở công xưởng, khai thác hầm mỏ, mở đường sắt, lập ngân hàng, khống chế công nghiệp và kim dung Trung-quốc ngày càng nhiều. Chúng còn lợi dụng chính sách cho vay có điều kiện đề thao túng tài chính và chính phủ Trung-quốc.

Đế quốc nào cũng muốn chiếm một phạm vi thế lực đề làm căn cứ xâm lược, vì thế chúng đã gây ra cuộc đấu tranh chia cắt Trung-quốc.

Đế quốc còn ra sức bồi dưỡng bọn thống trị phong kiến đề làm nòng cốt thống trị Trung-quốc, và bọn thống trị phong kiến cũng vì mục đích duy trì bóc lột và áp bức nhân dân, mà cam tâm bán mình cho đế quốc, dựa vào chúng và làm tôi mọi chúng. Đế quốc đã giúp đỡ chính phủ Mãn-Thanh dập tắt cách mạng

Thái bình thiên quốc lại còn ủng hộ Viên-Thế-Khải bóp chết cách mạng Tân-hợi. Giai cấp tư sản các nước đế quốc đã kết thành đồng minh với thế lực phản động Trung-quốc. Như thế chế độ phong kiến bóc lột nhờ sự ủng hộ của chủ nghĩa đế quốc không những được tồn tại mà còn kết hợp với tư bản mại bản, chiếm địa vị chủ yếu trong sinh hoạt kinh tế Trung-quốc.

Sau 1840, tư bản nước ngoài xâm nhập Trung-quốc, một mặt làm tan rã nền kinh tế thiên nhiên, kích thích và thúc đẩy chủ nghĩa tư bản ra đời và phát triển, làm cho xã hội phong kiến Trung-quốc trở thành xã hội nửa phong kiến. Các nước tư bản dùng phương pháp bán đồ hàng hóa và bóc lột nguyên liệu để phá hoại nền kinh tế thiên nhiên Trung-quốc, làm cho nông dân càng dựa vào các thị trường và tạo thành thị trường hàng hóa tư bản chủ nghĩa. Đồng thời, hàng thủ công cạnh tranh không lại hàng hóa sản xuất bằng máy móc, lại chịu tiền bồi thường và sưu thuế nặng nề, nên phần đông nông dân và thợ thủ công bị phá sản, tạo thành thị trường sức lao động của tư bản chủ nghĩa. Như thế, đế quốc xâm lược Trung-quốc, không những phá hoại nền kinh tế thiên nhiên tự cấp tự túc của Trung-quốc, mà còn tạo thành điều kiện khách quan cho chủ nghĩa tư bản sinh sôi nảy nở.

Trong quá trình tan rã của xã hội phong kiến Trung-quốc, nhân tố chủ nghĩa tư bản đã phát sinh và phát triển. Trung-quốc không phải là xã hội phong kiến đơn thuần nữa, mà là xã hội nửa phong kiến.

Một mặt khác, đế quốc xâm lược muốn biến Trung-quốc thành thuộc địa, chúng dựa vào lực lượng quân sự, chính trị, kinh tế và văn hóa, để thao túng quyền quân sự, chính trị và huyết mạch kinh tế Trung-quốc, bắt buộc kinh tế nông nghiệp Trung- quốc phục vụ bọn chúng, đánh bạt nền công nghiệp dân tộc vốn đã yếu ớt của Trung-quốc, và kìm hãm sức sản xuất

Trung-quốc. Kết quả là nền kinh tế Trung-quốc đã trở thành một bộ phận cấu tạo của nền kinh tế đế quốc, không thể độc lập tự chủ. Trung-quốc do đó đã mất hẳn năng lực tự vệ và tính độc lập quốc gia, chỉ giữ được độc lập hoặc tính độc lập một phần nào về mặt hình thức, nhưng thực chất đã trở thành một nước nửa thuộc địa.

Mâu thuẫn căn bản của xã hội nửa thuộc địa và nửa phong kiến Trung-quốc là mâu thuẫn giữa đế quốc và dân tộc Trung-hoa, mâu thuẫn giữa giai cấp phong kiến và quần chúng nhân dân, nhưng mâu thuẫn chủ yếu vẫn là mâu thuẫn giữa đế quốc và dân tộc Trung-hoa. Quá trình đế quốc và phong kiến kết hợp để biến Trung-quốc thành một xã hội nửa thuộc địa và nửa phong kiến, cũng là quá trình của nhân dân Trung-quốc đấu tranh kiên quyết với đế quốc và phong kiến. Suốt thời gian 109 năm, từ chiến tranh Nha phiến (1840) đến ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa (1949), trong những thời kỳ khác nhau và với trình độ khác nhau, nhân dân Trung-quốc đã đấu tranh lâu dài và bất khuất, người trước ngã người sau tiếp, chống đế quốc và phong kiến. Quá trình cách mạng ấy chia làm hai thời kỳ. Mỗi thời kỳ đều có những đặc điểm lịch sử khác nhau. Tám mươi năm trước phong trào Ngũ tứ, cách mạng Trung-quốc thuộc phạm vi cách mạng dân chủ cũ. Từ phong trào Ngũ tứ đến 1949, cách mạng Trung-quốc thuộc phạm vi cách mạng dân chủ mới.

Trong thời kỳ cách mạng dân chủ cũ, nhân dân Trung-quốc đã có nhiều lần đấu tranh cách mạng. Trong đó quy mô to lớn nhất, ảnh hưởng rộng lớn nhất là cuộc đấu tranh của nông dân dưới thời Thái bình thiên quốc và cuộc cách mạng 1911 do giai cấp tư sản và tiểu tư sản lãnh đạo, mà đại biểu là Tôn-Trung-Sơn. Những cuộc đấu tranh cách mạng đó, đều có tác dụng lớn lao đả kích đế quốc và phong kiến.

Lãnh tụ của cách mạng Thái bình thiên quốc là Hồng-Tú-Toàn đã lập ra "Hội thờ thượng đế" dùng quan niệm tự do và bình đẳng chất phác của nông dân để cải tạo đạo Cơ-đốc của giai cấp tư sản Âu Mỹ đem sang, kết hợp lý tưởng cách mạng của nông dân với giáo lý Cơ-đốc. Hồng-Tú-Toàn lợi dụng "Hội thờ thượng đế" để tổ chức nông dân nghèo khổ và công nhân thủ công nghiệp vũ trang khởi nghĩa. Cuộc cách mạng Thái bình thiên quốc kéo dài 14 năm (1851 đến 1864), thế lực cách mạng đã lan tràn khắp 17 tỉnh, đã lập ra chính quyền cách mạng ở Nam-kinh, đả kích thượng từng kiến trúc của giai cấp phong kiến, tuyên bố "chế độ mẫu ruộng nhà vua", bãi bỏ chế độ ruộng đất phong kiến. Nhưng cuộc cách mạng ấy thất bại, nguyên nhân chính là vì nó vẫn là một cuộc đấu tranh của nông dân theo hình thức cũ, không có sự lãnh đạo giai cấp công nhân tiền tiến. Giai cấp nông dân là giai cấp cách mạng chống thống trị phong kiến và áp bức dân tộc, nhưng nông dân là người sản xuất nhỏ, bị phương thức sản xuất lạc hậu ràng buộc, có nhược điểm phân tán, bảo thủ và tự tư. Cương lĩnh ruộng đất của Thái bình thiên quốc quy định phân phối ruộng đất một cách bình quân, nông dân được chia đều và sản xuất như nhau, mỗi nhà đều quy định bao nhiêu mẫu, bao nhiêu gốc dâu, bao nhiêu gà, bao nhiêu lợn. Họ ước mơ mỗi nông dân đều giữ được mãi một thứ tài sản bình quân, trên cơ sở kinh tế tiểu nông riêng lẻ. Sự thực, nếu thực hiện thứ cương lĩnh ấy, thì tiền đồ của nông dân cũng rất đen tối, vì cương lĩnh ấy không làm cho sức sản xuất xã hội được phát triển thêm, mà vẫn ngừng trệ ở trạng thái kinh tế tiểu nông lạc hậu và riêng lẻ. Vì thế mặc dầu nó có ý nghĩa cách mạng chống phong kiến, nhưng đứng về quan điểm phát triển xã hội mà nói, nó có tư tưởng nông nghiệp xã hội chủ nghĩa không tưởng và phản động. Quân Thái bình không lập căn cứ vững chắc ở những vùng họ đã chiếm. Sau khi

thành lập chính phủ ở Nam-kinh, tập đoàn lãnh đạo của họ phạm nhiều sai lầm về mặt chính trị và quân sự, như chia rẽ trong nội bộ tập đoàn lãnh đạo, không liên lạc được chặt chẽ với các lực lượng nông dân khởi nghĩa khác... Vì thế không đương đầu nổi với quân đội phản cách mạng của nhà Thanh và phần tử xâm lược Anh, Mỹ, Pháp.

Năm 1905, Tôn-Trung-Sơn, đại biểu phái cách mạng dân chủ của giai cấp tư sản thành lập "Hội đồng minh cách mạng Trung-quốc", tiến hành cuộc cách mạng dân chủ, dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản và tiểu tư sản. Hội đồng minh này đề ra cương lĩnh lật đổ chính quyền chuyên chính của nhà Thanh, thành lập một nhà nước dân chủ, và đề cao khẩu hiệu tự do, bình đẳng, bác ái của cách mạng tư sản Pháp. Hội đồng minh dương cao cờ cách mạng dân chủ và công khai tách khỏi phái quân chủ lập hiến. Hội đã lãnh đạo nhiều cuộc khởi nghĩa từ năm 1905 đến 1911.

Cách mạng 1911 đã lật đổ nền thống trị của nhà Thanh, kết thúc chế độ phong kiến nhà vua từ hơn hai nghìn năm ở Trung-quốc, lập ra nước Trung-hoa dân quốc và chính phủ cách mạng lâm thời Nam-kinh, nhưng không bao lâu chính quyền lọt vào tay bọn phản động Viên-Thế-Khải. Thế là cuộc cách mạng này cũng thất bại. Nguyên nhân thất bại căn bản là tính yếu đuối của giai cấp tư sản Trung-quốc. Họ không có một cương lĩnh triệt để chống đế quốc và phong kiến, vì thế không thật sự tổ chức được nông dân là lực lượng dân chủ lớn lao và sâu sắc nhất, để đấu tranh cho cách mạng. Vấn đề căn bản của cách mạng dân chủ là vấn đề ruộng đất, nhưng cách mạng 1911 của Tôn-Trung-Sơn lãnh đạo không giải quyết vấn đề đó, vì vậy cách mạng này không có cơ sở vững chắc. Do đó, mặc dầu cách mạng 1911 đã tiêu diệt được chính quyền mục nát của nhà Thanh, nhưng nó đã tỏ ra bất lực trước chính

quyền của giai cấp phong kiến mại bản do tên quân phiệt Bắc-dương Viên-Thế-Khải đại biểu và được sự giúp đỡ của đế quốc. Giai cấp tư sản ở Trung-quốc không thể lãnh đạo cách mạng được thắng lợi.

Chủ nghĩa dân chủ của Tôn-Trung-Sơn có màu sắc dân túy của giai cấp tiểu tư sản, cho rằng Trung-quốc có thể ngăn ngừa chủ nghĩa tư bản, dưới khẩu hiệu "cách mạng chính trị, cách mạng xã hội cùng thành công một lượt" người ta đã muốn hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân chủ và nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa cùng trong một lúc. Cương lĩnh ngăn ngừa chủ nghĩa tư bản của Tôn-Trung-Sơn đề xướng là bình quân địa quyền. Thực chất cương lĩnh ruộng đất ấy không phải ngăn ngừa chủ nghĩa tư bản, mà là phát triển chủ nghĩa tư bản. Lúc ấy cách mạng ở châu Âu là cách mạng xã hội chủ nghĩa, Tôn-Trung-Sơn bị kích động vì làn sóng cách mạng của giai cấp vô sản nên không thể không mơ ước chủ nghĩa xã hội, tưởng rằng Trung-quốc lạc hậu nên tiến hành "cách mạng xã hội" tương đối dễ. Đó là tư tưởng chủ nghĩa xã hội chủ quan. Nếu cách mạng giai cấp tư sản năm 1911 thu được thắng lợi, nó sẽ mở đường cho chủ nghĩa tư bản để xây dựng một xã hội tư bản. Nhưng trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, con đường đó ở một nước nửa thuộc địa như Trung-quốc thật không có lối đi.

Sau chiến tranh Nha phiến, cuộc đấu tranh theo hình thức cũ của nông dân và cách mạng do giai cấp tư sản lãnh đạo đều thất bại cả, đều không hoàn thành được nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến. Muốn hoàn thành cách mạng dân chủ và bước sang xã hội chủ nghĩa, sau khi cách mạng dân chủ đã thu được thắng lợi, cần phải có một giai cấp mới và chính đảng của nó lãnh nhiệm vụ lãnh đạo mới được. Giai cấp đó và chính đảng đó là giai cấp công nhân Trung-quốc với đội tiền phong của nó, tức Đảng cộng sản Trung-quốc.

II— Chủ nghĩa tư bản công nghiệp Trung-quốc ra đời và bước phát triển của nó trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Giai cấp vô sản công nghiệp Trung-quốc trưởng thành. Đặc điểm của giai cấp công nhân Trung-quốc. Phong trào công nhân trong buổi đầu.

Công nghiệp kiểu mới của Trung-quốc ra đời lúc cuối thế kỷ 19. Tư bản nước ngoài xâm nhập Trung-quốc không bao lâu thì lập ra nhiều xí nghiệp kiểu mới. Từ 1840 trở lại, nước Anh mở công nghiệp cận đại ở Hương-cảng. Nhiều nhà buôn Anh, Mỹ, Pháp và Đức lập xưởng đóng tàu, công ty tàu vận tải, xưởng ươm tơ, xưởng trà khối, nhà in v.v... ở các nơi như Thượng-hải, Quảng-châu, Hạ-môn. Các công xưởng này có quan hệ chặt chẽ với việc chở hàng ra, bóc lột nguyên liệu và xâm lược văn hóa của các nước tư bản. Trong các xí nghiệp nước ngoài đó đã nảy nở tốp công nhân sản nghiệp đầu tiên, chủ yếu là thủy thủ và công nhân vận tải.

Năm 1860, bọn thống trị phong kiến, do Tăng-Quốc-Phiên và Lý-Hồng-Chương thay mặt, bắt đầu mở công nghiệp quân sự. Công nghiệp này thúc đầy công nghiệp than và sắt phát triền. Vào khoảng 1880, càng dần dần mở rộng đến công nghiệp dân dụng, có thể thu được lãi. Đồng thời, một số thương nhân, địa chủ, quan lại Trung-quốc cũng bắt đầu bỏ vốn vào công nghiệp mới. Trong các công xưởng đó cũng có nảy nở một lớp công nhân.

Sau chiến tranh Trung Nhật, đế quốc mở rộng phạm vi, quy mô và tốc độ xâm lược kinh tế ở Trung-quốc. Việc đầu tư của nước ngoài vào các ngành đường sắt, hầm mỏ và công

nghiệp càng phát triền mạnh. Về mặt đường sắt, các con đường Điền—Việt (Côn-minh—Hà-Khầu), Trung—Đông (Mãn-châu-lý—Tuy-phân-hà), Giao—Tế (Thanh-đảo—Tế-nam) và đường Kinh—Hán (Bắc-kinh—Hán-khầu), Kinh—Phụng (Bắc-kinh—Thầm dương), Tân—Phố (Thiên-tân—Phố-khầu), Hộ-Ninh (Thượng-hải—Nam-Kinh), Kinh—Tuy (Phong-đài—Bao-đầu) đều làm trong thời kỳ này. Các đường sắt ấy, đều do đế quốc trực tiếp bỏ vốn kinh doanh, hoặc nắm quyền quản lý. Về công nghiệp mỏ, việc đầu tư của nước ngoài đã giành được địa vị lũng đoạn. Tổng sản lượng than đá trong nước hồi năm 1913 là 12.879.770 tấn, trong đó tư bản lũng đoạn đã khống chế 7.136.545 tấn, tức là 55,4%. Về mặt sản xuất sắt, thế lực lũng đoạn của đế quốc càng to lớn hơn nữa. Năm 1913 tổng sản lượng sắt trong nước có 459.711 tấn, và toàn bộ bị tư bản Nhật chi phối.

Công nghiệp dân tộc Trung-quốc trong thời kỳ đó cũng có đà phát triền sơ bộ, công nghiệp của thương nhân dần dần tăng thêm. Năm 1911, tổng số vốn công xưởng và hầm mỏ Trung-quốc có 159.654.812 đồng, trong đó vốn công nghiệp hầm mỏ của thương nhân có 88.552.367 đồng, ước chừng một nửa. Trong số công nghiệp dân tộc, nghề dệt và khai thác than sắt là chủ yếu. Vốn công xưởng và hầm mỏ của Trung-quốc phân phối theo ngành công nghiệp như sau: công nghiệp mỏ có 41.315.992 đồng, ngành dệt có 40.788.689 đồng v.v...

Trong các xí nghiệp trong và ngoài đó cũng có một lớp công nhân nảy nở.

Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đế quốc Âu Mỹ bận việc chiến tranh, nên tạm thời lơi việc xâm lược. Nhờ đó công thương nghiệp dân tộc của Trung-quốc được phát triền. Số ống suốt ở các nhà máy sợi trong năm 1914 có 544.780 ống, năm 1919 đã tăng đến 658.748 ống. Số tơ sống xuất cảng

trong 1913 có 70.150 tạ, sang năm 1919 đã tăng đến 118.028 tạ. Nhà máy dệt Trung-quốc ở Thượng-hải năm 1914 có 160.900 ống suốt, năm 1919 đã tăng đến 216.236 ống. Nhà máy tơ năm 1914 có 14.424 xe, năm 1919 đã tăng đến 18.306 xe v.v... Cũng trong thời kỳ đó, nhà máy sợi Trung-quốc đã thu lãi, năm 1914 mỗi bao bông là 19, 58 đồng, năm 1919 là 70,56 đồng. Về mậu dịch đối ngoại, chỉ số xuất nhập khẩu trong năm 1913 đều là 100, đến năm 1919 chỉ số nhập khẩu là 156,4, chỉ số xuất khẩu là 113,5.

Tư bản dân tộc của Trung-quốc chỉ được phát triển nhờ lúc đế quốc tạm thời buông lỏng chính sách xâm lược, vì thế mức phát triển của công nghiệp dân tộc rất thấp. Năm 1919 các nhà máy sợi Trung-quốc có tất cả 842.894 ống suốt, sản lượng than đá có 21.318.825 tấn, nhưng tư bản đế quốc chiếm hết 50,9%, sản lượng sắt toàn quốc có 258.868 tấn, đều thuộc về tư bản Nhật cả.

Theo thống kê năm 1915, khắp nước có chừng 10 triệu công nhân (kể cả công nhân thủ công nghiệp), trong đó có hơn 60 vạn công nhân nhà máy, tức là 6% tổng số. Trong số nhà máy kiểu mới nhiều nhất là nhà máy hạng nhỏ. Năm 1913, trong số 565 nhà máy được đăng ký với số vốn chung là 50 triệu, có 479 cái vốn từ 10 vạn đồng trở xuống, có 66 cái vốn từ 10 vạn đến 50 vạn đồng và 20 cái vốn từ 50 vạn trở lên (không được 4%).

Đồng thời đế quốc Nhật và Mỹ lợi dụng lúc đế quốc Anh, Pháp, Đức đang bận chiến tranh, để mở rộng thế lực xâm lược của chúng ở Trung-quốc. Đế quốc Anh và Pháp mặc dầu bị rối ren vì chiến tranh nên tạm thời nới tay, nhưng chúng vẫn duy trì thế lực đã có ở Trung-quốc, và sau chiến tranh lại tăng cường xâm lược.

Đế quốc xâm lược kinh tế Trung-quốc có mấy đặc điểm như sau: (1)—Nước ngoài bỏ vốn chủ yếu là trực tiếp, chúng thông qua các xí nghiệp trực tiếp kinh dinh ở Trung-quốc để lũng đoạn cả nền công nghiệp của Trung-quốc. Các nhà máy của đế quốc mở mang ở Trung-quốc đã đánh đổ nền công nghiệp dân tộc của Trung-quốc. Vì đế quốc cướp đoạt nguyên liệu công nghiệp Trung-quốc, làm cho tài nguyên Trung-quốc bị đem ra nước ngoài rất nhiều, nên công nghiệp nặng của Trung-quốc bị lạc hậu trầm trọng. Số lượng quặng sắt sản xuất trong năm 1919 có 1.009.542 tấn, nhưng số xuất cảng chiếm đến 662.632 tấn. Số lượng sắt sản xuất trong nước có tất cả 442.594 tấn, số nhập khẩu có 325.158 tấn, bằng 70% số sản xuất. (2)—Đế quốc bỏ vốn để kinh dinh chủ yếu là ngành thương nghiệp. Năm 1914, số vốn xí nghiệp nước ngoài có một nghìn triệu Mỹ kim, nhưng ngành thương nghiệp chiếm hết 83,1%, về công nghiệp, tức số vốn bỏ vào ngành mỏ và ngành chế tạo chỉ chiếm 16,9%. Trong số công xưởng có nhiều nhà máy chế biến sản phẩm, xưởng lắp và chữa dụng cụ máy móc. Lấy thương nghiệp làm chính, đế quốc đã bỏ vốn kinh dinh, phá hoại cơ sở kinh tế thiên nhiên của Trung-quốc, thúc đẩy chủ nghĩa tư bản phát triển, nhưng thực tế, trong số công nghiệp kiểu mới của Trung-quốc chỉ có ngành sợi được phát triển. (3)—Trong lúc đó Trung-quốc ở dưới sự thống trị của mấy nước đế quốc, nhưng thế lực xâm lược kinh tế của các đế quốc đều không cân đối. Đến cuối thế kỷ 19, chi phối Trung-quốc chủ yếu là bốn nước Anh, Đức, Nga, Pháp. Đầu thế kỷ 20, hai đế quốc Mỹ Nhật tăng cường xâm lược Trung-quốc và tạo thành hình thế 6 nước Anh, Đức, Nga, Pháp, Mỹ, Nhật thống trị Trung-quốc. Sau khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi, Chính phủ cộng hòa Xô-viết bãi bỏ hiệp ước bất bình đẳng và tất cả những đặc quyền của đế quốc Nga ở Trung-quốc. Đế quốc Đức

sau khi bại trận không còn xâm lược Trung-quốc được nữa. Thế là sau chiến tranh, Trung-quốc trở thành mồi ngon của 4 nước Anh, Mỹ, Nhật và Pháp.

Quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Trung-quốc cũng là quá trình phát triển của giai cấp công nhân Trung-quốc. Trong thời kỳ chiến tranh, giai cấp công nhân Trung-quốc càng phát triển và lớn mạnh thêm. Giai cấp công nhân Trung-quốc không những cùng ra đời song song với chủ nghĩa tư bản dân tộc, mà còn ra đời song song với các xí nghiệp của đế quốc trực tiếp kinh dinh. Vì thế lịch sử giai cấp công nhân lâu đời hơn lịch sử giai cấp tư bản dân tộc, lực lượng cũng mạnh hơn. Đế quốc xâm lược tự mình đã tạo ra những người đào hố chôn mình, tức giai cấp công nhân Trung-quốc và làm cho giai cấp ấy ngày càng lớn mạnh.

Giai cấp công nhân Trung-quốc đã nhanh chóng trở thành một giai cấp tiền tiến gồm cả hai triệu người giác ngộ về chính trị và có ý chí chiến đấu. Giai cấp công nhân Trung-quốc đã có sẵn những ưu điểm căn bản của giai cấp công nhân nói chung, tức gắn liền với hình thức kinh tế tiền tiến, có tính tổ chức dồi dào, không có tư liệu sản xuất tư nhân v. v...Giai cấp công nhân nhờ gắn liền với hình thức kinh tế tiền tiến, tức hình thức đại sản xuất tiền tiến, nên đã trở thành giai cấp có tiền đồ rộng lớn nhất. Công nhân làm việc trong nhà máy, nhờ sản xuất có tổ chức có kế hoạch, mọi động tác đều có máy móc hạn chế và ràng buộc nhau, cho nên giai cấp công nhân là giai cấp dễ tổ chức nhất. Công nhân là những người không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động của mình và chỉ sống nhờ tiền công, vì thế địa vị của giai cấp công nhân đã làm cho họ trở thành giai cấp cách mạng nhất. Đó là những ưu điểm mà giai cấp công nhân khắp thế giới đều có.

Ngoài những ưu điểm của giai cấp công nhân nói chung, giai cấp công nhân Trung-quốc còn có nhiều ưu điểm riêng rất nổi bật.

Thứ nhất, giai cấp công nhân Trung-quốc đã chịu ba tầng áp bức, tức đế quốc bên ngoài, phong kiến và tư bản bên trong. Trong xí nghiệp kiểu mới vẫn còn hình thức bóc lột theo lối phong kiến rất sâu sắc, như chế độ người cai, chế độ nuôi người để bóc lột v.v... Giờ làm việc của công nhân Trung-quốc đặc biệt dài, mỗi ngày ít nhất là 10 tiếng, có khi phải làm đến 16 tiếng. Nhưng tiền lương thì ít hơn đâu cả, mỗi ngày chỉ được vài ba hào, không đủ để duy trì mức sống thấp nhất của công nhân và gia đình. Việc đãi ngộ không có tí gì bình đẳng cả. Giờ làm việc của nữ công nhân và công nhân bé cũng bằng như công nhân lớn, nhưng tiền công thì thấp hơn nhiều. Việc đối xử giữa công nhân nước ngoài và công nhân bản xứ càng thiếu bình đẳng hơn nữa. Có nhiều công nhân nước ngoài (người Anh) lãnh lương bằng bảy lần công nhân Trung-quốc. Trong nhà máy và hầm mỏ không có một sự thiết bị nào để bảo đảm an toàn cho công nhân cả. Mỗi khi có xảy ra tai nạn thì việc làm cho người tư bản quan tâm là máy móc chứ không phải tính mệnh của công nhân. Hiện tượng công nhân bị tật nguyền hoặc chết chóc khắp nơi đều có. Còn nói chi việc bảo hiểm lao động? Công nhân luôn luôn sống dưới sự đe dọa của nạn sinh đẻ, già cả, bệnh tật và chết chóc. Về mặt chính trị, công nhân không có quyền dân chủ, các thứ tự do ăn nói, hội họp, tổ chức đoàn thể và bãi công v.v... đều bị tước mất cả. Giai cấp công nhân Trung-quốc chịu ba tầng áp bức và bóc lột như thế, nên cách mạng kiên quyết và triệt để hơn giai cấp nào cả.

Thứ hai, tính tập trung của giai cấp công nhân Trung-quốc. Vì công nghiệp tập trung nên công nhân Trung-quốc cũng tập

trung. Về nghề nghiệp thì tập trung vào các xí nghiệp đường sắt, hầm mỏ, vận tải, dệt và đóng tàu v.v... Về khu vực thì tập trung vào các thành phố lớn như Thượng-hải, Thiên-tân, Thanh-đảo, Vũ-Hán, Quảng-châu v.v... Về xí nghiệp thì tập trung vào các xí nghiệp lớn từ 500 người trở lên. Theo thống kê Bộ Nông thương của chính phủ Bắc-kinh năm 1919: trong 13 tỉnh có 144 nhà máy từ 500 người sắp lên, và 29 nhà máy từ 1.000 người trở lên. Tính tập trung làm cho ý thức giai cấp dễ biểu hiện, trí tuệ và lực lượng đấu tranh dễ tập trung, vì thế giai cấp công nhân có sẵn sức chiến đấu mạnh mẽ. Thành thị lại là trung tâm thống trị của đế quốc, khi công nhân đứng lên đấu tranh là uy hiếp ngay nền thống trị ấy.

Thứ ba, công nhân nhà máy tuy chỉ có hơn 2 triệu người, nhưng giai cấp công nhân Trung-quốc có đồng minh quân thiên nhiên là nông dân và những người lao động khác, tức là hơn 10 triệu công nhân thủ công nghiệp và người làm công trong các tiệm với mấy trăm triệu bần nông và cố nông. Giai cấp công nhân phần nhiều là xuất thân từ những người nông dân bị phá sản, vì thế công nhân và nông dân có quan hệ thiên nhiên. Những người vô sản và bán vô sản nông thôn và thành thị đó cọng lại hơn một nửa nhân khẩu trong nước. Đó là cơ sở sâu sắc nhất đề cho giai cấp công nhân tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng, tiện lợi cho giai cấp công nhân và nông dân kết thành khối công nông liên minh vững chắc.

Những đặc điềm đó nói rõ đặc tính đấu tranh của giai cấp công nhân Trung-quốc, tức là ý chí đấu tranh kiên cường, lực lượng đấu tranh tập trung và rộng rãi. Vì thế một khi giai cấp ấy kết hợp với chủ nghĩa Mác—Lê-nin thì sinh ra chính đảng của mình, tức Đảng cộng sản Trung-quốc, và dưới sự lãnh đạo của Đảng liền trở thành giai cấp lãnh đạo cách mạng Trung-quốc.

Giai cấp công nhân Trung-quốc đã sớm tham gia các cuộc đấu tranh cách mạng, nhưng trước phong trào Ngũ tứ nó chưa tự giác đưa ra yêu cầu chính trị và cương lĩnh đấu tranh của mình, mà chỉ xuất hiện như người theo đuôi giai cấp tư sản. Năm 1906, hơn 6.000 công nhân mỏ than An-nguyên đã tham gia cuộc khởi nghĩa của Đồng minh hội ở Bình-hương, Lưu-dương và Lý-lăng. Trong thời kỳ cách mạng 1911, công nhân xây dựng đường sắt Xuyên—Hán đã bạo động để hưởng ứng phong trào của giai cấp tư sản chống chính phủ Mãn-Thanh "quốc hữu hóa đường sắt". Ngoài ra, để cải thiện đời sống bản thân, công nhân cũng đã tiến hành nhiều lần đấu tranh kinh tế. Năm 1913, công nhân sở bưu điện Bắc-kinh bãi công để phản đối việc tăng chuyến phát thư, công nhân binh công xưởng Hán-dương bãi công chống trả tiền công bằng giấy bạc mất giá. Năm 1914, công nhân ba công ty tàu thủy Chiêu-thương-cục, Thái-cổ và Di-hòa ở Thượng-hải bãi công để ủng hộ yêu cầu tăng lương của một số công nhân. Từ 1916 đến 1919, công nhân Thượng-hải và các nơi đã bãi công nhiều lần để đòi tăng lương. Để đấu tranh được thắng lợi, công nhân đã từng lập ra nhiều hình thức tổ chức như hội bí mật (Ca lão hội, Lão quân hội), các bang và các hàng hội đồng hương v.v... Nhưng các tổ chức ấy thường bị bọn thương nhân mại bản và lưu manh thao túng, vì thế không thể dẫn dắt công nhân đấu tranh đến thắng lợi.

Giai cấp công nhân Trung-quốc, nhờ lực lượng được phát triển và lớn mạnh, nên mỗi ngày càng có tác dụng lớn lao trong đời sống kinh tế và chính trị trong nước. Đi đôi với áp bức và bóc lột của đế quốc, phong kiến, và ảnh hưởng của phong trào công nhân quốc tế, giác ngộ chính trị của công nhân Trung-quốc được nâng cao rất nhanh.

III—Ảnh hưởng của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đối với cách mạng Trung-quốc.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười năm 1917 là một chuyển biến căn bản trong lịch sử thế giới, và cũng là một chuyển biến căn bản trong lịch sử Trung-quốc. Ảnh hưởng cách mạng đó đối với cách mạng Trung-quốc rất sâu rộng.

Thứ nhất, Cách mạng tháng Mười cổ vũ lòng tin tưởng của nhân dân Trung-quốc trong đấu tranh giải phóng. Nhân dân Trung-quốc thấy một hy vọng mới để giải phóng cho dân tộc mình, trong việc giai cấp vô sản lãnh đạo nhân dân Nga làm cách mạng thắng lợi và thành lập một nước chuyên chính vô sản thứ nhất, trong việc mọi dân tộc bị áp bức trong nước Nga đều được độc lập và tự do chân chính, trong việc đế quốc Đức Áo tan rã và cách mạng Đức Áo bùng nổ, và trong việc suy yếu của lực lượng đế quốc Anh Pháp. Giai cấp vô sản Nga đã đập tan mọi chướng ngại trong phát triển xã hội như: Nga hoàng, quý tộc, quân phiệt, quan liêu, quân quốc, tư bản và tuyên bố hệ thống thế giới của chủ nghĩa đế quốc tất nhiên phải tan rã. Thắng lợi của giai cấp vô sản Nga đã cổ vũ ý chí đấu tranh của nhân dân Trung-quốc rất nhiều.

Thứ hai, Lê-nin đã tổ chức mặt trận cách mạng thống nhất của những người vô sản và những người bị áp bức trên thế giới. Vì thế Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đã bắc chiếc cầu nối liền những người vô sản phương tây và các dân tộc bị áp bức phương đông. Tức là nói, Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đã tạo ra một thành trì cách mạng, và dưới ngọn cờ chủ nghĩa Lê-nin thành trì ấy đã giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc rất nhiều, do đó cách mạng thuộc địa đã trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Lê-nin và nhân dân Xô-

viết rất yêu mến nhân dân Trung-quốc, nhận thấy lực lượng cách mạng Trung-quốc rất to lớn, nên hết sức đồng tình cuộc cách mạng của nhân dân Trung-quốc, quán triệt tinh thần chủ nghĩa quốc tế, giúp đỡ phong trào giải phóng của nhân dân Trung-quốc từ đầu đến cuối. Năm 1919 và 1920, Chính phủ Xô-viết đã hai lần ra bản tuyên bố về Trung-quốc. Bản tuyên bố bãi bỏ tất cả những đặc quyền của đế quốc Nga đã có lúc trước, đồng thời yêu cầu Chính phủ Trung-quốc trục xuất các quan lại của đế quốc Nga. Liên-xô là nước thứ nhất bãi bỏ đặc quyền ở Trung-quốc. Nhân dân Trung-quốc hoan hô nhiệt liệt tinh thần quốc tế vĩ đại ấy của Chính phủ Xô-viết. Lúc ấy, học sinh và báo chí tự động đứng lên tuyên truyền cho thắng lợi Cách mạng tháng Mười, cho rằng chính sách đối ngoại của Chính phủ Xô-viết là ngọn đuốc trong lịch sử ngoại giao quốc tế, nhân dân ca ngợi chính quyền Xô-viết mới ra đời là "con cưng của chính nghĩa và nhân đạo", công nhân, nông dân và binh sĩ Nga là "loài người thân ái nhất thế giới". Nhân dân Trung-quốc đã giác ngộ chuẩn bị đấu tranh đến cùng với chính phủ quân phiệt và quan liêu phản động.

Thứ ba, Cách mạng tháng Mười đã đem chủ nghĩa Mác—Lê-nin lại cho nhân dân Trung-quốc, khiến nhân dân Trung-quốc tìm thấy chân lý để giải phóng lấy mình. "Cách mạng tháng Mười nổ bùng đã đem chủ nghĩa Mác—Lê-nin lại cho chúng ta." Đó là một chân lý khắp nơi đều đúng, nó đã giúp các phần tử tiền tiến Trung-quốc dùng vũ trụ quan của giai cấp vô sản làm công cụ quan sát vận mệnh nước nhà, và xem xét lại các vấn đề của mình. Các phần tử trí thức tiền tiến của Trung-quốc bắt đầu tiếp thu chủ nghĩa Mác—Lê-nin và thành lập Đảng cộng sản trên cơ sở phong trào công nhân. "Một khi chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác—Lê-nin được kết hợp với thực tiễn cụ thể của cách mạng Trung-quốc, thì cách mạng Trung-

quốc vì đó được đổi mới." (Mao-Trạch-Đông: Cải tạo học tập của chúng ta)

Chủ nghĩa Mác—Lê-nin do Cách mạng tháng Mười đem lại đã chiếu sáng con đường đấu tranh giải phóng của nhân dân Trung-quốc. Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích là thầy và bạn vĩ đại của nhân dân Trung-quốc, chúng ta đã hấp thụ lực lượng tư tưởng trong học thuyết của họ.

IV— Phong trào yêu nước Ngũ tứ. Phong trào ngày 3 tháng 6, giai cấp công nhân Trung-quốc tham gia đấu tranh. Phong trào văn hóa mới và sự phát triển của nó. Sự truyền bá chủ nghĩa Mác—Lê-nin ở Trung-quốc.

Phong trào yêu nước Ngũ tứ đã đánh dấu cho làn sóng cách mạng mới và chứng tỏ cách mạng Trung-quốc đã bước vào giai đoạn mới.

Cách mạng năm 1911 là cách mạng dân chủ của giai cấp tư sản. Vì thiếu người lãnh đạo kiên quyết và do nhiều nhược điểm khác, nên cuộc cách mạng này có nhiều sơ hở để cho thế lực phong kiến và kẻ xâm lược bên ngoài lợi dụng. Các đế quốc liệt cường đã bồi dưỡng và nâng đỡ cho một tên thống trị mới là Viên-Thế-Khải. Chúng coi tên gian hùng và bán nước này như một công cụ mới trong tay. Viên-Thế-Khải lợi dụng quyền thế của y để âm mưu bắt cá hai tay, một mặt bắt buộc vua Mãn-Thanh thoái vị, một mặt đòi đảng cách mạng Nam-kinh phải thỏa hiệp với mình. Đế quốc đã công khai hoặc bí mật ủng hộ hoạt động của tên gian hùng này, đưa hắn ra làm đầu sỏ phái phản động Trung-quốc.

Năm 1916, vì thất bại trong việc khôi phục chế độ quân chủ, nên Viên-Thế-Khải đã bị lật đổ. Lúc đó hai tập đoàn đế quốc Âu Mỹ vì chiến tranh kịch liệt, nên tạm thời không đủ sức lo nghĩ đến vấn đề Trung-quốc, đế quốc Nhật bèn lợi dụng cơ hội để nâng đỡ tên Đoàn-Kỳ-Thụy là một công cụ của chúng đã bồi dưỡng. Đế quốc Nhật xem Đoàn-Kỳ-Thụy như một nhân vật lý tưởng nhất để tiếp tục sự nghiệp của Viên-Thế-Khải, vì lúc ấy Đoàn-Kỳ-Thụy đang nắm quyền quân sự Bắc-dương, sau khi Viên-Thế-Khải chết, Đoàn-Kỳ-Thụy liền nắm cả chính quyền Bắc-kinh.

Viên-Thế-Khải đã từng được các liệt cường coi như kẻ thay mặt cho bọn chúng, chính phủ Viên-Thế-Khải mới thành lập đã vội vàng đảm nhận các điều ước bán nước của chính phủ Mãn-Thanh. Năm 1913 Đoàn ngân hàng sáu nước do Mỹ cầm đầu đã cho Viên-Thế-Khải vay 25 triệu đồng bang Anh, để đàn áp phong trào cách mạng trong nước, với điều kiện Đoàn ngân hàng được trực tiếp giám đốc tài chính của chính phủ Trung-quốc. Năm 1915 đế quốc Nhật ép dụ Viên-Thế-Khải ký kết 21 điều bán nước, và giành được địa vị độc chiếm Trung-quốc. Sau khi Viên-Thế-Khải chết, chính phủ Đoàn-Kỳ-Thụy do Nhật đỡ lên đã vay của Nhật trước sau 500 triệu đồng Nhật với điều kiện bán cho Nhật quyền lợi ở Mãn-châu, Mông-cổ, Sơn-đông và quyền quân sự cảnh sát, quyền nội chính của chính phủ Trung-quốc.

Đau lòng nhất là sau khi chính phủ Đoàn-Kỳ-Thụy theo đuôi chủ nghĩa quân quốc Nhật lại cam tâm làm một tên tay sai của chúng để tấn công nước Xô-viết, mà kết quả là quân đội Nhật tiến sâu vào Trung-quốc, khống chế vùng Đông-bắc và các cơ quan quân sự của Trung-quốc.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, mâu thuẫn giữa Mỹ và Nhật càng gay gắt. Một mặt chúng ra sức tìm người đại lý

mới trong số quân phiệt quan liêu mại bản Trung-quốc, mỗi bên đều nắm vững công cụ của mình để đối chọi nhau. Một mặt khác, Mỹ đề nghị tổ chức Đoàn ngân hàng quốc tế, gồm Mỹ, Anh, Pháp, Nhật, để lấn áp thế lực độc chiếm của Nhật, đồng thời muốn dựa vào lực lượng kinh tế của mình trong Đoàn ngân hàng ấy để chiếm địa vị lãnh đạo. Đoàn ngân hàng bốn nước đã thành lập năm 1920, nhưng vì mâu thuẫn giữa bốn nước, nhất là giữa Mỹ và Nhật, nên bọn chúng vẫn không thỏa thuận nhau.

Sau khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã kết thúc bằng thất bại của Đức, Áo, thì hội nghị hòa bình được cử hành ở Pa-ri ngày 18 tháng I năm 1919. Đó là Hòa hội Pa-ri, một hội nghị chia của do Mỹ thao túng, mục đích để chia cắt các nước chiến bại và phân chia thuộc địa với nhau. Vì trong thời gian chiến tranh Trung-quốc có tham gia phía Anh, Mỹ, Pháp, nên cũng gửi đại biểu đến dự. Do áp lực của dư luận nhân dân, nên đại biểu Trung-quốc đưa điều kiện hy vọng Hòa hội thủ tiêu đặc quyền của đế quốc trên lãnh thổ Trung-quốc và đưa yêu sách đòi bãi bỏ điều ước 21 điều của chính phủ Viên-Thế-Khải đã ký kết với đế quốc Nhật và thu hồi quyền lợi của Đức ở tỉnh Sơn-đông mà đế quốc Nhật đã thừa lúc chiến tranh cướp đoạt.

Trước đó, lúc tháng 1 năm 1918, Tổng thống Vin-xông của Mỹ có công bố cái gọi là 14 điều kiện hòa bình, giả vờ tôn trọng yêu cầu của nhân dân các nước thuộc địa và đòi các nước bảo đảm cho nhau độc lập chính trị và lãnh thổ toàn vẹn. Đó là mâu thuẫn giữa chính sách mở cửa giả dối của Mỹ và chính sách độc chiếm của Nhật. Lúc đại biểu Nhật đưa yêu cầu trước Hòa hội đòi được thay thế nước Đức để hưởng quyền lợi ở Sơn-đông của Trung-quốc, thì mâu thuẫn ấy đã lộ ra mặt. Nhưng vì yêu cầu của Nhật được các đế quốc Anh, Pháp ủng hộ, và để củng cố trận tuyến đế quốc phản cách mạng, Mỹ cũng thỏa hiệp với Nhật,

trở lại ủng hộ yêu cầu không hợp lý của Nhật và bác đề nghị chính nghĩa của Trung-quốc. Thế là hòa ước đối với Đức quy định quyền lợi của Đức ở Sơn-đông sẽ hoàn toàn do Nhật thừa hưởng. Còn điều kiện hy vọng bãi bỏ đặc quyền của nước ngoài ở Trung-quốc và yêu sách thủ tiêu điều ước 21 điều của Trung-quốc đề ra, Hòa hội căn bản không thảo luận. Thế là Hòa hội đã lộ mặt hung ác của đế quốc tranh đoạt và xâu xé Trung-quốc.

Thất bại ngoại giao của Trung-quốc đã đánh tan giấc mộng của nhân dân Trung-quốc đã ôm ấp đối với Hòa hội nhất là của những người tiến bộ và thanh niên học sinh chịu ảnh hưởng của họ. Bấy giờ họ nhận thấy chỉ có dựa vào sức mạnh của chính mình mới có thể giải quyết được vận mệnh nước nhà.

Ngày 4 tháng 5 năm 1919, học sinh Bắc-kinh cử hành cuộc biểu tình thị uy yêu nước với quy mô to lớn. Cả 3.000 học sinh họp mít tinh trước Thiên-an-môn, và đi biểu tình thị uy, yêu cầu trừng trị ba tên bán nước Chương-Tôn-Tường, Lục-Tôn-Dư và Tào-Nhữ-Lâm. Lúc học sinh phá nhà tên Tào-Nhữ-Lâm thì cảnh sát đến đàn áp và bắt đi hơn 30 người. Chính phủ Bắc-kinh còn đuổi ông Thái-Nguyên-Bồi là giám đốc trường Đại học Bắc-kinh. Học sinh bãi khóa và tiến hành cuộc tuyên truyền yêu nước theo đường phố. Ngày 3 tháng 6, theo lệnh đế quốc Nhật, chính phủ Bắc-kinh huy động nhiều cảnh sát đến bắt hơn 300 học sinh (ngày 4 còn bắt hơn 1.000 nữa) để dập tắt mọi phong trào yêu nước. Chính sách khủng bố trắng của chính phủ bán nước làm cho phong trào học sinh càng sôi nổi khắp nơi.

Sau ngày 3 tháng 6, trung tâm của phong trào yêu nước từ Bắc-kinh dời đến Thượng-hải, chủ lực của phong trào từ quần chúng học sinh chuyển sang giai cấp công nhân. Từ ngày 5 đến 11 tháng 6, ở Thượng-hải là thành phố trung tâm công thương nghiệp lớn nhất trong nước, có hơn 6,7 vạn công nhân thuộc các

ngành dệt, kim thuộc, vận tải và thị chính bãi công. Công nhân nhà máy sợi Nhật và các xí nghiệp Anh, Mỹ, Pháp bãi công lần này đã nói rõ tính chất chống đế quốc của phong trào. Công nhân còn cử hành những cuộc biểu tình thị uy ở các nơi như Đường-sơn trên đường sắt Kinh—Phụng, Trường-tân-điếm trên đường sắt Kinh—Hán. Đó là cuộc bãi công lớn của giai cấp công nhân để chống đế quốc lần thứ nhất trong lịch sử Trung-quốc. Hàng ngũ công nhân là lực lượng mạnh nhất trong phong trào Ngũ tứ. Giai cấp công nhân Trung-quốc bãi công ở Thượng-hải là thành phố công thương nghiệp trọng yếu nhất trong nước, hoặc những nơi giao thông chủ yếu và hầm mỏ quan trọng như Trường-tân-điếm, Đường-sơn v.v... đều là những vố đánh mạnh vào chính phủ quân phiệt. Cánh quân to lớn này ra trận là nguyên nhân trọng yếu nhất để cho phong trào Ngũ tứ được thắng lợi. Cánh quân này cổ vũ sức mạnh nhân dân và làm cho các từng lớp người khác đều cảm thấy lực lượng nhân dân đã lớn mạnh.

Giai cấp tư sản cũng tham gia hàng ngũ phong trào yêu nước. Sau khi phong trào Ngũ tứ đã bùng nổ, thì thị trường công nghiệp chế tạo của Trung-quốc được mở rộng, giai cấp tư sản ở Thượng-hải tỏ thái độ ủng hộ phong trào học sinh. Ngày 5 tháng 6 do ảnh hưởng của cuộc bãi công, nên các giới công thương nghiệp ở Thượng-hải cùng bãi thị một lượt. Tiếp theo đó các thành thị gần Thượng-hải và thành thị lớn trong khắp nước cũng hưởng ứng bãi thị. Nhưng khi phong trào mới bắt đầu thì giai cấp tư sản đã tỏ rõ tính yếu đuối của họ, họ phản đối "bạo động", chủ trương cái gọi là "tẩy chay văn minh", đòi bãi công, bãi khóa và bãi thị phải theo hình thức "hợp pháp", không nên vượt quá phạm vi của đế quốc và chính phủ quân phiệt cho phép.

Phong trào Ngũ tứ từ Bắc-kinh đã lan tràn khắp nước và trở thành phong trào quần chúng yêu nước gồm các từng lớp công nhân, học sinh và thương nhân thật rộng rãi.

Lực lượng đấu tranh vĩ đại của nhân dân Trung-quốc bắt buộc chính phủ phản động phải thả số học sinh bị bắt, đổi tên Tào-Nhữ-Lâm, Chương-Tôn-Tường, Lục-Tôn-Dư, làm cho đại biểu Trung-quốc không dám ký tên vào Hòa ước. Phong trào Ngũ tứ đã thu được thắng lợi to lớn.

Cuộc bãi công chính trị lớn lao của công nhân trong phong trào Ngũ tứ đã xúc tiến thắng lợi của đấu tranh chống đế quốc. Đó là giai cấp công nhân Trung-quốc bắt đầu biểu hiện lực lượng vĩ đại của mình. Như thế cần phải có một chính đảng chân chính đại biểu quyền lợi của giai cấp công nhân và khéo chỉ đạo giai cấp công nhân đấu tranh. Đó là nguyên nhân lý luận Mác—Lê-nin được kết hợp nhanh chóng với phong trào công nhân ở Trung-quốc, và cũng là cơ sở giai cấp đẻ ra Đảng cộng sản Trung-quốc.

Trước khi chủ nghĩa Mác—Lê-nin được truyền bá đến Trung-quốc, đầu thế kỷ thứ 20, các phần tử trí thức cách mạng của giai cấp tiểu tư sản và phần tử trí thức của giai cấp tư sản đã có tuyên truyền đắc lực cho văn hóa dân chủ. Họ đề xướng chính trị dân chủ, phản đối chính trị quân chủ, phản đối chính trị quân phiệt. Họ đề xướng khoa học, phản đối giáo điều, bát cổ, phản đối mê tín, phục tùng mù quáng và vũ đoán, phản đối đạo đức cũ và lễ giáo cũ phục vụ cho giai cấp phong kiến. Đấu tranh tư tưởng tất nhiên phải ảnh hưởng đến hình thức diễn đạt tư tưởng—cải cách văn học, lời và chữ. Họ đề xướng bạch thoại, phản đối văn ngôn, đề xướng văn học mới, chống văn học cũ.

Báo chí có ảnh hưởng nhiều nhất trong việc truyền bá văn hóa dân chủ là các tờ "Thanh niên mới", "Bình luận hàng tuần"

v.v... Báo "Thanh niên mới" ra đời lúc tháng 9 năm 1915, còn báo "Bình luận hàng tuần" thì tháng 12 năm 1918. Các báo ấy đã công kích kịch liệt tư tưởng giáo điều phong kiến. Lý-Đại-Chiêu, Trần-Độc-Tú, Lỗ-Tấn v.v... đã từng là những chiến sĩ văn hóa dân chủ.

Trước phong trào Ngũ tứ, phong trào văn hóa dân chủ mặc dù không ra khỏi phạm vi cách mạng văn hóa của giai cấp tư sản, nhưng đã có tinh thần cách mạng và dũng khí đấu tranh dồi dào, nó đả kích tư tưởng phong kiến rất nặng. Trước khi chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào Trung-quốc, phong trào này vẫn có tác dụng truyền bá tư tưởng mới.

Người Trung-quốc được tiếp xúc với chủ nghĩa Mác trước nhất là Lý-Đại-Chiêu. Lúc cuối năm 1918, Lý-Đại-Chiêu tuyên truyền cho Cách mạng tháng Mười Nga, và tuyên bố một cách đầy tin tưởng: Thắng lợi của cách mạng Nga là thắng lợi của chủ nghĩa Bôn-sê-vích! Tức là lý luận đã chỉ đạo cho cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản được thắng lợi không phải gì khác, chính là chủ nghĩa Bôn-sê-vích—chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Đó là lời tuyên bố rất long trọng.

Lý-Đại-Chiêu đã vạch một cách sắc bén, kết quả của chiến tranh thế giới thứ nhất là chủ nghĩa tư bản thối nát, là thất bại của chủ nghĩa tư bản; là thắng lợi của nhân dân, là thắng lợi của "chủ nghĩa dân chủ". Thứ "chủ nghĩa dân chủ" đó là dân chủ kiểu mới của nhân dân đại chúng.

Lý-Đại-Chiêu luận học thuyết kinh tế và sử quan duy vật của Mác, cho rằng sử quan duy vật là lực lượng chỉ đạo để tìm phát triển xã hội từ trong bản thân của xã hội loài người, nó đem lại cho con người tinh thần chiến đấu. Lý-Đại-Chiêu thấy trước giai cấp công nhân Trung-quốc đã thức tỉnh và tỏ quyết tâm phục vụ phong trào công nhân cùng với những người mác-xít—lê-ni-nít khác.

Đồng thời trong hai năm 1918, 1919, báo "Thanh niên mới" có đăng nhiều bài về chủ nghĩa Mác, vấn đề Liên-xô và phong trào công nhân Trung-quốc. Dưới ánh sáng huy hoàng của Cách mạng tháng Mười, phần tử trí thức cách mạng bắt đầu thức tỉnh, và việc truyền bá chủ nghĩa Mác—Lê-nin ở Trung-quốc bắt đầu trở thành một trào lưu tự giác.

Phong trào văn hóa mới lúc mới bắt đầu, vẫn là phong trào cách mạng của mặt trận văn hóa thống nhất gồm ba bộ phận phần tử trí thức của chủ nghĩa cộng sản, của giai cấp tiểu tư sản và giai cấp tư sản. Trong mặt trận thống nhất, tư tưởng giai cấp vô sản với tư tưởng giai cấp tư sản đối chọi nhau. Khuynh hướng xã hội chủ nghĩa của "Thanh niên mới" và "Bình luận hàng tuần" làm cho giai cấp tư sản bất mãn. Trong tình trạng ảnh hưởng của tư tưởng giai cấp vô sản ngày càng lan rộng, cuộc đấu tranh kịch liệt đã xảy ra. Sau phong trào yêu nước Ngũ tứ không bao lâu, tháng 7 năm 1919, Hồ-Thích, thay mặt cho phái hữu của giai cấp tư sản viết bài bình luận "Cần nghiên cứu vấn đề nhiều hơn nói chủ nghĩa" đăng trên báo "Bình luận hàng tuần", ra mặt phản đối việc truyền bá chủ nghĩa Mác—Lê-nin ở Trung-quốc.

Lý-Đại-Chiêu cứng rắn chống lại luận điệu đó của Hồ-Thích, chỉ rõ chủ nghĩa là quan điểm, lý luận và phương pháp giải quyết vấn đề, không hiểu lý luận, thì không hiểu quy luật của sự vật, kết quả "vấn đề" cũng không thể nói được. Vấn đề Trung-quốc, trước hết cần phải có cách giải quyết căn bản, "cần phải có cách giải quyết căn bản, mới có thể giải quyết các vấn đề cụ thể". Chủ nghĩa nghiên cứu cách giải quyết vấn đề căn bản Trung-quốc là chủ nghĩa Mác—Lê-nin, chủ nghĩa chỉ đạo cách mạng Trung-quốc đúng đắn duy nhất.

Cuộc tranh luận về vấn đề và chủ nghĩa này là lần thứ nhất tư tưởng giai cấp vô sản đánh lại tư tưởng giai cấp tư

sản, nó đánh mạnh vào sự xuyên tạc và vu khống của giai cấp tư sản đối với chủ nghĩa Mác—Lê-nin, phê phán chủ nghĩa thực dụng—triết học phản động của giai cấp tư sản và chủ nghĩa cải lương của giai cấp tư sản trong thời đại đế quốc, mở rộng ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin ở Trung-quốc. Sau lần tranh luận này, một bộ phận trong giai cấp tư sản—phái hữu do Hồ-Thích thay mặt— đã đầu hàng và thỏa hiệp với phe phản động.

V—Phong trào công nhân Trung-quốc kết hợp với chủ nghĩa Mác—Lê-nin.

Để mở rộng phong trào tuyên truyền chủ nghĩa Mác—Lê-nin, tiến hành công tác tuyên truyền và tổ chức trong quần chúng công nhân, những người cộng sản Trung-quốc đã thành lập Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Thượng-hải và Bắc-kinh năm 1918 và 1919; và trên cơ sở đó các nơi trong nước đều lần lượt thành lập tiểu tổ cộng sản và Đoàn thanh niên xã hội chủ nghĩa. Tiểu tổ cộng sản Thượng-hải thành lập tháng 5 năm 1920, tiểu tổ Bắc-kinh thành lập tháng 9 năm ấy, còn tiểu tổ Quảng-châu thì lúc cuối năm. Thượng-hải, Bắc-kinh, Quảng-châu lúc đó đều là nơi chính trị, kinh tế và văn hóa phát đạt nhất trong nước. Tiếp theo đó ở các tỉnh Hồ-nam, Hồ-bắc và Sơn-đông cũng thành lập tiểu tổ cộng sản. Trong giới lưu học sinh Trung-quốc ở Nhật và Pháp cũng có xuất hiện thứ tổ chức ấy.

Dưới sự lãnh đạo của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác và các tiểu tổ cộng sản, phong trào tuyên truyền cho chủ nghĩa Mác—Lê-nin được mở rộng khắp nước. Tạp chí "Thanh niên mới" bắt đầu đăng có kế hoạch các thứ sách về chủ nghĩa cộng sản như "Tuyên ngôn đảng cộng sản" của Mác, "Chủ

nghĩa xã hội phát triển từ không tưởng đến khoa học" của Ăng-ghen v.v... ngoài ra còn đăng các sách giới thiệu lý luận xã hội chủ nghĩa như "Đấu tranh giai cấp", "Lịch sử xã hội chủ nghĩa" v.v... Ngày I tháng 5 năm 1920 tạp chí "Thanh niên mới" ra số đặc biệt kỷ niệm lễ Lao động quốc tế, đăng các bài nói về phong trào công nhân các nước trên thế giới, bài thảo luận về vấn đề nữ công nhân Hồ-nam ở nhà máy sợi Hậu-sinh Thượng-hải, và báo cáo về cuộc điều tra tình hình công nhân các nơi trong nước. Sau đó còn ra liên tiếp những bài "nghiên cứu về nước Nga". Sau khi tiểu tổ cộng sản Thượng-hải ra đời thì "Thanh niên mới" trở thành cơ quan ngôn luận của tiểu tổ. Tháng II năm 1920, tiểu tổ cộng sản Thượng-hải xuất bản nguyệt san "Đảng cộng sản" đăng những luận văn về chủ nghĩa Mác—Lê-nin, cách mạng Nga, Đảng cộng sản Nga và đảng cộng sản các nước.

Những người cộng sản Trung-quốc tiến hành công tác tuyên truyền và tổ chức trong quần chúng công nhân.

Tiểu tổ Bắc-kinh lấy đường sắt Bắc-kinh—Hán-khẩu làm trung tâm, mở trường công nhân học đêm và xuất bản báo nhỏ "Tiếng lao động". Ngày I tháng 5 năm 1920, quần chúng công nhân ở Trường-tân-điếm họp mít tinh biểu tình thị uy, cuộc mít tinh đã thông qua quyết nghị thành lập công đoàn. Sau đó công đoàn được tổ chức dưới tên gọi "Câu lạc bộ công nhân". Sự hoạt động của Trường-tân-điếm thúc đẩy phong trào công nhân các nơi miền bắc. Tiểu tổ cộng sản Thượng-hải lấy Tiểu-sa-độ ở phía tây thành phố làm khởi điểm, mở trường học công nhân, xuất bản báo nhỏ "Giới lao động". Báo ấy lấy công nhân làm đối tượng, lời văn rõ ràng dễ hiểu, và có tính cổ động mạnh mẽ. Nó giải thích kinh tế học và chủ nghĩa xã hội của Mác một cách phổ thông rất dễ hiểu. Những người cộng sản đi sâu vào quần chúng công nhân để tiến hành công tác tổ chức.

Trước nhất lập lưới thông tin công nhân trên báo "Giới lao động", làm cho công nhân với công nhân, hơn nữa là công nhân với những người cộng sản được liên lạc nhau. Công đoàn cơ khí được thành lập dưới sự lãnh đạo của tiểu tổ cộng sản Thượng-hải. Đó là sản vật của chủ nghĩa Mác kết hợp với phong trào công nhân. Về sau còn lập ra công đoàn ấn loát và công đoàn nhà máy sợi.

Trường-tân-điếm và Tiểu-sa-độ là nơi khởi điểm của phong trào công nhân do người cộng sản Trung-quốc gây ra. Tiếp theo đó tiểu tổ Quảng-châu thành lập trường học công nhân, xuất bản báo nhỏ "Tiếng lao động". Tiểu tổ Hồ-nam và các nơi khác cũng làm công tác tuyên truyền và tổ chức trong quần chúng công nhân.

Các công việc trên đây đã tăng cường sự thức tỉnh và lực lượng của giai cấp công nhân Trung-quốc, và chuẩn bị điều kiện thành lập Đảng cộng sản Trung-quốc về mặt tư tưởng cũng như tổ chức và cán bộ.

Thời gian ấy, đồng chí Mao-Trạch-Đông cũng mở rộng những hoạt động cách mạng ở Hồ-nam. Năm 1917, đồng chí học trường sư phạm thứ nhất ở Hồ-nam, và tổ chức một đoàn thể tuyên truyền văn hóa mới gọi là "Tân dân học hội". Năm sau đồng chí đến Bắc-kinh và công tác ở thư viện trường Đại học Bắc-kinh. Vì đồng chí chú ý nghiên cứu lý luận chính trị nên tiếp thu chủ nghĩa Mác rất nhanh, và trở thành người trí thức có tư tưởng cộng sản sơ bộ.

Sau khi phong trào Ngũ tứ bùng nổ, đồng chí Mao-Trạch-Đông tích cực lãnh đạo cuộc đấu tranh chống đế quốc ở Trường-sa (Hồ-nam). Người lập ra báo "Bình luận sông Tương", tuyên truyền chống đế quốc, chống phong kiến, quân phiệt, đề xướng dân chủ và văn hóa. Tờ báo này ảnh hưởng khắp các tỉnh miền nam Trung-quốc. Đồng thời Người còn tổ chức học

sinh và phần tử trí thức cách mạng để tích cực đấu tranh đuổi quân phiệt ra khỏi Hồ-nam.

Năm 1920, đồng chí Mao-Trạch-Đông tổ chức Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Hồ-nam, và thành lập Đoàn thanh niên xã hội chủ nghĩa, lãnh đạo các tổ chức đó bắt đầu vận động công nhân, kết hợp chủ nghĩa Mác—Lê-nin với phong trào công nhân.

Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Mao-Trạch-Đông, tỉnh Hồ-nam đã chuẩn bị đầy đủ cơ sở vững chắc để thành lập Đảng cộng sản về mặt tư tưởng, tổ chức cũng như cán bộ.

CHƯƠNG II

ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG-QUỐC RA ĐỜI, PHONG TRÀO CÔNG NHÂN ĐƯỢC PHÁT TRIỂN.

(7-1921—12-1923)

I—Hoàn cảnh quốc tế từ năm 1921 đến 1923, hội nghị Hoa-thịnh-đốn và hiệp nghị chia cắt Trung-quốc giữa các nước đế quốc.

Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, Mỹ đã thu được nhiều quyền lợi đặc biệt. Mỹ đợi các nước tham chiến khác đã kiệt sức mới nhảy vào, vì thế Mỹ chiếm ưu thế về lực lượng quân sự cũng như lực lượng kinh tế. Vì Mỹ và các nước tham chiến khác đều cần nhiều quân bị, một thị trường to lớn đã nảy nở và chuẩn bị điều kiện cho công nghiệp Mỹ mở rộng trong thời kỳ chiến tranh cũng như sau chiến tranh. Lực lượng kinh tế và nhân lực của các nước đế quốc châu Âu trong thời kỳ chiến tranh đã bị phá hoại nặng nề, còn Mỹ thì không bị tai hại chiến tranh. Chiến tranh đã làm cho Mỹ phát tài to, và nhiều nước khác bị cùng khốn. Đó là nhân tố quan trọng làm cho kinh tế Mỹ sau chiến tranh càng lớn mạnh.

Do đó, đòn cân lực lượng giữa các nước đế quốc đã có sự thay đổi lớn lao. Năm 1913, sản lượng thép của Mỹ bằng 40% tổng sản lượng của thế giới tư bản, về sau tiếp tục tăng lên, đến năm 1929 bằng 50%. Nước Mỹ nhanh chóng trở thành nước lãnh đạo công nghiệp và minh chúa của thế giới tư bản. Sau chiến tranh, nước Mỹ dựa vào lực lượng kinh tế của mình để mở rộng phạm vi thế lực, do đó Trung-quốc ở phương đông đã trở thành mồi ngon của Mỹ.

Sau chiến tranh, mâu thuẫn căn bản của đế quốc ở phương đông là mâu thuẫn giữa Mỹ và Nhật. Ở Hòa hội Pa-ri Mỹ đã không làm yếu bớt địa vị lũng đoạn của Nhật ở Trung-quốc, trái lại còn thừa nhận quyền lợi đặc biệt của Nhật, vì thế mâu thuẫn giữa Mỹ và Nhật đã không dịu bớt, lại còn sâu sắc thêm.

Sau chiến tranh, thị trường Viễn-đông của Anh bị Nhật xâm đoạt, Anh phải gặp trở ngại trong việc phát triển về phương đông, do đó mâu thuẫn giữa Anh và Nhật cũng gay gắt.

Quan hệ quốc tế đó, lấy vấn đề Trung-quốc làm trọng tâm, càng làm cho Anh, Mỹ gần gũi nhau hơn, và trở thành cuộc đấu tranh giữa Anh, Mỹ với Nhật.

Cuộc đấu tranh giữa các đế quốc biểu hiện trước nhất là trong việc thi đua quân bị. Ba nước Anh, Mỹ và Nhật đều tích cực mở rộng hải quân, đặc biệt là hạm đội Thái-bình-dương, chuẩn bị chiến tranh đế quốc mới.

Cuộc đấu tranh ấy còn biểu hiện trong chiến tranh quân phiệt ở Trung-quốc. Để mở rộng và củng cố thế lực của mình, các nước đế quốc đều ra sức tìm tay sai trong các nhóm quân phiệt Trung-quốc, và bọn quân phiệt muốn gìn giữ và mở mang phạm vi thế lực của mình, tất nhiên cũng phải dựa vào đế quốc. Vì thế, trong số quân phiệt Bắc-dương, phái Trực-lệ (Hà-bắc) của bọn Tào-Côn, Ngô-Bội-Phu v . v . . . trở thành công cụ

của đế quốc Anh, Mỹ, còn phái An-huy của Đoàn-Kỳ-Thụy, phái Phụng-thiên (Liêu-ninh) của Trương-Tác-Lâm đều trở thành công cụ của đế quốc Nhật. Quân phiệt khác phái đều chống báng nhau kịch liệt. Các cuộc chiến tranh giữa phái Trực-lệ và An-huy lúc tháng 7 năm 1920, giữa phái Trực-lệ và Phụng-thiên tháng 4 năm 1922 và tháng 9 năm 1924 đều phản ánh mối xung đột giữa Anh, Mỹ và Nhật. Sự thắng bại của các phái quân phiệt đó cũng có ý nghĩa thắng bại giữa quyền lợi các nước Anh, Mỹ và Nhật.

Để lật đổ Nhật trong vấn đề Viễn-đông, tháng II năm 1921, Anh, Mỹ triệu tập hội nghị 9 nước (Mỹ, Anh, Nhật, Pháp, Ý, Bỉ, Trung-quốc, Bồ-đào-nha và Hà-lan) ở Hoa-thịnh-đốn và ký kết Công ước 9 nước. Về vấn đề quân bị, hội nghị này quyết định tỷ lệ trọng tải của hải quân Mỹ, Anh và Nhật là 5 : 5 : 3, còn về vấn đề Trung-quốc thì xác định nguyên tắc mở cửa. Vì điều kiện Anh, Mỹ thừa nhận đặc quyền của Nhật ở Trung-quốc nên bọn chúng mới đi đến thỏa thuận đó. Thế là chúng đã biến tình trạng đế quốc Nhật độc chiếm Trung-quốc thành tình trạng nhiều nước xâu xé như lúc trước. Cục diện mới đó chuẩn bị điều kiện cho đế quốc Mỹ độc chiếm. Hội nghị Hoa-thịnh-đốn là hội nghị đế quốc phân chia Trung-quốc.

Trước và sau hội nghị Hoa-thịnh-đốn, các báo "Thanh niên mới", "Đảng cộng sản", "Tiền phong" v.v... của những người cộng sản đều lấy vấn đề Trung-quốc làm trọng tâm bình luận và phân tích đặc điểm tình hình quốc tế, sau chiến tranh thế giới thứ nhất, vạch rõ lần hội nghị này là hội nghị chia của giữa đế quốc, và nguy cơ chia cắt Trung-quốc do ba đế quốc Mỹ, Anh và Nhật đã bắt tay nhau, đồng thời cũng chỉ rõ nhiệm vụ chính trị của nhân dân Trung-quốc là liên hiệp lại, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc và chính phủ quân phiệt.

II — Nguyên tắc tổ chức do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng cộng sản Trung-quốc quy định. Đường lối cương lĩnh do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng cộng sản Trung-quốc quy định.

Dưới sự giúp đỡ của Quốc tế cộng sản, ngày 1 tháng 7 năm 1921, các tiểu tổ cộng sản trong nước bầu 12 đại biểu đến dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng cộng sản Trung-quốc ở Thượng-hải. Trong số đại biểu có Mao-Trạch-Đông, Đổng-Tất-Vũ, Hà-Thúc-Hành, Trần-Đàm-Thu v.v... thay mặt cho 57 đảng viên. Đại hội đại biểu lần thứ nhất thông qua điều lệ Đảng, bầu cơ quan lãnh đạo Đảng và chính thức thành lập Đảng cộng sản Trung-quốc.

Đảng cộng sản Trung-quốc là một chính đảng kiểu Bôn-sê-vích, tức là chính đảng cách mạng kiểu mới. Đảng là bộ đội giác ngộ và tiền tiến của giai cấp công nhân, là bộ đội của chủ nghĩa Mác. Đảng là bộ đội có tổ chức của giai cấp công nhân, toàn thể đảng viên tổ chức thành một đội ngũ có ý chí thống nhất, hành động thống nhất và kỷ luật thống nhất. Đảng là hình thức tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, nó lãnh đạo tất cả các tổ chức khác của giai cấp công nhân.

Điều kiện chủ yếu để cấu thành chính đảng đó là phải giữ vững tiêu chuẩn đảng viên cộng sản, nâng lập trường, tư tưởng đảng viên đến cao độ, thu hút vào đảng các phần tử ưu tú nhất, tiến bộ nhất và cách mạng nhất trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Đảng phải thật sự là bộ đội thống nhất của giai cấp công nhân, vì thế cần phải tự vũ trang bằng lý luận cách mạng, bằng

trí thức về quy luật phát triển xã hội và trí thức về quy luật phát triển cách mạng. Đảng phải giữ vững sự thống nhất về tư tưởng Mác—Lê-nin trong nội bộ Đảng, và vận dụng lý luận đó trong mọi điều kiện đấu tranh giai cấp. Do đó, Đảng phải đấu tranh không nhân nhượng với mọi thứ chủ nghĩa cơ hội trọng hàng ngũ Đảng.

Sở dĩ việc xây dựng Đảng ta có sẵn đặc điểm đó, trước hết là vì Đảng ta ra đời sau Cách mạng tháng Mười xã hội chủ nghĩa, nên có một khuôn sẵn để noi theo, hơn nữa còn được sự chỉ đạo và giúp đỡ của Quốc tế cộng sản. Sau đó là Trung-quốc không có thời kỳ phát triển "hòa bình" của chủ nghĩa tư bản như ở châu Âu, không cho phép giai cấp công nhân đấu tranh theo lối hòa bình ở quốc hội, và cũng không có tầng lớp công nhân quý tộc như ở châu Âu, nên chủ nghĩa cải lương xã hội không có cơ sở xã hội ở Trung-quốc. Do đó, việc xây dựng Đảng cộng sản Trung-quốc mới bắt đầu liền hấp thu truyền thống tốt đẹp của Đảng Bôn-sê-vích, và không có truyền thống chủ nghĩa cải lương xã hội. Đó là đặc điểm ra đời lớn nhất của Đảng ta. Thành tích của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng là đặt cơ sở cho nguyên tắc tổ chức chính xác của Đảng.

Nhưng vì Trung-quốc là một nước nửa thuộc địa, giai cấp tiểu tư sản rất đông, nên về sau giai cấp tiểu tư sản và thành phần xuất thân nông dân chiếm đa số trong Đảng. Hoặc nhiều hoặc ít, họ đã mang tư tưởng tiểu tư sản vào Đảng. Đó là nguồn gốc xã hội của chủ nghĩa cơ hội "tả" hữu khuynh trong Đảng. Vì vậy, dùng tư tưởng chủ nghĩa Mác—Lê-nin để cải tạo mọi tư tưởng phi vô sản trong Đảng, nâng cao mức tư tưởng toàn Đảng, là một nhiệm vụ chủ yếu để xây dựng Đảng cộng sản Trung-quốc.

Đại hội đại biểu Đảng lần thứ nhất đã phản đối hai thứ sai lầm. Một là quan điểm chủ nghĩa Mác hợp pháp hữu khuynh.

Thứ quan điểm đó muốn biến Đảng thành một cơ quan học thuật để nghiên cứu chủ nghĩa Mác của phần tử trí thức, cho rằng, ở Trung-quốc, những người mác-xít chỉ có thể mở trường học, ra báo chí để tuyên truyền và tham gia đấu tranh ở nghị trường, chứ không nên có những tổ chức chặt chẽ để vận động công nhân. Một thứ nữa là quan điểm chủ nghĩa mạo hiểm "tả" khuynh. Thứ quan điểm này cho rằng mục tiêu đấu tranh trực tiếp của Đảng là nền chuyên chính của giai cấp vô sản, chống tham gia phong trào dân chủ của giai cấp tư sản, chống hoạt động hợp pháp, phản đối phần tử trí thức tham gia Đảng.

Trần-Độc-Tú không có tham gia Đại hội lần này. Trước khi chủ nghĩa Mác được truyền bá ở Trung-quốc, Trần-Độc-Tú là một phần tử dân chủ cấp tiến, về sau ông ta đã trở thành người tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội và người đề xướng Đảng có ảnh hưởng rất lớn. Đại hội đại biểu Đảng lần thứ nhất bầu Trần-Độc-Tú đảm nhiệm công tác lãnh đạo Trung ương Đảng. Nhưng Trần-Độc-Tú không phải là người mác-xít tốt. Trần-Độc-Tú đã từng tuyên truyền triết học Mác ở Trung-quốc, nhưng trong tư tưởng ông ta còn có chủ nghĩa duy tâm của giai cấp tư sản rất sâu sắc. Ông ta đã từng cho rằng triết học Mác với chủ nghĩa thực dụng triết học phản động của giai cấp tư sản là "hai phương pháp tư tưởng cận đại trọng yếu nhất", vì thế ông ta chủ trương kết hợp hai thứ triết học căn bản đã đối chọi nhau đó thành một trận tuyến thống nhất. Trần-Độc-Tú cho rằng khoa học mác-xít chỉ có thể nói rõ hiện tượng xã hội, chứ không thể nói rõ bản chất của hiện tượng, vì thế không có lối ra. Trần-Độc-Tú đã từng tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội Trung-quốc, nhưng Trung-quốc làm thế nào tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa? Ban đầu ông ta cho rằng trong bước thứ nhất Trung-quốc có thể trực tiếp thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa, đã lẫn lộn tính phân chia giai đoạn của cách mạng

Trung-quốc, về sau lại cho rằng cách mạng Trung-quốc phải trải qua hai giai đoạn như sau: giai đoạn thứ nhất là cách mạng dân chủ do giai cấp tư sản lãnh đạo, giai đoạn thứ hai là cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Những quan điểm sai lầm đó của Trần-Độc-Tú, trong thời gian cách mạng từ 1924 đến 1927, đã phát triển thành sai lầm trong đường lối lãnh đạo của Đảng. Trần-Độc-Tú không có một hiểu biết thống nhất và toàn vẹn về lý luận mác-xít lê-ni-nít và thực tiễn cách mạng Trung-quốc.

Sau khi Đảng cộng sản Trung-quốc ra đời, vấn đề xây dựng một chính đảng kiểu mới là vấn đề mà đồng chí Mao-Trạch-Đông quan tâm nhất.

Sau Đại hội đại biểu lần thứ nhất, đồng chí Mao-Trạch-Đông được phái trở về Hồ-nam lãnh nhiệm vụ bí thư Ban chấp hành đảng ủy khu Hồ-nam, một mặt chọn lọc kỹ càng những phần tử tiền tiến trong các tổ chức cách mạng và Đoàn thanh niên xã hội chủ nghĩa đã có sẵn để thu hút vào Đảng, một mặt mở rộng phong trào công nhân, và phát triển đảng viên trong số công nhân tiến bộ.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông rất coi trọng công tác tư tưởng trong Đảng. Tháng 8 năm 1921, đồng chí mở trường "Đại học tự tu" và ra nguyệt san "Thời đại mới" để nâng cao trình độ chính trị và tư tưởng của đảng viên và đoàn viên, làm cho họ nắm vững chủ nghĩa Mác—Lê-nin, và để giáo dục chủ nghĩa cộng sản cho quần chúng.

Ảnh hưởng của trường "Đại học tự tu" lan rộng đến các nơi khác như Bắc-kinh, Thượng-hải v.v... được nhiều báo chí tiến bộ trong nước giới thiệu và ủng hộ.

Sau ngày thành lập Đảng cộng sản Trung-quốc thì tình hình cách mạng Trung-quốc căn bản đã đổi mới.

Tháng 1 năm 1922, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê-nin, Quốc tế cộng sản mở Đại hội đại biểu lần thứ nhất của đảng cộng sản và đoàn thể cách mạng dân tộc các nước Viễn-đông ở Mát-scơ-va. Đảng cộng sản Trung-quốc phái đại biểu đến tham gia Đại hội.

Đại hội lần này vạch rõ tính chất đế quốc của hội nghị Hoa-thịnh-đốn, chỉ rõ chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phong kiến là kẻ địch trước mắt lớn nhất của Trung-quốc và các dân tộc bị áp bức ở phương đông, chỉ rõ sự cần thiết phải thành lập khối liên minh giữa các dân tộc bị áp bức và những người vô sản phương tây, do đó, nhiệm vụ của Trung-quốc và các dân tộc bị áp bức ở phương đông là làm cách mạng dân chủ dân tộc chống đế quốc và phong kiến, dưới sự giúp đỡ của giai cấp vô sản Nga và phương tây.

Đại hội lần này đối với Đảng cộng sản Trung-quốc thật quan trọng. Là vì sau khi thành lập, Đảng đã quy định mục đích cuối cùng của mình là xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa ở Trung-quốc, nhưng không rõ làm thế nào đề đi đến mục đích ấy. Theo chủ nghĩa Lê-nin, các nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến muốn đi đến xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, thì nhiệm vụ trước mắt của họ là phải làm cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến.

Sau khi trở về nước, các đại biểu của Đảng cộng sản Trung-quốc liền tham gia Đại hội đại biểu Đảng lần thứ hai. Đại hội căn cứ theo chủ nghĩa Lê-nin về cách mạng thuộc địa và nửa thuộc địa thảo ra cương lĩnh cao nhất và cương lĩnh thấp nhất cho Đảng.

Tháng 7 năm 1922, Đảng triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai ở Thượng-hải. Tham gia Đại hội có 12 người, đại biểu cho 123 đảng viên.

Đại hội lần này dùng lý luận mác-xít lê-ni-nít để giải quyết đúng đắn vấn đề cương lĩnh cách mạng Trung-quốc. Tuyên ngôn của Đại hội đã đọc là kết luận và nhận xét của Đảng về vấn đề cách mạng Trung-quốc.

Bản tuyên ngôn gồm có ba phần. Phần thứ nhất trước hết phân tích chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc chắc chắn sẽ dựa vào thị trường thuộc địa, mà Trung-quốc đã bị xâm lược 80 năm, nên đã trở thành nơi thực dân chung và to lớn nhất của bọn chúng; phân tích tính chất đế quốc của Hòa hội Pa-ri và hội nghị Hoa-thịnh-đốn, đặc biệt là cục diện mới của phe đế quốc đã tạo ra ở Trung-quốc sau hội nghị Hoa-thịnh-đốn, tức là cục diện đế quốc câu kết để xâm lược. Bản tuyên ngôn phân tích hai mặt trận đối lập sau chiến tranh, một là mặt trận đế quốc, tức là mặt trận phản cách mạng của đế quốc rắp tâm câu kết nhau để xâu xé giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức, một nữa là mặt trận liên hiệp của cách mạng vô sản và cách mạng dân tộc, mặt trận cách mạng này nhất định sẽ đưa chủ nghĩa đế quốc xuống mồ.

Phần thứ hai của bản tuyên ngôn phân tích tính chất của xã hội Trung-quốc, tính chất của cách mạng Trung-quốc và động lực cách mạng Trung-quốc. Xã hội Trung-quốc là một xã hội nửa thuộc địa, nửa phong kiến, cách mạng trước mắt của xã hội đó là cách mạng dân chủ, dân tộc chống đế quốc và phong kiến, động lực cách mạng gồm có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc cũng là một lực lượng cách mạng.

Phần thứ ba của bản tuyên ngôn quy định cương lĩnh cao nhất và cương lĩnh thấp nhất của Đảng. Đó là vấn đề trọng tâm đã thảo luận trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai. Bản tuyên ngôn chỉ rõ: "Đảng cộng sản Trung-quốc là chính đảng

của giai cấp vô sản Trung-quốc. Mục đích của nó là phải tổ chức giai cấp vô sản, dùng đấu tranh giai cấp xây dựng nền chính trị chuyên chính lao nông, bãi bỏ chế độ tư hữu tài sản, dần dần đi đến xã hôi cộng sản chủ nghĩa." Đó là cương lĩnh cao nhất của Đảng. Nghĩa là chỉ có khi nào xây dựng được xã hội cộng sản chủ nghĩa thì nhân dân Trung-quốc mới được hoàn toàn giải phóng. Đồng thời bản tuyên ngôn cũng chỉ rõ, trong điều kiện lịch sử hiện tại, nhiệm vụ đấu tranh cách mạng cơ bản của nhân dân Trung-quốc là: "(1) Dẹp nội loạn, đánh đổ quân phiệt, xây dựng hòa bình trong nước; (2) Lật đổ áp bức của chủ nghĩa đế quốc quốc tế, làm cho dân tộc Trung-hoa được độc lập hoàn toàn; (3) Thống nhất Trung-quốc... thành một nước cộng hòa dân chủ chân chính." Đó là cương lĩnh thấp nhất của Đảng. Đảng đã đề ra chính cương dân chủ cách mạng chân chính trước nhân dân Trung-quốc.

Đả đảo đế quốc! Đả đảo quân phiệt phong kiến! Thành lập nước cộng hòa dân chủ!—Đó là khẩu hiệu cơ bản của cách mạng dân chủ Trung-quốc. Từ chiến tranh Nha phiến đến phong trào Ngũ tứ, cách mạng Trung-quốc đã trải qua biết bao cuộc đấu tranh, nhưng các nhà lãnh đạo cách mạng đều không nhận định nổi nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Trung-quốc là phản phong, phản đế. Các khẩu hiệu trên đây do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng đề ra, để làm đường lối chính trị cơ bản của Đảng, và cương lĩnh hành động cơ bản cho cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Trung-quốc. Như thế đã nói rõ, Đảng cộng sản Trung-quốc là người lãnh đạo cách mạng Trung-quốc sáng suốt, có thể đưa cách mạng đến thành công.

Cương lĩnh cách mạng dân chủ đó căn bản khác hẳn cương lĩnh chủ nghĩa cải lương của giai cấp tư sản, vì thế nó cũng là mục tiêu phản đối của phái cải lương trong giai cấp tư sản.

Khi Đảng cộng sản Trung-quốc mới đưa ra khẩu hiệu phản đế đó, Hồ-Thích liền lên tiếng: "Lối quan sát đó không khác nào người nhà quê mà nói chuyện bể khơi, hầu như hoàn toàn không căn cứ trên sự thật". Hồ-Thích đã biện hộ cho đế quốc một cách trắng trợn, y nói Mỹ và các đế quốc khác đều hy vọng Trung-quốc được "hòa bình và thống nhất", hội nghị Hoa-thịnh-đốn là Mỹ "giúp đỡ Trung-quốc", Đoàn ngân hàng mới do Mỹ tổ chức không có "ác ý" gì đối với Trung-quốc, đế quốc đầu tư vào Trung-quốc là việc có "lợi" cho Trung-quốc v.v... Hồ-Thích đã tiến hành cuộc tuyên truyền vũ đoán trước nhân dân Trung-quốc, y nói "hiện nay Trung-quốc không còn nguy cơ xâm lược lớn lao của nước ngoài", vì thế y phản đối báo chí nói đến "vấn đề chủ nghĩa đế quốc quốc tế gì đó". Hồ-Thích còn nói vấn đề dân chủ của Trung-quốc không có quan hệ gì với vấn đề chủ nghĩa đế quốc quốc tế cả, như thế là y đã lộ chân tướng trung thành với đế quốc.

Đối với vấn đề dân chủ, những người theo chủ nghĩa cải lương của giai cấp tư sản chủ trương dùng các phương thức quốc hội, tổng thống, hiến pháp, chính phủ người tốt, liên tỉnh tự trị v.v... để giải quyết. Bọn họ mong muốn thành lập chế độ nghị hội trong chính phủ quân phiệt. Ở chính phủ Trung ương Bắc-kinh thì do phái cải lương tổ chức nội các (chính phủ người tốt) để xúc tiến hòa giải giữa Nam và Bắc, hầu khôi phục quốc hội, lập ra hiến pháp; còn ở chính phủ địa phương thì bọn họ cho rằng Trung-quốc không thích hợp với cái gọi là "chế độ chính trị đơn nhất", nên họ chủ trương tự trị liên tỉnh. Theo họ, cần phải mở rộng quyền hạn của nghị hội địa phương, nếu nghị hội địa phương có quyền lực thì có thể ngăn chặn được quân phiệt.

Theo các chủ trương chính trị đó, phái cải lương trong giai cấp tư sản mong muốn giành lấy một phần chính quyền trong

chính phủ quân phiệt, thậm chí họ còn có ảo tưởng "tư sản hóa" cả bọn địa chủ, quan liêu và quân phiệt. Thứ chủ trương chính trị đó không hề đả động đến nền thống trị phản động của bọn quân phiệt phong kiến, kết quả là những cái gọi là quốc hội, tổng thống, hiến pháp, chính phủ người tốt không thể không trở thành công cụ của quân phiệt trung ương, còn tự trị liên tỉnh thì thành ra nguyên nhân để cho quân phiệt địa phương cãi vã và xung đột lẫn nhau. Quân phiệt nào muốn mở rộng lực lượng thống trị thì chủ trương thống nhất vũ lực, hoặc chủ trương thành lập chính phủ trung ương có đủ sức mạnh, quân phiệt nào muốn giữ vững địa bàn sẵn có thì chủ trương tự trị liên tỉnh. Vì thế, dưới chế độ quân phiệt, chính phủ trung ương không thoát khỏi sự chuyên quyền của quân phiệt, chính phủ địa phương cũng không thoát khỏi chuyên quyền của quân phiệt.

Lối ra của chính trị Trung-quốc ở đâu? Ở chỗ tiến hành triệt để cách mạng dân chủ. Muốn cho cách mạng đó được thắng lợi, Trung-quốc phải có một đảng cách mạng mạnh mẽ, trước nhất là chính đảng của giai cấp công nhân, và do đảng đó lãnh đạo quần chúng nhân dân toàn quốc thực hiện thống nhất cách mạng.

Vì thế, Đảng cộng sản Trung-quốc phê phán những sai lầm chủ nghĩa cải lương của giai cấp tư sản lúc bấy giờ, và vạch rõ nguyên nhân thất bại trong bao nhiêu lần cách mạng của phái dân chủ Quốc dân đảng, căn bản là tại cách mạng của họ không được triệt để. Đảng hiệu triệu các phái dân chủ trong nước thành lập mặt trận thống nhất, trên cơ sở cương lĩnh cách mạng dân chủ, để đấu tranh chống đế quốc và quân phiệt phong kiến.

Nếu nói thành tích của Đại hội Đảng lần thứ nhất là đặt nền tảng cho nguyên tắc tổ chức Đảng, thì thành tích của Đại

hội Đảng lần thứ hai là đặt nền móng cho đường lối cương lĩnh Đảng. Nhưng Đại hội thứ hai cũng có khuyết điểm của nó, tức là khuyết điểm về vấn đề quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản. Mặc dầu Đại hội có chỉ rõ giai cấp vô sản sau rốt sẽ trở thành lãnh tụ cách mạng, nhưng lại không nêu rõ cách mạng dân chủ tư sản của Trung-quốc phải do giai cấp vô sản lãnh đạo, mà cho rằng nhiệm vụ của Đảng chỉ là "dẫn dắt công nhân giúp đỡ phong trào cách mạng dân chủ". Như thế, thực chất là đã hạ giai cấp vô sản từ địa vị người lãnh đạo cách mạng dân chủ xuống địa vị người giúp đỡ giai cấp tư sản.Quan hệ chặt chẽ với điểm đó là không nêu ra yêu cầu chính quyền của công nhân và nông dân và yêu cầu ruộng đất của nông dân, mà cho rằng sau khi cách mạng thành công, công nhân và nông dân chỉ giành được "một ít quyền lợi tự do". Như thế là không thấy rõ, thành lập nền chuyên chính dân chủ nhân dân trên cơ sở công nông liên minh do giai cấp công nhân lãnh đạo ở Trung-quốc không những là có thể và tuyệt đối cần thiết, mà còn là con đường duy nhất để tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Giữa nó không thể xen vào một thứ chuyên chính của giai cấp tư sản. Về sau, trong công tác lãnh đạo cách mạng của Đảng từ 1924 đến 1927, khuyết điểm này bị tập đoàn cơ hội hữu khuynh của Trần-Độc-Tú phát triển thành sai lầm nghiêm trọng về đường lối, làm cho cách mạng phải thất bại.

Đại hội đại biểu Đảng lần thứ hai thông qua quyết nghị tham gia Quốc tế cộng sản, và quyết định xuất bản tuần báo "Hướng đạo", báo cơ quan Trung ương của Đảng. Báo "Hướng đạo" ra từ tháng 9 năm 1922, có tác dụng lớn lao trong việc tuyên truyền cho mặt trận cách mạng thống nhất và tuyên truyền tư tưởng chống đế quốc, chống phong kiến.

III— Cao trào của phong trào công nhân Trung-quốc. Phong trào công nhân ở Hồ-nam. Cuộc bãi công chính trị lớn của công nhân đường sắt Kinh—Hán.

Đảng cộng sản Trung-quốc mới thành lập đã coi phong trào công nhân như công tác trung tâm của mình. Tháng 7 năm 1921, sau Đại hội đại biểu Đảng lần thứ nhất, Đảng lập ra "Ban bí thư các tổ chức lao động Trung-quốc" để làm cơ quan lãnh đạo phong trào công nhân. Công tác chính của cơ quan này là: xuất bản báo chí công nhân, mở trường học đêm cho công nhân, tổ chức câu lạc bộ công nhân, lãnh đạo công nhân đấu tranh. Nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và do yêu cầu cách mạng của công nhân, nên cao trào bãi công lần thứ nhất đã xuất hiện, từ tháng 1 năm 1922 đến tháng 2 năm 1923. Cao trào đó bắt đầu từ cuộc bãi công lớn của thủy thủ Hương-cảng tháng 1 năm 1922, đến cuộc bãi công chính trị lớn lao của công nhân đường sắt Kinh—Hán tháng 2 năm 1923 là điểm tột. Các cuộc bãi công liên tiếp và kéo dài đến 13 tháng, kể cả lớn nhỏ có hơn 100 lần, và hơn 30 vạn công nhân tham gia bãi công. Phần nhiều các cuộc bãi công đều đi đến thắng lợi hoàn toàn. Sau các cuộc bãi công thắng lợi, công nhân đều tấp nập tham gia công đoàn dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phong trào công nhân và các tổ chức công nhân đều được phát triển nhanh chóng, tác dụng trọng yếu của giai cấp công nhân trong đời sống kinh tế và chính trị Trung-quốc đã biểu hiện rõ rệt.

Ngày 12 tháng 1 năm 1922 thủy thủ ở Hương-cảng bãi công phản đối bọn tư bản nước ngoài.

Thủy thủ Trung-quốc chịu nhiều tầng áp bức, tiền công đã rẻ mạt, không đủ nuôi sống công nhân, người đầu công còn câu

kết với chủ, lãnh việc giới thiệu thủy thủ để bóc lột thêm. Chế độ tiền công cũng không bình đẳng, tiền công của thủy thủ Trung-quốc chỉ bằng một phần năm tiền công của thủy thủ nước ngoài. Thêm vào đó còn có sự bất bình đẳng về mặt chính trị nữa. Thủy thủ Trung-quốc được giác ngộ giai cấp tương đối sớm, lại được kích thích vì trào lưu cách mạng thế giới đang rầm rộ sau chiến tranh, nên đứng lên bãi công đòi tăng lương và đòi công đoàn được quyền giới thiệu việc làm cho công nhân. Số thủy thủ và công nhân vận tải tham gia cuộc bãi công này trước sau có đến hơn 3 vạn người. Bãi công lần này do Liên hiệp công đoàn thủy thủ lãnh đạo. Sau khi cuộc bãi công xảy ra, thì trước hết là công nhân vận tải bãi công hưởng ứng, rồi tiếp theo đó là toàn thể công nhân ở Hương-cảng tổng bãi công. Bãi công lần này còn được công nhân toàn quốc ủng hộ nữa. Chính phủ Hương-cảng đã dùng mọi biện pháp như uy hiếp, dụ dỗ, điều giải, chia rẽ, mộ phu mới v.v... để phá hoại, nhưng bao nhiêu âm mưu của chúng đều bị công nhân bãi công phá vỡ. Sách lược đấu tranh trung tâm của thủy thủ trong cuộc bãi công này là phong tỏa Hương-cảng. Hương-cảng là một đảo lẻ loi, sản vật tại chỗ không thể cung cấp đủ cho nhu cầu của nhân dân trong thành phố. Tất cả lương thực và một bộ phận vật dùng hàng ngày đều do từ trong đất liền tỉnh Quảng-đông chở đến. Thủy thủ bãi công làm gián đoạn đường giao thông giữa Hương-cảng và tỉnh Quảng-đông. Do đó giá sinh hoạt ở Hương-cảng nhảy vọt lên, giá gạo tăng hơn 60%, giá thịt tăng từ 20 đến 30%. Phong tỏa Hương-cảng, thì lương thực trong đất liền không thể chở đến để cung cấp được, lương thực và thực phẩm khác ở Hương-cảng bị khủng hoảng nghiêm trọng.

Cuộc đấu tranh của công nhân ở Hương-cảng làm cho đế quốc Anh phải khuất phục, ngày 6 tháng 3 nhà đương cục

Hương-cảng phải thủ tiêu lệnh đóng cửa công đoàn thủy thủ, thả công nhân bị bắt và tăng lương từ 15 đến 30%. Ngày 8 tháng 3 cuộc bãi công kết thúc thắng lợi. Cuộc bãi công này là lần đầu tiên từ hơn 100 năm, nhân dân Trung-quốc dựa vào sức mạnh của mình đã đấu tranh chống đế quốc thắng lợi, đồng thời nó cũng chứng tỏ giai cấp công nhân Trung-quốc là đội tiền phong kiên quyết nhất của nhân dân Trung-quốc trong đấu tranh chống đế quốc.

Cuộc bãi công của thủy thủ ở Hương-cảng được thắng lợi có ảnh hưởng rất lớn đối với phong trào đấu tranh của công nhân khắp nơi trong nước. Để đón tiếp cao trào bãi công, và tăng cường lãnh đạo công nhân, Đảng cộng sản Trung-quốc triệu tập Đại hội lao động toàn quốc lần đầu tiên ở Quảng-châu ngày 1 tháng 5 năm 1922. Có tất cả 162 đại biểu đến dự, thay mặt cho 12 thành thị, trên 100 công đoàn và 27 vạn đoàn viên. Tham gia Đại hội gồm có Đảng cộng sản, Quốc dân đảng, Đảng vô chính phủ v.v... và các đại biểu không đảng phái. Đại hội thảo luận các vấn đề công nhân tham gia cách mạng dân chủ, thành lập Tổng công đoàn toàn quốc để xóa bỏ quan niệm bang và hàng hội của các công đoàn địa phương, và giáo dục xã hội chủ nghĩa cho công nhân v. v... Đại hội thông qua các khẩu hiệu "Đả đảo đế quốc", "Đả đảo quân phiệt" của Đảng cộng sản đề ra, thông qua nghị quyết về chế độ ngày làm 8 giờ, viện trợ bãi công, và trước khi Tổng công đoàn toàn quốc được thành lập, thừa nhận Ban bí thư các tổ chức lao động như cơ quan tổng thông tin toàn quốc. Việc thông qua đó và cả quá trình của Đại hội đã nói rõ, các đại biểu tham gia Đại hội đều nhất trí thừa nhận Đảng cộng sản Trung-quốc là người lãnh đạo phong trào công nhân Trung-quốc. Đồng thời Đại hội lần này cũng nói rõ giai cấp công nhân Trung-quốc đã bắt đầu đi trên con đường đại

đoàn kết toàn quốc, do đó đã thúc đẩy mạnh làn sóng bãi công tiếp tục dâng lên.

Khắp nơi cuộc đấu tranh bằng hình thức bãi công đều bị đế quốc và quân phiệt đàn áp, công nhân càng cảm thấy sâu sắc tính quan trọng của tự do chính trị. Thế là dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đòi luật pháp lao động được mở rộng. Ban bí thư các tổ chức lao động thảo ra "Đại cương luật lao động" bảo đảm quyền lợi và tự do cho công nhân, nội dung gồm có 19 điều, thừa nhận tự do hội họp, lập đoàn thể, bãi công đồng minh của công nhân, thừa nhận quyền lập giao kèo của đoàn thể công nhân, thừa nhận chế độ ngày làm 8 giờ, bảo hộ nữ công và công nhân nhỏ, quy định tiền lương tối thiểu, thừa nhận liên hiệp công nhân quốc tế v.v... và yêu cầu quốc hội Bắc-kinh thông qua đề án đó. Đại cương luật lao động đó được các báo trong nước đăng và được tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng công nhân. Theo lời kêu gọi của Ban bí thư các tổ chức lao động, công nhân khắp nơi trong nước đều tham gia phong trào lập luật lao động. Dĩ nhiên là quốc hội do quân phiệt thao túng không thể cho công nhân được quyền tự do, không thể thông qua đề án luật lao động có lợi cho công nhân, nhưng 19 điều luật lao động ấy đã ăn sâu trong quần chúng công nhân, và trở thành cương lĩnh đấu tranh cho cao trào bãi công. Phong trào này đã dạy công nhân, muốn giành được tự do chính trị thì phải kiên quyết đấu tranh không thỏa hiệp.

Làn sóng bãi công tiếp tục dâng cao khắp nơi trong nước. Lúc đó Hồ-nam là một trong những tỉnh phong trào công nhân phát triển mạnh nhất. Năm 1921, sau Đại hội Đảng lần thứ nhất, đồng chí Mao-Trạch-Đông trở về Hồ-nam đảm nhận công tác lãnh đạo Đảng. Tháng 5 năm 1922, sau Đại hội lao động lần thứ nhất, Ban bí thư các tổ chức lao động từ Thượng-hải dời về Bắc-kinh, và lập ra nhiều phân ban ở các thành thị trung tâm

toàn quốc, đồng chí Mao-Trạch-Đông đảm nhận chức chủ nhiệm phân ban Hồ-nam. Đồng chí Mao-Trạch-Đông ra sức đẩy mạnh phong trào công nhân, lãnh đạo công nhân bãi công ở mỏ than Trường-sa, An-nguyên, và mỏ chì Thủy-khẩu v.v... Các đồng chí Mao-Trạch-Đông và Lưu-Thiếu-Kỳ v.v... đều đi sâu vào quần chúng công nhân, hiểu rõ nỗi khổ của công nhân và đứng trước tiền tuyến đấu tranh của họ.

Do đó, từ năm 1922 đến đầu năm 1923, phong trào công nhân Hồ-nam được lên cao, ăn nhịp với phong trào khắp nước. Các cuộc bãi công anh dũng được lan rộng khắp tỉnh, mỗi lần đấu tranh đều yêu cầu tăng lương và đòi hỏi quyền lợi chính trị. Trong các cuộc đấu tranh đó có cuộc bãi công lớn ở An-nguyên có ảnh hưởng to lớn nhất đối với Hồ-nam và cả phong trào công nhân trong nước.

Mỏ than An-nguyên thuộc huyện Bình-hương, tỉnh Giang-tây, lúc đó mỗi ngày có thể sản xuất hơn 2.000 tấn than, là nguồn cung cấp nhiên liệu cho mỏ sắt Đại-dã và nhà máy sắt Hán-dương. Công nhân hầm mỏ cộng với công nhân đường sắt Châu—Bình có ước hai vạn người.

Mỏ than An-nguyên là một xí nghiệp tư bản quan liêu do đế quốc Nhật khống chế. Quyền giám đốc thuộc về bọn quan liêu hủ bại, công việc trong xí nghiệp đều do bọn thầu khoán nước ngoài nắm lấy, còn quản lý thì theo lối phong kiến. Công nhân phải sống lây lất và rên siết dưới ba tầng áp bức của chủ nghĩa đế quốc, tư bản quan liêu và thế lực phong kiến. Vì thế một sức cách mạng tiềm tàng vô hạn đang nhen lên trong vùng mỏ An-nguyên.

Sau năm 1921, trước tiên Đảng mở trường công nhân, dạy chủ nghĩa Mác, rồi trên cơ sở đó thành lập công đoàn vào ngày 1 tháng 5 năm 1922, đồng thời cũng phát triển Đoàn thanh niên

xã hội chủ nghĩa trong công nhân và thu hút các đoàn viên ưu tú vào Đảng.

Vì nhà đương cục kéo dài thời hạn trả lương và chuẩn bị giải tán công đoàn, nên ngày 10 tháng 9 năm 1922, cuộc bãi công lớn nổ ra ở vùng mỏ An-nguyên và có tiếng vang khắp nước. Cuộc bãi công này nổ ra, một phần cũng nhờ ảnh hưởng của cuộc bãi công ở nhà máy sắt Hán-dương thắng lợi. Công nhân bãi công đòi tăng lương, cải thiện cách đối xử, và bảo đảm quyền lợi chính trị v.v...

Sau khi cuộc bãi công đã xảy ra, công nhân tổ chức đội củ soát để giữ trật tự trong hầm mỏ. Bọn quân phiệt Giang-tây cho quân đội đến đàn áp. Đảng đã động viên công nhân tuyên truyền cho quân lính đồng tình cuộc bãi công và không bắn vào công nhân. Nhà đương cục âm mưu mượn tiếng "đàm phán" để bắt đồng chí Lưu-Thiếu-Kỳ là người lãnh đạo cuộc bãi công. Mấy nghìn công nhân liền tập hợp để bao vây công trường, bảo vệ đại biểu của mình.

Nhờ sức đoàn kết và lực lượng đấu tranh của công nhân mạnh mẽ, nên bãi công đến ngày thứ năm, thì nhà đương cục bị bắt buộc phải tiếp thu yêu sách của công nhân. Thế là cuộc bãi công được hoàn toàn thắng lợi.

Sau khi bãi công thắng lợi, liền cải tổ công đoàn. Tổ chức cơ bản là đoàn 10 người. Mỗi đoàn có một đại biểu cho 10 người, mỗi mười đoàn có môt đại biểu cho 100 người, mỗi sở có tổng đại biểu và các sở có hội nghị đại biểu 100 hoặc đại biểu 10, hội nghị tối cao là hội nghị toàn thể tổng đại biểu. Nhờ đó tổ chức công nhân càng được chặt chẽ, quyền lợi chính trị và đãi ngộ trong đời sống của công nhân được cải tiến rõ rệt. Công nhân còn mở thêm trường học và hợp tác xã tiêu thụ. Công đoàn An-nguyên là một trong những tổ chức công đoàn vững chắc nhất của Trung-quốc bấy giờ. Sau vụ thảm sát ở đường sắt Kinh

—Hán, ngày 7 tháng 2 năm 1923, phong trào công nhân trong nước đều xuống thấp, các công đoàn xí nghiệp lớn hầu như tan rã cả, nhưng công đoàn An-nguyên vẫn tồn tại. Trong thời kỳ chiến tranh Bắc phạt, công đoàn này đã giúp đỡ quân Bắc phạt rất nhiều. Mùa thu năm 1927, trong cuộc khởi nghĩa Vụ mùa của nông dân, công nhân An-nguyên cũng có tham gia chiến đấu vũ trang. Sau năm 1928, An-nguyên đã từng làm chỗ liên lạc đối ngoại của căn cứ địa Tỉnh-cương-sơn.

Trong hai năm, công nhân Hồ-nam đấu tranh được hoàn toàn thắng lợi. Nguyên nhân, một mặt vì khắp nước lúc đó đều ở trong cao trào bãi công, một mặt khác, và cũng là mặt chủ yếu, là nhờ có Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo.

Đảng cộng sản Trung-quốc làm thế nào tổ chức công nhân Hồ-nam và lãnh đạo bãi công thắng lợi?

Thứ nhất, tiến hành công tác tư tưởng đầy đủ. Trước tiên mở lớp học đêm ở vùng công nhân, giáo dục chủ nghĩa Mác—Lê-nin cho giai cấp công nhân, khêu gợi giác ngộ giai cấp của họ, đi sâu để hiểu rõ đời sống, tư tưởng và tình cảm của họ, và khi thời cơ chín muồi, liền đưa ra yêu cầu trước mắt và chủ yếu nhất của họ để lãnh đạo họ đấu tranh. Trong quá trình đấu tranh và sau khi đấu tranh đã thắng lợi, còn cần phải củng cố và nâng cao giác ngộ chính trị của quần chúng công nhân.

Thứ hai, xây dựng tổ chức chặt chẽ. Trước tiên xây dựng công đoàn và tổ chức cơ sở của công đoàn. Để phát động đấu tranh, cần phải đánh giá cho đúng lực lượng địch và ta, và những việc có thể xảy ra trong quá trình đấu tranh; cần phải giải thích kỹ càng khẩu hiệu đấu tranh và điều kiện bãi công cho quần chúng hiểu rõ. Tóm lại, công nhân đấu tranh cần phải có tổ chức chặt chẽ, có dự kiến lãnh đạo và kế hoạch tỉ mỉ, tức đấu tranh phải có chuẩn bị và nắm vững tình hình. Trong đấu

tranh cần chú ý bồi dưỡng lãnh tụ công nhân và phát triển tổ chức công nhân.

Thứ ba, vận dụng sách lược đấu tranh linh hoạt. Khéo lợi dụng mâu thuẫn địch. Lợi dụng hiến pháp tỉnh Hồ-nam, dựa vào lực lượng quần chúng, bắt buộc bọn thống trị thừa nhận lời hứa của chúng, vạch mặt lừa bịp của chúng. Lợi dụng lực lượng các đoàn thể xã hội, làm cho lực lượng ấy trực tiếp hay gián tiếp, hoặc nhiều, hoặc ít, ủng hộ hành động chính nghĩa của công nhân.

Trên cơ sở đấu tranh thắng lợi và quần chúng vững chắc, đến tháng 11 năm 1922 thì tổ chức thống nhất của công nhân toàn tỉnh, tức là Liên hiệp công đoàn Hồ-nam được thành lập. Sau đó, tổ chức ấy đã trở thành ngọn cờ đấu tranh cách mạng của quần chúng trong toàn tỉnh.

Phong trào bãi công của công nhân lên cao nhất là ngày 7 tháng 2 năm 1923, lúc xảy ra vụ đổ máu lớn lao của công nhân đường sắt Kinh—Hán chống chính sách áp bức của chính phủ quân phiệt. Nguyên nhân xảy ra vụ này là vì công nhân đường sắt Kinh—Hán thành lập Tổng công đoàn bị Ngô-Bội-Phu ngăn trở. Từ năm 1921, công nhân đường sắt Kinh—Hán bắt đầu tổ chức công đoàn, đến cuối năm 1922 đã thành lập được nhiều phân đoàn ở 16 đơn vị, và quyết định ngày 1 tháng 2 năm 1923 cử hành Đại hội thành lập Tổng công đoàn ở Trịnh-châu. Ngô-Bội-Phu đã từng rêu rao chủ trương "bảo hộ lao công", và đã áp dụng nhiều biện pháp lôi cuốn và bịp bợm, như tuyên truyền thiết lập "Cục lao động", tán thành việc làm ra luật lao động v.v... Nhưng hắn lại ra lệnh cấm thành lập Tổng công đoàn. Tổ chức công nhân ngày càng mạnh mẽ, đã vạch mặt phản động của Ngô-Bội-Phu. Đại hội nêu ra mục tiêu phấn đấu của Tổng công đoàn là: cải thiện đời sống công nhân, nâng cao giác ngộ giai cấp công nhân, liên hiệp với giai cấp công nhân toàn quốc

và toàn thế giới v.v... Các đại biểu quyết định theo ngày giờ đã định (1 tháng 2) sẽ mở Đại hội ở Trịnh-châu. Đại biểu đại hội phá vòng vây cảnh sát, tuyên bố Tổng công đoàn đường sắt Kinh—Hán chính thức thành lập. Sau Đại hội các đại biểu bị bắt buộc rời khỏi vùng này. Nội trong đêm, Tổng công đoàn liền quyết định ngày 4 tháng 2 toàn thể công nhân đường sắt Kinh—Hán tổng bãi công. Tổng công đoàn dời về Giang-ngạn ở Hán-khẩu làm việc, và kêu gọi công nhân đứng lên chiến đấu vì tự do, vì nhân quyền. Ngày 4 lệnh tổng bãi công được thực hiện, suốt đường Kinh—Hán, xe hành khách, xe chở hàng cũng như xe chở lính đều ngưng chạy. Bãi công đến ngày thứ ba các đại biểu công đoàn Vũ-Hán và công nhân Giang-ngạn có hơn một vạn người cử hành cuộc biểu tình thị uy đại quy mô. Lúc đó đế quốc ra mặt can thiệp công khai. Đoàn công sứ Bắc-kinh lên tiếng cảnh cáo chính phủ quân phiệt Bắc-kinh và xúi giục chúng giết hại công nhân. Lãnh sự Anh ở Hán-khẩu triệu tập hội nghị liên hiệp giữa đại biểu của tên quân phiệt Tiêu-Diệu-Nam và bọn tư bản ngoại quốc để bàn biện pháp đàn áp công nhân. Thế là cuộc tàn sát bắt đầu trong ngày 7 tháng 2. Quân đội của Tiêu-Diệu-Nam mượn cớ đàm phán, muốn lừa đại biểu công nhân đến trụ sở công đoàn ở Giang-ngạn để mở cuộc tàn sát, nhưng lúc chúng nổ súng thì đoàn đại biểu chưa đến, chỉ có mấy trăm đội viên củ soát công nhân ở trong trụ sở bị bắn, chết 37 người và bị thương hơn 200. Đồng chí Lâm-Tường-Khiêm, thư ký phân đoàn Giang-ngạn bị bắt trói ở cột dây thép trước nhà ga. Bọn chúng bắt buộc đồng chí ra lệnh cho công nhân làm việc lại, đồng chí kiên quyết từ chối và bị chúng giết chết. Tiếp theo đó ở các nơi như Trường-tân-điếm, Trịnh-châu, Tín-dương, Quảng-thủy, Trú-mã-điếm v.v... đều có xảy ra những vụ tàn sát công nhân. Luật sư Thi-Dương của Liên hiệp công đoàn Vũ-Hán

bị bắt và giết chết ngày 15 tháng 2 ở Vũ-xương. Lúc đó Liên hiệp công đoàn toàn tỉnh Hồ-bắc ở Vũ-Hán và các công đoàn khác đều bị đóng cửa.

Sau Vụ 7 tháng 2, nội trong ngày, Liên hiệp công đoàn toàn tỉnh Hồ-bắc ở Vũ-Hán liền ra lệnh tổng bãi công, công nhân ở các nhà máy lớn ở Vũ-Hán đều hưởng ứng bãi công. Các đường sắt Đạo—Thanh, Chính—Thái, Tân—Phố, Việt—Hán cũng tiếp tục hưởng ứng. Còn đường Kinh—Phụng, Kinh—Tuy thì phong trào bãi công đang chớm nở. Dân phố ở các thành thị lớn trong nước đều lên tiếng ủng hộ và tổ chức Hội viện trợ bãi công đường sắt Kinh—Hán. Hội liên hiệp học sinh toàn quốc và Hội liên hiệp các giới ra bản tuyên ngôn ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của công nhân.

Quốc tế cộng sản cũng ra bản tuyên ngôn về cuộc đấu tranh này.

Cuộc bãi công chính trị lớn lao này của công nhân đường sắt Kinh—Hán là một sự kiện có ý nghĩa chính trị trọng đại, làm chấn động cả nước và khắp thế giới.

Sau vụ tàn sát, bọn quân phiệt dùng lực lượng cảnh sát để bắt trói công nhân, buộc phải làm việc lại, thậm chí chúng còn uy hiếp bằng súng và lưỡi lê nữa. Nhưng vì Tổng công đoàn chưa ra lệnh nên công nhân vẫn kiên quyết không làm. Phân đoàn ở các nơi cũng hoàn toàn theo lệnh Tổng công đoàn và cự tuyệt mọi đàm phán riêng lẻ. Cho đến sau, để bảo tồn lực lượng, Tổng công đoàn đường sắt Kinh—Hán và Liên hiệp công đoàn Vũ-Hán ra lệnh phục công, công nhân mới dằn lòng làm việc lại. Vụ đổ máu lần này đã làm cho công nhân đường sắt Kinh—Hán bị giết hơn 40 người, bị thương mấy trăm, bị tù hơn 40, bị đuổi và lưu vong hơn 1.000 người. Sau đó các nhân viên công tác trong Ban bí thư các tổ chức lao động ở Bắc-kinh cũng

bị tập nã, Ban bí thư từ Bắc-kinh dời về Thượng-hải, các công đoàn đường sắt bị đóng cửa. Do chính sách đàn áp tàn nhẫn của chính phủ phản động nên phong trào đấu tranh của công nhân tạm thời xuống thấp.

Phong trào công nhân mới bắt đầu đấu tranh đã gặp phải sự tàn sát của đế quốc và chính phủ quân phiệt. Như thế chứng tỏ giai cấp công nhân Trung-quốc muốn giải phóng lấy mình thì trước tiên cần phải làm cách mạng dân chủ dân tộc. Quyền lợi giai cấp công nhân và quyền lợi giải phóng dân tộc Trung-quốc đều hoàn toàn nhất trí. Trong cuộc đấu tranh lần này, giai cấp công nhân đã biểu hiện một cách nổi bật tính tổ chức, tính kiên quyết và triệt để đấu tranh, như thế uy tín chính trị của Đảng cộng sản và của giai cấp công nhân trong nhân dân được nâng cao rất nhiều, và đồng thời như thế cũng chứng tỏ lực lượng vĩ đại lãnh đạo cách mạng dân chủ Trung-quốc đã xuất hiện. Cuộc đấu tranh lần này cũng tỏ rõ giai cấp công nhân, muốn thu được thắng lợi trong cách mạng dân chủ, cần phải có lực lượng vũ trang của mình, nếu không thì, trong điều kiện không có chút quyền dân chủ nào, không thể thắng được phái phản động được vũ trang đầy đủ. Cuộc đấu tranh lần này còn chứng tỏ, giai cấp công nhân Trung-quốc muốn lãnh đạo cách mạng dân chủ cần phải có đồng minh quân rộng rãi, tức là phải kiến lập liên minh cách mạng với giai cấp nông dân chiếm trên 80% nhân khẩu toàn quốc, với giai cấp tiểu tư sản thành thị gồm mấy chục triệu người và phái dân chủ của giai cấp tư sản đang có yêu cầu chống đế quốc và phong kiến. Từ đó về sau, Đảng đã dùng biện pháp tích cực để liên hiệp Quốc dân đảng do Tôn-Trung-Sơn lãnh đạo, lập ra mặt trận thống nhất, và giúp đỡ Quốc dân đảng tổ chức quân đội để đấu tranh cách mạng chống đế quốc và bọn quân phiệt phong kiến.

IV— Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba của Đảng cộng sản Trung-quốc xác định nguyên tắc căn bản của sách lược mặt trận thống nhất.

Tháng 6 năm 1923, Đảng cộng sản Trung-quốc mở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba ở Quảng-châu. Tham gia Đại hội có tất cả 30 đại biểu, thay mặt cho 432 đảng viên. Trọng tâm thảo luận của Đại hội lần nầy là vấn đề lập mặt trận thống nhất cách mạng giữa Đảng và Quốc dân đảng của Tôn-Trung-Sơn lãnh đạo.

Kẻ địch của cách mạng Trung-quốc là lớn mạnh và tàn bạo. Giai cấp công nhân cần phải phát động và tổ chức quần chúng, cần phải đoàn kết với mọi giai cấp, đảng phái, đoàn thể và cá nhân sẵn sàng chống đế quốc và phong kiến, để thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi, như thế mới có thể giành được giải phóng và độc lập dân tộc. Cho nên, lập mặt trận thống nhất cách mạng toàn dân ở Trung-quốc là một việc rất cần thiết.

Sự áp bức lớn nhất ở Trung-quốc là áp bức dân tộc. Đế quốc và tay sai của chúng ở Trung-quốc đều bị cô lập, số người phản đối bọn chúng rất đông, không những giai cấp công nhân, nông dân và tiểu tư sản chống bọn chúng, mà cả giai cấp tư sản dân tộc Trung-quốc, trong một thời kỳ nhất định, với một chừng mực nhất định, cũng có thể chống đế quốc và tay sai của chúng. Vì thế, thành lập mặt trận thống nhất cách mạng toàn dân tộc là một việc hoàn toàn có thể.

Đảng đã sớm thấy tính quan trọng của một thứ mặt trận như thế, cho nên Đại hội đại biểu lần thứ ba đã quyết định thành lập mặt trận thống nhất cách mạng, trên cơ sở hợp tác giữa Đảng và Quốc dân đảng để tiến hành cách mạng. Đại hội lần thứ ba đã đặt nền tảng cho nguyên tắc sách lược Đảng.

Hội đồng minh cách mạng, tiền thân của Quốc dân đảng, là người tổ chức chủ yếu của cách mạng năm 1911. Về mặt chính trị nó là một liên minh lỏng lẻo giữa phái cấp tiến tư sản, tiểu tư sản, phái tự do tư sản và giai cấp địa chủ chống Mãn-Thanh. Sau khi cách mạng 1911 bị bán rẻ thì liên minh này chia làm hai phái: một phái là những phần tử thỏa hiệp, chủ yếu là những phần tử tự do tư sản và địa chủ chống Mãn-Thanh khi trước, đã tổ chức thành nhiều tập đoàn chính khách nhỏ, dựa vào chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động Trung-quốc; một phái nữa là phái dân chủ tư sản do Tôn-Trung-Sơn đứng đầu, sau khi cách mạng thất bại, còn tiếp tục đấu tranh cho dân chủ, nhưng vì không tìm được đường lối cách mạng đúng đắn, và cũng không biết tìm đâu cho có lực lượng, nên đã thất bại trong nhiều lần đấu tranh, nội bộ càng tan nát. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thắng lợi, chính sách đúng đắn của Liên-xô đối với Trung-quốc và phong trào giải phóng dân tộc bị áp bức của các nước phương đông khác, sự quan tâm và giúp đỡ của Liên-xô đối với hoạt động cách mạng của Tôn-Trung-Sơn, phong trào công nhân Trung-quốc nổi lên và Đảng cộng sản Trung-quốc được thành lập sau phong trào Ngũ tứ, tất cả những cái đó dần dần làm cho Tôn-Trung-Sơn và những người Quốc dân đảng tiến bộ khác phải để ý và có khuynh hướng liên hiệp Liên-xô, liên hiệp Đảng cộng sản, để cùng nhau phụng sự cách mạng Trung-quốc.

Quốc dân đảng của Tôn-Trung-Sơn lãnh đạo là phái dân chủ cách mạng của giai cấp tư sản. Trong lịch sử cách mạng Trung-quốc họ đã từng là liên minh của mặt trận thống nhất chống Mãn-Thanh, lại được tiếng tăm trong nhân dân, vì thế Đảng đã dùng biện pháp tích cực để liên hiệp và cải tạo họ, biến họ thành một tổ chức trong mặt trận thống nhất cách mạng, và thành một đồng minh cách mạng dân chủ chống phong kiến,

chống đế quốc của giai cấp công nhân và các lực lượng dân chủ khác dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc.

Đại hội đại biểu lần thứ ba của Đảng đã đánh giá đúng đắn lập trường dân chủ chống quân phiệt phong kiến và chống đế quốc của Tôn-Trung-Sơn, và khả năng cải tạo Quốc dân đảng của ông lãnh đạo thành liên minh cách mạng của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc, vì thế đã thông qua chính sách hợp tác giữa Đảng và Quốc dân đảng.

Trong khi thảo luận chính sách hợp tác giữa Đảng và Quốc dân đảng, Đại hội đã mở một cuộc đấu tranh kịch liệt để phê phán hai khuynh hướng chủ nghĩa cơ hội trong Đảng.

Một thứ là khuynh hướng chủ nghĩa đầu hàng do Trần-Độc-Tú đại biểu, cho rằng cách mạng Trung-quốc đã là dân chủ tư sản thì phải do giai cấp tư sản lãnh đạo, "mọi việc đều do Quốc dân đảng", "cách mạng dân chủ thành công, giai cấp vô sản chỉ được chút ít tự do và quyền lợi". Bọn họ cho rằng trong cuộc cách mạng thứ nhất, giai cấp vô sản chỉ có thể đứng ở địa vị giúp đỡ tiêu cực, chứ không thể đứng vào địa vị lãnh đạo. Bọn họ cho rằng giai cấp vô sản chỉ có đợi lúc nước cộng hòa của giai cấp tư sản thành lập và chủ nghĩa tư sản được phát triển, sẽ lật đổ nước cộng hòa tư sản đó để xây dựng chuyên chính vô sản và thực hiện xã hội chủ nghĩa. Chủ trương của bọn họ được gọi là "Chủ trương hai lần cách mạng".

Công thức của Trần-Độc-Tú về cách mạng Trung-quốc là: "Sứ mạng trước mắt của Quốc dân đảng....là lãnh đạo giai cấp tư sản cách mạng, liên hiệp giai cấp vô sản cách mạng, thực hiện cách mạng dân chủ tư sản". Kẻ lãnh đạo cách mạng Trung-quốc là Quốc dân đảng lấy giai cấp tư sản làm nòng cốt, quân chủ lực của cách mạng là giai cấp tư sản dân tộc, giai cấp công nhân chỉ là lực lượng hậu bị của giai cấp tư sản, còn nông dân, không nằm trong động lực cách mạng, đã bị gạt bỏ hẳn.

Còn một thứ nữa là khuynh hướng đóng cửa do Trương-Quốc-Đào đại diện, cho rằng Đảng cộng sản không nên hợp tác với Quốc dân đảng, vì Quốc dân đảng không cách mạng. Họ cho rằng giai cấp công nhân chỉ có thể làm cách mạng dưới ngọn cờ Đảng cộng sản, nếu Đảng cộng sản hợp tác với Quốc dân đảng thì tư tưởng của giai cấp công nhân sẽ bị phức tạp hóa. Vì thế họ phản đối Đảng cộng sản hợp tác với Quốc dân đảng, phản đối đảng viên cộng sản và công nhân, nông dân vào Quốc dân đảng.

Thứ tư tưởng đó do Trương-Quốc-Đào đại biểu cũng hoàn toàn sai. Bọn họ không biết vấn đề đồng minh quân là vấn đề cơ bản để cho giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng. Giai cấp vô sản cần lợi dụng mọi điều kiện có thể để đoàn kết với người đồng minh, dầu cho đồng minh đó là tạm thời và không thể tin cậy được cũng không ngại. Bọn họ không biết Trung-quốc là một xã hội nửa thuộc địa, giai cấp công nhân có khả năng và cần thiết liên hiệp giai cấp tư sản dân tộc. Bọn họ cho rằng đảng viên cộng sản và giai cấp công nhân nếu không công khai dùng lá cờ của chính đảng mình để làm cách mạng thì tư tưởng sẽ bị phức tạp hóa, như thế là phủ nhận tác dụng lãnh đạo của Đảng và giai cấp công nhân trong mặt trận thống nhất cách mạng.

Đại hội phê phán những sai lầm hữu khuynh và "tả" khuynh, quyết định hợp tác với Quốc dân đảng, một bộ phận đảng viên cộng sản, lấy tư cách cá nhân vào Quốc dân đảng, giúp đỡ Quốc dân đảng cải tổ thành đồng minh cách mạng dân chủ dân tộc, đồng thời giữ vững tính độc lập tư tưởng và chính trị của Đảng cộng sản. Đại hội vạch rõ, trong khi Quốc Cộng hợp tác, cần phải nêu cao tính kiên quyết và triệt để cách mạng của Đảng cộng sản, và khắc phục khuynh hướng cải lương và khuynh hướng thỏa hiệp của bạn đồng minh, vạch rõ Đảng phải giúp đỡ Quốc dân đảng phát triển tổ chức, và thu hút phần tử

tiến bộ trong quần chúng công nông vào Đảng cộng sản, mở rộng tổ chức Đảng. Nhưng vấn đề quyền lãnh đạo cách mạng còn chưa được giải quyết triệt để trong Đại hội lần thứ ba, vấn đề nông dân và quân đội cách mạng cũng chưa được chú ý thích đáng.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông tham gia Đại hội đại biểu lần thứ ba, giữ vững ý kiến đúng đắn của mình trước Đại hội và chống lại ý kiến sai lầm. Trong Đại hội lần này, đồng chí Mao-Trạch-Đông được bầu ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng.

LỜI KẾT THÚC THỜI KỲ SÁNG LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG-QUỐC

Yêu cầu căn bản của nhân dân Trung-quốc là cách mạng chống đế quốc và phong kiến, tức là thực hiện độc lập dân tộc và dân chủ nhân dân. Muốn hoàn thành nhiệm vụ trọng đại đó, cần phải có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân Trung-quốc và đội tiền phong của nó là Đảng cộng sản Trung-quốc.

Giai cấp công nhân Trung-quốc lớn mạnh và Đảng cộng sản Trung-quốc ra đời là sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười và sau phong trào Ngũ tứ. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, công nghiệp dân tộc của Trung-quốc được phát triển tương đối nhanh, nhân số và quy mô đấu tranh của giai cấp công nhân Trung-quốc cũng được phát triển theo đà đó. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, chủ nghĩa Mác—Lê-nin được truyền sang Trung-quốc. Phong trào Ngũ tứ thúc đẩy sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác—Lê-nin và phong trào công nhân Trung-quốc.

Đảng cộng sản Trung-quốc là sản vật chủ nghĩa Mác—Lê-nin kết hợp với phong trào công nhân Trung-quốc.

Đảng cộng sản Trung-quốc được thành lập tháng 7 năm 1921. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng quy định nguyên tắc tổ chức Đảng, tức là Đảng phải được xây dựng theo kiểu Bôn-sê-vích. Từ đó ở Trung-quốc đã xuất hiện một Đảng lê-ni-nít hoàn toàn kiểu mới của giai cấp công nhân. Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng quy định nhiệm vụ cơ bản trước mắt của cách mạng Trung-quốc và cương lĩnh dân chủ cách mạng chân chính.

Trước hết Đảng lấy việc lãnh đạo phong trào công nhân làm công tác trung tâm của mình, khiến cho phong trào công nhân và chủ nghĩa cộng sản được kết hợp thêm nữa, do đó cao trào thứ nhất của công nhân được xuất hiện từ năm 1922 đến tháng 2 năm 1923. Tác dụng trọng yếu của giai cấp công nhân trong đời sống kinh tế và chính trị Trung-quốc được biểu hiện rõ rệt.

Cao trào thứ nhất của công nhân bị bọn phản động đả kích nặng nề làm cho Đảng nhận thấy giai cấp công nhân không thể chỉ dựa vào lực lượng của mình để đấu tranh với địch, mà cần phải liên hiệp mọi lực lượng dân chủ, phải có một lực lượng đồng minh rộng lớn nhất. Vì thế Đại hội đại biểu lần thứ ba của Đảng đã quy định sách lược mặt trận thống nhất cách mạng, và tích cực giúp đỡ Tôn-Trung-Sơn cải tạo Quốc dân đảng thành hình thức tổ chức của mặt trận thống nhất cách mạng, thực hiện liên minh giữa giai cấp công nhân và các lực lượng dân chủ khác.

Thành lập Đảng cộng sản Trung-quốc, đặt cơ sở nguyên tắc tổ chức đảng, nguyên tắc sách lược và đường lối cương lĩnh là một sự kiện rất lớn lao trong lịch sử hiện đại Trung-quốc. Từ đó cách mạng Trung-quốc đã có sự thay đổi căn bản.

Trong thời kỳ này, Đảng chưa kịp thời chú ý và giải quyết đúng đắn vấn đề trách nhiệm lãnh đạo của giai cấp vô sản trong

cách mạng dân chủ tư sản, vấn đề chính quyền nhân dân, vấn đề ruộng đất của nông dân và vấn đề quân đội cách mạng v. v... Trong lúc phong trào cách mạng lên cao, các vấn đề đó mỗi ngày càng trở nên cấp bách, đồng thời cũng trở thành mối phân chia căn bản trong nội bộ Đảng giữa đường lối Bôn-sê-vích do đồng chí Máo-Trạch-Đông đại diện và đường lối Mên-sê-vích do Trần-Độc-Tú đại diện.

CHƯƠNG III

MẶT TRẬN THỐNG NHẤT CÁCH MẠNG ĐƯỢC THÀNH LẬP, PHONG TRÀO CÁCH MẠNG LÊN CAO.

(1-1924—7-1926)

I— Tình hình thế giới và trong nước từ năm 1924 đến 1927.

Đặc điểm tình hình thế giới từ 1924 đến 1927 là nhà nước xã hội chủ nghĩa được ổn định và các nước tư bản chủ nghĩa tạm thời cũng được ổn định. Đó là hai thứ ổn định căn bản khác nhau.

Sau khi đã đánh tan bọn đế quốc vũ trang can thiệp và bạch quân phiến loạn trong nước, năm 1921 nhà nước Xô-viết bắt đầu thời kỳ khôi phục kinh tế quốc dân. Đến năm 1927, kinh tế quốc dân của Liên-xô đã vượt mức trước chiến tranh. Từ 1926 đến 1927, sản lượng công nghiệp đã bằng 100,9% trước chiến tranh, sản lượng nông nghiệp bằng 108,3%. Kinh tế quốc dân Liên-xô được phát triển theo phương châm công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Từ 1926 đến 1927, tỷ lệ sản lượng công nghiệp chiếm 38% tổng sản lượng kinh tế quốc dân, Liên-xô mỗi ngày càng trở thành một nước công nghiệp. Tỷ lệ sản lượng

công nghiệp quốc hữu hóa chiếm 86% toàn bộ sản lượng công nghiệp, thế là Liên-xô đã nhanh chóng tiến bước trên con đường xã hội chủ nghĩa.

Lực lượng của Liên-xô còn được lớn mạnh nhờ có giai cấp công nhân các nước tin tưởng nhà nước Xô-viết là nhà nước duy nhất của giai cấp công nhân, tin tưởng giai cấp công nhân Liên-xô sau khi đã cướp được chính quyền, không những có thể phá vỡ chế độ tư bản trong nước, mà còn có thể xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, vì thế họ coi vận mệnh của nhà nước Xô-viết như vận mệnh của bản thân. Lực lượng Liên-xô còn lớn mạnh ở chỗ nhân dân các dân tộc bị áp bức tin tưởng nhà nước Xô-viết là nhà nước duy nhất thực sự giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc bị áp bức và khéo giải quyết quan hệ dân tộc trong nước, nên họ hướng về Liên-xô và muốn kết tình đồng minh với Liên-xô.

Sự ổn định của Liên-xô xuất phát từ cơ sở đó rất vững vàng và ngày càng được củng cố thêm.

Tình hình các nước tư bản chủ nghĩa tạm thời cũng ổn định. Từ năm 1924 đến 1927, các nước tư bản chủ nghĩa tạm thời đã thoát khỏi nguy cơ kinh tế và chính trị sau chiến tranh, đã khôi phục sản xuất đến mức hoặc quá mức trước chiến tranh, phong trào cách mạng cũng từ cao xuống thấp.

Năm 1926 sản lượng sắt của các nước tư bản bằng 100,5% trước chiến tranh, sản lượng thép bằng 122,6%, sản lượng than bằng 96,8%, sản lượng ngũ cốc bằng 110,5%. Trong thế giới tư bản cũng có vài nước (Mỹ và Nhật) không phải tiến từng bước chậm, mà tiến vọt quá mức trước chiến tranh, đó là đặc điểm phát triển không cân đối của chủ nghĩa tư bản.

Thế giới tư bản tạm thời được ổn định chủ yếu là dựa vào "viện trợ" Mỹ, để cho các nước Tây-Âu lệ thuộc Mỹ về mặt tài chính. Sau chiến tranh, trung tâm bóc lột của tư bản tài chính

đã từ châu Âu dời sang nước Mỹ, các nước châu Âu dựa vào sự xâm nhập tư bản Mỹ đề sống gượng qua ngày. Thế là Mỹ đã thành một chủ nợ kếch sù, các nước châu Âu mỗi năm phải trả nợ lãi cho Mỹ, không thề không tăng cường bóc lột nhân dân về sưu thuế, làm cho đời sống của nhân dân lao động càng cùng khốn; không thề không bắt buộc nước Đức trả số bồi thường (có đến 130 tỷ mác) đề trả nợ Mỹ, làm cho kinh tế Đức càng khốn đốn, số người thất nghiệp càng nhiều; không thề không tăng cường bóc lột nhân dân các nước thuộc địa một cách tàn khốc, làm cho nguy cơ kinh tế trong các nước này càng nghiêm trọng, đời sống nhân dân khốn đốn. Như thế cũng không thề không làm cho mâu thuẫn và xung đột giữa giai cấp tư bản và giai cấp vô sản, giữa đế quốc và đế quốc, giữa đế quốc và nhân dân các nước thuộc địa càng sâu sắc.

Sự ồn định của phe tư bản xuất phát từ cơ sở đó thật không thề lâu dài được.

Từ trong hai thứ ồn định khác nhau đó, đã nảy nở một hiện tượng mới có ý nghĩa trọng đại: giữa Liên-xô và các nước tư bản đã hình thành một đòn cân thế lực, tức là thời kỳ "chung sống hòa bình" đã bắt đầu.

Vì trong thời kỳ đó, không có chiến tranh làm suy yếu lực lượng đế quốc, và một đòn cân thế lực đã xuất hiện giữa trận tuyến cách mạng và trận tuyến phản cách mạng, cho nên đế quốc có thề dùng một sức mạnh lớn hơn đề chống lại phong trào cách mạng của nhân dân Trung-quốc, có thề tạm thời kết hợp thành một đồng minh đế quốc lớn mạnh đề bóp nghẹt phong trào cách mạng Trung-quốc. Bọn chúng đã làm cho cách mạng Trung-quốc gặp phải nhiều khó khăn, tức là trên đường đi đến hoàn toàn thắng lợi, cách mạng Trung-quốc phải gặp nhiều bước gay go hơn cách mạng Nga.

Nhưng, một mặt khác, nguy cơ cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa càng tăng thêm, đó cũng là đặc điểm của thời kỳ này. Thời kỳ chiến tranh và sau chiến tranh, do lực lượng giai cấp vô sản công nghiệp và tư sản dân tộc được tăng thêm, chủ nghĩa Mác và tư tưởng dân chủ được truyền bá, đế quốc áp bức và bóc lột càng tàn khốc, nên nguy cơ kinh tế và cách mạng ở các nước thuộc địa càng sâu sắc. Phong trào đấu tranh của Ấn-độ và Ai-cập chống Anh, của Xy-ri và Ma-róc chống Pháp và nhất là của nhân dân Trung-quốc chống ba đế quốc Mỹ, Anh, Nhật đã phát triển đến hình thức đấu tranh vũ trang, làm cho phe đế quốc phải đứng trước nguy cơ mất cả hậu phương cơ bản của mình. Như thế tức là trong thời kỳ này, vấn đề giai cấp vô sản cướp chính quyền ở châu Âu chưa thành vấn đề cấp bách, nhưng ở các thuộc địa và nửa thuộc địa thì không thấy triệu chứng gì ổn định cả, vấn đề giải phóng dân tộc bị áp bức đã thành vấn đề cấp bách trước mắt. Sau chiến tranh, phong trào giải phóng dân tộc bị áp bức, nhất là phong trào giải phóng dân tộc ở Trung-quốc đã làm rúng động cả nền thống trị đế quốc.

Sau chiến tranh, đế quốc tăng cường áp bức và bóc lột, đã đánh một đòn nghiêm trọng vào công nghiệp dân tộc Trung-quốc. Trong thời gian từ 1919 đến 1927, ngành sợi là công nghiệp dân tộc chủ yếu của Trung-quốc đã bị ngưng trệ. Tỷ lệ ống suốt sợi nhỏ, ống suốt sợi to và máy dệt ở các nhà máy sợi của Trung-quốc và của nước ngoài như sau: Năm 1919, ống suốt sợi nhỏ của Trung-quốc chiếm 53,3%, năm 1927 chiếm 57,4%; năm 1919 số ống suốt sợi to của Trung-quốc chiếm 88,7%, năm 1927 chỉ còn 45,8%; năm 1919 số máy dệt của Trung-quốc chiếm 40,8%, năm 1927 chiếm 50,3%. Từ 1922 đến 1927, số sợi của nhà máy Trung-quốc sản xuất so với tổng sản lượng sợi trong khắp nước, từ 92% đã xuống 58%, số sợi của nhà máy

ngoại quốc sản xuất thì từ 8% đã tăng đến 42%. Từ 1925 đến 1927, số vải do các nhà máy Trung-quốc sản xuất, so với tổng số vải sản xuất trong nước, đã từ 83% xuống 47%, còn số vải của nhà máy nước ngoài sản xuất thì từ 17% tăng lên 53%.

Về mậu dịch đối ngoại, trong thời kỳ chiến tranh số nhập quá mức đã giảm đi nhiều, nhưng sau chiến tranh số ấy lại tăng lên nhanh chóng. Năm 1919, số nhập quá mức là 16.188.270 đồng, số xuất khẩu cũng gần bằng số nhập khẩu, nhưng năm 1920 số nhập khẩu quá mức là 220.618.930 đồng, tăng lên rất nhiều, mấy năm sau, con số ấy còn tiếp tục tăng lên nữa.

Trong thời gian ấy, đế quốc vẫn tiếp tục giúp đỡ chính phủ các phái quân phiệt và xúi giục các phái gây nội chiến. Năm 1924 xảy ra chiến tranh Giang-tô, Chiết-giang và chiến tranh lần thứ hai giữa hai phái Phụng-thiên và Trực-lệ, năm 1925 xảy ra chiến tranh giữa Chiết-giang và Phụng-thiên, hai phái Phụng-thiên và Trực-lệ liên hợp để tấn công quân Quốc dân v.v... Bọn quân phiệt đã đánh nhau nhiều lần, chủ yếu là ở các tỉnh Liêu-ninh, Nhiệt-hà, Hà-bắc, Sơn-đông, Giang-tô, Chiết-giang, Hồ-bắc v.v... lực lượng của đôi bên động viên mỗi lần từ 10 vạn đến 40 vạn, không đồng đều. Kể từ tháng 9 năm 1924 đến tháng 12 năm 1925, thiệt hại về công thương nghiệp do chiến tranh quân phiệt gây ra ở miền bắc có đến 790 triệu đồng. Dưới sự thống trị của chính phủ quân phiệt, nhân dân phải chịu sưu cao thuế nặng, nông dân bị bóc lột địa tô và nợ lãi rất tàn nhẫn.

Đế quốc xâm lược và chiến tranh quân phiệt trong nước đã cản trở và phá hoại sức sản xuất xã hội rất nghiêm trọng, làm cho công thương nghiệp bị phá sản, nhân dân bị bần cùng hóa, do đó đã gây thành cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân toàn quốc chống đế quốc và chính phủ quân phiệt.

II — Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Quốc dân đảng. Phong trào công nhân được phục hưng. Phong trào nông dân nổi dậy. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng cộng sản Trung-quốc. Phong trào hội nghị quốc dân phát triển.

Đại hội đại biểu lần thứ ba của Đảng cộng sản Trung-quốc đã phân tích đúng đắn lập trường dân chủ chống đế quốc và chống phong kiến của Tôn-Trung-Sơn, đánh giá đúng khả năng cải tạo Quốc dân đảng thành đồng minh của giai cấp công nhân và các lực lượng dân chủ khác, do đó đã xác định phương châm mặt trận thống nhất.

Trước Đại hội đại biểu lần thứ ba, Đảng đã tích cực thành lập mặt trận thống nhất và xúc tiến việc hợp tác giữa hai đảng Quốc Cộng. Đảng thông qua đảng viên của mình để tích cực gây ảnh hưởng với Tôn-Trung-Sơn, và theo chỉ thị của Đảng, các đồng chí Lý-Đại-Chiêu và Lâm-Bá-Cừ đã làm được nhiều việc tốt.

Nhờ sự giúp đỡ của Đảng cộng sản, tháng 3 năm 1923, Tôn-Trung-Sơn thành lập chính phủ cách mạng ở Quảng-đông, tháng 10 lại ra bản tuyên ngôn cải tổ Quốc dân đảng và phát biểu dự án đề cương đảng, xác định ba chính sách lớn liên Xô (liên hợp Liên-xô), liên Cộng và giúp đỡ công nông.

Tháng 1 năm 1924, Quốc dân đảng triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất ở Quảng-châu. Các đảng viên cộng sản như Lý-Đại-Chiêu, Mao-Trạch-Đông v . v . . . đều có tham gia Đại hội này, và lãnh công tác lãnh đạo quan trọng. Đại hội lần này chính thức thông qua quyết định cho đảng viên cộng sản và

đoàn viên Đoàn thanh niên xã hội chủ nghĩa lấy tư cách cá nhân vào Quốc dân đảng, thông qua cương lĩnh mới, điều lệ mới và các thứ biện pháp cụ thể đề cải tổ Quốc dân đảng, ra tuyên ngôn có ý nghĩa lịch sử trọng đại của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất, và bắt đầu giải thích lại chủ nghĩa Tam dân. Đó là chủ nghĩa Tam dân lấy ba chính sách lớn (liên Xô, liên Cộng và giúp đỡ công nông) làm cơ sở, tức là chủ nghĩa Tam dân mới.

Từ đó, Quốc dân đảng bắt đầu thành một hình thức tổ chức mặt trận thống nhất của liên minh bốn giai cấp (công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc) dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

Chủ nghĩa Tam dân mới không giống như chủ nghĩa Tam dân cũ. Chủ nghĩa Tam dân cũ phản ánh đặc điểm lịch sử của thời kỳ cách mạng dân chủ cũ (do giai cấp tư sản lãnh đạo với mục đích thực hiện nền chuyên chính tư sản và xã hội tư bản), đến thời kỳ cách mạng dân chủ mới, nó đã lỗi thời. Chủ nghĩa Tam dân mới là chủ nghĩa Tam dân của thời kỳ cách mạng dân chủ mới. Chủ nghĩa dân tộc của Tam dân mới phản đối đế quốc, chủ trương "dân tộc Trung-quốc tự cầu giải phóng", chủ trương "các dân tộc trong nước đều bình đẳng như nhau". Chủ nghĩa dân quyền của Tam dân mới chủ trương dân quyền là của chung của nhân dân và không đề cho thiểu số người tư sản làm của riêng, tất cả cá nhân và đoàn thể chống thế lực đế quốc và phong kiến đều được hưởng quyền dân chủ. Chủ nghĩa dân sinh của Tam dân mới chủ trương "bình quân địa quyền", "người cày có ruộng", chủ trương "tiết chế tư bản", cải thiện đời sống công nhân, không đề cho thiểu số tư bản và địa chủ thao túng quốc kế dân sinh.

Vì chủ nghĩa Tam dân mới chủ trương liên Xô, liên Cộng, giúp đỡ công nông, chủ trương chống đế quốc, chống phong

kiến, chủ trương thành lập chính quyền dân chủ liên hợp các giai cấp cách mạng, nên về nguyên tắc cơ bản, nó giống với cương lĩnh thời kỳ cách mạng dân chủ tư sản của Đảng cộng sản Trung-quốc. Chủ nghĩa Tam dân mới đã trở thành cơ sở chính trị cho việc hợp tác giữa hai đảng Quốc Cộng.

Do đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Quốc dân đảng có đảng viên cộng sản đến dự và tham gia lãnh đạo đã thành nơi bắt đầu cho cao trào cách mạng Trung-quốc.

Lúc đó còn có hai sự kiện lớn nữa để thúc đẩy phong trào cách mạng lên cao, tức: Điều ước hữu hảo giữa Trung-quốc và Liên-xô với việc xây dựng vũ trang cách mạng của Trung-quốc.

Điều ước Trung—Xô hữu hảo đã ký kết ngày 31 tháng 5 năm 1924, đó là điều ước hữu hảo bình đẳng đầu tiên trong lịch sử bang giao của Trung-quốc.

Chính phủ Bắc-kinh trước sau đã hai lần cự tuyệt kiến nghị lập bang giao giữa Liên-xô và Trung-quốc của chính phủ Xô-viết đã đề ra trong bản tuyên bố về chính sách đối với Trung-hoa. Năm 1922, đại biểu chính phủ Xô-viết đến Bắc-kinh được nhân dân hoan nghênh, chính phủ Bắc-kinh lại tỏ ra nguội lạnh. Nhưng tình hữu nghị vĩ đại giữa nhân dân hai nước Trung—Xô không ai ngăn cản nổi. Tháng 9 năm 1923, đại biểu chính phủ Xô-viết lại đến Bắc-kinh, nhắc lại lời tuyên bố bãi bỏ hoàn toàn những đặc quyền của đế quốc Nga trước kia đối với Trung-quốc, và sẵn sàng để mở cuộc đàm phán với Trung-quốc, lần này chính phủ Bắc-kinh không thể tìm được lý do gì để cự tuyệt nữa, nên đành phải ưng thuận mở cuộc đàm phán. Kết quả của cuộc đàm phán là đôi bên ký kết điều ước hữu hảo—"Hiệp định đại cương giải quyết các vấn đề nhập nhằn giữa Liên-xô và Trung-quốc". Trong hiệp định này Liên-xô giữ đúng các nguyên tắc trong bản tuyên bố của mình về vấn đề Trung-hoa, lên tiếng hủy bỏ không điều kiện tất cả các điều ước bất bình đẳng của

đế quốc Nga đã ký với Trung-quốc, bãi bỏ tất cả đặc quyền về tô giới, đất thuê, khu vực buôn bán và đóng quân v.v... bãi bỏ số bồi thường chiến tranh Canh tý (năm 1900, tám nước tấn công Trung-quốc) và quyền trị ngoại[1], thủ tiêu mọi đặc quyền ngoài việc buôn bán trên đường sắt Trung-đông. Điều ước này là một sự việc lớn lao chưa từng có trong lịch sử ký kết điều ước với nước ngoài của Trung-quốc, vì thế nó được nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh.

Liên-xô còn giúp đỡ Tôn-Trung-Sơn xây dựng vũ trang cách mạng. Nhờ rút kinh nghiệm bao nhiêu lần cách mạng thất bại, nên Tôn-Trung-Sơn đã nhận thấy tính quan trọng của cách mạng vũ trang, và quyết định theo nguyên tắc kiến quân của Hồng quân Liên-xô để mở trường vũ bị. Thế là trường Hoàng-phố đã được thành lập ở Quảng-châu tháng 5 năm 1924. Sau đó, Quân cách mạng quốc dân, lấy học sinh trường Hoàng-phố làm nòng cốt, đã được thành lập và trở thành lực lượng vũ trang căn bản để thống nhất căn cứ địa cách mạng Quảng-đông và tiến hành cuộc chiến tranh Bắc phạt.

Mặt trận thống nhất cách mạng ra đời, làm cho đế quốc, quân phiệt và giai cấp mại bản phải thù hằn và khiếp sợ, vì thế bọn chúng bắt đầu hợp sức để chống lại. Trong nội bộ Quốc dân đảng, phái phản động do bọn Phùng-Tự-Do cầm đầu, đã ra mặt phản đối Quốc Cộng hợp tác, phản đối Đảng cộng sản, phản đối Liên-xô, phản đối công nhân bãi công, câu kết với đế quốc và các phái phản động khác để tổ chức thành liên minh chống Cộng. Tiếp theo đó, các phần tử chống Cộng như Trương-Kế, Tạ-Trì, Trâu-Lỗ v.v... đứng lên phản đối Quốc Cộng hợp tác, phản đối mặt trận thống nhất cách mạng.

[1] Người ngoại quốc nếu có phạm tội ở Trung-quốc thì phải do tòa án của họ xử, chứ Trung-quốc không được xử.

Trong đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng bấy giờ, có vụ Thương đoàn Quảng-đông xảy ra lúc tháng 10 năm 1924 là kịch liệt nhất. Thương đoàn Quảng-đông là một tổ chức vũ trang của giai cấp địa chủ mại bản ở Quảng-đông, thủ lĩnh của nó là Trần-Liêm-Bá, một tên mại bản của ngân hàng Hối-phong (Anh). Thương đoàn dựa vào đế quốc Anh, liên hợp quân phiệt Trần-Quỳnh-Minh, âm mưu nội công ngoại kích đề lật đồ Chính phủ cách mạng Quảng-đông của Tôn-Trung-Sơn. Trong cuộc đấu tranh này Tôn-Trung-Sơn đã tỏ ra một nghị lực cách mạng lớn lao, Chính phủ cách mạng được quần chúng công nông ủng hộ, nên dập tắt cuộc phiến loạn này của Thương đoàn phản động.

Theo đà cách mạng lên cao, phong trào công nhân cũng được phục hưng.

Sau vụ tàn sát ngày 7 tháng 2, công đoàn đường sắt Kinh—Hán và Vũ-Hán đều bị đóng cửa, công đoàn các đường khác cũng rút vào bí mật. Chỉ có Quảng-châu và Hồ-nam là còn vững. Mặc dù Chính phủ cách mạng Quảng-đông thừa nhận tổ chức công đoàn, và An-nguyên vẫn giữ vững đấu tranh, làm được nhiều việc, nhưng nhìn chung trong phạm vi toàn quốc, thì phong trào công nhân tạm thời xuống thấp. Vấn đề khẩn cấp nhất trong công tác công đoàn lúc đó là cứu tế công nhân và khôi phục đấu tranh. Ban bí thư các tổ chức lao động liền tổ chức Ủy ban chuyên môn, quyên tiền đề giúp đỡ công nhân bị nạn và gia đình họ. Đảng cộng sản Trung-quốc dùng kinh nghiệm của phong trào công nhân quốc tế, lấy việc tổ chức "tiểu tổ nhà máy" làm công tác trung tâm, tức ở mỗi nơi công tác trong nhà máy đều thành lập tiểu tổ bí mật từ 10 người trở xuống, đề tổ chức quần chúng công nhân. Tháng 2 năm 1924, Tổng công đoàn đường sắt toàn quốc được thành lập ở Bắc-kinh.

Chính cương của Quốc dân đảng có quy định "làm luật lao động" và "bảo đảm đoàn thể công nhân," do đó phong trào công nhân ở Quảng-châu được mở mang, công nhân còn thành lập cả quân công đoàn nữa.

Tháng 7 năm 1924, Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo công nhân Sa-diện (tô giới Anh) ở Quảng-châu bãi công để phản đối luật cảnh sát mới, theo luật đó thì người Trung-quốc muốn ra vào Sa-diện phải có giấy chứng minh. Cuộc bãi công kéo dài hơn một tháng, đế quốc bị bắt buộc phải thủ tiêu đạo luật khinh thị người Trung-quốc ấy. Cuộc bãi công này không những vang động cả tỉnh Quảng-đông, mà còn có ảnh hưởng lan rộng đến miền trung và miền bắc Trung-quốc. Tiếp theo đó là cuộc bãi công của công nhân xưởng thuốc lá Nam-dương ở Thượng-hải, của phu xe ở Hán-khẩu, của công nhân xưởng dệt ở Tô-châu và của những người làm muối ở Dư-diêu (Chiết-giang), mỗi lần bãi công đều có chừng một vạn người tham gia, đó là triệu chứng phong trào công nhân được phục hưng.

Trong thời kỳ đó, phong trào nông dân ở miền nam cũng dần dần được phát triển. Ngay năm 1921, đồng chí Bành-Bái đã bắt đầu gây phong trào nông dân ở Quảng-đông. Nông hội Hải-phong thành lập tháng 1 năm 1923, gồm có hơn 10 vạn hội viên, đã đấu tranh chống bọn cường hào và đòi giảm tô. Tháng 2 năm 1924, nông hội Hải-phong bị quân phiệt Trần-Quýnh-Minh giải tán, nhưng tổ chức nông hội đã từ Hải-phong, Lục-phong phát triển đến Triều-châu, Sơn-đầu, và hơn nữa lan rộng khắp tỉnh Quảng-đông. Tháng 10 năm 1923, Đảng đã tổ chức hơn 10 vạn nông dân ở vùng Hành-sơn (Hồ-nam) vào nông hội, và lãnh đạo nông dân đấu tranh đổ máu với bọn địa chủ và quân phiệt Hồ-nam. Phong trào nông dân miền nam lấy Quảng-đông và Hồ-nam làm trung tâm, không những đã mở rộng tổ chức, mà còn lăn mình vào cuộc đấu tranh chính trị, quân tự vệ nông dân

chung quanh thành phố Quảng-châu đã giúp Tôn-Trung-Sơn đàn áp cuộc nổi loạn của nhóm Thương đoàn.

Tháng 10 năm 1924, trong chiến tranh lần thứ hai giữa quân phiệt Phụng-thiên và Trực-lệ, Phùng-Ngọc-Tường (thuộc phái Trực-lệ) gây cuộc chính biến, đổi tên quân đội của mình lại là quân Quốc dân, và đánh bạt thế lực quân phiệt Trực-lệ ra khỏi Bắc-kinh.

Sau cuộc chính biến đó, thế lực của quân phiệt Phụng-thiên xâm nhập vùng Hoa-bắc, giành được chính quyền Bắc-kinh; còn chủ lực của quân phiệt Trực-lệ thì, sau khi Ngô-Bội-Phu bại trận, đã rút lui đến lưu vực Trường-giang, tích súc lực lượng để chờ cơ hội trở lại. Chính phủ Bắc-kinh thành ra chính phủ liên hợp giữa ba phái Trương-Tác-Lâm, Đoàn-Kỳ-Thụy và Phùng-Ngọc-Tường, do Đoàn-Kỳ-Thụy cầm đầu, tự xưng là "Tổng chấp chính lâm thời".

Vì chính phủ quân phiệt mới Bắc-kinh chưa được vững chắc nên tạm thời lơi lỏng trong việc đàn áp công nhân. Đảng lợi dụng cơ hội ấy, trước nhất để cứu thoát các lãnh tụ công nhân đã bị bắt trong vụ ngày 7 tháng 2, khôi phục công đoàn đường sắt và tìm việc làm cho công nhân thất nghiệp. Tháng 2 năm 1925, Đại hội đại biểu công đoàn đường sắt toàn quốc lần thứ hai được triệu tập ở Bắc-kinh. Sau đại hội này, cuộc bãi công lớn của công nhân đường sắt Giao—Tế nổ ra, và tiếp theo đó là bãi công của công nhân Bắc-kinh, Vũ-Hán, Thẩm-dương và Đường-sơn v.v...

Trong tình hình đó, và để tập hợp quảng đại quần chúng dưới ngọn cờ cách mạng dân chủ, Đảng đã phát động phong trào nhân dân khắp nước đòi mở Hội nghị quốc dân và phế bỏ các hiệp ước bất bình đẳng. Theo lời kêu gọi của Đảng, các nơi như Thượng-hải, Chiết-giang, Quảng-đông, Hồ-nam, Hồ-bắc v.v... đều lần lượt tổ chức hội xúc tiến Hội nghị quốc dân.

Trong lúc phong trào nhân dân đang lên cao, tháng 1 năm 1925, Đảng cộng sản Trung-quốc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư ở Thượng-hải. Có 20 đại biểu tham gia và thay mặt cho 980 đảng viên.

Đại hội đã phân tích tỉ mỉ tình hình chính trị trước mắt và đề ra nhiệm vụ chính trị của Đảng. Đặc điểm tình hình chính trị lúc bấy giờ là, thống trị quân phiệt trong nước đã nhanh chóng bước vào thời kỳ tan rã, tức thời kỳ quân phiệt cũ đổ và quân phiệt mới chưa được củng cố. Trong thời kỳ đó, phong trào nhân dân Trung-quốc được cơ hội phát triển lớn lao. Sự phát triển đó của phong trào nhân dân hoàn toàn dựa vào chính sách của Đảng, dựa vào công tác tuyên truyền và tổ chức của Đảng trong dân chúng. Do đó, vấn đề trung tâm của Đại hội thảo luận là Đảng làm thế nào mở rộng phong trào nhân dân khắp nước.

Đại hội nêu rõ mục đích của giai cấp công nhân tham gia cách mạng dân chủ tư sản là sau khi giành được thắng lợi hoàn toàn, phải làm cách mạng vô sản, vì thế trong cuộc cách mạng này giai cấp công nhân phải đứng vào một địa vị đặc biệt, không giống như các giai cấp khác. Giai cấp công nhân tham gia cách mạng dân chủ dân tộc không thể phụ thuộc giai cấp tư sản, mà cần phải tham gia với địa vị độc lập của giai cấp mình và mục đích đã định. Cách mạng dân chủ Trung-quốc cần phải có giai cấp công nhân chiếm địa vị lãnh đạo mới có thể bảo đảm hoàn toàn thắng lợi.

Đại hội vạch rõ phong trào công nhân đã bắt đầu bước sang một thời kỳ mới, tức thời kỳ trở lại cao trào. Lúc đó Trung-quốc có khả năng mở Hội nghị quốc dân. Vì thế, giai cấp công nhân cần phải tích cực tham gia cuộc vận động Hội nghị quốc dân, xây dựng tổ chức giai cấp có tính quần chúng lớn mạnh, mới có thể bảo đảm địa vị lãnh đạo của mình trong phong trào

dân chủ dân tộc. Về mặt tổ chức, trong vùng thống trị của quân phiệt, công nhân phải xây dựng tiểu tổ nhà máy, trong mỗi nhà máy và mỗi xưởng thợ, chỉ cần có từ 3 công nhân trở lên thì có thể tổ chức được, rồi căn cứ theo ngành công tác trong nhà máy mà chia thành nhiều tiểu tổ, sau đó sẽ dựa vào cơ sở đó để tổ chức công đoàn nhà máy, và phát triển thành công đoàn địa phương. Công tác tổ chức cần phải tiến hành trước tiên ở các hầm mỏ, đường sắt, nhà máy sợi, ở các thành phố công thương nghiệp lớn như Thượng-hải, Hán-khẩu, Thiên-tân v.v...

Đại hội vạch rõ nông dân là lực lượng cơ bản của cách mạng dân chủ dân tộc, và là quân đồng minh chủ yếu của giai cấp công nhân. Đảng cộng sản Trung-quốc cần phải dùng mọi khả năng để tổ chức nông dân các nơi đấu tranh kinh tế và chính trị, vì thế Đại hội quyết định mở rộng tổ chức nông hội và quân tự vệ nông dân để chống chính quyền và lực lượng vũ trang của địa chủ. Muốn mở rộng phong trào nông dân khắp nước cần phải áp dụng và phổ biến kinh nghiệm vận động nông dân ở các tỉnh miền nam.

Đại hội phê phán những sai lầm của chủ nghĩa cơ hội "tả" hữu khuynh trong công tác mặt trận thống nhất một năm qua. Đại hội vạch rõ, sau khi cải tổ, trong nội bộ Quốc dân đảng đã hình thành ba phái : tả, trung và hữu. Vì thế Đại hội xác định phương châm mở rộng phái tả, phê bình phái trung và chống phái hữu.

Thành tích chủ yếu của Đại hội Đảng lần thứ tư là chuẩn bị về mặt tổ chức cho cao trào mới của nhân dân.

Khuyết điểm của Đại hội thứ tư là không có đề ra cương lĩnh ruộng đất.

Sau cuộc chính biến Bắc-kinh, Phùng-Ngọc-Tường hướng về cách mạng, mời Tôn-Trung-Sơn lên bắc, mục đích để tăng uy tín cá nhân; Đoàn-Kỳ-Thụy và Trương-Tác-Lâm, muốn mua

chuộc lòng người, nên cũng lấy cớ thương lượng việc nước đề mời Tôn-Trung-Sơn lên bắc. Dưới sự giúp đỡ của Đảng, tháng 10 năm 1924 Tôn-Trung-Sơn rời khỏi Quảng-đông đề lên bắc. Tôn-Trung-Sơn ra bản tuyên ngôn lên bắc, chủ trương hủy bỏ các điều ước bất bình đẳng và triệu tập Hội nghị quốc dân. Sau khi đến Bắc-kinh, Tôn-Trung-Sơn phát giác Đoàn-Kỳ-Thụy không có thiện ý triệu tập Hội nghị quốc dân, trái lại còn mở Hội nghị thiện hậu đề chống lại. Đề đối phó với Hội nghị thiện hậu của Đoàn-Kỳ-Thụy, tháng 3 năm 1925, Tôn-Trung-Sơn và Lý-Đại-Chiêu mở Đại hội đại biều toàn quốc hội xúc tiến Hội nghị quốc dân ở Bắc-kinh. Đại hội này có ảnh hưởng rất lớn về mặt chống Hội nghị thiện hậu, truyền bá tư tưởng cách mạng và dẫn dắt quần chúng tham gia hoạt động chính trị.

Tôn-Trung-Sơn lên bắc vì quá mệt nhọc, nên bệnh cũ trở lại và mất ở Bắc-kinh ngày 12 tháng 3 năm 1925. Trước giờ chết Tôn-Trung-Sơn có viết thư cho Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, thiết tha mong muốn một sự hợp tác hữu hảo giữa hai dân tộc Trung—Xô. Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, do Sta-lin thay mặt cũng có đánh điện chia buồn, vạch rõ sự nghiệp vĩ đại của Tôn-Trung-Sơn sẽ sống mãi mãi trong lòng công nhân và nông dân Trung-quốc, và khuyến khích phái dân chủ Quốc dân đảng dương cao ngọn cờ Tôn-Trung-Sơn cho đến ngày cách mạng dân chủ được hoàn toàn thắng lợi.

Cái chết đột nhiên đó của nhà cách mạng dân chủ, bạn vĩ đại của Đảng cộng sản Trung-quốc, là một cái tang chung cho nhân dân toàn quốc, và do đó đã hình thành một phong trào tuyên truyền chính trị rộng lớn. Nhờ sự hợp tác giữa hai đảng Quốc Cộng, và nhờ sức cố gắng của các đảng viên cách mạng, nên chủ nghĩa Tam dân mới chống đế quốc, phong kiến, được truyền bá khắp nước rất nhanh chống.

III — Bãi công chống Nhật của công nhân Trung-quốc. Đại hội lao động toàn quốc lần thứ hai. Phong trào chống đế quốc ngày 30 tháng 5 ở Thượng-hải. Bãi công lớn ở Quảng-châu và Hương-cảng. Căn cứ địa cách mạng ở Quảng-đông được củng cố. Phong trào nông dân toàn quốc tiếp tục phát triển.

Đế quốc mở công xưởng (chủ yếu là nhà máy sợi) ở Trung-quốc là thủ đoạn xâm lược kinh tế rất lợi hại. Sau chiến tranh, bọn tư bản nước ngoài còn mở thêm nhiều nhà máy sợi, nhất là tư bản Nhật. Công nghiệp sợi ở Nhật sau chiến tranh bị đe dọa vì thị trường trong nước ngày càng thu hẹp, biện pháp cứu vãn của bọn tư bản Nhật lúc bấy giờ là: đối nội thực hành chính sách lũng đoạn, đối ngoại mở rộng đầu tư vào Trung-quốc. Nhật mở nhà máy ở Trung-quốc có nhiều điều kiện thuận lợi như: có thể lợi dụng sức lao động rẻ mạt của công nhân Trung-quốc, lợi dụng chính sách đàn áp phong trào công nhân của chính phủ quân phiệt Trung-quốc và các tô giới; có thể lợi dụng hiệp định về thuế quan; lợi dụng ngành sản xuất bông vải ở các tỉnh miền bắc và Đông-bắc của Trung-quốc do Nhật thao túng; lợi dụng hệ thống vận tải hoàn chỉnh của Nhật xây dựng ở Trung-quốc v.v... Ngoài những điều kiện trên đây, Nhật còn có tư bản hùng hậu, kỹ thuật sản xuất và biện pháp quản lý nhà máy tiến bộ, vì thế không những có thể vơ vét số lợi nhuận quá mức, mà còn có thể đè bẹp các xí nghiệp Trung-quốc. Từ năm 1913 đến 1925, tỷ lệ ống suốt trong các nhà máy sợi Nhật, so với tổng số ống suốt toàn Trung-quốc, đã từ 13,6% tăng lên 45,3%, còn số ống suốt của nhà máy sợi Trung-quốc thì từ

58,8% hạ xuống 44%. Các nhà máy sợi Nhật đều tập trung ở Thượng-hải và Thanh-đảo, nhà máy sợi Trung-quốc kém hơn chúng xa.

Bọn chủ nhà máy Nhật áp bức và bóc lột công nhân Trung-quốc rất tàn nhẫn, như kéo dài giờ làm việc, truất lương thợ, và gian xảo hơn nữa là tạo ra cái gọi là "nuôi công nhân nhỏ", lợi dụng các em bé thay thế cho công nhân lớn, để tha hồ áp bức và bóc lột. Do đó một cuộc bãi công lớn đã xảy ra lúc tháng 2 năm 1925, và lan tràn khắp phần lớn các nhà máy Nhật. Đế quốc Nhật bèn cho hạm đội đến để tiến hành cuộc thị uy bằng vũ lực, đồng thời tên công sứ Nhật ở Trung-quốc cũng lên tiếng cảnh cáo chính phủ Bắc-kinh rất gắt gao. Đó là một sự kiện nghiêm trọng đã làm chấn động cả Viễn-đông.

Lần bãi công này làm cho công nhân càng tin tưởng sức mạnh của giai cấp mình, số công nhân vào công đoàn mỗi ngày càng tăng, từng xí nghiệp công nhân tự tổ chức lại và gây cơ sở cho tổ chức công đoàn. Lực lượng công đoàn càng lớn mạnh, bọn tư bản Nhật càng lo sợ, vì thế chúng quyết tâm tiêu diệt công đoàn, và sa thải những người tổ chức công đoàn. Công nhân Thượng-hải lại bãi công chống lại, và ngày 15 tháng 5 bọn tư bản nhà máy Nhật đã nổ súng vào công nhân bãi công, bắn chết công nhân Cố-Chính-Hồng và bị thương hơn 10 người.

Ở Thanh-đảo, vì tư bản Nhật áp chế công nhân trong việc tổ chức công đoàn, và sa thải những người gây mầm mống công đoàn, nên ngày 19 tháng 4, công nhân nhà máy sợi Nhật đồng lòng bãi công để chống lại. Ngày 28 tháng 5, bọn chủ nhà máy ra lệnh đóng cửa và bắt buộc công nhân ra khỏi nhà máy, cho quân đội Nhật xả súng bắn vào, gây thành vụ tàn sát Thanh-đảo.

Những vụ tàn sát đó càng nung sôi căm thù và ý chí đấu tranh của nhân dân Trung-quốc.

Nhiệm vụ chủ yếu của Đảng cộng sản Trung-quốc lúc đó là mở rộng và củng cố lực lượng của giai cấp mình. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, bốn công đoàn lớn nhất của Trung-quốc lúc bấy giờ là Tổng công đoàn đường sắt toàn quốc, Tổng công đoàn Hán-dã-bình, Tổng công đoàn thủy thủ Trung-hoa và Hội nghị đại biểu công nhân Quảng-đông, liền triệu tập Đại hội lao động toàn quốc lần thứ hai. Đại hội lần này khai mạc vào ngày 1 tháng 5 năm 1925 tại Quảng-châu, giữa lúc làn sóng chống đế quốc sắp lan tràn khắp nước. Có tất cả 281 người tham gia Đại hội, thay mặt cho 166 công đoàn và 54 vạn công nhân trong tổ chức.

Đại hội vạch rõ giai cấp công nhân cần phải tham gia phong trào cách mạng dân tộc, và phải giành được địa vị lãnh đạo trong phong trào này. Đại hội vạch rõ giai cấp công nhân cần phải tìm quân đồng minh, mà căn bản nhất là lực lượng nông dân. Đại hội vạch rõ yêu cầu khẩn cấp của giai cấp công nhân trong đấu tranh kinh tế lúc bấy giờ là quy định tiền công tối thiểu và chế độ ngày làm 8 giờ, cải thiện điều kiện lao động của nữ công và đồng công (công nhân bé), thực hiện bảo hiểm lao động và bảo hiểm xã hội, thủ tiêu chế độ cai thợ v.v... Đại hội vạch rõ công đoàn là tổ chức quần chúng rộng rãi của giai cấp công nhân, cần phải ra sức xây dựng cho tất cả công nhân đều vào công đoàn, và trong các thứ công đoàn, tổ chức tốt nhất là công đoàn sản nghiệp. Đại hội vạch rõ cần phải tẩy trừ bọn gian tế và phản bội trong phong trào công nhân.

Kết quả to lớn của Đại hội lần này là: Thứ nhất, thành lập Tổng công đoàn toàn quốc, thông qua điều lệ và bầu Ban chấp hành Tổng công đoàn; thứ hai, gia nhập Công đoàn quốc tế đỏ. Công đoàn Trung-quốc gia nhập tổ chức chung của giai cấp công nhân thế giới và cùng với giai cấp công nhân toàn thế

giới bắt tay nhau để làm cách mạng thế giới. Đại hội lần này có ý nghĩa trọng đại trong lịch sử công nhân Trung-quốc.

Sau Đại hội không đầy 20 hôm thì phong trào ngày 30 tháng 5 bùng nổ.

Trước đó có nhiều học sinh đại học ở Thượng-hải bị cảnh sát bắt, trong lúc đi quyên tiền cứu tế công nhân bị thương và dự lễ truy điệu Cố-Chính-Hồng. Đế quốc định ngày 30 tháng 5 sẽ mở phiên tòa công khai để xử số học sinh này, và quyết định ngày 2 tháng 6 sẽ thông qua bốn đề án uy hiếp nền công nghiệp dân tộc của Trung-quốc.

Sau cái chết của Cố-Chính-Hồng cũng đã có hơn hai vạn công nhân nhà máy sợi ở phía tây Thượng-hải bãi công đòi tăng lương. Bọn chủ Nhật-bản dùng biện pháp đóng cửa nhà máy để phá hoại phong trào đấu tranh của công nhân. Đảng cộng sản Trung-quốc họp hội nghị Ban chấp hành Trung ương ngày 28 tháng 5. Hội nghị nhận thấy muốn tranh thủ mọi lực lượng cách mạng, cần phải thống nhất cuộc đấu tranh kinh tế của công nhân với phong trào đấu tranh chống đế quốc đang rầm rộ trước mắt, cần phải chuyển đấu tranh kinh tế thành cuộc đấu tranh chính trị chống đế quốc, vì thế Hội nghị quyết định ngày 30 tháng 5 sẽ tổ chức một cuộc biểu tình thị uy chống đế quốc trong vùng tô giới. Ba giờ chiều ngày ấy, hơn một vạn quần chúng biểu tình trên đường Nam-kinh, bọn cảnh sát Anh xả súng bắn vào đám biểu tình, làm cho mười mấy người chết và hơn 50 người bị bắt đi.

Đó là vụ tàn sát ngày 30 tháng 5. Sau vụ này khắp nơi đều có quần chúng họp mít tinh và diễn thuyết. Đảng cộng sản Trung-quốc họp Hội nghị Trung ương, thông qua sách lược chống đế quốc mạnh hơn nữa, kêu gọi toàn thể nhân dân Thượng-hải đứng lên, bãi công, bãi thị, bãi khóa, và tổ chức Ủy ban hành động, để lãnh đạo phong trào ba bãi chống đế quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngày 30 hơn 20 vạn công nhân có tổ chức ở Thượng-hải thành lập Tổng công đoàn Thượng-hải, để làm hạt nhân đấu tranh chống đế quốc. Ngày 1 tháng 6, ở Thượng-hải đã bắt đầu một phong trào ba bãi rất lớn lao. Hơn 20 vạn công nhân bãi công, hơn 5 vạn học sinh bãi khóa, tuyệt đại bộ phận thương nhân bãi thị, đến nỗi cảnh sát người Hoa ở tô giới Anh cũng "bãi gác". Sau đó, Hội liên hợp công nhân, học sinh và thương nhân Thượng-hải được thành lập. Hội này do Tổng công đoàn Thượng-hải, Hội liên hợp các giới thương nhân Thượng-hải, Tổng hội liên hợp học sinh toàn quốc và Hội liên hợp học sinh Thượng-hải hợp lại và tổ chức ra. Chỉ có Tổng thương hội Thượng-hải của giai cấp tư sản mại bản không tham gia. Ngày 6 tháng 6, trong bức thư gửi cho quần chúng, Đảng chỉ rõ đường lối giải quyết vụ Thượng-hải: "không ở luật pháp, mà ở chính trị" và đưa ra mục tiêu chủ yếu để đấu tranh là "lật đổ mọi đặc quyền của đế quốc ở Trung-quốc". Dưới sự chỉ đạo của phương châm đó, ngày 11 tháng 6, hơn 20 vạn nhân dân Thượng-hải thuộc các giới công nhân, học sinh và thương nhân, họp mít tinh, thông qua 17 điều kiện giao thiệp để chống đế quốc. Các điều kiện này gồm có: lục quân và hải quân nước ngoài phải rút khỏi Trung-quốc, thủ tiêu quyền lãnh sự tài phán, người Trung-quốc ở các tô giới được tự do ngôn luận, lập đoàn thể, xuất bản, công nhân được tự do bãi công và được quyền tổ chức công đoàn, người Trung-hoa được tham gia Hội đồng thị chính tô giới, thu hồi tòa án v.v... Trong phong trào chống đế quốc ngày 30 tháng 5, giai cấp công nhân Thượng-hải đã tỏ rõ vai trò tiền phong và lãnh đạo.

Trước làn sóng cách mạng to lớn đó, bọn đế quốc muốn dùng vũ lực để uy hiếp, các nước Anh, Mỹ và Nhật đều tập trung nhiều quân hạm trên sông Hoàng-phố, và bố trí đội lục chiến hải quân khắp thành phố Thượng-hải, hơn nữa còn đánh

đập nhân dân trên các đường phố. Nhưng sau đó bọn chúng nhận thấy chính sách tàn sát không thể dập tắt phong trào, chúng liền đổi thay chiến lược và dùng nhiều âm mưu thâm độc hơn. Chúng đồng ý tăng thêm người Hoa trong Ban đồng sự hội nộp thuế ở tô giới Thượng-hải, và cho thu hồi tòa án để làm mồi xoa dịu phong trào. Chúng âm mưu với bọn mại bản kếch sù để chia rẽ mặt trận thống nhất chống đế quốc. Đối với giai cấp tư sản dân tộc thì một mặt chúng dùng hình thức "Điều tra tư pháp" và "Hội nghị thuế quan" để mơn trớn, một mặt khác, chúng dùng những mánh khóe ngưng vay mượn, ngưng hối đoái, ngưng vận tải và cung cấp hơi điện v.v... để uy hiếp. Đồng thời chúng thông qua các biện pháp gọi là "hiệp thương hữu nghị" của Đái-Quí-Đào và Hồ-Thích đề ra. Dưới chính sách đó của đế quốc, giai cấp tư sản dân tộc ở Thượng-hải bắt đầu dao động, tên mại bản kếch sù Ngu-Hiệp-Khanh lợi dụng cơ hội ấy để chữa lại 17 điều kiện trên đây, và quyết định một mình đình chỉ bãi thị, xơi bớt số tiền cứu tế công nhân, và bắt buộc công nhân phải làm việc lại. Đồng thời, bọn quân phiệt Phụng-thiên ở Thanh-đảo, Thiên-tân và Nam-kinh cũng đàn áp phong trào bãi công. Ở Thượng-hải thì Hội liên hiệp công thương học và Tổng công đoàn đều bị đóng cửa, một số lãnh tụ cách mạng bị bắt. Trước tình cảnh đó, để giữ vững tổ chức của giai cấp công nhân và giữ vững những thắng lợi đã thu được, Tổng công đoàn Thượng-hải quyết định đình chỉ cuộc tổng bãi công, lấy việc giải quyết yêu cầu kinh tế của công nhân và giải quyết vấn đề có tính chất địa phương làm điều kiện. Vào khoảng tháng 7 tháng 8 công nhân dần dần làm việc lại. Ngày 7 tháng 9, 20 vạn quần chúng ở Thượng-hải tổ chức cuộc biểu tình ghi nhớ ngày "nhục nước", bị đế quốc và quân phiệt tàn sát. Thế là phong trào quần chúng ở Thượng-hải tạm thời bị bẻ gãy.

Vụ đồ máu ở Thượng-hải đã gây một làn sóng căm thù đế quốc lan tràn khắp nơi. Ở Bắc-kinh, Hán-khẩu, Trường-sa, Cửu-giang và Hàng-châu thường có những cuộc đấu tranh chống đế quốc bằng hình thức biểu tình thị uy, bãi công, bãi thị và bãi khóa. Quy mô to lớn nhất và ảnh hưởng rộng lớn nhất là cuộc bãi công ở Quảng-châu và Hương-cảng.

Cuộc bãi công này nổ ra, mục đích là để phản đối vụ đồ máu ở Thượng-hải. Ngày 19 tháng 6, hơn 10 vạn công nhân Quảng-châu và Hương-cảng bắt đầu bãi công, nhất trí ủng hộ 17 điều kiện giao thiệp của Hội liên hiệp công thương học Thượng-hải, đồng thời còn đề ra 6 điều: tự do chính trị, bình đẳng luật pháp, phổ thông đầu phiếu, lập pháp lao động, giảm tiền thuê nhà và tự do cư trú, để bắt buộc nhà đương cục giải quyết. Nhà đương cục Hương-cảng lập tức ra lệnh giới nghiêm và phong tỏa Chính phủ cách mạng Quảng-đông là chính phủ ủng hộ hành động chính nghĩa của công nhân Hương-cảng. Ngày 23 tháng 6, 10 vạn công nhân, học sinh, dân phố và quân nhân Quảng-châu tổ chức biểu tình thị uy để ủng hộ phong trào 30 tháng5. Lúc đoàn biểu tình đi đến phố Sa-cơ gần Sa-diện thì quân đội Anh xả súng bắn vào, hơn 50 người chết và hơn 100 người bị thương nặng. Sau vụ tàn sát này, Chính phủ cách mạng Quảng-đông liền tuyên bố cắt đứt quan hệ kinh tế với nước Anh, và phong tỏa cửa bể. Công nhân Trung-quốc ở Hương-cảng, dưới sự lãnh đạo của các đồng chí Tô-Triệu-Trưng và Đặng-Trung-Hạ, tổ chức một cuộc bãi công hơn 25 vạn người. Mười ba vạn công nhân bãi công lần lượt lui về Quảng-châu, hợp sức với công nhân ở đó, và dưới sự lãnh đạo của "Ủy ban bãi công Quảng-châu và Hương-cảng", chính thức thành lập đội củ soát gồm hơn 2.000 người, để gây phong trào tẩy chay hàng hoá Anh và Nhật.

Trên "Ủy ban bãi công Quảng-châu và Hương-cảng" có Đại hội đại biểu công nhân bãi công gồm hơn 800 người là cơ quan

nghị sự, bên dưới có cục cán sự, cục pháp chế, cục công thẩm, cục thẩm kê, ủy ban tài chính, khám đường, đội củ soát vũ trang, y viện, trường học v.v... Tất cả tổ chức của Ủy ban bãi công, thực chất là một cơ quan chính phủ.

Dưới sự lãnh đạo của Ủy ban bãi công, công nhân phong tỏa các cửa bề ở Quảng-đông, cắt đứt mọi quan hệ với Hương-cảng và Áo-môn, bờ bề Quảng-đông, phía đông từ Sơn-đầu đến phía tây giáp Bắc-hải, quanh co mấy nghìn dặm đều bị phong tỏa chặt chẽ.

Bãi công lần này là một vố đánh mạnh vào đế quốc Anh.

Thứ nhất, cuộc bãi công ở Quảng-châu và Hương-cảng làm cho Hương-cảng bị tổn thất nặng về kinh tế.

Trong thời gian bãi công, mậu dịch đối ngoại ở Hương-cảng so với lúc trước bãi công đã bị giảm hơn một nửa, nhiều tiệm buôn ở Hương-cảng bị đóng cửa, giấy bạc Hương-cảng mất giá trị, tài chính của chính phủ Hương-cảng bị phá sản, tổn thất mỗi ngày đến 350 vạn đồng.

Một mặt khác, cuộc bãi công làm cho kinh tế Quảng-đông được độc lập và phát triển. Do Ủy ban bãi công đã khai thông con đường vận tải từ Quảng-châu đến Thượng-hải, nên những người trước kia buôn bán ở Hương-cảng bây giờ có thể đến Quảng-châu buôn bán, như thế ngành buôn sỉ ở Quảng-châu không những được khôi phục mà ngày càng thịnh vượng. Giấy bạc của Chính phủ Quảng-đông phát hành được khôi phục giá trị, số thu trong ngân sách chính phủ tăng lên rất nhiều.

Thứ hai, cuộc bãi công ở Quảng-châu và Hương-cảng làm cho đế quốc Anh phải mất hẳn uy tín về mặt chính trị.

Cuộc bãi công lần này kéo dài đến I năm 4 tháng, từ tháng 6 năm 1925 đến tháng 10 năm 1926, chẳng những là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử cách mạng Trung-quốc, mà còn là một việc ít thấy trong lịch sử bãi công của công nhân thế giới.

Nhờ công nhân bãi công và nông dân trong tỉnh ủng hộ và giúp đỡ, nên căn cứ địa cách mạng ở Quảng-đông được vững chắc.

Lúc mới bắt đầu bãi công, Chính phủ cách mạng Quảng-đông còn ở trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, nội bộ thì quân phiệt Dương-Hy-Mẫn, Lưu-Chấn-Hoàn và bọn phái hữu Quốc dân đảng âm mưu nổi loạn, bên ngoài thì quân phiệt Trần-Quỷnh-Minh, Đặng-Bản-Ân vây đánh. Tất cả các phái phản động đều câu kết lại và âm mưu nội công ngoại kích để lật đổ chính phủ cách mạng.

Các nguy cơ đó đều khắc phục được nhờ có công nhân và nông dân giúp đỡ.

Trước và sau ngày Tôn-Trung-Sơn lên bắc, Trần-Quỷnh-Minh chiếm cả vùng Huệ-châu, Triều-châu và Sơn-đầu, được đế quốc Anh và chính phủ Đoàn-Kỳ-Thụy viện trợ quân sự, nên uy hiếp đến an toàn của Quảng-châu. Tháng 2 năm 1925, quân cách mạng cử hành cuộc đông chinh thứ nhất. Chủ lực của quân đông chinh là học sinh trường Hoàng-phố. Quân học sinh chỉ có hơn 3.000 người, còn quân đội của Trần-Quỷnh-Minh và đồng minh của hắn có đến 8,9 vạn người. Nhờ công tác chính trị của Đảng ở trường Hoàng-phố và học sinh anh dũng thiện chiến, nên đến cuối tháng 3 thì quân cách mạng đã đánh tan bộ đội tinh nhuệ của Trần-Quỷnh-Minh, chiếm được Triều-châu và Sơn-đầu.

Đầu tháng 6 năm 1925, Dương-Hy-Mẫn và Lưu-Chấn-Hoàn câu kết nhau, hòng lật đổ chính phủ cách mạng. Nhờ chủ trương kiên quyết của Đảng cộng sản và phái tả Quốc dân đảng, quân đông chinh trở về đánh dẹp bọn Dương-Hy-Mẫn và Lưu-Chấn-Hoàn, quân đội phản động bị tan rã, chính phủ cách mạng được thoát khỏi nguy cơ và trở nên vững vàng.

Dẹp xong bọn Dương-Hy-Mẫn và Lưu-Chấn-Hoàn, thì ngày I tháng 7 Chính phủ quốc dân được thành lập ở Quảng-châu. Các quân đội có tham gia cách mạng, lấy quân học sinh Hoàng-phố làm nòng cốt, đều nhất luật đổi tên lại là Quân cách mạng quốc dân.

Lúc bấy giờ mặc dầu Chính phủ quốc dân đã thành lập, nhưng nội bộ Quốc dân đảng vẫn chống báng nhau kịch liệt. Hồ-Hán- Dân và Hứa-Sùng-Trí âm mưu nổi loạn bị Ủy ban bãi công phát giác. Ngày II tháng 8, công nhân Quảng-đông cử hành cuộc biểu tình thị uy, đòi thanh trừ quân gian trong nội bộ và mạnh mẽ ủng hộ phái tả Quốc dân đảng. Nhưng phái này lại dao động, không dám ra tay, rốt cuộc tình hình càng trở nên nghiêm trọng. Tiếp theo đó lại xảy ra vụ Liêu-Trọng-Khải bị ám sát. Chính phủ cách mạng Quảng-đông nhờ có nhân dân ủng hộ, nên giải tán được quân đội phản động và đánh đuổi bọn Hồ-Hán-Dân và Hứa-Sùng-Trí ra khỏi Quảng-châu.

Tháng 10 năm 1925, quân cách mạng Quảng-đông mở cuộc đông chinh lần thứ hai. Quân đông chinh trước hết lấy được vùng Huệ-châu của Trần-Quỳnh-Minh đã chiếm cứ, rồi đến cuối tháng 10 đánh tan quân đội Trần-Quỳnh-Minh và thu phục cả vùng Đông-giang.

Kế đó Quân cách mạng lại mở cuộc nam chinh. Tháng 12 khắc phục Cao-châu, Lôi-châu, Khâm-châu, Liêm-châu, rồi tháng 2 năm 1926 tiêu diệt tàn quân địch trên đảo Hải-nam, làm cho tỉnh Quảng-đông được hoàn toàn thống nhất.

Từ tháng 5 năm 1925 đến tháng 7 năm 1926, phong trào nông dân trong khắp nước cũng được phát triển nhanh chóng.

Cuộc đấu tranh chống đế quốc ngày 30 tháng 5 đã thúc đẩy mạnh phong trào nông dân trong nước. Sau cuộc đấu tranh đó, phong trào nông dân bắt đầu kết hợp với phong trào cách mạng dân tộc, nông dân đã thành ra một lực lượng mới rất nổi bật trong toàn bộ cách mạng.

Trường giảng tập nông vận toàn quốc là cơ quan chủ yếu để bồi dưỡng cán bộ công tác nông dân, học sinh ở trường giảng tập, sau khi học xong, một bộ phận ở lại Quảng-đông, còn phần đông được phân phối đến các tỉnh làm công tác nông dân.

Ngày 20 tháng 4 năm 1926, Đại hội đại biểu nông dân toàn quốc lần thứ nhất bắt đầu họp. Trong bức thư gửi cho Đại hội, Trung ương Đảng có vạch rõ, phong trào nông dân cần phải kết hợp với phong trào cách mạng dân tộc, kết hợp với phong trào công nhân, và chỉ có đấu tranh dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mới có thể thu được thắng lợi chân chính.

Tháng 6 năm 1926, Nông hội toàn quốc có tất cả 98 vạn hội viên, trong đó tỉnh Quảng-đông nhiều nhất, có đến 647.000 người. Lúc đó Quảng- đông là căn cứ cách mạng, nên phong trào nông dân ở đó phát triển trước nhất. Năm 1925 và 1926, có mở hai lần Đại hội đại biểu nông dân toàn tỉnh, và thông qua nhiều nghị quyết quan trọng như:đả đảo bọn quan lại tham ô, bọn cường hào địa chủ, thủ tiêu chế độ bao ruộng để cho thuê lại, giảm tô thoái cố, tổ chức quân nông dân tự vệ, thủ tiêu dân đoàn, kiến lập công nông liên minh v.v... Trong thời kỳ ấy, cuộc đấu tranh của nông dân Quảng-đông từ bãi bỏ sưu cao thuế nặng, giảm tô thoái cố, tiến lên phản đối cường hào và dân đoàn áp bức.

Nông dân Quảng-đông cũng có tham gia đấu tranh chống quân phiệt và đế quốc. Trong chiến dịch Đông -giang, nông dân các huyện Hải-phong, Lục-phong và Ngũ-hoa đã góp sức với quân đông chinh để đánh bại Trần-Quỳnh-Minh. Trong chiến dịch đánh dẹp bọn Dương-Hy-Mẫn và Lưu-Chấn-Hoàn, nông dân chung quanh Quảng-châu cũng có tác chiến bên cạnh quân đội. Trong cuộc bãi công ở Quảng-châu và Hương-cảng, nông dân đã hợp sức với công nhân để phong tỏa Hương-cảng, giữ vững đấu tranh.

Quảng-đông trong lúc đó là một trong những tỉnh có phong trào nông dân mạnh nhất. Chính phủ cách mạng Quảng-đông được thành lập và củng cố trên cơ sở phong trào công nông.

Trước ngày Bắc phạt, phong trào nông dân ở các tỉnh Hồ-nam, Hồ-bắc, Giang-tây v.v... cũng đã bắt đầu phát triển. Riêng tỉnh Hồ-nam đả có hơn 40 vạn nông dân ở trong tổ chức và cả triệu nông dân chịu ảnh hưởng của Đảng cộng sản. Nông hội Hồ-bắc có 72.000 hội viên.

Nông dân ở các tỉnh đó đã bắt đầu đấu tranh kinh tế và chính trị, họ chuẩn bị đón tiếp quân cách mạng đi Bắc phạt, giúp tay và dẫn đường cho quân cách mạng.

Nông dân các tỉnh Hà-nam, Thiểm-tây, Sơn-đông, Hà-bắc v.v... đã có những cuộc bạo động rải rác chống chiến tranh quân phiệt, chống sưu cao thuế nặng, chống dự trưng lương thực, chống quan lại tham ô. Nông dân ở các tỉnh đó dùng các tổ chức thời xưa như "Hội giáo đỏ" v.v... để chống quan liêu, quân phiệt và địa chủ áp bức. Nhưng các tổ chức ấy thường bị địa chủ cường hào và phú nông nắm lấy và biến thành công cụ ủng hộ giai cấp địa chủ.

Nhờ sự cố gắng của Đảng cộng sản, thứ tổ chức xưa đó của nông dân miền bắc cũng dần dần được cải tạo thành tổ chức tiến bộ, tức nông hội. Tháng 4 năm 1926, Hà-nam thành lập nông hội tỉnh có 27 vạn hội viên, đội tự vệ nông dân gồm có 10 vạn người, và tiến hành những cuộc đấu tranh chống sưu thuế của bọn thống trị quân phiệt.

IV —Đồng chí Mao-Trạch-Đông nói rõ tư tưởng căn bản về cách mạng dân chủ mới. Tư tưởng phản động của Đái-Quí-Đào. Bọn hữu phái Tưởng-Giới-Thạch âm mưu đoạt quyền lãnh đạo cách mạng. Tập đoàn chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh của Trần-Độc-Tú nhượng bộ Tưởng-Giới-Thạch.

Từ năm 1924 đến đầu năm 1926, tình hình cách mạng Trung-quốc được phát triển nhanh chóng. Nhờ căn cứ địa cách mạng ở Quảng-đông được củng cố, phong trào công nhân toàn quốc lên cao, phong trào nông dân khắp nước đang lên, cho nên cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng khắp nơi trong nước đều tiến sát trận quyết chiến lớn. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa phái cách mạng và phái phản động trong mặt trận cách mạng cũng đến trình độ khẩn trương.

Đó là tình hình cách mạng trước chiến tranh Bắc phạt.

Trong bước khẩn trương này, vấn đề ai có thể lãnh đạo cách mạng giành được thắng lợi là vấn đề căn bản, làm mục tiêu cho những cuộc tranh luận gay gắt trong nội bộ Đảng. Tức là vấn đề cách mạng phải do giai cấp công nhân hay giai cấp tư sản lãnh đạo? Quân đồng minh cơ bản của giai cấp công nhân là nông dân hay giai cấp tư sản? Lúc đó trong nội bộ Đảng còn có nhiều người chưa giải quyết được triệt để vấn đề này. Tập đoàn chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh của Trần-Độc-Tú cho rằng cách mạng dân chủ tư sản phải do giai cấp tư sản lãnh đạo, mục đích của cách mạng là thành lập nước cộng hòa tư sản, cho rằng giai cấp tư sản là lực lượng dân chủ duy nhất mà giai cấp công

nhân cần liên hợp. Bọn họ chỉ chú ý hợp tác với giai cấp tư sản và bỏ rơi lực lượng nông dân là lực lượng đồng minh rộng lớn và căn bản nhất, vì thế trong đấu tranh cách mạng họ đã đề lộ tính mềm yếu và bất lực của họ. Còn phái cơ hội "tả" khuynh do Trương-Quốc-Đào đại biểu thì chỉ chú trọng giai cấp công nhân và quên nốt nông dân. Hai thứ chủ nghĩa cơ hội đó đều cảm thấy lực lượng của mình không đủ, nhưng không biết tìm lực lượng đồng minh rộng lớn ở đâu. Đề chống lại hai thứ khuynh hướng sai lầm còn tồn tại trong Đảng đó, tháng 3 năm 1926, đồng chí Mao-Trạch-Đông viết bài "Phân tích các giai cấp trong xã hội Trung-quốc".

Trong luận văn đó, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã căn cứ theo lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác và học thuyết cách mạng dân tộc thuộc địa của Lê-nin, vạch rõ tư tưởng căn bản về cách mạng dân chủ mới của đại chúng nhân dân, trên cơ sở công nông liên minh, do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Những căn cứ đã hình thành tư tưởng căn bản đó là:

Thứ nhất, về mặt trong nước, lần đầu tiên ở Trung-quốc, đồng chí Mao-Trạch-Đông phân tích một cách khoa học địa vị kinh tế và thái độ chính trị của các giai cấp trong xã hội Trung-quốc.

"Tất cả bọn quân phiệt, quan liêu, giai cấp mại bản, giai cấp đại địa chủ và một bộ phận giới trí thức phản động phụ thuộc chúng, câu kết với chủ nghĩa đế quốc, đều là kẻ địch của ta. Giai cấp vô sản công nghiệp là lực lượng lãnh đạo cách mạng của chúng ta. Tất cả giai cấp bán vô sản, giai cấp tiểu tư sản, đều là bạn gần gụi nhất của chúng ta. Còn giai cấp trung sản bấp bênh, cánh hữu của nó có thề là địch của ta, cánh tả của nó có thề là bạn ta—nhưng chúng ta phải luôn luôn đề phòng họ, đừng đề họ phá rối trận tuyến của ta."

Giai cấp địa chủ mại bản, đại biểu cho quan hệ sản xuất phản động nhất và lạc hậu nhất, đã làm trở ngại cho sự phát triển sức sản xuất xã hội Trung-quốc rất nhiều. Chúng nó được tồn tại và phát triển là hoàn toàn dựa vào chủ nghĩa đế quốc, bọn chúng là giai cấp do đế quốc nuôi dưỡng. Vì thế bọn chúng không thể chung sống với mục đích cách mạng Trung-quốc được. Tức là nói, bọn chúng là phái phản động của Trung-quốc, là kẻ thù của cách mạng, là đối tượng cách mạng.

Giai cấp cách mạng của Trung-quốc là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và giai cấp tư sản dân tộc. Vì giai cấp công nhân đặc biệt lớn mạnh và giai cấp tư sản dân tộc rất mềm yếu, nên giai cấp lãnh đạo cách mạng Trung-quốc phải là giai cấp công nhân.

Giai cấp công nhân Trung-quốc đại biểu cho sức sản xuất mới, là giai cấp tiến bộ nhất của Trung-quốc hiện đại. Trước nhất, lực lượng giai cấp công nhân tập trung nhất, địa vị kinh tế của giai cấp công nhân rất thấp, vì thế, giai cấp công nhân có tính đấu tranh cách mạng mạnh mẽ. Sau nữa là vì trong mấy năm qua đã có nhiều cuộc bãi công có ý nghĩa lịch sử của công nhân, như cuộc bãi công của thủy thủ, của công nhân đường sắt, của công nhân hầm mỏ, đặc biệt là các cuộc bãi công ở Thượng-hải và Hương-cảng, đã chứng tỏ sức mạnh của giai cấp công nhân. Đồng chí Mao-Trạch-Đông dựa vào chỗ giai cấp công nhân Trung-quốc đại biểu cho sức sản xuất tiền tiến và giàu tính đấu tranh, dựa vào lực lượng của giai cấp công nhân đã biểu hiện trong thời gian đấu tranh cách mạng để chứng minh giai cấp công nhân là người lãnh đạo cách mạng Trung-quốc, đó là một kết luận đanh thép không thể nghi ngờ được.

Quân đồng minh rộng lớn nhất và trung thực nhất của công nhân Trung-quốc là giai cấp nông dân và giai cấp tiểu tư sản. Đồng chí Mao-Trạch-Đông phân tích một cách cụ thể địa vị kinh

tế và thái độ đối với cách mạng của các tầng lớp người trong giai cấp nông dân và giai cấp tiểu tư sản, chỉ rõ họ đều có tính cách mạng với trình độ khác nhau, trong đó có một bộ phận nhỏ tức là nông dân tự canh, người làm nghề thủ công và phần tử trí thức nhỏ, lúc bình thường có thể hoài nghi kết quả đấu tranh chống đế quốc, chống quân phiệt phong kiến, nhưng đến lúc trào lưu cách mạng lên cao thì có thể tham gia. Còn đại bộ phận người, tức nông dân nửa tự canh, bần nông, những người thủ công nhỏ, những người làm công trong các tiệm, vì bị áp bức bóc lột nên rất dễ tiếp thu tuyên truyền cách mạng và tham gia đấu tranh cách mạng. Thành phần nửa tự canh và bần nông chiếm đa số nhân khẩu nông thôn, "vì thế vấn đề nông dân, chủ yếu là vấn đề của họ". Như thế tức là nói, nông dân là giai cấp có sức cách mạng tiềm tàng vĩ đại. Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã nói rõ vấn đề quân đồng minh chủ yếu nhất trong cách mạng Trung-quốc, tức là vấn đề liên minh công nông.

Thái độ của giai cấp tư sản dân tộc đối với cách mạng rất mâu thuẫn, vì họ có tính cách mạng mà đồng thời cũng có tính thỏa hiệp. Tính hai mặt đó của giai cấp tư sản dân tộc do địa vị kinh tế của bản thân họ quyết định.

Chủ nghĩa tư bản dân tộc Trung-quốc bị chủ nghĩa đế quốc và phong kiến chèn ép, nên "lúc họ cảm thấy đau khổ vì bị quân phiệt áp bức và tư bản ngoại quốc lấn ép, thì họ cần cách mạng, tán thành cách mạng chống đế quốc và chống quân phiệt". Về mặt đó họ có khả năng tham gia cách mạng, vì thế chúng ta cần liên hợp với họ. Nhưng một mặt khác sự phát triển của chủ nghĩa tư bản dân tộc Trung-quốc còn có quan hệ nhất định với chủ nghĩa đế quốc và phong kiến, đồng thời lúc nào họ cũng có ý muốn trèo lên địa vị đại tư sản, do đó họ không có tính kiên quyết cách mạng, đặc biệt là "khi cách mạng được giai cấp vô sản trong nước rầm rộ tham gia và giai cấp vô sản thế giới bên ngoài

tích cực ủng hộ, ý muốn tiến lên địa vị giai cấp đại tư sản của họ bị uy hiếp, thì họ đâm ra hoài nghi cách mạng". Họ sợ tiến hành cách mạng triệt đề. Về mặt này, có thề vì thỏa hiệp và dao động mà họ thoát ly cách mạng, hoặc trở lại làm tay sai cho bọn phản cách mạng. Vì thế, chúng ta cần phải cảnh giác cao độ, đấu tranh kiên quyết và thích đáng với tính thỏa hiệp của họ.

Tính hai mặt đó của giai cấp tư sản dân tộc đã được chứng minh đầy đủ trong thời gian từ cách mạng 1911 đến phong trào ngày 30 tháng 5 năm 1925. Đến năm 1925, giai cấp tư sản dân tộc còn có những lời kêu gọi "Cất tay mặt đánh đồ đế quốc, cất tay trái đánh đồ Đảng cộng sản".

Đồng chí Mao-Trạch-Đông thấy trước giai cấp tư sản dân tộc thế nào rồi cũng sẽ bị phân hóa, hoặc hướng về phía tả gia nhập phái cách mạng, thừa nhận sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, hoặc ngả về phía hữu gia nhập phái phản cách mạng, chạy theo giai cấp tư sản mại bản. Sự biến xẩy ra trong năm 1927 đã chứng minh đầy đủ dự kiến khoa học đó.

Thứ hai, về mặt quốc tế, chỉ rõ sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, thế giới đã chia làm hai thế lực lớn, tức thế lực chủ nghĩa xã hội và thế lực chủ nghĩa đế quốc. Trong hai thế lực lớn đó, chúng ta phải gia nhập một và chống một. Cách mạng Trung-quốc chỉ có đứng về phía chủ nghĩa xã hội, thành một bộ phận chống chủ nghĩa đế quốc dưới ngọn cờ chủ nghĩa Lê-nin, mới có thề thu được thắng lợi. Là vì, từ chiến tranh Nha phiến trở lại, phong trào cách mạng Trung-quốc đều bị đế quốc bóp nghẹt, còn Liên-xô, không những dùng sự tồn tại và thành công của mình đề kìm hãm thế lực phản cách mạng của đế quốc, mà còn dùng kinh nghiệm và lực lượng ngày càng lớn mạnh của mình đề cổ vũ và giúp đỡ phong trào đấu tranh của dân tộc bị áp bức.

Như thế, đường lối chính trị cơ bản của cách mạng đã vạch ra theo điều kiện quốc tế và trong nước là: Cách mạng Trung-quốc là một bộ phận cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản, cách mạng đó phải do giai cấp công nhân lãnh đạo, quân đồng minh đáng tin cậy nhất của giai cấp công nhân là giai cấp nông dân và giai cấp tiểu tư sản, liên hợp giai cấp tư sản dân tộc cách mạng, chống chủ nghĩa đế quốc, chống giai cấp địa chủ mại bản, tranh thủ cách mạng dân chủ triệt để thắng lợi và mở đường thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội.

Trước tác đó là văn hiến cương lĩnh chủ nghĩa Mác—Lê-nin đúng nhất và sớm nhất của Trung-quốc. Đối với nhiều vấn đề cách mạng Trung-quốc có tính chất căn bản, nó đã phân tích cụ thể và luận đoán rất khoa học, nó đã giải quyết đúng đắn nhiều vấn đề cơ bản mà trước kia mấy lần Đại hội Đảng chưa giải quyết, hoặc có giải quyết nhưng chưa thấu đáo, tức vấn đề quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản, vấn đề nông dân và vấn đề đối xử với giai cấp tư sản v.v... Nó kiên quyết phản đối quan điểm chủ nghĩa cơ hội "tả" hữu khuynh còn tồn tại trong Đảng lúc đó, vạch rõ một cách sâu sắc nhiệm vụ chung và đường lối chung của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân chủ.

Trước tác ấy cũng viết ra với mục đích phản đối lý luận phản động của phái hữu Quốc dân đảng. Đại biểu cho lý luận phản động của phái hữu Quốc dân đảng lúc bấy giờ là chủ nghĩa Đái-Quí-Đào, mà nội dung chủ yếu đã bao gồm trong hai quyển sách con "Cách mạng quốc dân và Quốc dân đảng Trung-quốc" và "Cơ sở triết học của chủ nghĩa Tôn-Văn" của Đái-Quí-Đào. Đái-Quí-Đào, một luận khách phản Cộng, là "nhà lý luận" của phái hữu phản cách mạng trong Quốc dân đảng.

Nội dung cơ bản và thực chất phản động của chủ nghĩa Đái-Quí-Đào là gì?

Thứ nhất, Đái-Quí-Đào cực lực phản đối đấu tranh giai cấp, phản đối giai cấp công nhân đấu tranh chống giai cấp tư sản. Y cho rằng muốn ủng hộ quyền lợi của giai cấp công nhân, không cần phải dùng phương thức đấu tranh, mà có thể dùng lòng nhân ái để lay chuyển nhà tư bản, làm cho họ tôn trọng quyền lợi của công nhân. Thực chất thứ tư tưởng đó là muốn cho quần chúng công nông ngừng đấu tranh để đợi nhà tư bản ban ân và sai khiến.

Thứ hai, Đái-Quí-Đào nói "quốc gia", "dân tộc" là nguyên tắc tối cao, nhưng xét theo Đái-Quí-Đào thì cái gọi là "quốc gia" và "dân tộc" đều lấy giai cấp tư sản làm chủ, còn công nông thì ở vào địa vị phụ thuộc và bị thống trị. Y lấy "quốc gia" và "dân tộc" làm chiêu bài để mê hoặc quần chúng công nông, ngăn trở công nông đề ra những yêu cầu chính nghĩa. Mục đích cuối cùng của y là xây dựng nền chuyên chính giai cấp tư sản.

Thứ ba, Đái-Quí-Đào cực lực chủ trương xây dựng tư tưởng trung tâm của Quốc dân đảng. Y cho rằng đảng viên cộng sản trong Quốc dân đảng chỉ nên thờ chủ nghĩa Tam dân chứ không nên tin chủ nghĩa cộng sản, chỉ nên thừa nhận chủ nghĩa Tam dân là lý luận duy nhất, thừa nhận Quốc dân đảng là chính đảng cứu nước duy nhất. Vì thế, y phản đối đảng viên cộng sản tham gia Quốc dân đảng, đòi đảng viên cộng sản phải rút khỏi Quốc dân đảng, đòi trục xuất lực lượng Đảng cộng sản khỏi Quốc dân đảng. Ý đồ của y là chế ngự, và hơn thế nữa là tiêu diệt đội tiền phong của giai cấp vô sản—tức là Đảng cộng sản về mặt tư tưởng, chính trị cũng như tổ chức.

Mặc dầu Đái-Quí-Đào đã lên tiếng chống đấu tranh giai cấp, nhưng thực tế y đã tiến hành đấu tranh giai cấp trên tư tưởng cũng như hành động, chẳng qua đó là một cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản áp bức giai cấp vô sản. Vì thế Đái-Quí-Đào đã kêu gọi "thực hiện cho được một thứ Đích-ta-tuya". Đó là lời

kêu gọi đã ló đuôi xúi giục bọn phái hữu Quốc dân đảng gây cuộc chính biến phản cách mạng.

Từ nửa năm sau năm 1925, thứ chủ nghĩa Đái-Quí-Đào phản động đó đã bắt đầu trong nội bộ Quốc dân đảng, và trên cơ sở đó tháng II đã hình thành phái Hội nghị Tây-sơn. Một nhóm trong phái phản động Quốc dân đảng họp nhau ở chùa Bích-vân Tây-sơn Bắc-kinh, công khai kêu gọi chống Xô, chống Cộng. Chúng lập ra Quốc dân đảng thứ hai ở Thượng-hải và đặt cơ quan khắp nơi ở Bắc-kinh đề tiến hành hoạt động phản cách mạng.

Trong phong trào chủ nghĩa Đái-Quí-Đào, một tổ chức phản động chống Xô chống Cộng, tức "Học hội chủ nghĩa Tôn-Văn" được thành lập ở Quảng-châu.

Trong lúc cuộc đấu tranh giữa phái cách mạng và phái phản động trong nội bộ Quốc dân đảng đã trở nên gay gắt, thì tháng I năm 1926, Quốc dân đảng mở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai ở Quảng-châu. Trong Đại hội lần này Đảng cộng sản Trung-quốc và phái tả trong Quốc dân đảng chiếm ưu thế. Đại hội thông qua quyết nghị kiên quyết chấp hành ba chính sách lớn và lời di chúc của Tôn-Trung-Sơn, khiển trách hoạt động phản động của phái hữu và thi hành kỷ luật các phần tử làm đầu trong phái Hội nghị Tây-sơn. Nhưng, trong khi lãnh đạo Đại hội lần này, các phần tử cơ hội hữu khuynh trong Đảng cộng sản đã phạm sai lầm nghiêm trọng. Bọn họ không tiếp thu ý kiến đúng đắn của một số đồng chí trong Đảng đề kiên quyết chống các phần tử cầm đầu trong phái hữu, trục xuất bọn chúng ra khỏi Quốc dân đảng, trái lại, đối với phần tử hữu phái họ đã nhượng bộ và thỏa hiệp một cách vô nguyên tắc, gọi Đái-Quí-Đào và Tôn-Khoa v. v... từ Thượng-hải về tham gia Đại hội, bầu chúng vào Ban chấp hành trung ương Quốc dân đảng, bầu bọn Ngô-Trĩ-Huy và Lý-Thạch-Tăng làm ủy viên giám sát. Kết

quả cuộc tuyển cử là trong số 36 ủy viên trung ương, Đảng cộng sản chiếm 7, phái tả chiếm 14, phái hữu và phái trung chiếm 15. Trong Ban giám sát, phái hữu chiếm đa số. Như thế là làm cho phần tử phái hữu sau này có thể lợi dụng chức vị của chúng trong Quốc dân đảng để hoạt động chống cách mạng. Càng nghiêm trọng hơn nữa là đã bầu Tưởng-Giới-Thạch làm ủy viên trung ương và nâng cao địa vị của hắn trong cách mạng.

Tưởng-Giới-Thạch là một tên gian hùng và mạo hiểm, nấp dưới bóng cờ cách mạng. Sau khi cách mạng 1911 thất bại, Tưởng-Giới-Thạch đã đi làm cuốc-chi-ê cho một hãng buôn ở Thượng-hải. Lúc Tôn-Trung-Sơn chủ trương liên hợp Liên-xô, y nhận thấy theo hướng cách mạng của Tôn-Trung-Sơn để đầu cơ rất có lợi, vì thế y ngả theo Tôn-Trung-Sơn. Y được đi Liên-xô một lần và lúc trở về y múa mỏ khua môi, làm cho Tôn-Trung-Sơn tưởng lầm y là nhà cách mạng nên chỉ định y làm giám đốc trường vũ bị Hoàng-phố. Sau khi được chức vị quan trọng này Tưởng-Giới-Thạch lên mặt cách mạng cừ, hô to những khẩu hiệu cách mạng, nhưng thực tế là chuẩn bị cướp đoạt cách mạng, để bán rẻ cho đế quốc.

Được bầu ủy viên trung ương Quốc dân đảng không bao lâu thì Tưởng-Giới-Thạch nắm quyền quân đội cách mạng quốc dân. Từ đó về sau, Tưởng-Giới-Thạch được đế quốc và giai cấp đại tư sản coi trọng, hắn trở thành người đại biểu chính trị của chúng, vì thế hắn mới dám âm mưu cướp quyền lãnh đạo cách mạng.

Tháng 3 năm 1926, Tưởng-Giới-Thạch và các tên đầu sỏ trong "Học hội chủ nghĩa Tôn-Văn" sắp đặt vụ "Chiến hạm Trung-Sơn" để giết những người cộng sản.

Ngày 18 tháng 3, Tưởng-Giới-Thạch và bè lũ âm mưu lấy danh nghĩa phòng giấy trường Hoàng-phố ở tỉnh, ra lệnh cho

Lý-Chi-Long, quyền cục trưởng cục hải quân đem chiến hạm Trung-sơn về Hoàng-phố để có việc cần. Khi chiến hạm Trung-Sơn đã về tới Hoàng-phố, thì bọn âm mưu liền phao tin nhảm rằng Đảng cộng sản chuẩn bị bạo động để lật đổ chính phủ. Sáng ngày 20, Tưởng-Giới-Thạch lấy cớ Đảng cộng sản âm mưu bạo động, điều động quân đội, ra lệnh giới nghiêm, cắt đường giao thông Quảng-châu, bao vây ủy ban bãi công Quảng-châu và Hương-cảng, bao vây trụ sở và nhà ở của cố vấn Liên-xô; và bắt Lý-Chi-Long v. v... hơn 50 người đảng viên cộng sản, kìm giữ toàn thể đảng viên cộng sản do Chu-Ân-Lai đứng đầu ở trường Hoàng-phố và trong đạo quân cách mạng quốc dân thứ nhất, bắt buộc những người cộng sản phải ra khỏi đạo quân này. Thế là chúng đã cướp quyền chỉ huy đạo quân thứ nhất.

Ngày 15 tháng 5 năm 1926, trong hội nghị trung ương Quốc dân đảng, Tưởng-Giới-Thạch lại đưa ra cái gọi là "Đề án sửa đổi đảng vụ" để hạn chế Đảng cộng sản. Những điểm quan trọng của đề án này là: đảng viên cộng sản không được chiếm 1/3 trở lên số ủy viên trong các đảng bộ cao cấp của Quốc dân đảng, đảng viên cộng sản không được làm bộ trưởng trong các bộ trung ương, đảng viên Quốc dân đảng không được tham gia Đảng cộng sản, đảng viên cộng sản vào Quốc dân đảng phải nộp danh sách cho chủ tịch Quốc dân đảng. Hơn nữa đề án còn quyết định bầu chủ tịch trung ương Quốc dân đảng. Ý nghĩa căn bản của đề án này là tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch âm mưu cướp đoạt quyền lãnh đạo Quốc dân đảng. Sau hội nghị này, Tưởng-Giới-Thạch bắt đầu tập trung quyền lực Quốc dân đảng vào tay mình.

Những hoạt động âm mưu đó của Tưởng-Giới-Thạch đã lợi dụng nhược điểm chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh của Trần-Độc-Tú trong cơ quan lãnh đạo của Đảng cộng sản lúc đó. Sau sự kiện ngày 20 tháng 3, đồng chí Mao-Trạch-Đông và nhiều

đồng chí khác chủ trương chống lại hành vi phản bội của Tưởng-Giới-Thạch, dùng sách lược tấn công để đánh lui âm mưu phản động. Lúc đó chính sách tấn công rất có thể thắng lợi, vì Tưởng-Giới-Thạch đang bị cô lập trong quân đội cách mạng quốc dân ở Quảng-đông, các đơn vị của y chỉ huy chiếm thiểu số, hơn nữa phong trào quần chúng đều trong tay Đảng cộng sản. Nếu Đảng dùng chính sách đá chọi đá thì âm mưu phản Cộng của Tưởng-Giới-Thạch có thể bị đánh lui. Song những người chủ nghĩa cơ hội như Trần-Độc-Tú lại không chịu làm như vậy, cứ nhấn mạnh chủ trương liên hợp, không dám đấu tranh và cho rằng cách mạng đã đến thời kỳ xuống thấp, lực lượng Đảng cộng sản và phái tả Quốc dân đảng không thể đánh đổ Tưởng-Giới-Thạch, không những Tưởng-Giới-Thạch có lực lượng vũ trang lớn mạnh, mà cả giai cấp tư sản cũng đứng về phía hắn, muốn giai cấp tư sản ở lại mặt trận thống nhất, thì cần phải áp dụng chính sách nhượng bộ. Sau vụ "Chiến hạm Trung-Sơn", Trần-Độc-Tú còn sai lầm hơn nữa là cho rằng Tưởng-Giới-Thạch là "cột trụ" trong phong trào cách mạng dân tộc Trung-quốc, kẻ nào chống Tưởng-Giới-Thạch sẽ là "công cụ" của đế quốc. Phe chủ nghĩa cơ hội Trần-Độc-Tú đã vì cái gọi là "thống nhất" ấy, để cho kẻ khác đánh mình mà không dám đánh lại, thậm chí không dám có ý nghĩ phải đánh lại. Ngày 4 tháng 6 Trần-Độc-Tú viết cho Tưởng-Giới-Thạch một bức thư công khai, cực lực biện hộ cho Tưởng-Giới-Thạch. Trần-Độc-Tú nói: "Sự thực, từ lúc thành lập trường Hoàng-phố cho đến ngày 20 tháng 3, không tìm thấy một hành động phản cách mạng nào của Tưởng." Trong con mắt của Trần-Độc-Tú, kẻ gian hùng và mạo hiểm Tưởng-Giới-Thạch đã thành nhà cách mạng, cố nhiên Trần-Đọc-Tú cũng có thể nói một cách ngang trái rằng chống Tưởng-Giới-Thạch là "phản cách mạng".

Chính sách thỏa hiệp và nhượng bộ đó của Trần-Độc-Tú càng mơn trớn thêm dã tâm phản cách mạng của Tưởng-Giới-Thạch.

Nhưng lúc đó tập đoàn phản động Tưởng-Giới-Thạch còn muốn lợi dụng lực lượng công nông để chiếm đoạt thêm nhiều thành quả cách mạng, cho nên bọn chúng chưa muốn và cũng không dám công khai chống Cộng. Do đó, sau "Đề án sửa đổi đảng vụ", Tưởng-Giới-Thạch vẫn tiếp tục dùng chính sách hai mặt để chống lại cách mạng, một mặt hắn tỏ ra liên Cộng ở chót môi, một mặt hắn chuẩn bị những âm mưu phản bội to lớn hơn.

CHƯƠNG IV

CHIẾN TRANH BẮC PHẠT, GIAI ĐOẠN KHẨN CẤP CỦA CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC LẦN THỨ NHẤT.

(7-1926—7-1927)

I— Tình hình trong nước trước chiến tranh Bắc phạt. Quân Bắc phạt tiến vào lưu vực Trường-giang. Quan hệ giai cấp đổi mới trong chiến tranh Bắc phạt.

Sau cuộc chính biến Bắc-kinh năm 1924, Trương-Tác-Lâm, quân phiệt phái Phụng-thiên vẫn là đầu sỏ của thế lực phản động ở miền bắc. Chúng phản đối Hội nghị quốc dân, bài xích quân Quốc dân có khuynh hướng cách mạng của Phùng-Ngọc-Tường, mở rộng địa bàn ở phía nam Vạn lý trường thành, và đàn áp phong trào cách mạng nhân dân. Chính phong trào yêu nước rầm rộ nổi lên sau vụ tàn sát "ngày 30 tháng 5" đã bị chính sách khủng bố của phái quân phiệt này phá vỡ. Quân phiệt Phụng-thiên là công cụ đắc lực nhất của chủ nghĩa đế quốc. Nhân dân trong nước đều phản đối phái quân phiệt bán nước này. Do đó một phong trào chống Phụng đã thành hình và lan tràn khắp nước.

Quân phiệt Trực-lệ Ngô-Bội-Phu và Tôn-Truyền-Phương lợi dụng lúc nhân dân đang yêu cầu chống phái Phụng đề tuyên chiến với Trương-Tác-Lâm vào tháng 11 năm 1925, và tấn công Giang-tô và Thượng-hải. Bọn quân phiệt Trực-lệ muốn giành lấy vai trò lãnh đạo trong phong trào chống phái Phụng, đề được lòng Anh, Mỹ hơn nữa. Trong lúc nhân dân khắp nước đang sôi nổi chống Phụng thì tháng chạp năm 1925, trong nội bộ phái Phụng lại có chiến tranh mới, tức là vụ Quách-Tùng-Linh trở giáo, từ Loan-châu nổi dậy và tấn công đến gần Phụng-thiên.

Thế là nền thống trị phản động của Trương-Tác-Lâm ở miền bắc đang tan vỡ. Nhưng đế quốc Nhật lại trắng trợn dùng lực lượng vũ trang đề giúp Trương-Tác-Lâm. Đế quốc Anh, Mỹ nhận thấy phong trào chống Phụng của nhân dân toàn quốc, thực chất là một phong trào san bằng những công cụ đắc lực của chủ nghĩa đế quốc ở Trung-quốc, rất hại cho nền thống trị của đế quốc, cho nên chúng dùng khẩu hiệu "chống đỏ" đề thúc đầy hai phái quân phiệt Trương Tác-Lâm và Ngô-Bội-Phu hợp tác nhau, và xây mũi nhọn vào nhân dân Trung-quốc và quân Quốc dân có khuynh hướng cách mạng.

Đế quốc can thiệp bằng lực lượng vũ trang lần thứ nhất là Nhật-bản đem quân đến Phụng-thiên giúp Trương-Tác-Lâm đánh bại Quách-Tùng-Linh, đề giữ vững vùng trung tâm của quân Phụng. Lần thứ hai là Nhật giúp Trương-Tác-Lâm đánh Trực-lệ tức tỉnh Hà-bắc, quân Quốc dân bị bắt buộc phải rút khỏi Thiên-tân, Bắc-kinh, và sau đó rút khỏi Nam-khẩu và Trương-gia-khẩu. Còn nước Anh thì giúp Ngô-Bội-Phu đánh Hà-nam, giải tán lực lượng vũ trang của quân Quốc dân.

Trong lúc Trương-Tác-Lâm tấn công quân Quốc dân ở Trực-lệ, thì tàu chiến của Nhật giúp Trương-Tác-Lâm bắn vào quân Quốc dân ở Đại-cô-khẩu, làm cho nhân dân ở Bắc-kinh hết sức

căm phẫn, nên ngày 18 tháng 3 năm 1926 cử hành cuộc biểu tình thị uy chống chủ nghĩa đế quốc can thiệp vào nội chính Trung-quốc.

Nhưng tên Đoàn-Kỳ-Thụy ra lệnh nổ súng vào dân chúng yêu nước, gây ra vụ thảm sát "ngày 18 tháng 3".

Sau vụ tàn sát ở Bắc-kinh, thì âm mưu đàn áp cách mạng Trung-quốc của chủ nghĩa đế quốc đã được thành công một phần, và phong trào "chống đỏ" tiếp tục mở rộng trong phạm vi toàn quốc. Thứ nhất, chủ nghĩa đế quốc lôi kéo hai phái Trực và Phụng hợp nhau, để củng cố nền thống trị miền bắc và miền trung Trung-quốc, đồng thời còn tổ chức chính phủ liên hiệp hai phái ở Bắc-kinh. Thứ hai, đế quốc đã giúp Trương-Tác-Lâm đánh đuổi quân Quốc dân ra khỏi Vạn lý trường thành đến vùng Tây-bắc. Thứ ba, đế quốc đã giúp quân phiệt Trực-lệ từ Hồ-nam, Giang-tây, Phúc-kiến tiến đánh và bao vây căn cứ địa cách mạng ở Quảng-đông.

Lúc đó, Ngô-Bội-Phu chiếm đóng tỉnh Hà-nam, Hồ-bắc, Tôn-Truyền-Phương chiếm đóng Giang-tô, Chiết-giang, An-huy, Giang-tây và Phúc-kiến. Trương-Tác-Lâm, ngoài các tỉnh ở Đông-bắc, còn chiếm cả Hà-bắc, Sát-cáp-nhĩ và Sơn-đông. Ngô-Bội-Phu và Tôn-Truyền-Phương tấn công lực lượng cách mạng ở miền nam, Trương-Tác-Lâm thì tấn công lực lượng cách mạng miền bắc.

Tuy trong phong trào "chống đỏ" Ngô-Bội-Phu và Trương-Tác-Lâm thường cãi cọ và xung đột nhau, sự chia rẽ trong nội bộ quân phiệt tiếp tục mở rộng, nhưng do đế quốc xui giục nên hai phái Trực — Phụng đã liên hợp nhau; tuy trong vấn đề phân chia quyền hành trong chính quyền trung ương phản động giữa Ngô-Bội-Phu và Trương-Tác-Lâmcòn có mối tranh chấp, nhưng bản chất phản động của chính quyền này vẫn không thay đổi. Còn đế quốc thì mỗi bên nắm lấy một phái quân phiệt để tranh

thế lực nhau, đồng thời cùng nhau chống đỡ nền thống trị phản động của quân phiệt Bắc-dương.

Những bước tiến của Ngô-Bội-Phu để chống thế lực cách mạng miền nam là: Trước hết giúp đỡ tất cả các bộ đội phản động ở Hồ-nam, đánh đuổi quân đội có khuynh hướng cách mạng ra khỏi Hồ-nam và đánh vào thế lực cánh mạng ở Hồ-nam; sau đó liên hiệp quân đội toàn tỉnh Hồ-bắc và một phần quân đội của các tỉnh Hà-nam, Hồ-nam và Giang-tây để đánh lấy hai tỉnh Quảng-đông và Quảng-tây là căn cứ địa cách mạng lúc đó. Chính phủ cách mạng Quảng-đông nhận thấy lúc bấy giờ nhân dân Trung-quốc không thể chịu nổi ách thống trị của hai phái quân phiệt Phụng—Trực, yêu cầu cấp bách của họ là dùng chiến tranh cách mạng để phá tan chính quyền phản động của quân phiệt, thực hiện nước Trung-hoa độc lập và thống nhất; đồng thời, về mặt quân sự, chính phủ cách mạng Quảng-đông đang lâm vào tình thế bị bao vây không lợi, và con đường duy nhất để thoát khỏi tình thế bị bao vây này là phải ra quân Bắc phạt.

Tháng 7 năm 1926, Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc đã đề ra những chủ trương để đối phó với thời cục, kêu gọi các giới công, nông, học, thương, và binh toàn quốc đoàn kết đứng lên, củng cố mặt trận thống nhất dân tộc cách mạng, lật đổ nền thống trị của quân phiệt và đế quốc trong nước, do đó đã tích cực đẩy mạnh chính phủ cách mạng Quảng-đông tiến hành cuộc chiến tranh Bắc phạt. Nhưng lúc đó Trần-Độc-Tú đã làm trái quyết định của Trung ương Đảng, viết bài "Bàn về cuộc Bắc phạt của chính phủ Quốc dân" đăng trên tuần báo "Hướng đạo", đánh giá ý nghĩa của cuộc chiến tranh Bắc phạt quá thấp, cho rằng điều kiện Bắc phạt chưa chín muồi, nhiệm vụ trước mắt không phải là Bắc phạt, mà là "phòng ngự" và cho rằng Bắc phạt là việc của Quốc dân đảng và chính phủ Quốc dân,

còn Đảng cộng sản thì chỉ đứng bên ngoài để giúp đỡ. Thái độ tiêu cực đó, thực tế đã làm giảm ý nghĩa chính trị của cuộc chiến tranh Bắc phạt, và giúp đỡ Tưởng-Giới-Thạch cướp quyền lãnh đạo quân sự trong chiến tranh này.

Quân cách mạng tiến hành cuộc Bắc phạt vào tháng 7 năm 1926.

Đảng cộng sản Trung-quốc theo kinh nghiệm xây dựng quân đội của Hồng quân Liên-xô, đã đặt ra công tác chính trị trong quân đội cách mạng, và phần nhiều công tác chính trị trong các đơn vị quân đội Bắc phạt đều do đảng viên cộng sản phụ trách. Đó là một yếu tố quan trọng để cho cuộc chiến tranh Bắc phạt giành được thắng lợi.

Kế hoạch chiến lược của chiến tranh Bắc phạt là dùng quân chủ lực của quân đội cách mạng để đánh ở chiến trường Hồ-nam và Hồ-bắc, và chia hai cánh quân đóng dài theo ranh giới miền đông và miền bắc tỉnh Quảng-đông, để ngăn ngừa quân địch ở Phúc-kiến và Giang-tây. Sau khi đã thu được thắng lợi ở chiến trường Hồ-nam, Hồ-bắc, sẽ tập trung binh lực đánh vào bộ đội Tôn-Truyền-Phương, và sau rốt sẽ đánh dẹp Trương-Tác-Lâm.

Chiến trường Bắc phạt thứ nhất là chiến trường Hồ-nam và Hồ-bắc. Nơi đây, Ngô-Bội-Phu có đến 10 vạn quân. Nhiệm vụ trước tiên của chiến tranh Bắc phạt là phải đánh tan quân phản động của Ngộ-Bội-Phu. Quân Bắc phạt trực tiếp dùng ở chiến trường này là quân đoàn thứ tư và nhiều đơn vị khác, gồm tất cả có 5 vạn người. Trong đạo quân thứ 4 có trung đoàn độc lập do tướng quân Diệp-Đĩnh chỉ huy là một đội quân tiền phong tinh nhuệ và vô địch, chủ yếu là do đảng viên cộng sản và thanh niên đoàn thanh niên cộng sản tổ chức thành.

Trước khi xuất quân, trung đoàn độc lập đã lên bắc trước, đánh vào Hồ-nam, mở đường cho quân Bắc phạt tiến lên.

Quân Bắc phạt gấp rút đánh vào Trường-sa và Nhạc-châu, làm cho khí thế hung hăng của Ngô-Bội-Phu bị tan rã, quân lính của hắn cũng dao động, quân cách mạng thừa thế đánh thốc tới.

Cuộc chiến đấu kịch liệt nhất là chiến dịch cầu Thính-tứ. Về địa hình cầu Thính-tứ từ ba phía tây, nam, bắc đều giáp nước, phía đông có núi cao sừng sững, chỉ ở cuối phía tây nam mới có con đường sắt, nhưng phía đông chiếc cầu đường sắt lại có sông sâu, đó là nơi hiểm yếu dễ phòng và khó đánh. Nó nằm ở ranh giới tỉnh Hồ-bắc và dài theo đường sắt Quảng-đông — Hán-khẩu. Quân của Ngô-Bội-Phu đóng ở đó. Một mặt Ngô-Bội-Phu điều động quân miền bắc đến giúp miền nam phản công, một mặt khác hắn đợi Tôn-Truyền-Phương ở Giang-tây dẫn quân đánh úp Trường-sa, hắn sẽ cắt đứt đường sau của quân cách mạng. Nhưng quân cách mạng đã nhanh chóng tiến chiếm cầu Thính-tứ vào cuối tháng 8, làm tan vỡ kế hoạch tác chiến của Ngô-Bội- Phu. Chiến dịch cầu Thính-tứ vừa kết thúc thì quân tiếp viện của Ngô-Bội-Phu đã đến Hán-khẩu, đồng thời Tôn-Truyền-Phương cũng chỉ huy bộ đội chủ lực của hắn từ Giang-tây kéo sang. Như thế có thể biết được chiến dịch cầu Thính-tứ được kết thúc thắng lợi và nhanh chóng, đối với cả chiến trường có ý nghĩa quan trọng như thế nào.

Sau chiến dịch cầu Thính-tứ, Ngô-Bội-Phu lại đóng giữ cầu Hạ-thắng, là một cứ điểm quan trọng khác trên đường sắt Quảng-đông — Hán-khẩu. Quân Bắc phạt đánh lấy trận địa chỉ huy của địch, và tiêu diệt chủ lực của Ngô-Bội-Phu. Tiếp theo đó, đánh thẳng vào Hán-khẩu, và ngày 10 tháng 10 chiếm lấy Vũ-xương. Về sau Vũ-Hán đã trở thành trung tâm cách mạng trong một thời gian. Đến cuối năm 1926 thì đuổi hết bộ đội rơi rớt của Ngô-Bội-Phu ra khỏi ải Vũ-thắng, và thống nhất toàn tỉnh Hồ-bắc.

Chiến trường thứ hai là chiến trường Giang-tây, An-huy và Giang-tô. Sau khi giành được thắng lợi quyết định ở chiến trường Hồ-nam, Hồ-bắc, thì chủ lực quân Bắc phạt ở đây liền chuyền sang Giang-tây. Trên chiến trường thứ hai này, đạo quân thứ 2 và thứ 6 nhờ có công tác chính trị những người cộng sản nên đánh tan bộ đội chủ lực của Tôn-Truyền-Phương, trong cuộc xáp chiến ở Giang-tây. Cũng trên chiến trường này, một bộ phận của đạo quân thứ 1 thuộc phe Tưởng-Giới-Thạch do Vương-Bạch-Linh lãnh đạo, vì bài xích đảng viên cộng sản, nên mất hẳn sức chiến đấu, mỗi khi gặp bộ đội Tôn-Truyền-Phương đều tan vỡ. Ở mặt An-huy, bộ đội Bắc phạt từ Cửu-giang đi dọc theo Trường-giang đổ xuống, và nhờ sự hưởng ứng của bộ đội quân phiệt đầu hàng, nên chiếm lấy Hợp-phì, Bạng-phụ, An-khánh, Vũ-hồ, tiến đến trước cửa lớn Nam-kinh và từ nam bắc hai mặt bao vây Nam-kinh.

Về sau Tưởng-Giới-Thạch chiếm đóng Nam-xương một thời gian và biến thành phố này thành trung tâm phản cách mạng.

Chiến trường thứ ba là chiến trường Phúc-kiến, Chiết-giang. Lúc mới bắt đầu Bắc phạt, một bộ phận khác của đạo quân thứ 1 thuộc bộ đội chính tông của Tưởng-Giới-Thạch, do Hà-Ứng-Khâm chỉ huy đến đóng ở Triều-châu, Sơn-đầu thuộc tỉnh Quảng-đông, đề phòng ngự quân địch ở mặt Phúc-kiến. Trong lúc ở Giang-tây đang đánh nhau, thì bộ đội của quân phiệt Chu-Âm-Nhân ở Phúc-kiến tiến vào Tùng-khẩu ở Mai-huyện tỉnh Quảng-đông, Hà-Ứng-Khâm từ miền đông Quảng-đông vào chiếm Chương-châu, Tuyền-châu và Phúc-châu thuộc tỉnh Phúc-kiến. Vì chủ lực của Tôn-Truyền-Phương không có ở đó nên chiến dịch Phúc-kiến không có trận đánh nào lớn. Còn chiến dịch Chiết-giang thì bắt đầu từ tháng chạp. Nhờ bộ đội địa phương ở Chiết-giang trở giáo, bị quân Tôn-Truyền-Phương bức bách phải lui về giữ Cù-châu, nên Hà-Ứng-

Khâm và Bạch-Sùng-Hy mới thừa thế từ Giang-tây tiến vào Cù-châu. Tháng 2 năm 1927 họ lại tiến chiếm Hàng-châu và Thiệu-hưng.

Quân Bắc phạt tiến đến lưu vực Trường-giang, và được quần chúng công nông tích cực ủng hộ.

Lúc mới bắt đầu xuất quân, thì công nhân bãi công ở Quảng-châu và Hương-cảng đã tổ chức một đội vận tải gồm có mấy nghìn người, ngoài ra còn có đội tuyên truyền, đội cứu thương đi theo bộ đội nữa. Để cho cục thế cách mạng càng có lợi, sau khi quân Bắc phạt chiếm lấy Vũ-Hán, thì Ủy ban bãi công Quảng-châu và Hương-cảng đã tự động chấm dứt cuộc bãi công ở Quảng-châu và Hương-cảng.

Nhờ Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo quần chúng công nông ở Hồ-nam, Hồ-bắc hết sức giúp đỡ nên quân cách mạng đã nhanh chóng tiến vào Hồ-nam, Hồ-bắc.

Trước ngày Bắc phạt, công nhân, nông dân và học sinh ở Hồ-nam đều có cơ sở tổ chức lớn mạnh. Trong toàn tỉnh số công nhân có tổ chức lên đến 11 vạn người, nông dân hơn 40 vạn người, số nông dân chịu ảnh hưởng trực tiếp của Đảng cộng sản có hơn một triệu người, còn học sinh từ trung học trở lên phần nhiều đều có tổ chức cả. Họ đều có trải qua nhiều cuộc đấu tranh cách mạng.

Ngày 9 tháng 3 năm 1926, quần chúng Hồ-nam họp Đại hội nhân dân thành phố ở Trường-sa để phản kháng chính phủ quân phiệt tàn sát lãnh tụ quần chúng, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời Hồ-nam và cử hành cuộc biểu tình thị uy. Vì bị áp lực của quần chúng, nên quân phiệt Triệu-Hằng-Thích, phải chạy bỏ Trường-sa. Sau khi quân Bắc phạt xuất quân, trong mấy trận đánh ở Hồ-nam đều có công nông tích cực tham gia, như: trực tiếp đánh ở mặt trận, chặn đánh tàn quân, dẫn đường, liên lạc, vận tải, tuyên truyền và ủy lạo v.v... Trước

khi quân Bắc phạt tiến vào Trường-sa, thì quân phiệt Diệp-Khai-Khâm đã chạy mất, Liên hợp công đoàn đã tổ chức đội bảo an công nhân hơn một nghìn người để giữ trật tự trong thành. Công nhân khắp nơi ở Trường-sa và An-nguyên (tỉnh Hồ-nam) đã tổ chức đội vận tải gồm mấy nghìn người, để giúp đỡ quân cách mạng trong việc vận tải. Công nhân đường sắt Quảng-đông — Hán-khẩu đã tổ chức đội phá đường, công nhân binh công xưởng Hán-dương tổng bãi công để hưởng ứng quân cách mạng lên bắc. Sự giúp đỡ của quần chúng công nông là một nguyên nhân quan trọng làm cho quân Bắc phạt có thể mau chóng chiếm lấy Trường-sa, Ngạc-dương và Vũ-Hán.

Từ tháng 7 đến cuối năm 1926 không đầy nửa năm, quân cách mạng Quảng-đông đã chiếm lấy Hồ-nam, Hồ-bắc, Phúc-kiến, Chiết-giang, Giang-tây và An-huy, đồng thời đã tiêu diệt quân Ngô-Bội-Phu và đánh bại chủ lực của Tôn-Truyền-Phương. Giang-tô, Thượng-hải và Nam-kinh cũng đang bị bao vây. Thế là quân phiệt Trực-lệ Ngô-Bội-Phu và Tôn-Truyền-Phương muốn ngăn cản quân cách mạng tiến lên đã hoàn toàn thất bại.

Quân phiệt Trực-lệ bị tiêu diệt, tình hình trong nước đã thay đổi lớn lao, và có lợi cho cách mạng. Bấy giờ chỉ còn cục thế nam bắc đối lập giữa quân cách mạng Quốc dân và quân phiệt phái Phụng. Nhờ đông đảo quần chúng trong nước giúp đỡ nên quân cách mạng Quốc dân không ngớt phát triển và thắng lợi, nó sẽ chiến thắng chủ nghĩa đế quốc và quân phiệt Bắc-dương, để hoàn thành độc lập và thống nhất cách mạng Trung-quốc.

Nhưng, trong nội bộ quân cách mạng còn có ẩn núp nhiều nguy cơ nghiêm trọng. Thứ nhất là chia rẽ trong mặt trận cách mạng. Lúc mới bắt đầu Bắc phạt thì Tưởng-Giới-Thạch đã đoạt chức tổng tư lệnh. Hắn quy định hải quân, lục quân và

không quân của chính nhủ Quốc dân, cho đến bô chính trị, tham mưu, hậu cần v.v... đều thuộc quyền thống lãnh của tổng tư lệnh. Sau khi quân Bắc phạt lên đường, thì các cơ quan dân chính và tài chính của chính phủ Quốc dân đều do tổng tư lệnh chỉ huy. Viên chức các tỉnh các quân đều do tổng tư lệnh bổ nhiệm hoặc bãi miễn. Do đó Tưởng-giới-Thạch đã mượn danh nghĩa tổng tư lệnh để xây dựng cho mình một chế độ hoàn toàn độc tài và phản cách mạng. Nhưng, một mặt khác, trên đường lên bắc, các bộ đội dưới sự lãnh đạo và ảnh hưởng của Đảng cộng sản và phái tả Quốc dân đảng, nhất là đạo quân thứ 4, đã đánh tan chủ lực của Ngô-Bội-Phu và Tôn-Truyền-Phương. Đồng thời phong trào quần chúng công nông ở Hồ-nam, Hồ-bắc cũng càng ngày càng mạnh. Vì thế, sau khi Vũ-Hán và Nam-xương bị chiếm, thì hình thành hai trung tâm, một là trung tâm cách mạng ở Vũ-Hán do Đảng cộng sản Trung-quốc và phái tả Quốc dân đảng đại biểu và một nữa là trung tâm phản cách mạng ở Nam-xương do phái phản động Tưởng-Giới-Thạch đại biểu. Thứ hai, trong chiến dịch Phúc-kiến, Chiết-giang, Giang-tây và An-huy, nhờ bộ đội Tôn-Truyền-Phương trở giáo, nên quân Bắc phạt có điều kiện thuận lợi để đánh thẳng vào, ở miền nam có nhiều bộ đội của quân phiệt cũng chạy về với quân cách mạng Quốc dân, vì thế phần lớn quân cách mạng Quốc dân mới cải biên đều xây dựng trên cơ sở cũ của thống trị quân phiệt. Các tướng tá lợi dụng chế độ thuê lính để nắm binh quyền như cũ. Chúng quy hàng chính phủ cách mạng Quảng-đông, nói là hướng về cách mạng, nhưng sự thật là để bảo tồn thực lực của mình.

Một mặt phong trào cách mạng quần chúng công nông ngày càng lên cao, giai cấp công nhân đã thành nguyên tố chính trị quan trọng nhất trong phong trào cách mạng; một mặt khác, giai cấp tư sản và quân phiệt trong nội bộ cách mạng, thấy

cuộc đấu tranh chống đế quốc và quân phiệt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân ngày càng phát triển, và vượt qua phạm vi khống chế của chúng, đủ làm nguy hại đến lợi ích của giai cấp chúng, vì thế, dưới sự áp bức và dụ dỗ của đế quốc, chúng câu kết nhau, chuẩn bị cướp quyền lãnh đạo cách mạng, để đạt đến mục đích phá hoại cách mạng.

Ngày Thượng-hải và Nam-kinh sắp bị quân cách mạng chiếm lấy, cũng là ngày mà các giai cấp trong nội bộ cách mạng sắp kết hợp lại một lần nữa.

II—Phong trào nông dân toàn quốc lấy Hồ-nam làm trung tâm. Lý luận khoa học của đồng chí Mao-Trạch-Đông về tác dụng của nông dân trong cách mạng.

Quân Bắc phạt tiến vào lưu vực Trường-giang được thắng lợi làm cho Hồ-nam trở thành trung tâm của phong trào nông dân toàn quốc, và là vùng đấu tranh kịch liệt nhất giữa cách mạng và phản cách mạng. Cho nên sự phát triển của phong trào nông dân Hồ-nam có quan hệ mật thiết với toàn bộ cách mạng Trung-quốc.

Phong trào nông dân lấy Hồ-nam làm trung tâm đã nổi lên rầm rộ khắp nơi đó không thể tách rời với sự hoạt động cách mạng của đồng chí Mao-Trạch-Đông. Trong hai năm 1925 và 1926, đồng chí Mao-Trạch-Đông lập trường giảng tập nông vận ở Quảng-châu, sau khi chiến tranh Bắc phạt đã bắt đầu, đồng chí Mao-Trạch-Đông đến Thượng-hải lãnh nhiệm vụ chủ nhiệm Ban nông vận của Trung ương Đảng, và sau đó đến Vũ-Hán đảm nhiệm tổng cán sự Nông hội toàn quốc.

Cuối năm 1925, vì tình hình cách mạng phát triền, nên học sinh Hồ-nam ở trường giảng tập nông vận ở Quảng-châu được phái trở về đề công tác dọc theo đường sắt. Họ đi sâu vào quần chúng nông dân, trước hết bắt rễ vào phần tử tích cực, chủ yếu là nông dân và phần tử trí thức nghèo khổ, rồi sau mới thành lập nông hội xã và đợi lúc nông hội đã được thành lập ở nhiều xã họ mới bắt đầu thành lập cơ quan lãnh đạo của khu, do đó họ đã làm cho phong trào nông dân ở Hồ-nam có cơ sở rất vững chắc.

Sau khi quân Bắc phạt tiến vào Hồ-nam, thì nông dân từ chỗ tự giác tham gia chiến đấu đã tiến đến chỗ nhanh chóng phát triền tổ chức nông hội của mình, và tự mình nêu ra những nhu cầu cấp bách về chính trị và kinh tế của bản thân, đồng thời cũng kiên quyết đấu tranh đề giành chính quyền.

Đến tháng 11 năm 1926, khắp tỉnh Hồ-nam có hơn 50 huyện đã tổ chức nông hội, có đến 1.367.000 hội viên.

Nông hội lúc đó đã trở thành những cơ quan có quyền thế nhất ở nông thôn —"Tất cả quyền lực phải về nông hội". Nông hội là hình thức chính quyền chuyên chính cách mạng của nông dân. Nông dân đã dựa vào nông hội của mình đề tiến hành những cuộc đấu tranh kiên quyết và mãnh liệt về mặt chính trị, kinh tế cũng như tư tưởng. Thứ nhất, về mặt chính trị và xã hội, họ đã đánh bẹp thế lực của giai cấp địa chủ đề dựng lên uy quyền của nông hội, họ đã lật đổ các cơ quan xã và khu của bọn cường hào. Dùng phương pháp hội nghị liên hợp giữa đoàn thề dân chúng cách mạng và huyện trưởng đề nắm lấy chính quyền huyện. Tiến hành giáo dục chính trị trong nông dân và nâng cao giác ngộ nông dân. Cấm cờ bạc, thanh trừ trộm cướp, xây dựng trật tự xã hội cách mạng. Thứ hai, về mặt kinh tế, cấm bán gạo ra ngoài, cấm nâng cao giá lúa, giảm tô thoái cố, không cho phép lấy ruộng của tá điền về, xóa bỏ những món

đóng góp nặng nề. Tổ chức hợp tác xã tín dụng mua bán, hạn chế bóc lột trung gian và cho vay lãi nặng. Thứ ba, về mặt tư tưởng, chống tộc quyền, thần quyền, phu quyền. Tộc quyền, thần quyền, phu quyền là sợi dây trói buộc tinh thần nông dân, nông dân cách mạng đứng lên để chặt đứt sợi dây ấy. Nông hội còn mở lớp học văn hóa ban đêm để gieo rắc văn hóa trong nông thôn. Tháng chạp năm 1926, mở Đại hội đại biểu nông dân toàn tỉnh ở Trường-sa. Đại hội thông qua nhiều đề án quan trọng như: giảm tô thoái cố, cấm cho vay lãi nặng, chống sưu thuế nặng, thanh trừ cường hào và tham quan ô lại, xây dựng chính quyền nông dân, thủ tiêu đoàn phòng, tổ chức đội vũ trang tự vệ của nông dân v.v... và chính thức thành lập cơ quan lãnh đạo của phong trào nông dân toàn tỉnh.

Chỉ trong vài tháng, mà hội viên hơn một triệu người đó đã làm nòng cốt để đẩy mạnh khối quần chúng nông dân trong khắp tỉnh Hồ-nam tiến hành cuộc cách mạng long trời lở đất.

Cho nên, trong vấn đề nông dân, một cuộc đấu tranh mất còn đã xảy ra giữa phe cách mạng và phản cách mạng. Bọn địa chủ cường hào, phần tử phái hữu Quốc dân đảng, và sĩ quan phản động trong hàng ngũ Bắc phạt đã có nhiều việc tuyên truyền và nhiều hành động chống nông dân cách mạng.

Phe phản động cho phong trào nông dân là phong trào "lười biếng", phong trào "lưu manh", cho cuộc đấu tranh cách mạng của nông dân là cuộc "bộc lộ tính lười biếng" làm trở ngại cho việc phát triển sản xuất. Chúng đứng trên một quan điểm hết sức phản động để phủ nhận tác dụng cách mạng của phong trào nông dân.

Phe phản động còn một lối tuyên truyền nữa rất thâm độc là nói phong trào nông dân làm cho những người giàu trốn mất, thuế má bị giảm, quân phí không thu được, do đó phong trào nông dân làm trở ngại ngân sách chính phủ và ảnh hưởng

đến chiến tranh Bắc phạt. Phe phản động muốn trút tội làm rối hậu phương Bắc phạt lên đầu nông dân.

Bọn phản động còn lợi dụng đoàn phòng là lực lượng vũ trang của địa chủ, để công khai tàn sát lãnh tụ nông dân và nông dân cách mạng. Ở những vùng hẻo lánh, chúng tổ chức nhiều cuộc bạo động, và cổ động nông dân lạc hậu biểu tình, phá hoại nông hội, Đảng bộ và cơ quan chính phủ. Chúng tổ chức nông hội giả, lợi dụng chính quyền cũ, mua chuộc bọn lưu manh đưa vào nông hội, kìm hãm Đảng bộ cấp dưới của Quốc dân đảng, câu kết với sĩ quan phản động trong hàng ngũ Bắc phạt và phá hoại phong trào nông dân về mọi mặt.

Trước sự tấn công của bọn phản động, người chủ nghĩa cơ hội Trần-Độc-Tú vẫn một mực phủ nhận vai trò của nông dân trong cách mạng và phản đối cuộc đấu tranh cách mạng của nông dân. Tháng 7 năm 1926, Đảng họp hội nghị mở rộng Ban chấp hành Trung ương lần thứ ba, hội nghị này thông qua quyết nghị án của Trần-Độc-Tú thảo ra. Đó là dấu hiệu tư tưởng chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh của Trần-Độc-Tú phát triển đến đường lối chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh.

Trần-Độc-Tú đề ra "mặt trận liên hiệp nông thôn", chủ trương tổ chức nông hội không nên có "mầu sắc giai cấp", trong nông hội ngoài bần cố và trung nông ra, còn phải có cả địa chủ nhỏ và trung nữa. Nếu làm theo lời ông ta, thì phần tử địa chủ và phú nông sẽ lẫn vào nông hội và nông hội sẽ bị chúng điều khiển. Trần-Độc-Tú phản đối chính quyền cách mạng của nông dân, chủ trương dùng một thứ chính quyền hội tề cải lương để thay cho chính quyền tề cũ. Như thế, thực tế là bảo tồn quyền lực của giai cấp địa chủ phong kiến. Do đó, Trần-Độc-Tú chủ trương vũ trang nông dân chỉ có thể hoạt động trong phạm vi của dân đoàn phản động, không nên dùng cách tấn công, cho rằng vũ trang nông dân chỉ để tự vệ, chứ không

phải tấn công. Thực tế, Trần-Độc-Tú phản đối lực lượng vũ trang nông dân trở thành tổ chức thường xuyên, để đấu tranh chống dân đoàn và quân phản động, tức là thủ tiêu lực lượng vũ trang chính thức của nông dân.

Cho nên, Trần-Độc-Tú không đề ra cương lĩnh cách mạng ruộng đất, mà chỉ nêu những chính sách cải lương như "định mức tô cao nhất", "hạn chế bóc lột lãi nặng" v.v...

Trần-Độc-Tú chỉ chú ý hợp tác với giai cấp tư sản, và quên hẳn nông dân, kết quả là bỏ rơi trách nhiệm lãnh đạo cách mạng nông dân của giai cấp vô sản. Trong nghị quyết án của hội nghị Trung ương lần này Trần-Độc-Tú đã vạch ra: "Cách mạng Quốc dân Trung-quốc nếu không có giai cấp tư sản tham gia mạnh mẽ, thì sẽ gặp phải khó khăn hoặc nguy hiểm". Ông ta lại cho rằng trong thời kỳ cách mạng dân chủ tư sản, Đảng cộng sản không thể giành chính quyền với Quốc dân đảng. "Đảng cộng sản giành chính quyền, là việc của thời kỳ cách mạng vô sản, trong thời kỳ cách mạng Quốc dân không thể có việc đó."

Theo Trần-Độc-Tú thì trong cách mạng dân chủ tư sản, không có và không thể xảy ra vấn đề quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản. Cho nên, Trần-Độc-Tú cho rằng tiền đồ cách mạng Trung-quốc là xây dựng "xã hội tư bản dân tộc" ở Trung-quốc, (nghị quyết về báo cáo chính trị của Trung ương). Ông ta cho rằng Trung-quốc cần phải qua xã hội tư bản mới có thể tiến vào xã hội chủ nghĩa xã hội, "chúng ta không phải là người chủ nghĩa xã hội không tưởng, quyết không mơ ước từ xã hội nửa phong kiến nhảy ngay vào xã hội xã hội chủ nghĩa mà không trải qua chủ nghĩa tư bản được".

Trong chiến tranh Bắc phạt, cách mạng nông dân đã nổi dậy và đang nổi dậy, nhưng Trần-Độc-Tú lại theo đuôi phe phản động để đè nén cách mạng nông dân.

Trần-Độc-Tú định dùng phương pháp nhượng bộ và thỏa hiệp, để xoa dịu sức tấn công của phần tử tư sản và địa chủ trong Quốc dân đảng, làm cho chúng đừng xa rời mặt trận thống nhất để cứu vãn cách mạng. Kết quả là Trần-Độc-Tú càng nhượng bộ, lực lượng phản động càng ngang trái, phong trào quần chúng bị trở ngại và tổn thất nặng nề vì chính sách sai lầm cơ hội hữu khuynh.

Để giúp đỡ cuộc đấu tranh của nông dân đã nổi dậy và đang nổi dậy trong thời kỳ chiến tranh Bắc phạt, tháng giêng năm 1927, đồng chí Mao-Trạch-Đông đến khảo sát tỉnh Hồ-nam và viết ra quyển "Báo cáo về cuộc khảo sát phong trào nông dân ở Hồ-nam", là một tác phẩm quan trọng nhất của Đảng trong thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất. Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã nhiệt liệt ca tụng những hành vi anh hùng và sáng tạo cách mạng của nông dân, và đại biểu cho đường lối cách mạng đúng của giai cấp vô sản, đã tổng kết kinh nghiệm cách mạng nông dân về các mặt và những thắng lợi của nông dân đã đạt được trong cách mạng. Đó là một khái quát khoa học của Đảng cộng sản Trung-quốc về vấn đề cách mạng nông dân trong thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất.

Thứ nhất, bản báo cáo đã đánh giá đầy đủ tác dụng của nông dân trong cách mạng Trung-quốc.

Đối tượng cách mạng của nông dân là tất cả thế lực phong kiến, mà tất cả thế lực phong kiến là cơ sở xã hội của đế quốc để thống trị Trung-quốc. Cho nên đấu tranh chống phong kiến là nhiệm vụ lịch sử của nông dân Trung-quốc. Đồng chí Mao-Trạch-Đông không những nhiệt liệt ca tụng mà còn khẳng định rõ ý nghĩa lớn lao của cách mạng nông dân. Nó phải hoàn thành nhiệm vụ lịch sử mà nhiều cuộc chiến tranh nông dân chưa làm được trong mấy nghìn năm trước và Tôn-Trung-Sơn chưa làm được trong 40 năm qua.

Lúc đó có một phe dư luận đại biểu cho quyền lợi của giai cấp địa chủ, chửi phong trào nông dân "hỏng bét". Đồng chí Mao-Trạch-Đông đại biểu cho quyền lợi của hàng trăm triệu nông dân đứng ra ca tụng phong trào nông dân là tốt đẹp. Người chỉ rõ cách mạng nông thôn mạnh như vũ bão, một lực lượng nào dù lớn đến đâu cũng không sao ngăn nổi, tất cả đế quốc và thế lực phong kiến sẽ bị cách mạng nông dân chôn vùi xuống hố. Tất cả chính đảng đều phải đứng trước nông dân cách mạng để họ kiểm điểm và quyết định lấy hay bỏ. Có ba con đường bày ra trước mặt các chính đảng để cho họ gấp rút chọn lấy một: "đi trước để lãnh đạo họ ư? Hay đứng sau để trỏ tay phê bình họ? Hay đứng đối diện để phản đối họ?" (Mao-Trạch-Động: Báo cáo về cuộc khảo sát phong trào nông dân ở Hồ-nam). Đồng chí Mao-Trạch-Đông đại biểu cho giai cấp vô sản Trung-quốc và chính đảng của họ đã chọn lấy con đường thứ nhất, tỏ rõ giai cấp vô sản là lãnh tụ chân chính của nông dân.

Trong nông dân có nhiều tầng lớp, nhưng bần nông là lớp người đông nhất ở nông thôn, và cũng là lực lượng cách mạng nhất trong nông dân. Thái độ của phú nông, trung nông và bần nông đối với cách mạng đều khác nhau. Phú nông thì "thái độ từ đầu đến cuối là tiêu cực". Trung nông thì có "thái độ do dự". Nhưng trung nông khác với phú nông, là khi cách mạng lên cao, thì họ cũng lăn vào cách mạng. Bần nông là "lực lượng chủ yếu luôn luôn đấu tranh gian khổ", họ cũng là lực lượng cách mạng trung kiên ở nông thôn, là tiền phong cách mạng và là những người có chiến công trong cách mạng. Bần nông nhờ có tính cách mạng nhất, nên giành được quyền lãnh đạo nông hội, hầu hết cốt cán của nông hội cấp dưới đều là bần nông. Họ đứng lên và nắm lấy quyền lực. Qua họ có thể đoàn kết trung nông và trung lập phú nông. Đồng chí Mao-Trạch-

Đông chỉ rõ: "không có bần nông thì không có cách mạng, phủ nhận vai trò của họ, là phủ nhận cách mạng, đả kích họ, tức là đả kích cách mạng." (Mao-Trạch-Đông: Báo cáo về cuộc khảo sát phong trào nông dân ở Hồ-nam) "Phong trào lưu manh", "phong trào lười biếng" đó là lời công kích rất thâm độc của bọn địa chủ cường hào phản cách mạng.

Thứ hai, bản báo cáo này đã tuyên truyền những tư tưởng cách mạng, như phóng tay phát động quần chúng xây dựng chính quyền cách mạng và vũ trang nông dân.

Đối với những sự biến to lớn ở nông thôn, phái cải lương cho là khác thường, quá trớn, quá tả. Nhưng đồng chí Mao-Trạch-Đông vạch rõ, đó là những sự biến trong cách mạng không thể tránh được. Vì sự phản kháng của nông dân là do địa chủ áp bức mà ra, địa chủ áp bức càng tàn nhẫn thì nông dân chống lại càng mãnh liệt. Phương hướng cách mạng của nông dân hoàn toàn không có tý gì sai cả. "Ai xấu, ai không xấu, ai xấu nhiều, ai xấu ít, ai phải trừng trị nghiêm khắc, ai được phạt nhẹ, nông dân đều thấy rõ cả, còn những kẻ bị phạt quá đáng thì rất ít." (Mao-Trạch-Đông: Báo cáo về cuộc khảo sát phong trào nông dân ở Hồ-nam) Trong cách mạng, nếu không đè cái cũ xuống, thì cái mới không thể nhô lên được, cho nên trào lưu cách mạng lớn và quyền lực tuyệt đối của nông dân đều là việc hết sức cần thiết trong thời kỳ cách mạng.

Cuộc đấu tranh chống phong kiến ở nông thôn là một cuộc đấu tranh giai cấp kịch liệt, là cuộc đấu tranh mất còn giữa thế lực dân chủ và thế lực phong kiến ở nông thôn. Đối với cách mạng này, dùng thái độ khẳng định hoặc phủ định, đó là chỗ khác nhau căn bản giữa phái cách mạng và phái cải lương. Phái cải lương muốn ràng buộc hành động cách mạng của nông dân, bắt buộc nông dân phải hoạt động trong khuôn khổ của

chế độ phong kiến, chúng chỉ cho phép sửa chữa chỗ tàn tật của phong kiến, chứ không cho phá vỡ những khuôn khổ đã có sẵn của phong kiến. Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã bác lại những lý luận phản động ấy: "muốn cho thẳng thì phải uốn quá đi một tí, nếu không uốn quá thì không thể thẳng được." Muốn cho thẳng thì phải uốn quá đi một tí, tức là nói: đánh đổ chế độ phong kiến cần phải dùng phương pháp cách mạng của quần chúng, chứ không thể dùng phương pháp cải lương được.

Dĩ nhiên, quần chúng cũng có thể phạm một vài sai lầm trong cuộc đấu tranh, nhưng tuyệt đối không nên vì quần chúng có một vài sai lầm trong cuộc đấu tranh mà ràng buộc chân tay họ, và đả kích tính tích cực của họ, thậm chí phủ định cả bản thân cuộc đấu tranh. Ở đây lãnh đạo cách mạng là việc có ý nghĩa vô cùng trọng đại. Tức là, Đảng cộng sản Trung-quốc phải đứng trước nông dân để lãnh đạo họ.

Cách mạng đều phải làm trước và học sau chứ không phải đợi học xong rồi mới làm. Nhiệm vụ của người lãnh đạo là phải tin tưởng tính sáng tạo đúng đắn của quần chúng rồi mới tập trung kinh nghiệm cách mạng của quần chúng và dẫn dắt họ tiến lên con đường thắng lợi đúng đắn.

Lãnh tụ nông hội cấp dưới bị bọn địa chủ mỉa mai là "lưu manh". Sự thật là vì trước kia sinh sống ở xã hội cũ, cho nên, hoặc nhiều hoặc ít, họ cũng có nhiễm những tư tưởng và thói quen không tốt. Nhưng cơn gió bão cách mạng đã đến, họ được nắm quyền và phần đông được cải tạo. "Họ đã tự mình cấm cờ bạc, thanh trừ trộm cắp. Thế lực nông hội lớn mạnh, cờ bạc ở địa phương đã bị cấm tuyệt, nạn trộm cắp cũng mất hút. Có nơi của cải đánh rơi ngoài đường không ai nhặt, đêm ngủ không cần đóng cửa. Theo cuộc điều tra ở

Hàng-sơn, thì trong số 100 người lãnh tụ bần nông, có 85 người đã trở thành những người rất tốt, làm việc giỏi và rất cố gắng." (Mao-Trạch-Đông: Báo cáo về cuộc khảo sát phong trào nông dân ở Hồ-nam) Ở đây, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã nói rõ một chân lý, tức là quần chúng nông dân có thể lập nên thành tích cách mạng vĩ đại, quần chúng có một lực lượng vô cùng lớn mạnh. Họ đã cải tạo xã hội cũ, đồng thời cũng tự cải tạo mình, đó là sáng tạo cách mạng của quần chúng, cũng là tự mình cải tạo của quần chúng.

Bản báo cáo chỉ rõ tính cần thiết phải xây dựng chính quyền nông thôn và vũ trang nông dân. Cách mạng là hành động mạnh bạo của giai cấp bị áp bức lật đổ ách thống trị của giai cấp áp bức. Cuộc cách mạng nông thôn ở Hồ-nam là nông dân vùng dậy đánh đổ chính quyền địa chủ, xây dựng chính quyền cách mạng. Nông hội trở thành cơ quan quyền lực duy nhất. "Tất cả quyền lực về nông hội" đó là khẩu hiệu của mười triệu quần chúng nông dân cách mạng. Quyền lực của nông hội trên cả, địa chủ không có quyền nói, nông hội ra mệnh lệnh, những người không có địa vị trong xã hội cũ đều đứng dậy và cầm quyền.

Vũ trang cách mạng là trụ cột của chính quyền cách mạng, nông dân có vũ trang mới có thể bảo vệ quyền lợi của mình, mới có thể dập tắt sự phản kháng của bọn phản động. Lúc đó ở Hồ-nam có hai thứ vũ trang nông dân, một là do đội vũ trang cũ của địa chủ cải biên, một nữa là do nông dân tự mình tổ chức bằng giáo mác. Nhưng thế lực vũ trang giáo mác mạnh hơn thế lực vũ trang cũ. Đội vũ trang giáo mác ở các huyện thường thường là 3,4 vạn người nhưng có nơi cũng có đến 7,8 vạn người. Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã nhắc nhở nhà đương cục cách mạng Hồ-nam: phải làm cho lực lượng vũ trang được

phổ biến khắp tỉnh, làm cho mỗi một thanh niên nông dân đều có một cây giáo, phải mở rộng lực lượng vũ trang này, để bảo đảm cách mạng hoàn toàn thắng lợi.

Phát động quần chúng, cần phải chống chủ nghĩa mệnh lệnh và chủ nghĩa theo đuôi, vì hai cái đó đều xa rời quần chúng. Chủ nghĩa mệnh lệnh vượt quá trình độ giác ngộ của quần chúng, trái với nguyên tắc tự nguyện của quần chúng, không tin tưởng tính sáng tạo đúng đắn của quần chúng. Chủ nghĩa theo đuôi thì rớt lại sau trình độ giác ngộ của quần chúng, trái với nguyên tắc lãnh đạo quần chúng tiến tới, nó không thể tập trung ý chí và kinh nghiệm của quần chúng để dẫn dắt họ tiến trên con đường thắng lợi.

Một đặc điểm của Đảng cộng sản khác hơn các chính đảng là Đảng liên hệ mật thiết với đông đảo quần chúng. Đặc điểm này đã tỏ rõ một cách đầy đủ trong tư tưởng giai cấp vô sản Trung-quốc lãnh đạo nông dân cách mạng của đồng chí Mao-Trạch-Đông. Đồng chí đã đánh giá một cách khoa học cách mạng ruộng đất là nội dung chính của cách mạng dân chủ tư sản Trung-quốc, nông dân là lực lượng cơ bản của cách mạng này, và do đó đã xác định tư tưởng căn bản phóng tay phát động quần chúng lập chính quyền cách mạng ở nông thôn và vũ trang nông dân. Đó là tư tưởng cách mạng dân chủ mới đã cụ thể hóa trong vấn đề cách mạng nông dân.

"Báo cáo về cuộc khảo sát phong trào nông dân ở Hồ-nam" là một văn kiện lịch sử rất quan trọng. Với tinh thần cách mạng và tinh thần khoa học cao độ, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã chỉ rõ giai cấp công nhân có thể lãnh đạo nông dân hay không, đó là then chốt thắng lợi hay thất bại của cách mạng Trung-quốc. Vì thế tác phẩm này đã trở thành tác phẩm kinh điển của giai cấp vô sản Trung-quốc lãnh đạo nông dân.

III— Đế quốc ráo riết can thiệp vào cách mạng Trung-quốc. Cuộc đấu tranh lấy lại tô giới của công nhân Vũ-Hán và Cửu-giang. Công nhân Thượng-hải khởi nghĩa ba lần. Đánh lấy Nam-kinh và vụ Anh Mỹ nổ súng vào Nam-kinh. Ngày 12 tháng 4, Tưởng-Giới-Thạch gây chính biến phản cách mạng.

Bọn đế quốc thấy quân Bắc phạt thắng lợi và cách mạng quần chúng công nông lên cao, nên chúng càng ra sức can thiệp vào cách mạng Trung-quốc.

Đế quốc can thiệp bằng hai hình thức: Thứ nhất là dùng chính sách tàn sát dã man đề trấn áp cuộc đấu tranh của nhân dân Trung-quốc; Thứ hai là giúp lực lượng phản cách mạng đề chống phong trào cách mạng thắng lợi.

Bọn quân phiệt như Ngô-Bội-Phu, Tôn-Truyền-Phương, Trương-Tác-Lâm và Trương-Tôn-Xương có thề bắt tay nhau đề chống cách mạng, là do đế quốc Anh, Nhật và Mỹ giúp đỡ về mọi mặt như tài chính, súng đạn và tinh thần v.v... Nếu không có sự giúp đỡ đó thì chúng không thề làm được. Đó là cách can thiệp của đế quốc, nhưng mũi nhọn của cách mạng Trung-quốc phải nhằm đúng vào bọn quân phiệt. Tiêu diệt quân phiệt Bắc-dương, tức là đánh vào chính sách can thiệp của đế quốc.

Trong lúc quân cách mạng Quảng-đông tiến vào lưu vực Trường-giang, thì bọn đế quốc thấy quân phiệt Bắc-dương không làm được công cụ đề tiêu diệt cách mạng một cách có hiệu quả, cho nên chúng dùng phương pháp thâm độc hơn, là tìm người đồng minh trong mặt trận thống nhất cách mạng, tức là đế quốc câu kết với bọn phản động ần nấp trong nội bộ

cách mạng, để từ trong cách mạng phá hoại cách mạng và chia rẽ mặt trận thống nhất cách mạng.

Ngày 3 tháng 1 năm 1927, chính phủ Vũ-Hán mở đại hội chúc mừng chính phủ Quốc dân dời lên bắc và chúc mừng cuộc Bắc phạt thắng lợi, có người tuyên truyền đứng lên nói chuyện ở ranh giới tô giới Anh. Đế quốc Anh liền điều động thủy lục quân để đánh đuổi những người đến nghe. Chúng đã dùng lưỡi lê đâm chết và làm bị thương nhiều người. Quần chúng cách mạng ở Hán-khẩu một mặt đòi chính phủ nghiêm khắc kháng nghị chính phủ Anh, một mặt cử hành cuộc biểu tình thị uy vào ngày 5 tháng 1, chiếm lấy tô giới Anh, bắt buộc Anh phải trả tô giới về chính phủ Trung-quốc.

Ngày 6 tháng 1, vì lính Anh ở Cửu-giang nổ súng vào công nhân Trung-quốc, nên quần chúng lại chiếm thêm tô giới Anh ở đó để trả về chính phủ Trung-quốc.

Việc lấy lại tô giới Hán-khẩu và Cửu-giang là một bước tiến mới trong lịch sử đấu tranh chống đế quốc.

Trong lúc quân Bắc phạt chiếm Vũ-Hán, tiến vào Giang-tây, Phúc-kiến, Chiết-giang và An-huy, đánh nhau với quân Tôn-Truyền-Phương để phối hợp với quân Bắc phạt, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thì giai cấp công nhân ở Thượng-hải đã trước sau khởi nghĩa ba lần và giải phóng Thượng-hải là cứ điểm trung tâm xâm lược và thống trị lâu dài của đế quốc và quân phiệt Bắc-dương.

Trước lúc vũ trang khởi nghĩa, ngày 30 tháng 5 năm 1926, nhân dân Thượng-hải do giai cấp công nhân đứng đầu cũng đã cử hành cuộc thị uy chống đế quốc đại quy mô. Tiếp theo đó, dưới sự lãnh đạo của Tổng công đoàn Thượng-hải, công nhân gây lên phong trào bãi công lớn. Trong ba tháng 6,7,8, số công nhân bãi công trước sau có đến 20 vạn người, đến tháng 9 còn có 3 vạn công nhân giữ vững cuộc bãi công. Yêu cầu bãi công

chủ yếu của công nhân Thượng-hải lúc đó là: đòi tự do hội họp, tự do lập đoàn thể, đòi quy định mức lương thấp nhất, rút ngắn thời gian lao động và cải thiện điều kiện lao động v. v... Phương pháp đối phó của bọn tư bản, trước hết là đóng cửa Tổng công đoàn Thượng-hải, kế đó là ngừng kinh doanh, đóng cửa xưởng, làm cho công nhân bị nạn thất nghiệp đe dọa. Chúng sa thải hoặc truất lương của công nhân không tham gia phong trào bãi công, đồng thời chúng còn mua chuộc một số lưu manh để khiêu khích công nhân. Nhưng cuộc bãi công ở Thượng-hải không vì đó mà thất bại, và bắt đầu từ giữa tháng 8, mũi nhọn của cuộc bãi công quay sang đế quốc Nhật. Đế quốc Nhật tàn sát công nhân, Tổng công đoàn nhà máy dệt Thượng-hải ra lệnh bãi công. Cuộc bãi công lớn lần này, càng tăng mạnh ý chí đấu tranh và lực lượng tổ chức của giai cấp công nhân.

Tháng 10 năm 1926, quân Bắc phạt chiếm Vũ-xương, Ngô-Bội-Phu mất cả địa bàn cuối cùng của hắn. Chủ lực quân Bắc phạt tiến vào Giang-tây, quân Tôn-Truyền-Phương phần lớn đã điều đến tiền tuyến để đánh với quân cách mạng. Hà-Siêu là bộ hạ của Tôn-Truyền-Phương ở Chiết-giang hướng về cách mạng, đến tháng 10 thì ở Hàng-châu tuyên bố tách khỏi Tôn-Truyền-Phương, và kéo quân tấn công Thượng-hải, đến sát ngoại ô. Ngày 23 tháng 10, công nhân Thượng-hải dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đã nổi lên cuộc khởi nghĩa thứ nhất. Trước khi khởi nghĩa, họ đã tổ chức đội vũ trang công nhân có 130 người, và đội chiến đấu không vũ khí có 1.000 người. Kẻ địch có 3.000 lính và cảnh sát ở Thượng-hải và một lữ đoàn đóng ở hai bờ sông Trường-giang gần Thượng-hải. Cuộc khởi nghĩa vũ trang lần này chưa được chuẩn bị đầy đủ, và Hà-Siêu thất bại nên không thành công được.

Sau khi quân Bắc phạt chiếm Hàng-châu và Gia-hưng, Đảng quyết định cuộc khởi nghĩa lần thứ hai để phối hợp với quân

Bắc phạt. Ngày 19 tháng 2 năm 1927, Tổng công đoàn Thượng-hải ra lệnh tổng bãi công đồng minh và đưa yêu cầu bãi công. Công nhân Thượng-hải lập tức hưởng ứng bãi công, ngày đầu có 15 vạn người, ngày thứ hai có 27 vạn người, ngày thứ ba 35 vạn người, ngày thứ tư 36 vạn người. Ngay ngày đầu chính phủ quân phiệt đã lập tức liên hợp với cục công bộ ở tô giới Thượng-hải để mở cuộc khủng bố trắng. Hôm thứ tư (ngày 22) cuộc khởi nghĩa vũ trang bắt đầu. Đại biểu công nhân, thương nhân và học sinh Thượng-hải hợp với đại biểu Đảng cộng sản và Quốc dân đảng để thành lập Ủy ban cách mạng lâm thời của dân phố Thượng-hải.

Tình hình không lợi cho cuộc khởi nghĩa vũ trang: Trước hết là ngay lúc đó quân Bắc phạt do kẻ phản động Bạch-Sùng-Hy chỉ huy ngừng tấn công Thượng-hải, chỉ ngồi xem công nhân một mình đánh nhau với quân đội Tôn-Truyền-Phương, và mong đợi cho đôi bên đều xơ xác cả. Thứ hai là công tác của Đảng trong quân đội phản động (hải quân và quân của Lý-Bảo-Chương) và trong tầng lớp trung gian rất ít. Lúc đó hải quân và quân của Lý-Bảo-Chương đã hoang mang, nếu tìm cách tranh thủ họ, thì có thể làm tan vỡ địch từ trong nội bộ. Đồng thời, cũng không kêu gọi nhân dân ở thành phố nổi dậy, gạt hẳn giai cấp tiểu tư sản ra một bên, và chỉ dựa vào giai cấp tư sản lớn (Nữu-Vĩnh-Kiến, Ngu-Hiệp-Khanh). Đến ngày thứ 5 thì Tổng công đoàn ra lệnh làm việc lại, thế là cuộc vũ trang khởi nghĩa lần này cũng thất bại.

Tiếp theo đó, Đảng cộng sản càng quyết tâm và ra sức hơn nữa để chuẩn bị cuộc khởi nghĩa thứ ba với quy mô lớn hơn. Trong hội công nhân và viên chức, trong quần chúng dân nghèo thành phố và tiểu tư sản, Đảng đều làm được nhiều công tác chính trị và tổ chức quan trọng. Đảng tuyên truyền khẩu hiệu xây dựng chính quyền nhân dân trong quần chúng công nhân,

Đảng phát động giai cấp tiểu tư sản, làm cho họ trở thành quân đồng minh vững chắc của giai cấp công nhân. Đối với giai cấp tư sản lớn, Đảng giữ mối quan hệ với họ, nhưng đồng thời buộc họ phải theo ý chí của quần chúng, và chống những chính sách thỏa hiệp của họ. Ngày 21 tháng 3 năm 1927, trong lúc quân Bắc phạt tấn công đến Long-hoa cách Thượng-hải không xa, thì Tổng công đoàn Thượng-hải ra lệnh tổng bãi công đồng minh nữa. Tham gia cuộc bãi công có 80 vạn người, và dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc vũ trang khởi nghĩa cũng bắt đầu. Thượng-hải được chia làm bảy khu khởi nghĩa: Nam-thị, Hồng-khẩu, Phố-đông, Ngô-tùng, Hỗ-đông, Hỗ-tây, Áp-bắc. Mới bắt đầu quân khởi nghĩa liền cắt đứt đường sắt, chiếm sở cảnh sát, cục điện thoại và cục điện tín, cắt đứt dây đèn và ống nước máy. Tiếng súng nổ và tiếng hô khẩu hiệu của quần chúng đã vang động cả bầu trời Thượng-hải. Quần chúng tay không cũng đoạt được vũ khí. Ngoài Áp-bắc, sáu khu khác đều chiếm được trong buổi chiều ngày 21. Chỉ có khu Áp-bắc là chiến đấu kịch liệt nhất, từ buổi trưa ngày 21 đánh đến 6 giờ chiều ngày 22, trước sau phải chiến đấu hết hai ngày một đêm mới chiếm được. Trong quân đội phản động của Hà-bắc — Sơn-đông có lính Nga trắng và xe thiết giáp của Anh hợp sức tác chiến. Sau khi chiếm lấy các sở cảnh sát, quân khởi nghĩa liền chiếm nhà ga Thiên-thông-am và câu lạc bộ nhà xuất bản Thương-vụ. Cuộc chiến đấu cuối cùng tập trung vào ga Bắc. Vì đội vũ trang công nhân đã tấn công mãnh liệt và quần chúng tham gia chiến đấu, nên ga Bắc cũng bị chiếm và quân phản động bị đánh bại. Thế là cuộc khởi nghĩa lần thứ ba đã hoàn toàn thắng lợi. Nhờ sự lãnh đạo của Đảng cộng sản và sức chiến đấu anh dũng của giai cấp công nhân, nên cuối cùng nhân dân đã giải phóng Thượng-hải, là thành phố công thương nghiệp lớn nhất của Trung-quốc. Đảng

lập tức triệu tập Đại hội nhân dân thành phố và bầu ra chính phủ nhân dân Thượng-hải.

Ngày 24 tháng 3 năm 1927, đạo quân thứ 2 và thứ 6 của quân Bắc phạt và các bộ đội khác đã chiếm lấy Nam-kinh. Ngay đêm đó, tàu chiến của Anh, Mỹ, Nhật và Pháp bắn vào Nam-kinh, quân và dân trong ấy chết và bị thương ngót 2.000 người. Đế quốc dùng đại bác đe dọa nhân dân Trung-quốc, và muốn nhằm vùng trung tâm đề đánh ngay vào cách mạng.

Vụ Nam-kinh đã báo hiệu đế quốc tăng cường can thiệp vào cách mạng Trung-quốc, và sau đó, ngày 12 tháng 4 dưới sự giúp đỡ của đế quốc, Tưởng-Giới-Thạch đã gây cuộc chính biến phản cách mạng.

Sau khi quân Bắc phạt đã tiến vào lưu vực Trường-giang, thì hoạt động phản cách mạng của phái hữu Quốc dân đảng ngày càng trắng trợn. Mùa đông năm 1926, sau khi Tưởng vào Nam-xương, thì xảy ra cuộc tranh luận nhau về vấn đề dời thủ đô. Tưởng phản đối chủ trương dời đô đến Vũ-Hán của Đảng cộng sản và phái tả Quốc dân đảng, hắn định lấy Nam-xương làm trung tâm, đề tiến hành hoạt động phản cách mạng, đối lập với Vũ-Hán. Tháng 11 năm 1926, trung ương Quốc dân đảng quyết định dời đến Vũ-Hán, và tiếp theo đó trung ương Quốc dân đảng và chính phủ Quốc dân đều dời về Vũ-Hán cả. Tháng 3 năm 1927, Quốc dân đảng mở hội nghị toàn thể trung ương ở Hán-khẩu. Do Đảng cộng sản và phái tả Quốc dân đảng tích cực thúc đẩy, nên hội nghị đã nhất trí thông qua nghị quyết nâng cao đảng quyền, nâng cao dân chủ, đề phòng độc tài, và bãi bỏ chức chủ tịch ban thường vụ trung ương đảng và chủ tịch ủy ban quân sự của Tưởng-Giới-Thạch, hội nghị lần này là một thắng lợi của phe cách mạng đấu tranh chống phe phản cách mạng. Sau cuộc hội nghị này, Tưởng tăng cường chuẩn bị chính biến, hắn tích cực bổ sung bộ đội trực thuộc của hắn

và mở rộng biên chế cho các bộ đội quân phiệt đã đầu hàng sang trong mấy chiến dịch ở Phúc-kiến, Chiết-giang, Giang-tây và An-huy. Tưởng kêu gọi đế quốc giúp đỡ, và thông qua Đái-Quý-Đào đề câu kết với đế quốc Nhật, thông qua Vương-Chính-Đình, Tống-Tử-Văn, Lý-Thạch-Tăng, Ngô-Trĩ-Huy đề câu kết với đế quốc Anh, Mỹ và Pháp. Còn Nhật, Mỹ và Anh cũng thông qua Ngu-Hiệp-Khanh, một tên mại bản kếch sù ở Thượng-hải đề đàm phán với Tưởng-Giới-Thạch về điều kiện chống cách mạng. Một số chính khách quan liêu cũ như Hoàng-Phù, Trương-Quần v.v... cũng vâng lệnh đế quốc nhảy sang bên cạnh Tưởng để giúp hoạt động phản cách mạng. Lúc đó, đế quốc Anh, Mỹ, Pháp và Nhật đã tập trung hơn 3 vạn quân xâm lược ở Thượng-hải và tiếp tục điều động đến nhiều quân đội khác, đề giúp Tưởng chống cách mạng. Cho nên quan hệ giữa chúng ngày càng chặt chẽ, làm cho Tưởng-Giới-Thạch càng phản động điên cuồng hơn. Tháng 3 năm 1927, Tưởng-Giới-Thạch tàn sát ông Trần-Tán-Hiền là thư ký Tổng công đoàn Cống-châu, và đàn áp phong trào công nhân ở Cống-châu, giải tán Tổng công đoàn thành phố Cửu-giang, đánh chết và bị thương rất nhiều công nhân. Chúng tổ chức tổng công đoàn An-huy giả ở An-khánh, đề phá hoại tổng công đoàn An-huy là một tổ chức chân chính của công nhân, và phá hoại đảng bộ tỉnh của Quốc dân đảng phái tả. Sau khi công nhân Thượng-hải đã giải phóng Thượng-hải, thì Tưởng-Giới-Thạch liền đến đó đề gặp mặt các phần tử đế quốc, mại bản kếch sù và địa chủ lớn tập trung ở Thượng-hải, được sự giúp đỡ của bọn chúng và dưới sự xui giục của đế quốc và giai cấp mại bản, đã bố trí cuộc chính biến phản cách mạng.

Trước hết, bắt đầu từ các thành phố quan trọng ở ngoài vòng Thượng-hải, Tưởng cho người tay trong của hắn chiếm Nam-kinh và Hàng-châu, đề cô lập lực lượng cách mạng ở

Thượng-hải. Ngày 2 tháng 4, chúng mở "Đại hội toàn thể ban giám sát trung ương Quốc dân đảng", do Ngô-Trĩ-Huy đưa cáo trạng bắt tội Đảng cộng sản, để chuẩn bị cuộc chính biến phản cách mạng. Ngày 3 đến ngày 5 tháng 4 tập đoàn Tưởng và Uông-Tinh-Vệ mở hội nghị chống Cộng, và thỏa hiệp nhau trên một số điểm phản động như đàn áp Đảng cộng sản và đội vũ trang công nhân Thượng-hải, không thi hành mệnh lệnh của Quốc dân đảng Vũ-Hán. Tiếp theo đó, Tưởng tập hợp bọn lưu manh ở Thượng-hải, tổ chức "Hội cộng tiến Trung-hoa" và "Hội liên hiệp công nhân Thượng-hải" để chống lại Tổng công đoàn Thượng-hải. Chúng điều động quân phản động đến Áp-bắc để giám sát Tổng công đoàn và đội củ soát công nhân Thượng-hải. Chúng thành lập bộ tư lệnh giới nghiêm Tùng—Hỗ (do đầu sỏ Bạch-Sùng-Hy, Châu-Phụng-Kỳ làm tư lệnh) cấm hội họp, bãi công biểu tình, để hạn chế hoạt động cách mạng của công nhân.

Một mặt khác, Tưởng-Giới-Thạch làm trò hai mặt phản cách mạng. Hắn coi đội củ soát công nhân như một cây đinh cắm vào mắt, nhưng bề ngoài hắn không đụng chạm đến, lại còn tặng cờ "Cộng đồng phấn đấu" cho đội này nữa. Hắn muốn làm tê liệt cảnh giác của người cách mạng để tập kích cách mạng một cách bất ngờ. Tưởng-Giới-Thạch còn lợi dụng chủ nghĩa cơ hội của Trần-Độc-Tú, một mặt chống thành lập chính phủ nhân dân Thượng-hải (đã định ngày 29 tháng 3 thành lập), một mặt xui giục đại biểu của giai cấp tư sản xin từ chức, làm cho chính phủ nhân dân bị phá sản. Thế là Trần-Độc-Tú không phát động quần chúng ủng hộ chính phủ nhân dân, lại còn sợ chính phủ không có đại biểu của giai cấp tư sản thì không hoạt động được, cho nên đi lôi kéo chúng một cách vô nguyên tắc và mất hẳn lập trường. Thấy Trần-Độc-Tú nhu nhược như thế, Tưởng-Giới-Thạch cho tay sai của hắn tổ chức "ủy ban chính

trị Thượng-hải lâm thời", để cướp đoạt chính quyền của nhân dân Thượng-hải. Ngày 5 tháng 4 Trần-Độc-Tú và Uông-Tinh-Vệ ra bản tuyên bố chung, đã không chỉ trách âm mưu phản cách mạng, trái lại còn làm bình phong cho Tưởng bố trí cuộc tàn sát.

Sau khi bố trí xong mọi âm mưu phản cách mạng, thì ngày 9 tháng 4 Tưởng rời khỏi Thượng-hải để đến Nam-kinh.

Đội củ soát công nhân Thượng-hải chia nhau đóng ở Áp-bắc, Ngô-tùng, Phố-đông và Nam-thị. Ngày 12 tháng 4 trước lúc bình minh, Tưởng ra lệnh tàn sát. Bọn lưu manh và quân đội phản cách mạng đã chuẩn bị từ lâu, cùng ra tay trong một lúc. Bọn lưu manh từ trong tô giới xông ra, để tập kích công nhân, còn quân đội thì mượn cớ giúp đỡ để đánh lừa và tước súng của đội củ soát. Có nhiều nơi quân đội còn trực tiếp tước lấy.

Sau khi đội củ soát công nhân bị tước khí giới, tên đầu sỏ Bạch-Sùng-Hy còn vu khống cho việc lưu manh đánh công nhân đó là "sự xô xát trong nội bộ công nhân", nên cần phải tước khí giới. Nhưng chúng sợ công nhân bãi công, nên ra lệnh cấm bãi công.

Để phản kháng Tưởng-Giới-Thạch tước khí giới, công nhân Thượng-hải chống lại rất anh dũng. Trưa ngày 12 tháng 4, công nhân đoạt trụ sở Tổng công đoàn. Tổng công đoàn liền ra lệnh cả thành phố tổng bãi công ngay hôm đó. Mặc dù địch áp dụng chính sách khủng bố trắng, cuộc bãi công này cũng có đến 20 vạn công nhân tham gia.

Khắp nơi công nhân và dân chúng Thượng-hải đều họp mít tinh, kháng nghị bọn phản động. Đặc biệt là sau cuộc mít tinh lớn lao của quần chúng Nam-thị, có 50 vạn người đến Long-hoa đưa yêu sách, làm cho Bạch-Sùng-Hy bị bắt buộc phải hứa nhận một số điều kiện.

Ngày 13, Tổng công đoàn mở đại hội quần chúng công nhân ở Áp-bắc. Sau đại hội, quần chúng kéo đến bộ tư lệnh Chu-Phụng-Kỳ, để đưa yêu sách nhưng lúc đến đường Bảo-sơn thì bị quân phản động tàn sát, có hơn trăm người chết và vô số bị thương.

Sau vụ tàn sát, Tưởng lập tức ra lệnh thủ tiêu Tổng công đoàn, và sai khiến bọn lưu manh trong "hội liên hiệp công nhân Thượng-hải" (về sau đổi tên là "ủy ban thống nhất tổ chức công đoàn Thượng-hải") chiếm trụ sở Tổng công đoàn, khám xét và đóng cửa tất cả các tổ chức công đoàn và tàn sát lãnh tụ công nhân. Tất cả cơ quan đoàn thể cách mạng như: chính phủ lâm thời Thượng-hải và hội liên hợp học sinh Thượng-hải v.v... đều lần lượt bị đóng cửa. Từ đấy, tất cả tự do của công nhân và người cách mạng ở Thượng-hải đều bị tước mất, họp hội bị bắn, bãi công cũng bị bắn. Cuộc đấu tranh của công nhân bị hãm vào địa vị cô lập, nếu tiếp tục tổng bãi công đồng minh thì sẽ phải hy sinh thêm mà không lợi. Vì thế, để giữ gìn lực lượng, ngày 14 Tổng công đoàn ra lệnh làm việc lại.

Tuy phong trào công nhân Thượng-hải gặp phải sự phá hoại nghiêm trọng, cuộc tổng bãi công đồng minh phải chấm dứt, nhưng công nhân Thượng-hải không hề khuất phục trước địch, và trong hoàn cảnh khủng bố dã man, Tổng công đoàn vẫn kiên trì hoạt động bí mật để lãnh đạo công nhân đấu tranh chống phản động.

Sau khi Tưởng-Giới-Thạch ra mặt phản bội thì Quảng-đông và các tỉnh ở miền Đông-nam đều tràn ngập những cảnh khủng bố người cộng sản và người cách mạng, có rất nhiều nhà cách mạng ưu tú bị giết chết dưới lưỡi lê của Tưởng.

Ngày 15 tháng 4, bọn phản động Quốc dân đảng Quảng-đông bắt và giết đảng viên cộng sản và phần tử công nhân tiến bộ, giải tán vũ trang của trường Hoàng-phố và đội củ soát của

Ủy ban bãi công Quảng-châu — Hương-cảng, khám xét các đoàn thể quần chúng cách mạng như công đoàn, nông hội v. v... Trong vụ chính biến phản cách mạng ở Quảng-đông, đã có hơn 2.100 đảng viên cộng sản và phần tử công nhân tích cực bị giết hại, hơn 100 người bị giết ngầm, hơn 2.000 công nhân đường sắt bị đuổi. Ngày 19 và ngày 23 tháng 6, công nhân đứng lên tổng bãi công, nhưng kết quả đã bị chúng dìm xuống.

Cuộc chính biến phản cách mạng của Tưởng-Giới-Thạch, làm cho một phần cách mạng bị thất bại, nhưng toàn bộ cách mạng lại bước vào một giai đoạn phát triển cao hơn.

IV— Phong trào quần chúng công nông trong thời kỳ Vũ-Hán tiếp tục lên cao. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ năm của Đảng cộng sản Trung-quốc.

Cuộc chính biến phản cách mạng ngày 12 tháng 4 là tập đoàn phản động Tưởng-Giới-Thạch công khai tấn công cách mạng. Sau chính biến đó, ở miền nam Trung-quốc xuất hiện hai thành trì, một là thành trì cách mạng lấy Vũ-Hán làm trung tâm, một nữa là thành trì phản cách mạng lấy Nam-kinh làm trung tâm.

Dưới chính sách can thiệp của đế quốc, lúc đó chính phủ cách mạng Vũ-Hán bị bao vây bốn phía, đông tây nam bắc đều có địch. Tưởng-Giới-Thạch ở phía đông, quân phiệt Quảng-đông ở phía nam, Dương-Sâm ở phía tây, Trương-Tác-Lâm ở phía bắc. Chính phủ cách mạng phải mở bốn mặt trận đấu tranh, nhưng tình thế cách mạng không cho phép cùng một lúc mở bốn mặt trận. Chính phủ Vũ-Hán quyết định tiếp tục Bắc

phạt, tấn công Trương-Tác-Lâm. Lúc đó quân Phụng đang điều động xuống nam, hòng chiếm lấy Vũ-Hán, cho nên tấn công quân Phụng là biện pháp phòng ngự tích cực trong giờ phút khẩn cấp đó, không thể trì hoãn được. Vũ-Hán là một trung tâm thương nghiệp, trước tình hình bị bao vây bốn phía, cần phải tìm lối ra để giải quyết khủng hoảng kinh tế; một mặt khác, Vũ-Hán cần liên hiệp với quân đội của Phùng-Ngọc-Tường ở Hà-nam, để giảm bớt và tránh khỏi sự nguy hiểm do quân Phụng tấn công gây ra, rồi sau sẽ đánh Tưởng.

Do đó, chính phủ Vũ-Hán trước hết phải hội hợp với quân Phùng-Ngọc-Tường, củng cố mặt quân sự và kinh tế, ra sức tiến hành cách mạng ruộng đất, mở rộng cách mạng, đi sâu vào cách mạng, rồi sau mới đề ra vấn đề tấn công Tưởng.

Lúc đó phong trào quần chúng công nông vẫn tiếp tục phát triển, nhất là ở Hồ-nam và Hồ-bắc, phong trào nông dân đang lên cao.

Thời kỳ Đại hội đại biểu lần thứ 4, Đảng cộng sản Trung-quốc chỉ có hơn 900 đảng viên, nhưng lúc mở Đại hội đại biểu lần thứ 5, Đảng đã có hơn 57.900 đảng viên. Số đảng viên đã tăng nhanh như thế, nhưng ảnh hưởng chính trị của Đảng càng tăng mạnh và nhanh hơn, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, đã có hơn 2 triệu 80 vạn công nhân và hơn 9 triệu nông dân.

Đặc điểm cơ bản của phong trào công nhân là : về mặt đấu tranh chính trị, từ tranh thủ quyền tự do hội họp, tổ chức, bãi công, tiến tới đòi tham gia chính quyền; về mặt đấu tranh kinh tế, từ đòi cải thiện đời sống, giành lấy quyền khế ước đoàn thể, tiến tới đòi tham gia quản lý xí nghiệp nhà nước; về tổ chức, thì quyền lực của công đoàn phải tập trung dần, từ các hội nghề nghiệp phân tán tiến tới tổ chức hội sản nghiệp, tổng công đoàn địa phương.

Dưới sự lãnh đạo của chính phủ cách mạng, phong trào nông dân ở Hồ-nam, Hồ-bắc và Giang-tây đã nổi lên như vũ bão.

Tháng 6 năm 1927, hội viên nông hội toàn quốc có 9 triệu 15 vạn người, trong đó Hồ-nam đông nhất, chiếm 4 triệu 51 vạn người, Hồ-bắc 2 triệu 50 vạn người.

Ở Hồ-nam đã nổi lên một cuộc cách mạng nông thôn rầm rộ. Nông dân đứng lên quản lý và phân chia lương thực. Nông dân đứng lên lật đổ quyền thống trị của cường hào ác bá. Nông dân nổi dậy giải quyết vấn đề ruộng đất, từ đo ruộng đã tiến đến cặm thẻ và chia ruộng.

Sau khi quân Bắc phạt đã chiếm Vũ-Hán, phong trào nông dân ở Hồ-bắc cũng phát triển rất mạnh. Tháng 3 năm 1927, sau Đại hội đại biểu nông dân toàn tỉnh, nông dân đã mở cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt ở nông thôn. Nông hội đã trở thành chính quyền cách mạng của nông dân, xây dựng quân tự vệ nông dân, và từ giảm tô giảm tức, tiến đến đòi chia ruộng đất.

Tháng 2 năm 1927, nông hội tỉnh Giang-tây được thành lập, nông dân đấu tranh đòi giảm tô giảm tức và đánh đổ cường hào ác bá. Nhưng phong trào nông dân ở đó vẫn còn trong thời kỳ phát động. Vì Giang-tây đã lâu năm chịu ách thống trị của Tưởng-Giới-Thạch và phải trải qua hai lần thay đổi chính quyền giữa hai phái tả hữu.

Phong trào nông dân ở Quảng-đông phát triển rất sớm, quần chúng nông dân ở đó đã có đòi hỏi ruộng đất từ lâu. Nhưng dưới sự thống trị phản động, tổ chức nông dân đã bị phá hoại nghiêm trọng. Cuộc đấu tranh giảm tô và chống thuế đã bắt đầu ở các tỉnh đông nam như: Giang-tô, An-huy, Chiết-giang, và Phúc-kiến. Hội giáo đỏ ở Hà-nam tiến hành cuộc đấu tranh chống quân phiệt, chống sưu thuế. Nông dân các tỉnh miền bắc dưới chính quyền tàn nhẫn của quân phiệt cũng nổi lên rầm rộ, chống chính quyền quân phiệt tàn bạo.

Phong trào nông dân trong ba tỉnh Hồ-nam, Hồ-bắc và Quảng-đông, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, đã lấy bần nông làm cơ sở. Cơ sở xã hội đó của phong trào nông dân đã chỉ rõ tương lai của phong trào nhất định là cách mạng ruộng đất. Chính quyền nông dân cũng lấy bần nông làm nòng cốt. Nông dân nắm chính quyền là mấu chốt để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng vì nông dân không những cần lấy ruộng đất, mà còn phải có chính quyền mới được, tỷ như muốn thực hiện giảm tô, nếu không có chính quyền của mình thì không làm được. Cuộc đấu tranh của nông dân, bắt đầu là giảm tô giảm tức, rồi sau đó tiến tới lật đổ chính quyền địa chủ và đấu tranh ruộng đất.

Giai đoạn phát triển của phong trào nông dân trong phạm vi toàn quốc trước sau không đồng đều, nhưng ở các tỉnh miền nam, nói chung, phong trào đã đi vào thời kỳ lật đổ chính quyền địa chủ và đấu tranh ruộng đất. Đó là đặc điểm cơ bản trong giai đoạn mới của cách mạng Trung-quốc.

Trong giai đoạn cách mạng khẩn cấp đó, ngày 27 tháng 4 năm 1927, Đảng cộng sản Trung-quốc mở Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 5 ở Vũ-Hán, có tất cả 80 đại biểu thay mặt cho hơn 57.900 đảng viên đến dự Đại hội.

Trong Đại hội lần này, Trần-Độc-Tú còn chưa thanh toán được đường lối chủ nghĩa hữu khuynh. Như đối với vụ tàu chiến Trung-sơn, Trần-Độc-Tú chẳng những không phê phán sai lầm chủ nghĩa cơ hội, không kết luận mà trái lại còn đổ tội cho lực lượng cách mạng không thể đè bẹp Tưởng-Giới-Thạch và cho rằng Tưởng chưa ra mặt phản cách mạng. Lại như cuộc khởi nghĩa của công nhân Thượng-hải, Trần-Độc-Tú cho rằng giai cấp công nhân chỉ có thể đấu tranh kinh tế, và không nên đấu tranh chính trị, khởi nghĩa, ông ta đã vất bỏ hoàn toàn

trách nhiệm lãnh đạo của giai cấp công nhân và phủ nhận ý nghĩa vĩ đại của chính quyền cách mạng.

Vấn đề ruộng đất là vấn đề căn bản nhất lúc đó. Nhưng đối với vấn đề căn bản có liên quan đến toàn bộ cách mạng đó, Trần-Độc-Tú đã xử lý như thế nào? Ông ta chủ trương chỉ tịch thu ruộng đất của địa chủ lớn và địa chủ vừa, còn ruộng đất của địa chủ nhỏ thì không được tịch thu. Nhưng ông ta có thừa nhận được như thế, cũng chỉ là trên nguyên tắc, chứ không phải là một chỉ thị thực tế đề trực tiếp hành động. Trần-Độc-Tú hoàn toàn trốn tránh vấn đề này, và chỉ đưa ra vấn đề tịch thu chính trị tức là tịch thu ruộng đất và tài sản của phần tử phản cách mạng.

Một thứ lý luận cơ hội của Trần-Độc-Tú là "bàn về mở rộng cách mạng". Ông ta tách rời mở rộng cách mạng với đi sâu vào cách mạng: hoặc mở rộng cách mạng, tiếp tục Bắc phạt và mở rộng phạm vi cách mạng; hoặc đi sâu vào cách mạng, thực hành cách mạng ruộng đất và xây dựng chính quyền nhân dân. Trần-Độc-Tú chọn lấy con đường gọi là "mở rộng cách mạng". Sở dĩ ông ta chủ trương tiếp tục Bắc phạt là đề làm dịu cách mạng ruộng đất và cuộc đấu tranh giai cấp.

Một lý luận chủ nghĩa cơ hội khác của Trần-Độc-Tú là lý luận đi Tây-bắc. Ông ta cho rằng ở Quảng-châu, Thượng-hải, Hán-khẩu, Thiên-tân và các khu công nghiệp khác đều không thể phát triển cách mạng, vì lực lượng phản động lớn mạnh của đế quốc và quân phiệt phong kiến đều tập trung ở đó. Cho nên, cách mạng phải dời lên các tỉnh Tây-bắc, là nơi ảnh hưởng của đế quốc yếu, lực lượng cách mạng dễ phát triển.

Lý luận của Trần-Độc-Tú, là sự tiếp tục và phát triển thêm của đường lối chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh.

Đại hội thông qua nghị quyết chỉ trích chủ nghĩa cơ hội và nghị quyết thi hành cách mạng ruộng đất.

Trong "nghị quyết án về tình hình chính trị và nhiệm vụ Đảng" Đại hội đã vạch rõ đường lối chính trị của Trần-Độc-Tú là hoàn toàn sai lầm và trái ngược với nghị quyết và chỉ thị của Quốc tế cộng sản, tức là vất bỏ quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng dân chủ tư sản. Mà điều kiện căn bản để giành được thắng lợi trong cách mạng dân chủ tư sản, là vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng này.

Đại hội đã bác lại ý kiến sai lầm tách rời mở rộng cách mạng với đi sâu vào cách mạng của Trần-Độc-Tú. Mở rộng cách mạng và đi sâu vào cách mạng là điều kiện có liên quan nhau, tức là cách mạng phải mở rộng, đồng thời cũng phải đi sâu, có đi sâu mới có thể củng cố cơ sở cách mạng. Đại hội cho rằng lý luận "bàn về mở rộng cách mạng" của Trần-Độc-Tú là dọn đường cho chủ nghĩa dân tộc tư sản. Đại hội vạch rõ cái nguy hiểm chỉ mở rộng cách mạng mà không đi sâu vào cách mạng, như thời kỳ trước kia, do cách mạng không đi sâu mà các khu vực của quân cách mạng đã chiếm không có cơ sở cách mạng vững chắc, cũng không thể phá tan cơ sở xã hội phản động. Cho nên, đến lúc tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch ra mặt phản bội, không thể cô lập chúng được, kết quả là chúng đã kéo được một lực lượng rất lớn ra khỏi mặt trận thống nhất.

Đại hội vạch rõ: "Nếu cho rằng phải hoàn thành Bắc phạt trước, rồi sau mới bắt đầu cải cách ruộng đất và xây dựng chính quyền dân chủ, như thế là làm cho giai cấp tư sản đang chiếm đóng ở các tỉnh ven biển, có thể khoác mặt nạ chủ nghĩa dân tộc, để trong một thời gian ngắn củng cố thế lực của chúng và giúp đỡ đế quốc." Tức là, nếu phải hoàn thành chiến tranh Bắc phạt trước, rồi sau mới làm cách mạng ruộng đất, thì ở các tỉnh Đông nam Tưởng-Giới-Thạch đồng thời cũng chủ trương tiếp tục Bắc phạt, thống nhất Trung-quốc, như thế hắn có thể khoác mặt nạ chủ nghĩa dân tộc để củng cố thế lực của hắn.

Đại hội chỉ rõ, cuộc chính biến của Tưởng-Giới-Thạch không đánh bại được cách mạng, và cách mạng không phải đang ở trong thời kỳ thoái trào, mà ở trong thời kỳ lên cao, tức là thời kỳ cách mạng ruộng đất. Cho nên, Đại hội bác quan điểm đi Tây-bắc rất sai lầm của Trần-Độc-Tú.

Đại hội đưa ra hai nhiệm vụ trước mắt cho toàn Đảng là thi hành cách mạng ruộng đất và xây dựng chính quyền nhân dân.

Đại hội lần này đã bầu ra 29 ủy viên trung ương và 11 ủy viên trung ương dự khuyết. Ngoài miệng, Trần-Độc-Tú đã tán thành nghị quyết của Đại hội, vì thế Đại hội lần này vẫn bầu y làm tổng bí thư Trung ương Đảng.

Nhưng Trần-Độc-Tú từ đầu đến cuối vẫn giữ lấy quan điểm chủ nghĩa cơ hội của mình. Sau Đại hội, có nhiều ủy viên trong Cục chính trị không tham gia công tác Ban chấp hành Trung ương được, trong thực tế Đảng vẫn nắm trong tay Trần-Độc-Tú. Vì thế, Đại hội lần thứ 5 thực tế không giải quyết được vấn đề căn bản nào cả.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông tuy có tham gia Đại hội lần này, nhưng bị Trần-Độc-Tú hất ra ngoài vòng lãnh đạo Đại hội, và bị đoạt mất quyền biểu quyết trong Đại hội một cách phi pháp.

V— Quốc dân đảng Vũ-Hán dao động trước sự tấn công của bọn phản cách mạng. Đường lối chủ nghĩa đầu hàng của Trần-Độc-Tú đã làm nguy hại đến cách mạng. Sự phản bội của tập đoàn Uông-Tinh-Vệ. Thất bại của cuộc chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất.

Từ lúc thành lập chính phủ Vũ-Hán, thì Vũ-Hán đã nằm trong hoàn cảnh khó khăn.

Vũ-Hán là một thành phố thương nghiệp quan trọng, bốn phía đều có đường giao thông thương nghiệp trọng yếu, nhưng lúc đó lại bị đế quốc và chính phủ quân phiệt bao vây, phong tỏa. Do đó trung tâm thương nghiệp này đã bị đứt quan hệ với các nơi, và các cơ quan thương nghiệp bên trong cũng lục tục đóng cửa.

Bọn tư bản Anh, Mỹ và Nhật ở Vũ-Hán đóng cửa các xí nghiệp của chúng, nhất là nhà buôn Mỹ, chúng chở dầu hỏa ra khỏi vùng kiểm soát của chính phủ Vũ-Hán. Than đá thiếu hụt và các công xưởng vì thiếu nguyên liệu phải thu hẹp sản xuất.

Vì thiếu hàng hóa nên giá hàng càng ngày càng cao, vì đường giao thông bị cắt đứt, nên lương thực và thực phẩm ngày càng khủng hoảng.

Lúc đó giai cấp tư sản Trung-quốc bắt đầu chạy trốn, có nhiều bạc hiện đã bị chúng đem theo. Đến cuối tháng 4, chính phủ Vũ-Hán quyết định cấm đem bạc hiện ra ngoài và đăng ký số bạc hiện còn trong các nhà băng. Kết quả là các nhà băng đứng lên phản đối, chúng công khai ngừng hẳn mọi hoạt động thương nghiệp.

Nguy cơ thương nghiệp, làm ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước. Chiến tranh Bắc phạt vẫn tiếp tục tiến hành, cuộc chiến tranh tự nhiên đòi hỏi rất nhiều quân phí, mà chi tiêu quân phí nhiều, thì nguy cơ tài chính càng trầm trọng thêm. Chính phủ Vũ-Hán bị bắt buộc phải dùng một biện pháp cấp cứu, là phát hành nhiều giấy bạc, để bổ sung số hụt trong ngân sách.

Kinh tế chính phủ Vũ-Hán đã sa vào tình trạng phá sản.

Nhằm vào lúc kinh tế khủng hoảng nghiêm trọng, giai cấp tư sản ngày càng tăng cường bóc lột giai cấp công nhân, thêm vào đó còn có nạn tăng giá hàng và nạn thất nghiệp, đời

sống của công nhân càng tồi tệ và mâu thuẫn giai cấp càng sâu sắc.

Trong vùng kiểm soát của chính phủ Vũ-Hán, phong trào nông dân tiếp tục lên cao. Có nhiều huyện, nông dân nổi lên và dùng bạo lực tịch thu ruộng đất địa chủ.

Kinh tế bị phong tỏa, thương nghiệp phá sản, lương thực thiếu hụt, tài chính nguy ngập, công nghiệp tiêu điều, cách mạng công nông nổi lên, tất cả những cái đó đã làm cho giai cấp tư sản bậc trung và tầng lớp trên của giai cấp tiểu tư sản bắt đầu dao động và rời khỏi cách mạng.

Ngày 1 tháng 6, quân Bắc phạt Vũ-Hán chiếm lấy Trịnh-châu, Khai-phong, và hội họp với quân Phùng-Ngọc-Tường. Quân Vũ-Hán thắng được hai trận này, hình như có thể củng cố địa vị chính phủ ở Vũ-Hán, nhưng sự đấu tranh và chia rẽ trong nội bộ, đã chứng tỏ thời cục của Vũ-Hán đang bị lay chuyển.

Trước hết, bọn tư sản địa chủ ở khu chính phủ Vũ-Hán đứng ra chống phong trào công nông, chúng chửi rủa nông thôn lúc đó chỉ có quyền lực của nông hội và cho công đoàn ở thành phố là chính phủ thứ hai. Chúng câu kết với bọn phản động trong nội bộ chính phủ Vũ-Hán, trong tình hình đó, người đầu tiên đã ra mặt phản bội là Hạ-Đầu-Dần. Ngày 17 tháng 5 năm 1927, trong lúc quân cách mạng tiến vào Hà-nam, và bộ đội của Dương-Sâm đánh Vũ-Hán, thì Hạ-Đầu-Dần làm phản. Ngày 21 tháng 5, Hứa-Khắc-Tường là một sĩ quan phản động cũng phản cách mạng ở Trường-sa, bao vây công đoàn, nông hội tỉnh, các tổ chức cách mạng, giết đảng viên cộng sản và quần chúng cách mạng. Ở Nam-xương tỉnh Giang-tây, Chu-Bồi-Đức đã bắt nhân viên công tác chính trị trong quân đội giải ra ngoài, và giết hại nhiều lãnh tụ của phong trào công nông. Thế là Giang-tây đã thoát ly chính phủ Vũ-Hán.

Nhưng cuộc bạo động và phản bội như thế đã làm cho phạm vi cai trị của chính phủ Vũ-Hán bị thu hẹp rất nhiều.

Tất cả cái đó, không thể không có sức phản ảnh mạnh trong giới lãnh tụ Quốc dân đảng ở Vũ-Hán, vì họ trong tình trạng bị bao vây và chịu ảnh hưởng của các tầng lớp xã hội đó. Nguy cơ kinh tế và nguy cơ chính trị ở Vũ-Hán làm cho phần tử lớp trên của Quốc dân đảng càng hoang mang và từ hoang mang đi tới phản bội. Chúng cho là quần chúng công nông đã hoạt động quá trớn, quân đội phải đứng lên chống lại, và tất cả những người công thương nghiệp cũng phải đứng lên hưởng ứng. Đế quốc cũng muốn can thiệp ráo riết, lại thêm bốn mặt bị bao vây và phong tỏa, như thế chính phủ Vũ-Hán nhất định sẽ thất bại. Sau sự biến ngày 12 tháng 4, bọn họ cho rằng một triệu nông dân ở Quảng-đông không chịu nổi một đòn của quân phiệt Quảng-đông, 80 vạn công nhân Thượng-hải cũng không đỡ nổi một đòn của Tưởng-Giới-Thạch, không thể tin cậy ở công nông được, chỉ có quân đội mới có thể tin cậy được.

Quá trình từ dao động đến phản bội đã biểu hiện trước nhất là trong vấn đề ruộng đất. Mùa xuân năm 1927, Quốc dân đảng Vũ-Hán thành lập ủy ban ruộng đất trung ương. Trong cuộc tranh luận về vấn đề ruộng đất, lập trường phản động của lãnh tụ Quốc dân đảng đã biểu lộ rõ rệt. Họ mượn đủ cớ để chống cách mạng ruộng đất. Có người nói ruộng đất của sĩ quan Bắc phạt không được tịch thu, có người nói ruộng đất của địa chủ nhỏ không được tịch thu, thậm chí có người còn nói ruộng đất của phần tử phản cách mạng cũng không được tịch thu. Có người lại cho rằng ruộng cày của Trung-quốc chỉ chiếm 15%, không cần tịch thu ruộng của địa chủ, chỉ lấy đất hoang cấp cho nông dân cày là được rồi. Về sau có đặt cương lĩnh ruộng đất, nhưng thực tế cương lĩnh này chỉ để hạn chế phạm vi tịch thu ruộng đất. Nghị quyết đã thông qua lúc tháng 5,

chỉ thừa nhận nguyên tắc tịch thu ruộng đất của địa chủ lớn, mà lại quy định trước mắt chỉ thi hành giảm tô, nộp tô không quá 40% số thu hoạch, nhưng các quy định này tạm thời không công bố. Về sau lại còn ra sắc lệnh bảo hộ "thân hào tốt", tức là bảo hộ chính quyền của giai cấp địa chủ phong kiến, và giải tán hai nông hội lớn nhất ở Hoàng-cương và Hoàng-pha tỉnh Hồ-bắc.

Việc đó đã tỏ rõ lãnh tụ Quốc dân đảng Vũ-Hán phản đối phong trào nông dân và cách mạng ruộng đất. Đồng thời họ còn phản đối cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân. Họ ra lệnh thực hành biện pháp cưỡng bức trọng tài, quyền quyết định tối cao phải thuộc về chính phủ, hạn chế yêu cầu của công nhân và người làm công ở các hiệu buôn, cấm họ can thiệp vào việc quản lý công xưởng và hiệu buôn, cấm đội củ soát công nhân bắt và phạt vạ các nhà tư bản phạm pháp.

Tất cả những việc làm đó là để kìm hãm phong trào quần chúng công nông, bắt phong trào quần chúng phải phục tùng quyền lợi của giai cấp thống trị.

Đối với những vụ phản bội của bọn tướng tá phản động, các lãnh tụ Quốc dân đảng không ngăn ngừa và trừng trị nghiêm khắc, trái lại còn phản đối việc tiêu diệt hoàn toàn quân đội Hạ-Đẩu-Dần, họ xuyên tạc vụ Trường-sa là do đội củ soát công nhân tập kích bộ đội của Hứa-Khắc-Tường, đối với vụ Chu-Bồi-Đức phản bội, họ giả câm giả điếc, từ đầu đến cuối không hề đả động tới. Về mặt chính trị, lãnh tụ Quốc dân đảng Vũ-Hán đã trở thành công cụ của quân phiệt.

Tập đoàn Trần-Độc-Tú nắm cơ quan lãnh đạo của Đảng cộng sản lúc đó đã làm những việc gì?

Trong bước cách mạng khẩn cấp đó, Đảng cần phải mạnh dạn mở rộng phong trào quần chúng công nhân, nhất là phát động nông dân lấy Hồ-nam làm trung tâm, dựa vào lực lượng

của quần chúng cộng nông, để đánh lui cuộc tấn công của đế quốc và phái phản động đối với cách mạng. Đảng cộng sản cần phải thanh trừ phái hữu Quốc dân đảng trong chính phủ và quân đội Quốc dân đảng, cần phải thu hút lãnh tụ công nông mới vào Quốc dân đảng và chính phủ, cần phải nhanh chóng tổ chức quân đội công nông mới, cần phải trực tiếp nắm quyền lực của chính phủ và quân đội Quốc dân đảng. Đấy là con đường duy nhất để lãnh đạo cách mạng giành được thắng lợi. Nhưng kẻ chủ nghĩa đầu hàng Trần-Độc-Tú không làm như thế, và Đại hội đại biểu thứ 5 của Đảng, thực tế chưa uốn nắn sai lầm chủ nghĩa đầu hàng của Trần-Độc-Tú.

Đối với cương lĩnh ruộng đất, những người chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh trong Đảng đều ngoan ngoãn làm theo các lãnh tụ Quốc dân đảng. Họ không có một sự kháng nghị nào đối với nghị quyết án của Quốc dân đảng, là nghị quyết án chống phong trào nông dân. Những người chủ nghĩa cơ hội trong Đảng đã cùng với phần tử địa chủ và tư sản Quốc dân đảng Vũ-Hán kêu ca phong trào nông dân đi quá trớn, chủ trương chấm dứt cuộc cách mạng ruộng đất, ra lệnh cho các nhà báo phải viết bài phê bình, và Bộ Nông chính ra bố cáo cải chính. Về vấn đề chính quyền nông dân, những người chủ nghĩa cơ hội đồng ý chủ trương nông thôn tự trị của trung ương Quốc dân đảng Vũ-Hán, nhưng mục đích nông thôn tự trị là ngăn cản phong trào nông dân. Càng thâm độc hơn nữa là họ nói cuộc đấu tranh của quần chúng ở trong địa phận Vũ-Hán là do bọn gian tế của Tưởng-Giới-Thạch gây ra.

Lúc xảy ra vụ Trường-sa, bộ đội của Hứa-Khắc-Tường chỉ có 1.000 người, còn Trường-sa đã bị mấy vạn quân nông dân bao vây, không phải là khó đánh, nhưng cơ quan lãnh đạo của Đảng đã thủ tiêu kế hoạch tấn công Trường-sa, cho rằng có Trường-sa thì mất Vũ-Hán. Đó là những hành động bán rẻ cách

mạng. Sau vụ Trường-sa, kẻ chủ nghĩa đầu hàng muốn dùng thủ đoạn chính trị để giải quyết, đó chẳng qua là làm cho bọn phản động càng được mơn trớn thêm.

Trong phong trào công nhân, cũng có bộc lộ lập trường phản bội của phần tử chủ nghĩa cơ hội, họ đã tiếp nhận các điều luật của Quốc dân đảng công bố, như cưỡng bức trọng tài, cấm bãi công trong xí nghiệp của nước ngoài, hạn chế hoạt động công đoàn và cấm công nhân đấu tranh v.v... Lúc Hạ-Đẩu-Dần phản bội, có người đề nghị Đảng cộng sản nên vũ trang ngay 1.500 công nhân, nhưng bị kẻ chủ nghĩa cơ hội cự tuyệt. Họ không chịu tiếp thu vũ khí. Họ không những không vũ trang công nhân, mà mới thấy sĩ quan phản động bất mãn, thì đã tự động bỏ vũ khí và giải tán luôn đội củ soát công nhân ở Vũ-Hán, để chờ địch tập kích.

Trong thời kỳ Vũ-Hán, Quốc dân đảng và Đảng cộng sản đã có tổ chức hội nghị liên hiệp, nhưng kẻ chủ nghĩa đầu hàng lại tự nguyện giao quyền lãnh đạo cho Quốc dân đảng. Họ ra lệnh cho đảng viên cộng sản làm việc trong đảng bộ Quốc dân đảng và các nhà báo phải phục tùng sự chỉ đạo của Quốc dân đảng, và không được có chủ trương riêng. Họ quy định quyền lãnh đạo cách mạng dân chủ là thuộc về Quốc dân đảng, đảng viên cộng sản chỉ được lấy tư cách đảng viên Quốc dân đảng để tham gia chính phủ, chứ không được lấy tư cách đảng viên cộng sản để tham gia, hơn nữa là có thể xin nghỉ dài hạn để cho các lãnh tụ Quốc dân đảng dễ đối phó với thời cục chính trị nghiêm trọng, do sự tấn công của bọn phản động gây ra. Họ quy định đoàn thể quần chúng công nông cần phải chịu sự lãnh đạo và giám đốc của Quốc dân đảng, đội vũ trang công nông phải chịu sự chỉ huy của Quốc dân đảng.

Như thế không những đã vứt bỏ tính độc lập của Đảng cộng sản, mà còn thủ tiêu phong trào quần chúng cách mạng

giao cả phong trào quần chúng cho Quốc dân đảng giám đốc.

Sự tấn công của bọn phản động trong và ngoài chính phủ Vũ-Hán không những làm cho lãnh tụ Quốc dân đảng bối rối, mà cả phần tử chủ nghĩa đầu hàng trong cơ quan lãnh đạo Đảng cộng sản lúc đó cũng bối rối. Bọn họ đều hoang mang cả. Trần-Độc-Tú, từ chỗ đã dao động đi tới nhượng bộ, giao quyền lãnh đạo cho Quốc dân đảng, Uông-Tinh-Vệ từ chỗ hoang mang đã trở thành phản động, ra mặt tấn công và giành quyền lãnh đạo với Đảng cộng sản.

Sau vụ làm phản của Hạ-Đầu-Dần và vụ tàn sát đêm 21 tháng 5, các phần tử phản cách mạng trong nội bộ Vũ-Hán, càng câu kết với Tưởng-Giới-Thạch một cách trắng trợn hơn nữa. Ngày 10 tháng 6 Phùng-Ngọc-Tường lãnh tụ quân Tây-bắc đã dao động trước phong trào phản cách mạng, triệu tập hội nghị Trịnh-châu, có lãnh tụ Quốc dân đảng và nhiều sĩ quan Bắc phạt đến dự. Kết quả của hội nghị này là quân đội của Đường-Sinh-Trí từ Hà-nam kéo về Vũ-Hán, để đàn áp phong trào công nhân. Ngày 19 tháng 6, Phùng-Ngọc-Tường lại họp nhau với Tưởng-Giới-Thạch ở Từ-châu. Sau đó Phùng đánh điện cho các lãnh tụ Quốc dân đảng ở Vũ-Hán, thúc đẩy họ theo đường phản bội.

Trong lúc nguy ngập ấy, kẻ chủ nghĩa đầu hàng đã không chuẩn bị lực lượng để đối phó với mọi sự biến có thể xảy ra một cách đột ngột, lại còn lôi kéo lãnh tụ Quốc dân đảng Vũ-Hán đông chinh, họ cho rằng Uông-Tinh-Vệ chưa lấy được các tỉnh Đông-nam, nên chưa có thể chia rẽ với Đảng cộng sản, vì thế yêu cầu trong lúc đông chinh bọn chúng đừng chia rẽ với Đảng cộng sản và đợi sau khi đánh đổ Tưởng-Giới-Thạch rồi sẽ hay. Nhưng cơ quan lãnh đạo của Đảng cộng sản muốn chúng đông chinh, thì chúng lại đòi Đảng cộng sản phải phục tùng chúng.

Ngày 29 tháng 6, Hà-Kiện, sĩ quan phản động trong nội bộ Vũ-Hán, đã ra lệnh phản Cộng, mệnh lệnh cho bộ đội của hắn chia rẽ với Đảng cộng sản. Ngày 15 tháng 7, tập đoàn Uông-Tinh-Vệ mở hội nghị gọi là chia rẽ với Đảng cộng sản, hắn chính thức quyết định sự chia rẽ đó và phản cách mạng. Đảng cộng sản Trung-quốc cũng ra tuyên bố, rút các đảng viên cộng sản tham gia chính phủ Vũ-Hán về và chỉ trích nghiêm khắc tội ác của tập đoàn Uông-Tinh-Vệ. Sau ngày 15 tháng 7, phần tử phản động Vũ-Hán đóng cửa các tổ chức công nông, tàn sát nhiều đảng viên cộng sản và phần tử cách mạng, chúng dùng vũ lực để đàn áp phong trào cách mạng.

Lúc đó phái dân chủ Quốc dân đảng do bà Tống-Khánh-Linh đại biểu, kiên quyết ủng hộ chủ nghĩa Tam dân và ba chính sách lớn của Tôn-Trung-Sơn, khiển trách lãnh tụ Quốc dân đảng Vũ-Hán đã làm trái nguyên tắc và chính sách cách mạng của Tôn-Trung-Sơn, khiển trách chúng không phải là tín đồ của Tôn-Trung-Sơn, chỉ rõ sự phản bội của chúng sẽ làm cho Quốc dân đảng trở thành công cụ của quân phiệt. Chỉ rõ cuộc cách mạng ruộng đất là nhu cầu cấp bách của nông dân, dùng phương pháp cách mạng để giải quyết vấn đề ruộng đất là lý tưởng vĩ đại của Tôn-Trung-Sơn. Họ ra tuyên bố nghiêm chỉnh tỏ rõ lập trường cách mạng đó.

Trải qua hai vụ tàn sát lớn ngày 12 tháng 4 và ngày 15 tháng 7, cuộc chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất đã bị thất bại.

Nguyên nhân thất bại của chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất, một mặt là do lực lượng phản cách mạng của đế quốc, của quân phiệt Bắc-dương và tập đoàn phản động Quốc dân đảng, vượt quá lực lượng cách mạng rất xa; một mặt khác là do sai lầm của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh trong cơ quan lãnh đạo Đảng.

Sai lầm của phần tử chủ nghĩa cơ hội Trần-Độc-Tú chủ yếu là vứt bỏ quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng dân chủ tư sản, vứt bỏ quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản đối với giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và giai cấp tư sản dân tộc, nhất là vứt bỏ quyền lãnh đạo lực lượng vũ trang. Do đó, làm cho Đảng và cách mạng, trước sự tấn công của địch, không thể tổ chức chống lại một cách có hiệu quả, phải bị thất bại.

Nhưng ngọn lửa cách mạng không thể dập tắt được. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, nhân dân Trung-quốc vẫn tiếp tục chiến đấu.

LỜI KẾT THÚC CUỘC CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC LẦN THỨ NHẤT

Cách mạng 1924—1927, là Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo nhân dân Trung-quốc lần đầu tiên tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng vĩ đại chống đế quốc và phong kiến.

Năm 1924, nhờ sự hợp tác giữa Đảng cộng sản và Quốc dân đảng, nên căn cứ địa cách mạng ở Quảng-đông bắt đầu được xây dựng. Dưới sự ủng hộ của quần chúng công nhân cách mạng, căn cứ địa đó đã được thống nhất và củng cố, hơn nữa còn đặt được cơ sở cho cuộc chiến tranh Bắc phạt.

Cuộc chiến tranh Bắc phạt bắt đầu tháng 7 năm 1926, trong khoảng nửa năm, quân Bắc phạt đã đánh bại quân phiệt Trực-lệ, thế lực cách mạng được mở rộng đến lưu vực Trường-giang, hình thành cục thế đối lập nam bắc giữa quân cách mạng và quân phiệt Phụng-thiên. Hình thế cách mạng phát triển, có khả năng hoàn thành độc lập và thống nhất Trung-quốc.

Cách mạng phát triển rất mạnh, nhưng cơ sở cách mạng lại không vững. Vì chế độ quân phiệt chưa bị quét sạch trong

quân đội cách mạng, ở những nơi thế lực cách mạng đã đến, chính quyền của địa chủ vẫn chưa bị đánh đổ. Dưới sự xui giục và giúp đỡ của đế quốc, bọn phản động Quốc dân đảng lợi dụng chỗ yếu của cơ sở cách mạng chưa được củng cố, để tấn công một cách đột ngột. Đồng thời, kẻ chủ nghĩa đầu hàng Trần-Độc-Tú trong cơ quan lãnh đạo của Đảng lại dìm những ý kiến đúng trong Đảng do đồng chí Mao-Trạch-Đông đại biểu, do đó Đảng không tổ chức được lực lượng cách mạng, để chống sự tấn công của phái phản động một cách có hiệu quả, và cách mạng phải thất bại.

Trong suốt quá trình cách mạng, sự đấu tranh giữa hai con đường đã diễn ra không ngừng, tức là giai cấp tư sản giành quyền lãnh đạo, câu kết với đế quốc để tấn công cách mạng, hòng xây dựng nền thống trị chủ nghĩa tư bản để kết thúc cách mạng; giai cấp vô sản củng cố quyền lãnh đạo của mình, phát động đông đảo quần chúng, khắc phục sự phản kháng của giai cấp tư sản, giành thắng lợi hoàn toàn của cách mạng dân chủ, rồi sẽ dần dần chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sự đấu tranh giữa hai con đường này đã phản ánh trong Đảng bằng đấu tranh giữa đường lối chủ nghĩa cơ hội hữu khnynh do Trần-Độc-Tú đại biểu và đường lối chủ nghĩa Mác—Lê-nin do đồng chí Mao-Trạch-Đông đại biểu. Lúc đó Đảng còn ở trong thời kỳ xây dựng nên lý luận chưa được chuẩn bị đầy đủ, có rất nhiều đảng viên cộng sản tuy trong cuộc đấu tranh đã tỏ ra rất trung thành với cách mạng và có năng lực tổ chức rất cao, nhưng không hiểu thấu thực chất tinh thần chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Tập đoàn Trần-Độc-Tú lợi dụng nhược điểm ấy của Đảng, để làm cho chủ nghĩa cơ hội tạm thời chiếm địa vị thống trị trong cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Cuộc chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất đã chứng minh những nguyên lý cơ bản của cách mạng dân chủ

Trung-quốc như sau: 1. cách mạng dân chủ của Trung-quốc hiện đại, cần phải tổ chức mặt trận thống nhất do giai cấp công nhân lãnh đạo, không có mặt trận thống nhất thì không thể giành được thắng lợi, và mặt trận thống nhất nếu không có giai cấp công nhân lãnh đạo cũng sẽ thất bại. 2. trong cách mạng dân chủ Trung-quốc, vấn đề trung tâm quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân là vấn đề nông dân, chỉ có lấy nông dân làm quân đồng minh trong cuộc đấu tranh cách mạng, mới có thể giành được thắng lợi. 3. về hình thức chủ yếu của cách mạng Trung-quốc chỉ có thể là cách mạng vũ trang chống phản cách mạng vũ trang, không có quân đội cách mạng thì không có tất cả. Các vấn đề đó là mấu chốt quyết định thành công hoặc thất bại của chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất, và cũng là mấu chốt thành công hay thất bại của tất cả cách mạng dân chủ.

Cuộc chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất, đã lưu lại một ảnh hưởng cách mạng dân chủ rất sâu sắc trong quần chúng công nông. Đảng cộng sản đã ảnh hưởng và nắm được một bộ phận vũ trang, đã vạch trần thực chất phản động của bọn phản động Quốc dân đảng, đế quốc và giai cấp địa chủ mại bản, đã vạch trần tính chất hai mặt của giai cấp tư sản dân tộc, củng cố uy tín của Đảng trong quần chúng nhân dân, do đó cơ sở của cuộc chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ hai đã được chuẩn bị.

Ý nghĩa quốc tế của chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất là đã đánh một đòn nặng nề vào cục diện ổn định tạm thời của chủ nghĩa tư bản thế giới, đã đẩy mạnh phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức ở phương đông và ủng hộ Liên-xô đang xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Lê-nin nói: "Nếu không có cuộc 'tổng diễn tập' năm 1905, thì Cách mạng tháng Mười năm 1917 không thể giành được thắng lợi." Cuộc chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất, là một cuộc diễn tập huy hoàng của cách mạng Trung-quốc.

CHƯƠNG V

THOÁI TRÀO CỦA CÁCH MẠNG TRUNG-QUỐC, SỰ SÁNG LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG.

(8-1927—9-1931)

I— Tình hình chính trị sau khi cách mạng năm 1927 thất bại, cách mạng chuyển sang thoái trào.

Đặc điểm căn bản của chủ nghĩa tư bản tạm thời được ổn định từ 1927 là cục diện ổn định không thể củng cố được, thực ra thì bên trong cục diện tạm thời đó, một nguy cơ mới đang thai nghén.

Trong thời kỳ này, một sự thực rõ rệt nhất trong sự tăng gia sản lượng sản xuất của chủ nghĩa tư bản thế giới là phát triển không thăng bằng. Những kẻ muốn cướp được thị trường tiêu thụ ngày càng nhiều, năng lực sản xuất cũng tăng gia, nhưng giới hạn quy mô thị trường và phạm vi thế lực nói chung vẫn đứng y một chỗ. Cho nên vấn đề thị trường tiêu thụ trở nên gay gắt, nhất là thị trường nước ngoài, đó là nguyên nhân căn bản làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn không thể điều hòa của chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ này.

Bọn đế quốc quốc tế đã dùng cách ký những điều ước có quan hệ đến trật tự châu Âu và Viễn-đông (như điều ước Véc-xây và Hoa-thịnh-đốn) để làm cho tình hình thế giới được ổn định, vì thế một sự ổn định tạm thời đã xuất hiện trong chủ nghĩa tư bản. Song vì vấn đề thị trường ngày càng gay gắt, nên sáu nước Mỹ, Anh, Nhật, Pháp, Ý, Đức đều không vừa ý. Chúng cho rằng thị thường thuộc địa quy định sau đại chiến thứ nhất, đến nay đã lỗi thời.

Thế là phân chia thế giới, phân chia phạm vi thế lực thị trường nước ngoài đã trở thành vấn đề cơ bản trong mâu thuẫn giữa các nước đế quốc. Thị trường phương đông do Trung-quốc làm trung tâm là một nơi các nước đế quốc tranh nhau kịch liệt nhất. Vì thế, trong cục diện ổn định đó đang nẩy nở nguy cơ chiến tranh mới, làm cho các nước đế quốc không sao tránh khỏi nạn chiến tranh.

Chính vì thế mà sau khi cách mạng năm 1927 thất bại, mâu thuẫn và xung đột giữa các nước đế quốc ở Trung-quốc ngày càng gay gắt và tập trung biểu hiện trong những cuộc chiến tranh quân phiệt mới Quốc dân đảng. Trong thời gian từ tháng 8 năm 1927 đến năm 1930 quân phiệt mới Quốc dân đảng đã phát động sáu bảy lần nội chiến. Tháng 10 năm 1927 là chiến tranh giữa Tưởng-Giới-Thạch. Lý-Tôn-Nhân với Uông-Tinh-Vệ, Đường-Sinh-Trí; tháng 12 là chiến tranh cướp đoạt tỉnh Quảng-đông giữa Tưởng-Giới-Thạch với quân phiệt Quảng-đông; giữa tháng 4 tháng 5 năm 1928 là chiến tranh giữa Tưởng-Giới-Thạch, Lý-Tôn-Nhân, Phùng-Ngọc-Tường, Diêm-Tích-Sơn với quân phiệt Trương-Tác-Lâm; tháng 3 tháng 4 năm 1929 là chiến tranh tranh đoạt Hoa-trung giữa Tưởng-Giới-Thạch với quân phiệt Quảng-tây; tháng 8 năm 1929 là chiến tranh giữa Tưởng-Giới-Thạch với Phùng-Ngọc-Tường, Diêm-Tích-Sơn; tháng 4 năm 1930 là chiến tranh lần thứ hai giữa Tưởng-Giới-Thạch

với Phùng-Ngọc-Tường, Diêm-Tích-Sơn. Ngoài ra còn có chiến tranh giữa quân phiệt các tỉnh Vân-nam, Quý-châu, Tứ-xuyên. Trong ba năm dưới sự thống trị của quân phiệt mới Quốc dân đảng, tai nạn chiến tranh đã lan khắp già nửa Trung-quốc, đó là việc chưa từng có trong lịch sử cận đại.

Chiến tranh của quân phiệt mới Quốc dân đảng đã phản ánh những mâu thuẫn và xung đột của các nước đế quốc. Trong những cuộc chiến tranh đó, bọn phản động Tưởng-Giới-Thạch lợi dụng địa vị ưu thế của chúng và được đế quốc Mỹ giúp đỡ, nên đã đánh bại các lực lượng đối phương.

Nền thống trị của Quốc dân đảng Tưởng-Giới-Thạch là một nền thống trị quân phiệt mới, xây dựng trên sự ủng hộ của đế quốc, đã hoàn toàn đầu hàng đế quốc, bán rẻ quyền lợi của giống nòi; và dựa hẳn vào thế lực phong kiến để áp bức quần chúng nhân dân. Bọn Quốc dân đảng Tưởng-Giới-Thạch đã phản bội cách mạng, nên không giải quyết và cũng không thể giải quyết được bất cứ một vấn đề nào của cách mạng Trung-quốc. Tưởng-Giới-Thạch đã trở thành một kẻ đại biểu tập trung cho quyền lợi của đế quốc, phong kiến và giai cấp tư sản mại bản.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã phân tích sâu sắc bản chất chính quyền phản động của Quốc dân đảng Tưởng-Giới-Thạch như sau:

“Nền thống trị của quân phiệt mới Quốc dân đảng hiện nay, vẫn là nền thống trị của giai cấp mại bản thành thị và giai cấp cường hào ở thôn quê, đối ngoại thì đầu hàng đế quốc, đối nội thì lấy quân phiệt mới thay thế cho quân phiệt cũ, bóc lột kinh tế và áp bức chính trị giai cấp công nhân và giai cấp nông dân càng tàn tệ hơn trước. Cách mạng dân chủ của giai cấp tư sản xuất phát từ Quảng-đông, đến nửa đường bị giai cấp mại bản và giai cấp cường hào cướp mất quyền lãnh đạo, nên chuyển sang con đường phản cách mạng, công nhân, nông

dân, bình dân cho đến cả giai cấp tư sản khắp nước, vẫn ở dưới ách thống trị phản cách mạng, không được giải phóng về chính trị và kinh tế một tí nào cả." (Mao-Trạch-Đông: Tại sao chính quyền đỏ Trung-quốc có thể tồn tại)

Như thế tức là thực chất giai cấp của nền thống trị quân phiệt mới Quốc dân đảng hoàn toàn giống như thực chất giai cấp của nền thống trị quân phiệt cũ trước kia, hơn nữa còn hung ác hơn nhiều. Nền thống trị của quân phiệt mới này đã được cấu tạo nhờ thế lực mại bản ở Giang-tô và Chiết-giang làm trung tâm. Mại bản, lưu manh, quân phiệt, côn đồ họp lại thành một khối để tạo ra nền chính trị mại bản và lưu manh, thống trị nhân dân toàn quốc tàn bạo bằng quân sự và đặc vụ. Nền thống trị quân phiệt mới này biến Quốc dân đảng, một tổ chức mặt trận thống nhất, thành tổ chức phát xít của giai cấp đại tư sản, biến ngọn cờ cách mạng thành ngọn cờ phản cách mạng để lừa dối nhân dân. Cho nên, đặc điểm của nền thống trị quân phiệt mới Tưởng-Giới-Thạch này là một mặt khủng bố quân sự, một mặt lừa bịp chính trị.

Sau cách mạng năm 1927 thất bại, đòn cân lực lượng giai cấp trong nước có biến đổi mới, giai cấp đại tư sản đã phản bội cách mạng, giai cấp tư sản dân tộc cũng đầu hàng và theo đuôi giai cấp đại tư sản, một phần giai cấp tiểu tư sản đã xa rời hàng ngũ cách mạng, chỉ có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và giai cấp tiểu tư sản nghèo khổ mới giữ vững đấu tranh cách mạng. Đế quốc, giai cấp địa chủ, giai cấp mại bản quan liêu và bọn phái hữu Quốc dân đảng đã kết thành khối phản cách mạng. Trong phạm vi toàn quốc, lực lượng địch đã lớn hơn lực lượng cách mạng nhiều, vì thế cách mạng phải chuyển sang thoái trào.

Bọn phản động Quốc dân đảng không cho giai cấp tư sản dân tộc và tầng lớp trên của giai cấp tiểu tư sản đã đi theo giai

cấp đại tư sản được có một lợi ích gì về mặt kinh tế, hoặc một quyền lợi gì về chính trị. Sở dĩ trong chính phủ phản động Quốc dân đảng có một vài nhân vật đại biểu giai cấp tư sản dân tộc tham gia,thì đó chẳng qua là để trang sức cho nền chuyên chính phát xít của chúng. Còn đối với quần chúng công nông đang tiếp tục đấu tranh cách mạng, thì bọn chúng thi hành chính sách khủng bố và giết chóc dã man. Chỉ kể từ tháng 1 đến tháng 8 năm 1928 chúng đã tàn sát ngót mười vạn quần chúng công nông, công nhân và nông dân bị áp bức và bóc lột tàn nhẫn hơn trước nhiều.

Trước hết bọn phản động Quốc dân đảng tấn công công nhân trong thành thị.

Bọn thống trị phản động Quốc dân đảng còn hung ác và tàn bạo hơn bọn thống trị quân phiệt cũ, chúng cướp lại tất cả những lợi ích kinh tế và quyền lợi dân chủ của công nhân đã giành được.

Tăng tiền công là một trong những thắng lợi chính mà công nhân Thượng-hải, Quảng-châu, Vũ-Hán đã tổ chức công đoàn và đấu tranh giành được trong thời kỳ cách mạng. Nhưng sau cuộc đảo chính phản cách mạng của Quốc dân đảng, thì tiền công của công nhân Thượng-hải, Quảng-châu, Vũ-Hán bị giảm bớt hơn trước rất nhiều.

Giờ làm việc của công nhân lại tăng trở lại trên 11 tiếng đồng hồ. Trước kia đấu tranh được nghỉ nửa tiếng đồng hồ sau bữa cơm thì nay lệ ấy cũng bị xóa bỏ. Nói chung chủ nhật không được nghỉ, mà nếu có được nghỉ thì phần nhiều cũng không có tiền công.

Điều kiện lao động càng khắc khe hơn trước. Lao động phải tăng nhiều, nhà máy sợi ở Thượng-hải trước kia làm 16 sợi, bây giờ phải làm đến 32; trước kia mỗi người trông coi một hay hai chiếc máy, bây giờ phải trông đến ba bốn chiếc.

Vấn đề cải thiện đối xử bị xóa bỏ, cả việc cải thiện đối xử với nhi đồng và một tháng nghỉ của phụ nữ trước và sau khi đẻ cũng bị xóa bỏ nốt. Không những thế, công nhân trong xưởng còn phải đảm bảo lẫn nhau. Trong xưởng còn có mật thám, lính tuần và thậm chí có cả quân đội đề trông coi công nhân làm việc.

Sau khi cách mạng Trung-quốc thất bại, tất cả những lợi ích kinh tế của công đoàn đã giành được đều bị xóa bỏ hết.

Nhưng, tàn bạo hơn nữa là bọn phản động Quốc dân đảng dùng cách khủng bố trắng đề đối phó với công đoàn đỏ, tất cả công đoàn đỏ đều bị phong tỏa, phải chuyền sang hoạt động bí mật, không thề hoạt động công khai. Công nhân và lãnh tụ công nhân bị đàn áp, công nhân có kinh nghiệm đấu tranh thì bị tàn sát hoặc khai trừ tới 80%.

Nhưng bọn phản động Quốc dân đảng chỉ giữ được chính quyền tạm thời thôi, dù sao chúng cũng không thề yên ổn về mặt chính trị và kinh tế. Tuy đời sống chính trị và kinh tế hết sức chật vật, quần chúng công nhân vẫn tiếp tục đấu tranh.

Năm 1928, Thượng-hải nồ ra 140 cuộc bãi công, tất cả có 233.802 công nhân tham gia. Dưới điều kiện cực kỳ khó khăn, công nhân Thượng-hải vẫn giữ vững cuộc đấu tranh bãi công.

Nhưng vì những cuộc đấu tranh bãi công phải tiến hành dưới sự khủng bố tàn nhẫn của phản cách mạng và công đoàn đỏ không thề hoạt động công khai, nên phong trào đấu tranh có đặc điềm của thời kỳ cách mạng thoái trào:

Thứ nhất, đấu tranh của công nhân lúc đó phần lớn là đấu tranh kinh tế. Ví dụ như nửa năm cuối 1928 nguyên nhân xung đột giữa công nhân và nhà tư bản ở Thượng-hải phần nhiều là nguyên nhân kinh tế, các cuộc bãi công đề đòi tăng lương và cải thiện đối xử đã chiếm 92%, còn các mặt khác chỉ chiếm 8%. Vì công nhân bị bóc lột quá nặng nên có yêu cầu đấu tranh rất gấp.

Thứ hai, phần đông các cuộc đấu tranh đó đều có tính chất tự phát, đấu tranh tự phát chiếm 49%, do công đoàn vàng phát động chiếm 12%, do công đoàn đỏ lãnh đạo chiếm 37%.

Thứ ba, trong số công nhân bãi công phần lớn là công nhân các hãng buôn và công nhân thủ công nghiệp. Trong 196 ngành tham gia cuộc đấu tranh, có 94 ngành thuộc về thủ công nghiệp, hãng buôn và bến tầu. Còn công nhân nhà máy thì bị tổn thương nặng nề vì sự khủng bố phản cách mạng nên chưa khôi phục được sức chiến đấu.

Thứ tư, trong các cuộc đấu tranh đó, chỉ có 22% được hoàn toàn thắng lợi, 19% được thắng lợi cục bộ, còn thất bại, không có kết quả và chưa giải quyết, có đến 59%. Trong các cuộc đấu tranh của công nhân, phần nhiều là thất bại hoặc không có kết quả, còn thắng lợi rất ít.

Vì bọn phản cách mạng khủng bố rất tàn khốc nên phong trào công nhân tạm thời phải xuống thấp và tính chất đấu tranh cũng từ tấn công chuyển sang phòng ngự.

Dưới sự thống trị của quân phiệt mới, tức Quốc dân đảng Tưởng-Giới-Thạch, bọn địa chủ cường hào trong nông thôn cũng phản công nông dân. Chính quyền cách mạng của nông dân được thành lập trong thời kỳ chiến tranh Bắc phạt phần nhiều đều bị địa chủ và cường hào phá hoại. Những sắc lệnh giảm tô giảm tức đều bị xóa bỏ, bọn địa chủ tha hồ tăng tô tăng tức, chính phủ phản động còn đánh thêm nhiều thuế má nặng nề. Tất cả những cái đó đã cướp mất điều kiện sinh sống và điều kiện sản xuất của nông dân.

Phong trào nông dân ở Quảng-đông, Hồ-nam, Hồ-bắc và Giang-tây đã bắt đầu giai đoạn vũ trang chiếm cứ. Ở những nơi như Hải-phong, Lục-phong ở miền đông và Quỳnh-nhai ở miền nam tỉnh Quảng-đông và vùng biên giới Hồ-nam và Giang-tây, biên giới Hồ-nam và Quảng-đông, cũng như ở Hoàng-an, Ma-

thành tỉnh Hồ-bắc, nông dân đã xây dựng chính quyền và lực lượng vũ trang của mình. Ở tỉnh Giang-tô và Chiết-giang là trung tâm thống trị của Tưởng-Giới-Thạch cũng có những cuộc đấu tranh chống thuế chống tô. Ở Hà nam, cuộc đấu tranh của các tổ chức xưa của nông dân như Hội giáo đỏ cũng ngày càng sâu sắc. Ở một số nơi thuộc tỉnh Hà-bắc và Sơn-đông cũng có phong trào nông dân bạo động.

Cuộc đấu tranh của quần chúng nông dân vẫn tiếp tục diễn ra và kéo dài, dưới điều kiện cực kỳ gian khổ.

Nhưng dù sao, dưới sự khủng bố trắng, phong trào cũng có đặc điểm của thời kỳ xuống thấp. Đồng chí Mao-Trạch-Đông căn cứ vào kinh nghiệm chiến tranh du kích ở biên giới Hồ-nam và Giang-tây sau khi cách mạng thất bại, đã chỉ ra thoái trào cách mạng một cách đúng đắn:

"Một năm nay, chúng ta đi đánh các nơi, cảm thấy sâu sắc trào lưu cách mạng toàn quốc đang xuống thấp... Hồng quân đến nơi nào, quần chúng cũng lặng lẽ im lìm. Sau khi tuyên truyền họ mới dần dần chỗi dậy. Đánh nhau với giặc, bất luận với quân nào cũng phải chọi mạnh, chứ không có những cuộc bạo động hoặc trở giáo trong nội bộ địch." (Mao-Trạch-Đông: Đấu tranh ở Tỉnh-cương-sơn)

Đi sâu phân tích tình hình chính trị trong nước như thế rất quan trọng. Lặng lẽ im lìm tức là phong trào quần chúng đã bị tan vỡ còn chưa khôi phục được, chiến tranh du kích phải chọi mạnh với địch tức là nền thống trị của giai cấp phản động còn chưa đến lúc nguy ngập, chưa đi đến chỗ hoàn toàn không thống trị được nữa.

Biên giới Hồ-nam và Giang-tây như thế, các tỉnh khác cũng vậy.

Lúc đó, phần đông cách mạng nông dân đều nổ ra ở những nơi có cơ sở cách mạng như bốn tỉnh Quảng-đông, Hồ-nam, Hồ-

bắc, Giang-tây. Vì bốn tỉnh này đều chịu ảnh hưởng của cách mạng trong thời kỳ chiến tranh Bắc phạt, hơn nữa, nền thống trị của đế quốc và quân phiệt phong kiến ở nông thôn rộng lớn cũng tương đối yếu. Song cuộc khởi nghĩa của nông dân cần phải được sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, thì lực lượng vũ trang và chính quyền của nông dân mới được củng cố và phát triển. Ở các nơi, do sự chênh lệch giữa lực lượng cách mạng và lực lượng phản cách mạng, và do sự lãnh đạo của Đảng mạnh hay yếu, mà phong trào nông dân cũng phát triển không đồng đều.

Nói tóm lại, sau cách mạng 1927, nền thống trị quân phiệt mới của Quốc dân đảng vẫn là nền thống trị của giai cấp mại bản thành thị và giai cấp cường hào trong nông thôn, cho nên lúc bấy giờ Trung-quốc vẫn đứng ở thời kỳ cách mạng dân chủ tư sản. Nhưng sau khi cách mạng thất bại, lực lượng cách mạng công nông bị đánh tan và chà đạp dưới sự khủng bố vô cùng tàn bạo. Lúc bấy giờ cao trào cách mạng thứ nhất đã qua, mà cao trào thứ hai thì chưa đến, cho nên cách mạng đang đứng giữa hai cao trào.

Cần chỉ rõ, nền thống trị của quân phiệt mới này không được vững chắc. Vì nó được xây dựng trên những cuộc đàn áp công nhân, nông dân và phần tử trí thức cách mạng là những cuộc đàn áp đẫm máu, xưa nay chưa từng có, cho nên nó bị hoàn toàn cô lập trong nhân dân, và mâu thuẫn giữa nó với nhân dân trong nước ngày càng sâu sắc. Vì nó đứng trên cơ sở kinh tế xã hội lạc hậu, nên tổ chức của nó (chính quyền, vũ trang, đảng phái) rất yếu. Vì nội bộ còn xào xáo và đánh nhau, nên sức thống trị phải yếu ớt. Tất cả những cái đó đã nói rõ mặc dù lực lượng chủ quan của cách mạng Trung-quốc đã bị yếu đi nhiều, song nền thống trị của quân phiệt mới Quốc dân đảng cũng không vững chắc, đó là cơ sở khách quan của cao trào cách mạng nhất định sẽ tới.

Hình thế chính trị sau khi cách mạng thất bại là điểm xuất phát để quyết định chiến lược và sách lược cách mạng. Từ trong đó đã phát sinh đường lối cách mạng đúng đắn trong thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ hai của Đảng cộng sản Trung-quốc do đồng chí Mao-Trạch-Đông đại biểu, làm cách mạng Trung-quốc từ thoái trào dần dần bước sang cao trào.

II— Quá trình chuyển biến của cách mạng Trung-quốc từ tấn công đến lùi bước. Đảng cộng sản Trung-quốc sửa chữa đường lối "tả" khuynh lần thứ nhất trong Đảng.

Trong lúc Tưởng-Giới-Thạch, Uông-Tinh-Vệ lần lượt phản bội, và lực lượng cách mạng đang nguy ngập, thì Đảng cộng sản Trung-quốc muốn cứu vãn tình thế nguy ngập đó, nên ngày 1 tháng 8 dưới sự lãnh đạo của đồng chí Chu-Ân-Lai và đồng chí Chu-Đức đã cử hành cuộc vũ trang khởi nghĩa ở Nam-xương thuộc tỉnh Giang-tây. Tất cả bộ đội tham gia khởi nghĩa có hơn ba vạn người, và lập ra Ủy ban cách mạng, tức là tổng bộ lãnh đạo khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa bắt đầu từ lúc hừng sáng ngày 1 tháng 8, và chỉ chiến đấu trong ba tiếng đồng hồ đã tiêu diệt quân đội Quốc dân đảng phản động và chiếm Nam-xương thắng lợi.

Ngày 5 tháng 8, quân đội khởi nghĩa rút khỏi Nam-xương và tiến thẳng về Quảng-đông.

Cơ quan lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam-xương không nhận thấy ý nghĩa quan trọng của sự kết hợp khởi nghĩa vũ trang với phong trào nông dân, cho nên sau ngày khởi nghĩa, không giải quyết được kịp thời và đúng đắn vấn đề bộ đội vũ trang

phải tấn công vào đâu. Lúc đó, phong trào nông dân ở Giang-tây, Hồ-nam và Hồ-bắc còn lên cao, quân đội khởi nghĩa phải tiến vào nông thôn và chỉ có tiến vào nông thôn, đưa ra cương lĩnh ruộng đất triệt để, vũ trang nông dân, tiến hành cách mạng ruộng đất, xây dựng căn cứ địa cách mạng, giữ vững chiến tranh du kích lâu dài, như thế mới là phương hướng đúng đắn. Song quân đội khởi nghĩa lại đánh về phía nam xa xôi, định chiếm lại Quảng-châu và Quảng-đông. Trong khi xuống nam lại không đi đường phía tây Giang-tây có cơ sở phong trào nông dân vào thẳng Quảng-đông, mà lại đi đường phía đông Giang-tây, qua những nơi hoang vắng chưa có phong trào nông dân nổi dậy. Sau khi đánh thắng ở Thụy-kim và Hội-xương thì không tiến thẳng về phía nam để chiếm Mai-huyện, mà lại quay về phía Thượng-hàng và Thinh-châu để đánh vòng Triều-châu, Sơn-đầu, làm cho địch có đủ thời gian để bố trí cuộc tấn công quân sự. Bản thân bộ đội cũng chưa xây dựng được tốt công tác chính trị, lúc tiến quân về phía nam, không làm được công tác tuyên truyền chính trị rất cần thiết trong quân đội và quần chúng, còn chi bộ Đảng thì chỉ xây dựng ở cấp trung đoàn chứ không phải ở đại đội. Cho nên, sau những trận đánh với quân đội phản động đang chiếm ưu thế, phần lớn quân đội khởi nghĩa đã bị thất bại và chỉ còn giữ được một phần lực lượng nhỏ.

Cuộc khởi nghĩa Nam-xương tuy thất bại, nhưng vẫn có ý nghĩa lịch sử lớn lao:

Cuộc khởi nghĩa Nam-xương là bước đầu Đảng một mình lãnh đạo lực lượng vũ trang cách mạng và đấu tranh vũ trang với bọn phản cách mạng; là cuộc đấu tranh anh dũng của Đảng, lấy khởi nghĩa vũ trang chống lại cuộc tàn sát của phe phản cách mạng để cứu vãn cách mạng trong giờ phút nguy ngập. Cuộc khởi nghĩa này đã dựng lên cho nhân dân trong nước xem, một ngọn cờ tươi sáng, ngọn cờ đấu tranh cách mạng bền bỉ.

Cuộc khởi nghĩa Nam-xương là ngày thành lập quân đội nhân dân Trung-quốc. Từ đó, Trung-quốc có một đội quân chiến đấu hoàn toàn do Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo và hết lòng hết dạ chiến đấu cho sự nghiệp cách mạng nhân dân. Do đó, cuộc đấu tranh cách mạng của Trung-quốc cũng bước vào một thời kỳ lịch sử mới.

Trong lúc cách mạng lâm vào tình thế nguy ngập, thì Đảng cộng sản Trung-quốc triệu tập hội nghị khẩn cấp của Trung ương Đảng vào ngày 7 tháng 8 ở Cửu-giang thuộc tỉnh Giang-tây để quyết định phương sách cứu vãn cách mạng.

Hội nghị ngày 7 tháng 8 phê phán đường lối đầu hàng của Trần-Độc-Tú và những kẻ chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh về vấn đề quyền lãnh đạo cách mạng, vấn đề vũ trang cách mạng, vấn đề ruộng đất nông dân, và tước quyền lãnh đạo của Trần-Độc-Tú. Hội nghị nhận thấy cách mạng ruộng đất là vấn đề trung tâm của cách mạng dân chủ Trung-quốc, cho nên Đảng phải lãnh đạo nông dân giải quyết vấn đề ruộng đất bằng phương pháp cách mạng. Hội nghị đã xác định phương châm chung, dùng vũ trang chống lại chính sách tàn sát của bọn phản động Quốc dân đảng, kêu gọi toàn Đảng và nhân dân giữ vững đấu tranh cách mạng. Thành lập Ủy ban cách mạng để làm cơ quan lãnh đạo khởi nghĩa và làm Chính phủ cách mạng lâm thời sau khi thắng lợi; xây dựng quân đội cách mạng công nông, làm công tác chính trị rộng rãi và xây dựng chế độ đại biểu Đảng trong quân đội. Đó là thành tích và đồng thời cũng là mặt chủ yếu của Hội nghị ngày 7 tháng 8.

Hội nghị ngày 7 tháng 8 của Đảng kêu gọi nông dân khởi nghĩa trong Vụ mùa để cứu vãn cách mạng.

Bốn tỉnh Hồ-nam, Hồ-bắc, Giang-tây, Quảng-đông là những nơi có cơ sở cách mạng mạnh nhất, Đảng quyết định phát động mấy tỉnh đó trước. Mùa thu là lúc nông dân gặt hái và

cũng là lúc địa chủ thu tô, Đảng lãnh đạo nông dân khởi nghĩa, không nộp một hạt thóc nào cho địa chủ, trái lại còn tịch thu ruộng đất của chúng nữa. Huyện Tương-đàm, Ninh-hương ở miền trung và huyện Bình-giang, Lễ-lăng, Lưu-dương ở miền đông Hồ-nam, huyện Hoàng-an, Ma-thành ở miền đông và huyện Bồ-kỳ, Hàm-ninh ở miền nam tỉnh Hồ-bắc, huyện Hải-phong, Lục-phong ở miền đông tỉnh Quảng-đông đều lần lượt khởi nghĩa.

Đảng phái đồng chí Mao-Trạch-Đông đến Hồ-nam để lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Vụ mùa. Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã biên chế công nhân khởi nghĩa ở mỏ than An-nguyên, đoàn cảnh vệ do Đảng lãnh đạo từ Vũ-xương đến và quân tự vệ nông dân ở Bình-hương, Lễ-lăng và Lưu-dương, thành Quân cách mạng công nông. Ngày 8 tháng 9 bắt đầu khởi nghĩa. Nhưng vì bọn tàn quân của Hạ-Đầu-Dần được thu nạp vào quân đội lại làm phản, nên cuộc khởi nghĩa bị thiệt hại nặng. Đồng chí Mao-Trạch-Đông lãnh đạo bộ đội khởi nghĩa tới Tam-loan thuộc huyện Vĩnh-tân tỉnh Giang-tây, để chỉnh đốn lại và thành lập Hồng quân công nông, thay đổi những người chỉ huy quân sự, xây dựng chế độ đại biểu Đảng, thành lập cơ quan lãnh đạo tối cao là Ủy ban tiền tuyến của Đảng. Sau khi ở Tam-loan chỉnh đốn xong, Đảng tiến quân một cách có kế hoạch về Tỉnh-cương-sơn, khoảng giữa dãy núi La-tiêu ở biên giới Hồ-nam, Giang-tây, đến tháng 10, căn cứ cách mạng đầu tiên được xây dựng ở đó.

Để chống lại cuộc tàn sát của bọn phản động Quốc dân đảng, ngày 11 tháng 12 năm 1927, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nhân và binh sĩ Quảng-châu khởi nghĩa. Trước hết là trung đoàn giáo đạo làm chủ lực, hợp với đội xích vệ công nhân khởi nghĩa. Sau đó có 5, 6 vạn công nhân Quảng-châu tự động tham gia đội xích vệ để tác chiến. Cuộc khởi nghĩa vừa bắt đầu thì thành lập ngay Công xã Quảng-châu, tức là Chính phủ dân chủ

công nông và ban bố chính cương cách mạng. Cuộc khởi nghĩa Quảng-châu là một cuộc khởi nghĩa ở thành phố lớn. Lúc khởi nghĩa, lực lượng vũ trang của Quốc dân đảng trong thành phố Quảng-châu nhiều gấp năm gấp sáu bộ đội khởi nghĩa, quân đội phản cách mạng của các phái Quốc dân đảng, cảnh sát, dân đoàn, những hội viên phản động trong công đoàn máy móc đều họp nhau tấn công từ bốn mặt, bọn đế quốc còn dùng tàu chiến đề yềm hộ quân đội phản cách mạng tấn công. Cuộc khởi nghĩa Quảng-châu cũng không kịp thời kết hợp chặt chẽ với phong trào nông dân khởi nghĩa ở Hải-phong, Lục-phong, nên bị thất bại rất nhanh. Sau đó là cuộc khủng bố trắng của quân phiệt Quốc dân đảng, tất cả có 7, 8 nghìn người cách mạng bị giết. Trong điều kiện cách mạng thoái trào, địch mạnh ta yếu, muốn chiếm lâu dài những thành phố lớn như Quảng-châu là một việc không thề được.

Cuộc khởi nghĩa Vụ mùa đã làm cho Đảng có ảnh hưởng lớn trong quần chúng nông dân, khẩu hiệu cách mạng ruộng đất đã ăn sâu trong nông dân đông đảo. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Mao-Trạch-Đông và các đồng chí khác, một bộ phận quân đội khởi nghĩa cùng với đội củ soát công nhân và đội tự vệ nông dân đã được biên chế thành Hồng quân công nông Trung-quốc— nguồn gốc của quân đội nhân dân.

Sau khi cách mạng 1927 đã thất bại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh trong Đảng do Trần-Độc-Tú đại biểu đã biến thành chủ nghĩa thủ tiêu. Chúng cho rằng bọn Quốc dân đảng Tưởng-Giới-Thạch đã củng cố xong nền thống trị phản động, và cách mạng đã hoàn toàn thất bại. Cần phải lập tức áp dụng chính sách rút lui, phải rút khỏi chiến trường, ngừng hẳn các cuộc đấu tranh cách mạng, đề tiến hành cuộc "vận động hợp pháp". Trần-Độc-Tú nói một cách vũ đoán rằng khởi nghĩa vũ trang là ảo tưởng, chúng ta không nên có ảo tưởng là khởi nghĩa có

thể giành được chính quyền. Đối với phong trào nông dân, ông ta chủ trương "không nộp tô, không nộp lương, không nộp thuế, không trả nợ", phản đối nông dân khởi nghĩa vũ trang, phản đối cách mạng ruộng đất trong nông thôn, phản đối xây dựng chính quyền đỏ. Bản chất chủ trương này của Trần-Độc-Tú là phản đối giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng dân chủ, giúp cho bọn đế quốc, thế lực phong kiến và giai cấp mại bản thống trị nhân dân Trung-quốc, thứ chủ trương đó xuất phát từ lập trường chống lại Đảng.

Sau khi cách mạng 1927 thất bại, xu hướng "tả" khuynh được phát triển rất nhanh. Đó là bệnh nóng nảy cách mạng của giai cấp tiểu tư sản đã bốc lên vì căm thù chính sách giết chóc của bọn phản động Quốc dân đảng và căm phẫn chủ nghĩa đầu hàng của Trần-Độc-Tú phản ảnh trong Đảng. Xu hướng "tả" khuynh đó bắt đầu nảy nở từ Hội nghị ngày 7 tháng 8, về sau được tiếp tục phát triển thêm, đến hội nghị mở rộng của Trung ương Đảng lúc tháng 11 năm 1927 thì trở thành chủ nghĩa manh động "tả" khuynh, và lần đầu tiên làm cho đường lối "tả" khuynh chiếm địa vị thống trị trong cơ quan lãnh đạo của Trung ương Đảng.

Lúc bấy giờ, đồng chí Cù-Thu-Bạch, người phụ trách chính trong Đảng lẫn lộn cách mạng dân chủ với cách mạng xã hội chủ nghĩa, phủ nhận những giai đoạn khác nhau trong cách mạng, cho rằng cách mạng dân chủ không có thời gian và nhiệm vụ nhất định của nó, và có thể hoàn thành chung với nhiệm vụ chủ nghĩa dân chủ, những nhiệm vụ mà chỉ trong một thời kỳ khác mới có thể hoàn thành được.

Họ nhận xét sai lầm rằng tình hình cách mạng Trung-quốc đang "lên cao không ngừng", cho rằng hình thế cách mạng Trung-quốc sau khi cách mạng thất bại không những không phải là sụt xuống, mà còn là đang lên cao, cho rằng khởi nghĩa

của nông dân các tỉnh lúc đó đã phát triển đến lúc có thể cướp đoạt chính quyền mấy tỉnh, và gần lúc cướp đoạt trung tâm công thương nghiệp. Vì thế họ đã quy định sai lầm kế hoạch khởi nghĩa của hai tỉnh Hồ-nam và Hồ-bắc, kế hoạch khởi nghĩa ở các tỉnh Giang-tô, Chiết-giang, là nơi trung lâm thống trị của Quốc dân đảng, thậm chí còn quy định kế hoạch khởi nghĩa các tỉnh miền bắc lấy ba đặc khu và bốn huyện phía đông Bắc-kinh thuộc tỉnh Hà-bắc làm khởi điểm, và kế hoạch khởi nghĩa ở Đông bắc v.v... Họ không phân biệt đấu tranh thành thị và đấu tranh ở nông thôn, và nhận xét sai lầm rằng thời cơ khởi nghĩa ở thành thị đã chín muồi, ra lệnh cho công nhân Thượng-hải hưởng ứng những cuộc khởi nghĩa nông dân ở các huyện gần đó. Sau khi nông dân Nghi-hưng, Vô-tích khởi nghĩa lại ra lệnh cho Nam-kinh gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa. Họ coi thường vai trò quyết định của căn cứ cách mạng nông dân, và chỉ trông mong vào các cuộc khởi nghĩa ở thành phố lớn.

Họ không thừa nhận thất bại của chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất, không thừa nhận tình hình chính trị lúc đó là cách mạng thoái trào, họ phản đối rút lui, yêu cầu tiếp tục tấn công. Nhất định phải đưa cuộc đấu tranh kinh tế của công nhân trong thành phố tới đấu tranh chính trị, tới khởi nghĩa vũ trang, nhất định phát triển phong trào chống thuế má trong nông thôn tới khởi nghĩa vũ trang. Khởi nghĩa không cần có giai đoạn chuẩn bị, và một khi đã phát động lên thì không được rút lui. Như thế, họ không đếm xỉa đến lực lượng lớn mạnh của địch và không nghĩ đến quần chúng còn đang mỏi mệt sau khi cách mạng đã thất bại, họ ra lệnh cho một số ít đảng viên và một số ít quần chúng cách mạng tiến hành những bước phiêu lưu quân sự, không có một hy vọng thắng lợi nào cả. Bất cứ nơi nào, miễn là có tổ chức Đảng, hoặc có

đảng viên, thì họ đều ra lệnh tích cực chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.

Đường lối "tả" khuynh sai lầm này mới được chấp hành thì bị đồng chí Mao-Trạch-Đông và nhiều đồng chí công tác trong vùng địch chiếm phê bình. Vì chấp hành đường lối sai lầm này, mà công tác thực tế đã bị thiệt hại rất nhiều. Cho nên, đến đầu năm 1928 thì đường lối sai lầm này đã ngừng chấp hành ở nhiều nơi, và tháng tư năm đó đã kết thúc về căn bản trong công tác thực tế ở toàn quốc.

III— Sáng lập căn cứ cách mạng ở Tỉnh-cương-sơn.

Tháng 10 năm 1927, đồng chí Mao-Trạch-Đông chỉ huy quân khởi nghĩa Vụ mùa mở cuộc tiến quân rất có ý nghĩa lịch sử vào Tỉnh-cương-sơn, và sáng lập một căn cứ cách mạng đầu tiên ở đó.

Tháng 4 năm 1928, đồng chí Chu-Đức dẫn quân khởi nghĩa Nam-xương, từ phía nam Hồ-nam lên Tỉnh-cương-sơn, hội hợp với bộ đội của đồng chí Mao-Trạch-Đông, để chính thức thành lập quân đội kiểu mới của Trung-quốc, tức là quân thứ tư của Hồng quân công nông.

Từ tháng 4 đến tháng 7 năm 1928, giữa lúc thế lực thống trị ở miền nam tạm thời được ổn định, thì Tưởng-Giới-Thạch ra lệnh cho quân đội ở Giang-tây và Hồ-nam vây đánh biên giới Hồ-nam, Giang-tây ba lần. Mỗi lần vây đánh, quân đội phản động ít nhất cũng có 8, 9 trung đoàn, khi nhiều có tới 18 trung đoàn, còn Hồng quân thì chỉ có 4 trung đoàn để quây quần với địch. Thế mà Hồng quân đã đánh tan cuộc "vây quét" giữa hai tỉnh Hồ-nam, Giang-tây của địch, để củng cố căn cứ Tỉnh-cương-sơn.

Trung tuần tháng 7, khi chủ lực Hồng quân vừa tới huyện Linh vì có quan niệm địa phương nên trung đoàn 29 muốn về quê Hồ-nam, trung đoàn 28 cũng muốn về miền nam Giang-tây, không ai muốn quay lại Vĩnh-tân cả. Đồng chí Đỗ-Tu-kinh, đại biểu tỉnh ủy Hồ-nam cũng chiều theo ý muốn sai lầm đó. Bộ đội tiến thẳng về Sâm-châu, rồi bị bại trận ở đó, trung đoàn 29 bị đánh tan. Song, chủ lực của trung đoàn 28 không bị thiệt hại mấy, đã chiếm Quế-đông vào hồi tháng 8 và hội hợp với đồng chí Mao-Trạch-Đông, rồi kéo nhau về Tỉnh-cương-sơn. Tiếp đó lại đánh bại cuộc vây quét mới của địch, khôi phục căn cứ địa Tỉnh-cương-sơn bao gồm toàn huyện Ninh-cương và một phần Toại-xuyên, huyện Linh, Vĩnh-tân thành một dãy liền.

Nếu không có cuộc tiến quân tháng 7 về miền nam Hồ-nam thì không những có thể tránh được thất bại tháng 8 ở biên giới, mà còn có thể thừa lúc nội bộ quân phiệt Quốc dân đảng đang lủng củng để đánh bại quân địch ở Vĩnh-tân, chiếm cả Cát-an, An-phúc, và bộ đội tiền phong có thể tới Bình-hương bắt liên lạc với đạo quân thứ 5 của Hồng quân ở phía bắc.

Tháng 11, sau khi đồng chí Bành-Đức-Hoài dẫn quân thứ năm đến Ninh-cương hội hợp với đồng chí Mao-Trạch-Đông, Tưởng-Giới-Thạch lại cho quân đội "vây quét" ba tỉnh Hồ-nam, Quảng-đông, Giang-tây. Đảng quyết định quân thứ tư tiến về miền nam Giang-tây và miền tây Phúc-kiến để mở rộng chiến tranh du kích và liên lạc với đội du kích ở đó, đồng thời quyết định đồng chí Bành-Đức-Hoài thống lãnh đạo quân thứ 5 bảo vệ Tỉnh-cương-sơn. Vì lực lượng địch và ta chênh lệch quá xa, nên đầu năm 1929 quân ta phải rút khỏi Tỉnh-cương-sơn, tháng 6 lại trở về nơi cũ, phá được nhiều đợt tấn công của địch, khôi phục và mở rộng căn cứ địa Hồ-nam — Giang-tây.

Sự sáng lập và phát triển căn cứ địa cách mạng trong thời kỳ Tỉnh-cương-sơn được thắng lợi là nhờ chấp hành đúng

chính sách mác-xít lê-ni-nít của đồng chí Mao-Trạch-Đông, còn thất bại ở Hồ-nam và giữa biên giới Hồ-nam và Giang-tây lúc tháng 8 năm 1928 là vì không chấp hành đúng chính sách đó.

Hai nguyên tắc cơ bản của chính sách đó là:

Thứ nhất, về mặt quân sự phải tập trung binh lực để đối phó với địch. Sở dĩ Hồng quân không thể phân tán là vì chủ lực của Hồng quân phần đông không phải là người bản xứ, lãnh đạo chia nhỏ thì không được kiện toàn, mà hoàn cảnh càng gay go thì lực lượng lãnh đạo trong bộ đội càng phải được tập trung và kiện toàn. Vì tập trung binh lực mới có thể tiêu diệt được nhiều địch, mới có thể chiếm được thị trấn, và nhờ đó có thể phát động được quần chúng trong phạm vi rộng hơn và thành lập chính quyền ở mấy huyện liền nhau. Sự tồn tại và phát triển của vùng biên giới Hồ-nam, Giang-tây đều là kết quả của chính sách tập trung binh lực đó, còn phân tán binh lực để hoạt động riêng rẽ thì hầu như lần nào cũng thất bại. Dĩ nhiên, trong thời kỳ Tỉnh-cương-sơn Hồng quân cũng có lúc đã phân tán binh lực hoặc gần hoặc xa, song chỉ trong hoàn cảnh tốt mới có thể phân tán như thế, vả lại sự phân tán lúc đó cũng có mục đích tranh thủ quần chúng, mở rộng và củng cố căn cứ địa. Ở đây cần phải cân nhắc hai tình hình khác nhau: tức là thời kỳ chia xé và thời kỳ ổn định tạm thời của chính quyền phản động. Nếu là thời kỳ chính quyền phản động bị chia xé thì chiến lược của chúng ta có thể mạo tiến, những vùng chiếm cứ bằng quân sự cũng rộng hơn, dĩ nhiên đó là những bước tiến có trận địa. Nhưng nếu ở trong thời kỳ chính quyền phản động được ổn định tạm thời thì phải tiến từng bước, căn cứ địa cũng dần dần mở rộng.

Thứ hai, về mặt công tác địa phương, tập trung lực lượng xây dựng cơ sở khu vực trung tâm, tức là xây dựng chính quyền

dân chủ công nông ở căn cứ địa, đi sâu vào cách mạng ruộng đất, mở rộng vũ trang nhân dân, phát triển Đảng cộng sản. Đó là quan niệm sâu sắc về xây dựng chính quyền đỏ.

Căn cứ vào nguyên tắc cơ bản nói trên, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã quy định một loạt phương châm xây dựng căn cứ địa.

(1) Trong thời kỳ Tỉnh-cương-sơn đã thành lập chính quyền dân chủ công, nông, binh các cấp tức là Hội nghị đại biểu công nông binh và Chính phủ công nông binh, đó là lần đầu tiên Trung-quốc thực hành chế độ dân chủ thực sự. Chính phủ công nông là do đại hội quần chúng bầu ra. Cũng có nơi thành lập đại hội đại biểu , và bầu ra ban chấp hành có quyền lực tối cao.

(2) Nêu cao ngọn cờ cách mạng ruộng đất. Lúc đầu tiên là tịch thu tất cả ruộng đất để chia lại hết. Về sau chính sách đó được sửa lại, chỉ tịch thu ruộng đất của địa chủ, chia cho nông dân, lấy xã làm đơn vị. Trong cuộc đấu tranh ruộng đất cần phải tranh thủ giai cấp trung gian, vì nếu không tranh thủ được giai cấp trung gian, thì họ sẽ lợi dụng địa vị xã hội của họ để kéo dài thời gian chia ruộng, khai man số ruộng đất, và khi có khủng bố trắng, họ sẽ phản bội. Đồng chí Mao-Trạch-Đông rất coi trọng việc tranh thủ giai cấp trung gian, và đã sửa chữa chính sách đánh mạnh giai cấp trung gian.

(3) Xây dựng vũ trang cách mạng công nông. Trong Hồng quân có công nhân, nông dân, vô sản du dân và tù binh địch lại nhiều hơn cả. Vì thế, cần phải giáo dục chính trị trong quân đội, xây dựng chế độ đại biểu Đảng, đặt chi bộ ở cấp đại đội, đảm bảo tác dụng lãnh đạo của Đảng trong quân đội, thực hành chế độ dân chủ trong Hồng quân, không được đánh đập chửi mắng, đãi ngộ giữa binh lính và sĩ quan phải bình đẳng. Hồng quân

giúp đỡ địa phương xây dựng đội vũ trang để trấn áp phản cách mạng và bảo vệ chính quyền xã, khi giặc đến thì đội vũ trang địa phương giúp Hồng quân đánh. Cần phải thi hành chính sách tù binh đúng đắn, thả tù binh và cứu chữa thương binh.

(4) Thành lập và phát triển tổ chức Đảng. Đồng chí Mao-Trạch-Đông rất coi trọng công tác tư tưởng của Đảng, và chỉ rõ tăng cường lãnh đạo của tư tương giai cấp vô sản, dùng tư tưởng giai cấp vô sản để cải tạo tư tưởng giai cấp tiểu tư sản là việc có ý nghĩa hết sức trọng đại, xây dựng tư tưởng là vấn đề cơ bản để xây dựng Đảng cộng sản.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông gọi chính sách đó là chính sách "kiểu Chu-Đức, Mao-Trạch-Đông, kiểu Phương-Chí-Mẫn"; đó là chính sách đúng đắn duy nhất để xây dựng và phát triển căn cứ địa và dùng căn cứ địa thúc đầy cao trào cách mạng toàn quốc.

Chỉ dẫn cách mạng phát triển ở nông thôn trước hết, đi con đường đấu tranh vũ trang, từ một căn cứ phát triển thành nhiều căn cứ và thành căn cứ địa lớn, tức là lấy cách mạng vũ trang ở nông thôn để bao vây và cuối cùng chiếm đoạt thành thị do bọn phản cách mạng chiếm đóng, đó là một trong những quy luật phát triển của cách mạng Trung-quốc mà đồng chí Mao-Trạch-Đông đã phát hiện, và cũng là quy luật phát triển của cách mạng dưới điều kiện lực lượng của Đảng trong thành phố bị kẻ địch lớn mạnh đánh bại nên tạm thời không thể giành được thắng lợi trong thành phố. Mà Tỉnh-cương-sơn là căn cứ địa cách mạng đầu tiên.

Tại sao đồng chí Mao-Trạch-Đông lại chọn Tỉnh-cương-sơn để làm căn cứ địa cách mạng? Là vì:

(1) Vị trí Tỉnh-cương-sơn ở giữa dãy núi La-tiêu. Dãy núi La-tiêu nam giáp Quảng-đông, bắc liền Hồ-bắc, đông tây giáp

Giang-tây và Hồ-nam, vì thế cách mạng phát triển ở đó sẽ ảnh hưởng đến quần chúng công nông ở ba tỉnh Hồ-nam, Hồ-bắc, Giang-tây.

(2) Ở đó có tổ chức Đảng và cơ sở quần chúng khá tốt, có đội vũ trang địa phương giàu kinh nghiệm chiến đấu.

(3) Trên Tỉnh-cương-sơn có nhiều làng mạc, sản xuất nhiều thứ lương thực, chung quanh đều gần những vùng phì nhiêu có sản vật phong phú, tiện cho Hồng quân chuẩn bị tiền bạc và lương thực.

(4) Chu vi Tỉnh-cương-sơn 500 dặm, ngang và dài 80 dặm, vách núi dựng, cây cối rợp trời, chỉ có 5 cái suối con chảy xiết trong núi, cho nên từ trên cao nhìn xuống, rõ là một nơi dễ giữ khó đánh.

Thành lập căn cứ địa cách mạng Tỉnh-cương-sơn có ý nghĩa lịch sử cực kỳ trọng đại, nó kết hợp bước rút lui và bước tấn công của cách mạng. Về mặt rút lui thì đã rút lui vào nông thôn để tích trữ lực lượng cách mạng và lấy nông thôn làm trung tâm trận địa, cuộc rút lui này là Đảng rút lui một cách có kế hoạch, có trật tự và thiệt hại rất ít, không những đã giữ được lực lượng cách mạng rút lui lần này mà còn yểm hộ cho cuộc rút lui của cách mạng toàn quốc. Nói về mặt tấn công thì cuộc tấn công này đã chuyển đúng đắn phương hướng tấn công của cách mạng vào nông thôn, nơi lực lượng phản cách mạng yếu nhất, có nhiều mâu thuẫn giai cấp và có cơ sở cách mạng vững chắc, cho nên cuộc tấn công này là đòn đánh mạnh vào chỗ chí mạng của địch. Tiến quân vào Tỉnh-cương-sơn là mở cho cách mạng Trung-quốc con đường tiến lên đúng đắn duy nhất và cũng là con đường duy nhất sau khi cách mạng năm 1927 đã thất bại, để phát triển lửa cách mạng nhỏ như đom đóm thành lửa cách mạng đốt cháy cả đồng.

IV— Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ sáu của Đảng cộng sản Trung-quốc. Lý luận của đồng chí Mao-Trạch-Đông về Chính quyền đỏ Trung-quốc có thể tồn tại và phát triển.

Tháng 7 năm 1928, Đảng cộng sản Trung-quốc triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ sáu. Nhiệm vụ chính của Đại hội là tổng kết kinh nghiệm chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất, và phân tích tính chất cách mạng và tình hình cách mạng lúc bấy giờ, để quyết định nhiệm vụ đấu tranh và phương châm sách lược của Đảng.

Đại hội xác định tính chất của cách mạng Trung-quốc vẫn là cách mạng dân chủ tư sản. Nhiệm vụ chung của cách mạng là thành lập nền chuyên chính dân chủ công nông chống đế quốc, chống phong kiến. Vì thứ nhất, Trung-quốc còn chưa được giải phóng khỏi sự áp bức của đế quốc, nước nhà còn chưa được thống nhất thực sự; thứ hai, chế độ ruộng đất phong kiến còn chưa xóa bỏ, thế lực phong kiến còn chưa quét sạch; thứ ba, chính quyền Nhà nước vẫn còn nằm trong tay giai cấp tư sản mại bản cường hào. Cho nên tính chất cách mạng Trung-quốc vẫn là cách mạng dân chủ tư sản. Đại hội quy định mười cương lĩnh lớn về chuyên chính dân chủ công nông.

Đại hội đã chỉ rõ tình hình chính trị sau khi cách mạng thất bại là thoái trào giữa hai cao trào. Lúc đó quần chúng công nông bị đả kích rất nặng, tổ chức cách mạng của công nhân và nông dân bị phá vỡ rất nhiều. Trong căn cứ cách mạng, chiến tranh du kích của nông dân cũng chỉ phát triển rập rình nay thấp mai cao như làn sóng. Đồng thời Đại hội cũng chỉ rõ cao trào mới của cách mạng Trung-quốc nhất định sẽ đến và không thể tránh được. Vì những mâu thuẫn gây nên cách mạng

chưa giải quyết được cái nào, những mâu thuẫn đó tiếp tục phát triển thì tất nhiên sẽ thúc đầy cao trào cách mạng tới nơi, và tình hình quốc tế phát triển cũng là một nguyên tố quan trọng đề thúc đầy cao trào cách mạng tới nơi.

Căn cứ vào đó Đại hội xác định đường lối sách lược của Đảng lúc bấy giờ không phải là thực hành tấn công và tổ chức khởi nghĩa ở thành thị mà là tranh thủ quần chúng, chuẩn bị cho cao trào cách mạng mới.

Đại hội đại biểu lần thứ sáu đã tiến hành cuộc đấu tranh trên hai mặt trận.

Đại hội thanh toán chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh của Trần-Độc-Tú. Đại hội cho rằng Trần-Độc-Tú, và những kẻ chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh đã tự nguyện biếu đứt quyền lãnh đạo cách mạng. Nhưng Trần-Độc-Tú không những không tiếp thu đường lối đúng đắn của Đảng đề vứt bỏ đường lối sai lầm của mình, mà trái lại còn nói xấu chính sách mặt trận thống nhất cách mạng của Đảng, đổ trách nhiệm cách mạng thất bại cho Đảng cộng sản Trung-quốc và Cộng sản quốc tế. Hắn còn kết hợp với phần tử Tơ-rốt-skít thành lập tổ chức nhỏ phản Đảng. Vì thế, Đảng đã khai trừ Trần-Độc-Tú lúc tháng 11 năm 1929.

Đại hội cũng đã phê phán sai lầm chủ nghĩa manh động "tả" khuynh và cho rằng chủ nghĩa manh động tổ chức những cuộc bạo động ở thành phố lớn là nơi địch đang chiếm ưu thế tuyệt đối, đều là mạo hiểm quân sự và cưỡng bức mệnh lệnh. Chủ nghĩa mệnh lệnh không thể chung sống với chính sách tranh thủ quần chúng, mà tranh thủ quần chúng chính là nhiệm vụ quan trọng của Đảng lúc bấy giờ, cho nên khuynh hướng nguy hiểm chủ yếu nhất trong Đảng là chủ nghĩa manh động.

Chủ nghĩa manh động, chủ nghĩa mạo hiểm quân sự và chủ nghĩa mệnh lệnh xa rời quần chúng đều là tư tưởng "tả" khuynh của giai cấp tiểu tư sản phản ánh trong Đảng.

Những điểm đó là mặt chính và cũng là mặt đúng đắn của Đại hội đại biểu lần thứ sáu. Nhưng Đại hội này cũng có khuyết điểm và sai lầm.

Thứ nhất, thiếu nhận thức cần thiết về tính chất quan trọng của căn cứ cách mạng nông thôn và tính chất trường kỳ của cách mạng dân chủ, còn chưa nhận thức đầy đủ về sự rút lui cần cho sách lược của Đảng và nhất là đối với vấn đề mấu chốt phải chuyển trọng tâm công tác của Đảng từ thành thị vào nông thôn. Vì thế mà sau lần Đại hội này, cơ quan của Trung ương Đảng vẫn ở thành thị, mặt chính công tác của Đảng vẫn ở thành thị chứ không phải ở nông thôn.

Thứ hai, không đánh giá đúng tính chất hai mặt của giai cấp trung gian và mâu thuẫn nội bộ của thế lực phản động, cho rằng "giai cấp tư sản dân tộc là một trong những kẻ địch nguy hiểm nhất cản trở cách mạng thắng lợi". Đại hội không nhận thấy địa vị và tính chất hai mặt của giai cấp tư sản dân tộc dưới chính quyền Tưởng-Giới-Thạch, vì thế mà không thấy trước thái độ chính trị của giai cấp này có thể thay đổi. Đại hội lại nhận xét một cách đơn giản rằng "các phái trong Quốc dân đảng hoàn toàn phản động cả", không phân chia bọn chúng, không lợi dụng mâu thuẫn của chúng để cô lập thiểu số phản động nhất và đánh từng tên một.

Thứ ba, đối với đường lối "tả" khuynh lần thứ nhất, Đại hội chỉ vạch ra sai lầm của chủ nghĩa manh động, phủ nhận nhiều sự thực sai lầm rõ rệt, và không phê phán tư tưởng đường lối sai lầm, tức là phân tích sâu sắc thực chất và nguồn gốc tư tưởng của đường lối sai lầm bằng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác—Lê-nin.

Do những khuyết điểm trên đây của Đại hội lần thứ sáu, và do công tác lãnh đạo của Đảng sau ngày Đại hội vẫn còn nằm trong tay phần tử "tả" khuynh, nên không thể sửa chữa được

triệt để những sai lầm "tả" khuynh, hơn nữa, những sai lầm này còn bị phần tử chủ nghĩa cơ hội "tả" khuynh sau này phát triển thành sai lầm về đường lối hoàn bị hơn.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông không có mặt trong Đại hội lần thứ sáu của Đảng. Nhưng Đại hội đã bầu đồng chí làm ủy viên Ban chấp hành Trung ương.

Sau Đại hội lần thứ sáu của Đảng, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã giải quyết đúng đắn vấn đề quan trọng của cách mạng Trung-quốc mà Đại hội lần thứ sáu chưa giải quyết, hoặc đã giải quyết nhưng chưa được đúng đắn, về mặt thực tiễn cũng như lý luận.

Sau khi lực lượng cách mạng đã bị địch đánh bại ở thành thị, thì tiến quân vào nông thôn, xây dựng căn cứ địa cách mạng để tích trữ và phát triển lực lượng cách mạng, lấy nông thôn bao vây thành thị và cuối cùng chiếm đoạt thành thị, là con đường cách mạng đúng đắn duy nhất. Sau cuộc khởi nghĩa Vụ mùa đồng chí Mao-Trạch-Đông dẫn quân đội khởi nghĩa tiến vào khu Tỉnh-cương-sơn xây dựng căn cứ địa cách mạng, đã giải quyết vấn đề đó về mặt thực tiễn. Nhưng, căn cứ địa cách mạng—Chính quyền đỏ Trung-quốc có thể tồn tại và phát triển được không? Đó là vấn đề mà toàn Đảng cần phải trả lời, nhưng đối với vấn đề quan trọng như thế, lúc bấy giờ trong Đảng còn chưa giải đáp được đầy đủ.

Một số đồng chí trong Đảng lúc bấy giờ có hai quan điểm sai lầm về tình hình khách quan: một là đánh giá quá cao lực lượng chủ quan của cách mạng và đánh giá quá thấp lực lượng phản cách mạng, vì thế đã theo đường chủ nghĩa manh động. Hai là đánh giá quá thấp lực lượng chủ quan cách mạng và đánh giá quá cao lực lương phản cách mạng, vì thế đã đâm ra bi quan và mất hẳn tinh thần. Trong đó có một số đồng chí cho rằng cao trào cách mạng còn xa, nên chỉ xoay quanh trong chiến tranh du kích đơn thuần, coi nhẹ việc xây dựng căn cứ địa;

cũng có một số đồng chí mỗi khi bại trận hay bị địch vây bốn mặt thì đâm ra nghi ngờ tự hỏi: "Cờ đỏ còn đứng vững được bao lâu?"

Vì thế, nhiệm vụ chính trị cấp bách nhất lúc bấy giờ là dùng lý luận để nói rõ vấn đề này, và dùng quan điểm chủ nghĩa Mác—Lê-nin để phân tích nó một cách khoa học. Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã hoàn thành nhiệm vụ vĩ đại đó một cách xuất sắc.

Sự thành lập và phát triển Hồng quân và chính quyền đỏ là hình thức cao nhất của cách mạng nông dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân ở Trung-quốc, một nước nửa thuộc địa. Đế quốc, quân phiệt phong kiến chiếm giữ thành phố trung tâm từ lâu, cách mạng không thể thắng lợi được nhanh chóng ở thành thị. Vì thế, để tránh một cuộc quyết chiến quá sớm, giai cấp công nhân cần phải cho đội tiền phong của mình đi sâu vào nông thôn, kết thành một liên minh vững chắc với nông dân, thành lập căn cứ chiến lược về chính trị, quân sự, kinh tế, và văn hóa trong nông thôn, để chống lại sự tấn công của địch và phát triển lực lượng cách mạng.

Thành lập và phát triển căn cứ cách mạng và Hồng quân là nhân tố quan trọng nhất để đưa cách mạng toàn quốc đến cao trào. Cách mạng nông thôn phát triển đã biến nông thôn lạc hậu thành nông thôn cách mạng. Hồng quân lấy trận địa nông thôn cách mạng làm cơ sở, bao vây quân địch ở thành phố lớn và thành phố vừa, luôn luôn xuất kích địch, gây rất nhiều khó khăn cho bọn phản cách mạng. Sự tồn tại và phát triển của chính quyền đỏ đã chứng minh lực lượng Đảng cộng sản và cách mạng nhân dân không gì thắng nổi. Nó đã đem lại hy vọng lớn cho nhân dân toàn quốc, khuyến khích ý chí đấu tranh của nhân dân toàn quốc và đưa cao trào cách mạng tới nơi.

Thành lập căn cứ ở nông thôn, đưa cách mạng tới thắng lợi toàn quốc là con đường phục hưng cách mạng Trung-quốc,

có thể thực hiện được không? Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã nói rõ một cách khoa học, là hoàn toàn có thể thành lập căn cứ cách mạng ở nông thôn (Chính quyền đỏ).

Thứ nhất, ở Trung-quốc nửa thuộc địa, nửa phong kiến, kinh tế tư bản chủ nghĩa non yếu cùng chung sống với kinh tế phong kiến lạc hậu, một số thành phố công nghiệp hiện đại hóa cũng chung sống với nông thôn lạc hậu trung thế kỷ rộng lớn. Sự phát triển của kinh tế Trung-quốc đã tỏ rõ tính lạc hậu và tính không thăng bằng của nó, mà tình trạng không thăng bằng và lạc hậu đó càng sâu sắc thêm vì chính sách chia rẽ của đế quốc. Như thế đã quy định sự phát triển của cách mạng dân chủ Trung-quốc rất không thăng bằng. Kinh tế Trung-quốc đã là lạc hậu, không thống nhất, thì nông thôn Trung-quốc, đối với thành thị, có thể giữ vững một tính độc lập nhất định, nông thôn có thể tự cấp tự túc, cho nên cách mạng có thể sống lâu dài ở nông thôn. Sự phát triển của kinh tế Trung-quốc đã không thăng bằng, ở nhiều nơi hẻo lánh, lực lượng kinh tế trực tiếp chi phối của đế quốc còn chưa thành hình, chỉ có lực lượng kinh tế gián tiếp chi phối hoặc chưa có lực lượng kinh tế nào của chúng, như thế, cách mạng Trung-quốc có thể thắng lợi trước ở những nơi lực lượng địch yếu.

Thứ hai, chính quyền đỏ không phải có thể thành lập ở bất cứ một nơi nào trong nông thôn. Chính quyền đỏ có thể thành lập và phát triển trước hết là ở những nơi đã chịu ảnh hưởng cách mạng. Quần chúng công nông ở tỉnh Hồ-nam, Hồ-bắc, Quảng-đông và Giang-tây đã được rèn luyện trong chiến tranh cách mạng, đã đấu tranh kịch liệt với giai cấp địa chủ, thành lập tổ chức công đoàn và nông hội. Nghĩa là ở những nơi đó có cơ sở quần chúng tốt, chính quyền đỏ có thể thành lập và phát triển trước nhất ở những nơi đó. Trong mấy tỉnh đó, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã phân tích nhiều về tình hình

Giang-tây. đồng chí cho rằng: một là kinh tế của tỉnh Giang-tây chủ yếu là kinh tế phong kiến, vũ trang của địa chủ ở Giang-tây yếu hơn các tỉnh khác ở miền nam; hai là quân đội địch ở Giang-tây phần nhiều là quân đội tỉnh khác, chúng không hiểu rõ tình hình, không quan tâm nhiều đến sự việc của tỉnh đó; ba là Giang-tây ít bị ảnh hưởng của đế quốc. Vì thế, khởi nghĩa ở nông thôn Giang-tây sẽ có điều kiện tốt hơn tỉnh nào cả.

Thứ ba, Chính quyền đỏ có thể tồn tại lâu dài hay không, là quyết định ở tình hình cách mạng có phát triển lên hay không. Sau khi Quốc dân đảng phản bội, cách mạng chuyển xuống thoái trào, song tất cả những mâu thuẫn gây nên cách mạng chưa có cái nào được giải quyết cả. Những mâu thuẫn đó là mâu thuẫn giữa đế quốc với dân tộc Trung-hoa, mâu thuẫn giữa đế quốc trong việc chia xẻ Trung-quốc, mâu thuẫn nội bộ của giai cấp thống trị phản động Trung-quốc, mâu thuẫn giữa giai cấp địa chủ với nông dân, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân, mâu thuẫn giữa quân phiệt với quần chúng binh sĩ v.v... Những mâu thuẫn đó có khác nhau, nhưng đồng thời cũng liên hệ với nhau. Căn cứ vào cơ sở tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã thấy rõ, đế quốc ráo riết tranh nhau để xâm lược Trung-quốc thì tất nhiên mâu thuẫn giữa đế quốc với dân tộc Trung-hoa càng rộng lớn, và mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc càng sâu sắc thêm, do đó chiến tranh quân phiệt sẽ không ngớt xảy ra. Chiến tranh quân phiệt này lại làm sâu sắc thêm tất cả những mâu thuẫn khác. Sự chia rẽ và chiến tranh trường kỳ của quân phiệt Trung-quốc sẽ làm cho một hoặc nhiều căn cứ cách mạng nhỏ được nảy nở và phát triển ở giữa vòng bao vây của chính quyền trắng.

Thứ tư, sự tồn tại của một số lực lượng Hồng quân chính thức, là điều kiện tất yếu để sáng lập và phát triển chính quyền

đỏ. Có Hồng quân chính thức thì có thể tập trung binh lực đánh bại những cuộc tấn công của địch, giữ vững chiến tranh du kích và mở rộng căn cứ cách mạng. Mặt khác, Hồng quân có thể phát động quần chúng, giúp đỡ quần chúng thành lập chính quyền cách mạng và tổ chức Đảng cộng sản.

Thứ năm, sự tồn tại của Đảng cộng sản là điều kiện quyết định cho Chính quyền đỏ tồn tại và phát triển. Trong thời kỳ Tỉnh-cương-sơn, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã nhấn mạnh vấn đề lãnh đạo của tư tưởng giai cấp vô sản, tức là phải tăng cường sự lãnh đạo của tư tưởng giai cấp vô sản đối với nông dân và tiểu tư sản. Nghị quyết của Đại hội đại biểu lần thứ 9 của Đảng trong đạo quân thứ 4, căn cứ vào kinh nghiệm đấu tranh tư tưởng của Đảng trong Hồng quân, phân tích những biểu hiện và nguồn gốc của các thứ tư tưởng phi vô sản, quy định phương pháp sửa chữa những tư tưởng sai lầm trong Đảng, và do đó đã quy định nguyên tắc cơ bản để xây dựng Đảng về mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức. Trước hết phải xây dựng Đảng về mặt tư tưởng, vì rằng những tư tưởng sai lầm trong Đảng là nguồn gốc nhận xét của đường lối chính trị sai lầm trong Đảng. Nếu lấy chủ nghĩa chủ quan phân tích tình hình chính trị và chỉ đạo công tác, thì kết quả nếu không phải là chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh thì cũng là chủ nghĩa cơ hội "tả" khuynh manh động. Phương châm sửa chữa những tư tưởng sai lầm trong Đảng là phải dùng quan điểm và phương pháp chủ nghĩa Mác—Lê-nin phân tích tình hình chính trị và giải quyết vấn đề, tức là phương pháp công tác để ý điều tra nghiên cứu xã hội, chính trị và kinh tế. Trong khi khắc phục chủ nghĩa chủ quan về mặt tư tưởng, Đảng còn phải tiến hành đấu tranh trên hai đường lối về mặt chính trị. Một mặt chống chủ nghĩa bi quan không đánh giá đầy đủ lực lượng cách mạng, không trông thấy tương lai của cách mạng; mặt khác, chống

chủ nghĩa manh động mắc bệnh hấp tấp, không muốn làm những việc hàng ngày bé nhỏ và gian khổ. Về mặt tổ chức, Đảng phải giữ vững chế độ dân chủ tập trung, nghĩa là phản đối những hiện tượng không chính đáng hạn chế dân chủ trong Đảng, song cũng phản đối những hiện tượng không chính đáng hạn chế sự tập trung của Đảng, "thực hành sinh hoạt dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung". Cho nên cần phải chống lại dân chủ hóa quá trớn, chống chủ nghĩa bình quân tuyệt đối, chống quan điểm phi tổ chức, chống tất cả các thứ chủ nghĩa cá nhân v.v... Chỉ có như thế mới có thể xây dựng một chính đảng chủ nghĩa Mác—Lê-nin thực sự.

Có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản và sự tồn tại của Hồng quân, thì có thể lợi dụng đầy đủ những chỗ hở của các phái phản cách mạng đang đấu tranh với nhau, khiến lực lượng cách mạng có thể tồn tại; có thể làm cho cách mạng thắng lợi trước tiên ở nông thôn là nơi lực lượng địch yếu, và với một chừng mức nào đó khắc phục những khó khăn do tính phân tán của những người sản xuất nhỏ đã gây ra cho cách mạng trong nông thôn, để cho cách mạng có thể tồn tại lâu dài trong nông thôn.

Đồng chí Mao-trạch-Đông đã phân tích đúng đắn điều kiện khách quan và điều kiện chủ quan của cách mạng, nên đã được kết luận khoa học.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã lấy lý luận Lê-nin—Sta-lin về quy luật kinh tế, chính trị của các nước chủ nghĩa tư bản trong thời đại đế quốc phát triển không thăng bằng để áp dụng một cách xuất sắc vào Trung-quốc nửa thuộc địa, nửa phong kiến, để luận chứng quy luật phát triển không thăng bằng của kinh tế và chính trị Trung-quốc, và chỉ rõ khả năng tồn tại và phát triển của một hoặc nhiều Chính quyền đỏ bé nhỏ trong vòng bao vây của chính quyền trắng, cách mạng có thể giành được thắng lợi trước nhất trong nông thôn là nơi lực lượng của

địch yếu ớt, để dần dần đi tới thắng lợi toàn quốc. Kết luận mới này đã phát triển lý luận về quy luật kinh tế và chính trị các nước tư bản phát triển không thăng bằng và lý luận chủ nghĩa xã hội có thể thắng lợi ở trong một nước riêng biệt. Kết luận mới này đã chỉ đạo cách mạng Trung-quốc giành được thắng lợi.

V—Sự thành lập căn cứ địa Trung ương và các nơi khác. Đảng cộng sản Trung-quốc sửa chữa đường lối "tả" khuynh lần thứ hai trong Đảng. Đường lối cách mạng ruộng đất và chính sách ruộng đất ở khu vực đỏ.

Sau cuộc khởi nghĩa Vụ mùa, nếu bộ đội khởi nghĩa vũ trang ở vùng nào có lãnh đạo đúng đắn đã thực hành phương châm tiến quân vào nông thôn, thành lập căn cứ địa ở nông thôn, như đồng chí Mao-Trạch-Đông đã làm thì vũ trang cách mạng ở vùng đó sẽ được phát triển. Từ cuộc khởi nghĩa Vụ mùa tới đầu năm 1930, sau ba năm chiến đấu, ở nhiều nơi đã thành lập căn cứ cách mạng và đội vũ trang nhân dân, tức là Hồng quân công nông Trung-quốc.

(1) Căn cứ địa Trung ương: tháng 10 năm 1927 tiến quân vào Tỉnh-cương-sơn, đặt cơ sở cho căn cứ địa Hồ-nam—Giang-tây. Tháng 11 năm 1928 một bộ phận của đạo quân thứ 5 của Hồng quân tới Tỉnh-cương-sơn hợp với đạo quân thứ 4 đã tăng cường lực lượng Hồng quân. Để đập tan chính sách bao vây và phong tỏa của địch, tháng 1 năm 1929 đạo quân thứ 4 của Hồng quân tiến vào miền nam Giang-tây, thành lập căn cứ địa miền nam Giang-tây. Tháng 2 đến tháng 12 năm 1929 đạo

quân thứ 4 của Hồng quân ba lần vào tỉnh Phúc-kiến, kết hợp với tổ chức Đảng ở miền tây Phúc-kiến, thành lập căn cứ địa miền tây tỉnh Phúc-kiến. Tháng 3 năm 1930 thành lập Chính phủ công nông binh ở miền tây Phúc-kiến và miền nam Giang-tây, tháng 6 thành lập quân đoàn thứ nhất của Hồng quân công nông Trung-quốc. Tháng 8 quân đoàn thứ nhất và quân đoàn thứ ba hội hợp, thành lập quân phương diện thứ nhất của Hồng quân do đồng chí Chu-Đức làm Tổng tư lệnh, đồng chí Mao-Trạch-Đông làm Tổng chính ủy.

(2) Căn cứ địa Hồ-nam—Hồ-bắc—Giang-tây: sau cuộc khởi nghĩa Bình-giang tháng 7 năm 1928, đạo quân thứ 5 được thành lập, chiến tranh du kích nổi dậy ở Bình-giang, Lưu-dương thuộc tỉnh Hồ-nam, và Vạn-tải, Tu-thủy, Đồng-cổ, Bình-hương thuộc Giang-tây, đã thành lập căn cứ địa Hồ-nam, Hồ-bắc, Giang-tây. Tháng 2 năm 1930 Hồng quân mở rộng chiến tranh du kích ở miền đông nam Hồ-bắc, chiếm các huyện Sùng-dương, Thông-thành, Hàm-ninh, Dương-tân, Đại-dã tăng cường bộ đội và thành lập quân đoàn thứ ba của Hồng quân.

(3) Căn cứ địa Hồ-bắc—Hà-nam—An-huy: tháng 10 năm 1927 ở Hoàng-an và Thất-lý-bình thuộc huyện Ma-thành cử hành cuộc khởi nghĩa Vụ mùa và đầu năm 1928, sau khi chiến tranh giữa Tưởng-Giới-Thạch với Lý-Tôn-Nhân đã bùng nổ, thì Hoàng-an và Ma-thành lại khởi nghĩa lần thứ hai và lấy Đại-biệt-sơn làm căn cứ địa. Tháng 3 năm 1929 quân khởi nghĩa ở Thương-thành thành lập căn cứ địa Hồ-bắc—Hà-nam—An-huy và lấy vùng đông nam Hà-nam làm trung tâm. Sau đó ở Lục-an cũng có khởi nghĩa, và thành lập căn cứ địa trung tâm ở tây bắc An-huy. Thế là 3 vùng Hoàng-an—Ma-thành, Thương-thành và Lục-an là khu trung tâm của căn cứ Hồ-bắc—Hà-nam—An-huy bao gồm các huyện Hoàng-an, Ma-thành, Quảng-sơn, La-sơn, Hoàng-pha, Hiếu-cảm, Hoàng-cương, Thương-thành,

Lục-an, Hoắc-khưu, Hoắc-sơn, Cố-thủy, Anh-sơn. Tháng 2 năm 1930 thành lập khu đặc biệt Hồ-bắc—Hà-nam—An-huy. Năm 1931 Hồng quân ở đó biên chế thành quân phương diện thứ tư, do đồng chí Từ-Hướng-Tiền làm tổng chỉ huy.

(4) Căn cứ địa Hồng-hồ—miền tây Hồ-nam—Hồ-bắc: từ cuối năm 1927 tới đầu năm 1930 Hồng quân hoạt động chiến tranh du kích ở các huyện Công-an, Tiềm-giang, Miện-dương, Giám-lợi, Chi-giang thuộc khu Hồng-hồ bắc ngạn Trường-giang miền nam tỉnh Hồ-bắc, đã thành lập căn cứ địa Hồng-hồ và đạo quân thứ 6 của Hồng quân. Sau khởi nghĩa Vụ mùa, chiến tranh du kích ở vùng Tang-thực, Đại-dung miền tây nam Hồ-nam và Ân-thi, Hạc-phong miền tây nam Hồ-bắc, đã thành lập căn cứ địa miền tây Hồ-nam—Hồ-bắc và đạo quân thứ 2 của Hồng quân. Năm 1930 đạo quân thứ 2 và đạo quân thứ 6 hợp nhau ở Công-an, và biên chế thành quân đoàn thứ hai của Hồng quân, do đồng chí Hạ-Long làm tổng chỉ huy, và đồng chí Quan-Hướng-Ứng làm ủy viên chính trị.

(5) Căn cứ địa Phúc-kiến—Chiết-giang—Giang-tây: sau khi cách mạng năm 1927 thất bại, đồng chí Phương-Chí-Mẫn hoạt động ở Qua-dương, Hoành-phong, đến cuối năm 1927 thì khởi nghĩa vũ trang. Từ 1928 đến 1929 căn cứ địa cách mạng phát triển dần đến Quý-khê, Vạn-niên, Dư-giang, Thượng-nghiêu, Đức-hưng, Ngọc-sơn. Năm 1928 nông dân miền bắc tỉnh Phúc-kiến chịu ảnh hưởng của phong trào nông dân miền đông bắc tỉnh Giang-tây cũng cử hành cuộc khởi nghĩa. Mùa đông năm 1929 sau Hội nghị đại biểu lần thứ nhất của công nông binh Tín-giang, thì trung tâm lãnh đạo ở Phúc-kiến, Chiết-giang, An-huy và Giang-tây được thành hình. Sau khi chiến tranh Tưởng-Giới-Thạch với Phùng-Ngọc-Tường, Diêm-Tích-Sơn bùng nổ, thì tháng 5 năm 1930 Hồng quân đến vùng tam giác châu Cảnh-đức-trấn, Lạc-bình, Xích-hóa, Phù-lương, Vụ-nguyên để

tiến hành chiến tranh du kích. Năm 1930 thành lập Chính phủ dân chủ công nông đông bắc Giang-tây và quân đoàn thứ mười của Hồng quân.

(6) Căn cứ địa Hữu-giang và Tả-giang Quảng-tây: Tháng 10 năm 1929, sau khi chiến tranh của Tưởng-Giới-Thạch với Lý-Tôn-Nhân bùng nổ, Đảng lãnh đạo quân nông dân và đại đội cảnh vệ thứ 4 khởi nghĩa ở Hữu-giang chiếm các huyện Quả-đức, Điền-đông, Điền-dương, Bách-sắc, Đông-lan, Phượng-sơn ở Hữu-giang, tháng 12 thành lập chính phủ dân chủ công nông Hữu-giang và đạo quân thứ 7 của Hồng quân. tháng 2 năm 1930 Đảng giúp đỡ đại đội thứ 5 của quân cảnh vệ biên chế thành đạo quân thứ 8 của Hồng quân ở Long-châu thuộc Tả-giang, thành lập chính phủ dân chủ công nông bao gồm các huyện Long-châu, Ninh-minh, Minh-giang, Sùng-thiện, Tả-huyện, Lôi-bình, Dưỡng-lợi. Nhưng chính quyền cách mạng Tả-giang bị thất bại rất nhanh, đạo quân thứ 7 và quân nông dân giữ vững đấu tranh ở Hữu-giang. Năm 1930 chủ lực Hồng quân từ Hữu-giang tiến lên phía bắc, chiến đấu quanh Hồ-nam, Giang-tây rồi hội hợp với Hồng quân Trung ương.

Từ khởi nghĩa Vụ mùa năm 1927 cho tới đầu năm 1930, phạm vi vùng khởi nghĩa vũ trang và căn cứ cách mạng nông thôn bao gồm Giang-tây, Phúc-kiến, Hồ-nam, Hồ-bắc, An-huy, Hà-nam, Quảng-đông, Quảng-tây và Chiết-giang, Hồng quân toàn quốc phát triển tới 6 vạn và ít lâu sau đã lên tới 10 vạn người.

Trong một thời kỳ sau Đại hội lần thứ 6, công tác của Đảng thu được nhiều thành tích, nhất là dưới sự chỉ đạo và ảnh hưởng của đồng chí Mao-Trạch-Đông, Chính quyền đỏ đều được phát triển dần khắp nơi trong nước. Công tác tổ chức và công tác quần chúng của Đảng trong vùng thống trị Quốc dân đảng cũng được khôi phục khá. Nhưng lúc đó trong Đảng còn

tồn tại tư tưởng chủ nghĩa mạo hiểm "tả" khuynh, trong tình hình lực lượng cách mạng được phát triển, nhất là tình hình có lợi cho cách mạng, lúc tháng 5 năm 1930, sau khi chiến tranh Tưởng-Giới-Thạch với Diêm-Tích-Sơn, Phùng-Ngọc-Tường bùng nổ, thì tư tưởng "tả" khuynh trong Đảng do đồng chí Lý-Lập-Tam đại biểu lại phát triển trở lại. Đến tháng 6 năm 1930 thì đường lối "tả" khuynh lần thứ hai đã thống trị cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Sai lầm của chủ nghĩa mạo hiểm "tả" khuynh lần thứ hai do đồng chí Lý-Lập-Tam đại biểu là ở chỗ nào?

Trước hết, họ không thừa nhận cách mạng Trung-quốc phát triển không đều, cho rằng cách mạng ở toàn quốc đâu đâu cũng vậy, đấu tranh ở thành thị và đấu tranh ở nông thôn, phong trào công nhân và phong trào nông dân đều gay gắt như nhau và không có sự phân biệt căn bản nào. Họ cho rằng chỉ có khởi nghĩa ở các thành thị trung tâm, gây cao trào cách mạng toàn quốc mới có thể giành được thắng lợi ở một tỉnh hoặc mấy tỉnh, vì thế họ đã bố trí kế hoạch khởi nghĩa trước tiên ở Vũ-Hán và các tỉnh lân cận. Họ đánh giá quá thấp tác dụng quyết định trong cách mạng dân chủ Trung-quốc của giai cấp công nhân lãnh đạo nông dân đấu tranh chống phong kiến, vì thế họ đã có nhận xét sai lầm, cho tư tưởng của đồng chí Mao-Trạch-Đông lâu nay dùng lực lượng chủ yếu để sáng lập căn cứ địa ở nông thôn, lấy nông thôn bao vây thành thị, lấy căn cứ địa đưa cách mạng toàn quốc tới cao trào là tư tưởng "hết sức sai lầm".

Thứ hai, họ không thừa nhận cách mạng cần phải chuẩn bị đầy đủ lực lượng tổ chức chủ quan, nhận xét sai lầm và cho rằng sự phát triển sơ bộ của lực lượng cách mạng và chiến tranh quân phiệt lúc bấy giờ đã tạo đủ điều kiện để khởi nghĩa vũ trang, cho nên khắp nơi trong nước đều có thể

khởi nghĩa ngay. Chỉ cần Đảng kêu gọi quần chúng thì quần chúng nhất định đứng lên ngay. Họ cho rằng lúc bấy giờ quần chúng chỉ nên khởi nghĩa chứ không nên bãi công kinh tế, chỉ nên làm những việc lớn chứ không nên làm những việc nhỏ. Do đó họ chủ trương sai lầm rằng: phải ráo riết đấu tranh chính trị và bãi công chính trị, làm cho mỗi một cuộc đấu tranh kinh tế đều phát triển thành đấu tranh chính trị, mở rộng tổ chức vũ trang của quần chúng công nhân, và gấp rút huấn luyện quân sự để khởi nghĩa khắp nước.

Thứ ba, họ không thừa nhận cách mạng thế giới không thăng bằng, nhận xét sai lầm rằng cách mạng Trung-quốc bùng nổ thì tất nhiên cách mạng thế giới cũng bùng nổ, và cách mạng Trung-quốc chỉ có thể thành công trong điều kiện cách mạng thế giới bùng nổ.

Thứ tư, họ xao nhãng tính chất trường kỳ của cách mạng dân chủ tư sản Trung-quốc, lẫn lộn giới hạn cách mạng dân chủ với cách mạng xã hội chủ nghĩa, cho rằng cách mạng bắt đầu thắng lợi ở một tỉnh hoặc mấy tỉnh tức là bắt đầu chuyển sang cách mạng chủ nghĩa xã hội. Vì thế họ đã quy định chính sách mạo hiểm "tả" khuynh đối với giai cấp trung gian, chủ trương coi công xưởng, xí nghiệp và ngân hàng của giai cấp tư sản Trung-quốc như "vũ khí phản cách mạng" để tịch thu tất.

Tháng 6 năm 1930, phần tử "tả" khuynh đã đặt kế hoạch mạo hiểm để tổ chức khởi nghĩa vũ trang ở các thành phố trung tâm trong nước và tập trung Hồng quân toàn quốc để tấn công các thành phố trung tâm ấy. Họ ra lệnh cho Hồng quân đánh chiếm Nam-xương, Cửu-giang, Trường-sa, Vũ-Hán, Quế-lâm, Liễu-châu, Quảng-châu. Và sau đó họ còn sát nhập cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, của Đoàn thanh niên và công đoàn thành ủy ban hành động các cấp, để chuẩn bị khởi nghĩa, làm cho công tác hàng ngày của các tổ chức đó phải bị ngừng trệ.

Song, thời gian thống trị của đường lối Lý-Lập-Tam trong Đảng rất ngắn (từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1930), những nơi nào thực hiện đường lối Lý-Lập-Tam thì lực lượng của Đảng và cách mạng đều bị tổn thất, rất nhiều Đảng viên đòi sửa chữa lại đường lối sai lầm đó. Nhất là đồng chí Mao-Trạch-Đông đã hết sức nhẫn nại sửa chữa sai lầm "tả" khuynh trong quân phương diện thứ nhất của Hồng quân, và do đó đã làm cho Hồng quân ở căn cứ địa cách mạng Giang-tây trong thời kỳ đó không những không bị thiệt hại mà còn lợi dụng được tình hình trong nước có lợi để phát triển, và phá tan lần vây đánh thứ nhất của Tưởng-Giới-Thạch từ cuối năm 1930 đến đầu năm 1931.

Tháng 9 năm 1930, Đảng triệu tập Hội nghị toàn thể lần thứ ba của Ban chấp hành Trung ương khóa thứ sáu. Lần Hội nghị này và về sau Trung ương đã sửa chữa đường lối đánh giá tình hình cách mạng Trung-quốc quá tả của Lý-Lập-Tam, ngừng lại kế hoạch tổng khởi nghĩa và tập trung Hồng quân toàn quốc tấn công vào thành thị trung tâm, khôi phục tổ chức độc lập và công tác hàng ngày của Đảng, của Đoàn thanh niên và công đoàn. Trên đây là đặc điểm sai lầm của đường lối Lý-Lập-Tam, cho nên Hội nghị toàn thể lần thứ ba của Ban chấp hành Trung ương đã có tác dụng tích cực trong việc ngừng chấp hành đường lối Lý-Lập-Tam. Chính đồng chí Lý-Lập-Tam cũng đã thừa nhận sai lầm được chỉ ra trong Hội nghị, và sau đó phải rời khỏi cơ quan lãnh đạo Trung ương. Nhưng vì Hội nghị và Trung ương chưa thanh toán và sửa chữa thực chất của đường lối Lý-Lập-Tam, cho nên trong Hội nghị và một thời gian sau, Đảng vẫn còn có sai lầm chủ nghĩa bè phái, tư tưởng và chính sách "tả" khuynh vẫn tồn tại.

Ở những nơi có Chính quyền đỏ và những nới Hồng quân đã tới, đông đảo quần chúng nông dân đều được phát động, và

dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh tịch thu ruộng đất của địa chủ để chia lại cho nông dân.

Chỉ có những ngọn lửa đấu tranh giai cấp ở nông thôn, giải quyết đúng đắn vấn đề ruộng đất, mới có thể phát động quần chúng nông dân đông đảo tham gia chiến tranh cách mạng, xây dựng căn cứ địa và làm cho cách mạng được phát triển thêm.

Muốn giải quyết đúng đắn vấn đề ruộng đất, trước hết phải có đường lối cách mạng ruộng đất đúng đắn. Đồng chí Mao-Trạch-Đông phân tích cụ thể tình hình Trung-quốc và đặt ra đường lối cách mạng ruộng đất: dựa hẳn vào bần cố nông, liên hợp trung nông, hạn chế phú nông, bảo hộ công thương nghiệp vừa và nhỏ, tiêu diệt giai cấp địa chủ. Đó là đường lối cách mạng ruộng đất đúng đắn duy nhất của Đảng cộng sản Trung-quốc trong thời kỳ cách mạng dân chủ tư sản.

Nói chung, cố nông không có ruộng đất và nông cụ, sống bằng cách bán sức lao động. Quần chúng cố nông là giai cấp vô sản trong nông thôn, là đội tiền phong trong cách mạng ruộng đất. Bần nông có rất ít ruộng đất và nông cụ không đủ, nói chung phải thuê ruộng làm, phải bán một phần lao động và bị người khác bóc lột. Bần nông là những người kiên quyết ủng hộ cách mạng ruộng đất, là rường cột của Đảng và giai cấp vô sản trong nông thôn. Vì thế, dựa hẳn vào bần cố nông là chính sách trung tâm của chúng ta trong cách mạng ruộng đất.

Trung nông, nói chung có ruộng đất, cũng có một số công cụ, sống bằng sức lao động của mình, nói chung không bóc lột người khác. Trung nông bị đế quốc, địa chủ và giai cấp tư sản bóc lột và áp bức, nói chung đều có đòi hỏi về ruộng đất. Cho nên trung nông không những có thể tham gia cách mạng dân chủ mà cũng có thể tiếp thu chủ nghĩa xã hội. Họ là quân đồng minh có thể tin cậy của giai cấp vô sản. Liên hợp trung nông

là chính sách quan trọng của cách mạng ruộng đất. Vì rằng liên hợp trung nông thì có thể đối phó với sự kháng cự của địa chủ hơn nữa. Đồng thời, trung nông cũng là quần chúng cơ bản đông đảo nhất trong nông thôn sau cách mạng ruộng đất. Tất cả chính sách của chúng ta cần phải được trung nông tán thành và ủng hộ, cần phải để ý lắng nghe những lời nói của quần chúng trung nông, cần phải cương quyết phản đối bất cứ một mục đích và hành động nào xâm phạm đến lợi ích của trung nông.

Phú nông có ruộng đất, có công cụ sản xuất đầy đủ, cũng tham gia lao động, nhưng chủ yếu là sống bằng bóc lột lao động làm thuê, cho vay nặng lãi và địa tô. Phú nông là kẻ bóc lột nửa phong kiến. Nhưng sản xuất của phú nông còn có tác dụng trong một thời kỳ nhất định. Phú nông có khả năng tham gia đấu tranh chống đế quốc, đối với cuộc đấu tranh chống phong kiến, cũng có thể giữ thái độ đứng giữa. Cho nên, cần phải áp dụng chính sách hạn chế đối với phú nông, chống khuynh hướng tiêu diệt kinh tế phú nông, cho phép kinh tế phú nông tồn tại, và mở đường ra cho phú nông về mặt kinh tế.

Địa chủ, chúng có ruộng, không lao động, sống bằng cách bóc lột nông dân. Địa chủ là kẻ bóc lột và kẻ áp bức phong kiến, là cơ sở xã hội chủ yếu của đế quốc để thống trị Trung-quốc. Chúng là giai cấp cản trở xã hội Trung-quốc tiến lên về mặt chính trị, kinh tế, cũng như văn hóa. Chúng ngoan cố phản đối cách mạng, cho nên đối với giai cấp địa chủ phải dùng chính sách tiêu diệt, song cũng cần mở đường ra về sinh hoạt cho chúng.

Chính sách bảo hộ công thương nghiệp vừa và nhỏ là chính sách cơ bản trong thời kỳ cách mạng dân chủ, điều đó rất cần thiết để chống đế quốc, chống phong kiến và làm cho nền kinh tế trong căn cứ địa cách mạng được phồn thịnh.

Đường lối cách mạng ruộng đất này hoàn toàn đúng. Sự thực đã chứng minh, nơi nào chấp hành đúng đắn đường lối này thì phát động được đông đảo quần chúng, đã đánh đổ thế lực phong kiến, và đấu tranh ruộng đất thắng lợi.

Chính sách ruộng đất của Đảng trong thời kỳ từ năm 1928 đến 1931, tức là thời kỳ Tỉnh-cương-sơn và khu Trung ương được thành lập, là tổng kết theo thực tiễn cách mạng và sáng tạo của quần chúng dưới sự lãnh đạo của đồng chí Mao-Trạch-Đông.

Thứ nhất, cách chia ruộng trong đấu tranh ruộng đất ở khu vực đỏ. Trước hết là chính quyền dân chủ cơ sở điều tra ruộng đất, xem có bao nhiêu ruộng và bao nhiêu người và mỗi người có thể chia được bao nhiêu, rồi sau đó triệu tập dân làng để thảo luận và thông qua.

Cách chia ruộng đúng là lấy xã làm đơn vị, chia đều theo nhân khẩu trên cơ sở vẫn cấy ruộng cũ, rút nhiều bù ít, rút tốt bù xấu. Đó là một nguyên tắc cơ bản của chính sách ruộng đất trong khu vực đỏ.

Thứ hai, về vấn đề tịch thu ruộng đất và quyền sở hữu ruộng đất. Chính phủ dân chủ công nông đã ban bố hai đạo luật ruộng đất, tức là luật ruộng đất Tỉnh-cương-sơn tháng 12 năm 1928 và luật ruộng đất huyện Hưng-quốc tháng 4 năm 1929. Luật ruộng đất Tỉnh-cương-sơn quy định tịch thu tất cả ruộng đất chứ không phải chỉ tịch thu ruộng đất của địa chủ và ruộng công. Sau khi Hồng quân từ Tỉnh-cương-sơn đến huyện Hưng-quốc miền nam Giang-tây thì nội dung luật ruộng đất đã có sự sửa đổi quan trọng về mặt này, tức là sửa đổi tịch thu tất cả ruộng đất thành "tịch thu ruộng đất của địa chủ và ruộng công".

Còn vấn đề quyền sở hữu ruộng đất thì hai đạo luật ruộng đất đó đều quy định quyền sở hữu ruộng đất thuộc Chính phủ

chứ không thuộc nông dân, tức là trực tiếp biến ruộng của địa chủ thành ruộng của Nhà nước chứ không phải của nông dân. Có điều liên hệ trực tiếp với vấn đề này là cấm mua bán ruộng đất, nông dân chỉ có quyền sử dụng chứ không có quyền sở hữu. Nhưng đến năm 1930 thì quy định đó cũng được sửa đổi lại là: quyền sở hữu ruộng đất thuộc nông dân, nông dân có quyền bán ruộng đất của mình.

Thứ ba, trong thời kỳ cách mạng ruộng đất cần phải tranh thủ những người công thương nghiệp vừa và nhỏ. Thông cáo của Bộ tổng tư lệnh Hồng quân lúc tháng 1 năm 1929 có quy định "những người buôn bán trong thành thị, dành dụm từng đồng, nếu phục tùng, thì không truy cứu", và quy định "xóa bỏ tất cả các thứ sưu cao thuế nặng" . Chính sách của Đảng đối với công thương nghiệp vừa và nhỏ là chính sách bảo hộ.

Trong đấu tranh ruộng đất, bần nông và cố nông đều được lợi ích về mặt kinh tế cũng như chính trị.

Trước hết là bần cố nông người nhiều nhất đều được chia ruộng đất, cũng được chia núi, đó là lợi ích kinh tế căn bản. Họ được xóa bỏ hết những món nợ trước cách mạng. Nhưng quan trọng hơn hết là lợi ích về chính trị, vì là bần cố nông đã giành được chính quyền.

Trung nông không đủ ruộng cày, trung nông cũng cần chia đều ruộng đất; chia đều thì ruộng của họ được tăng chứ không giảm bớt, phần đông trung nông đã được chia trong khi chia ruộng. Đồng thời trung nông cũng có lợi ích chính trị, trung nông cũng tham gia chính quyền với bần nông và cố nông, trong chính quyền cấp xã và khu, cán bộ trung nông có chừng 40%.

Cốt cán của chính quyền xã—cơ sở của chính quyền dân chủ công nông thành lập sau cách mạng—đều là bần nông và cố nông, Chính phủ là chính phủ của nhân dân lao động do bần nông và cố nông cách mạng nhất làm nòng cột.

Căn cứ cách mạng thường bị địch bao vây, cho nên mỗi một xã đều thực hành tổ chức quân sự. Nam nữ trong xã từ 8 đến 50 tuổi đều tham gia đội xích vệ, đội thiếu niên tiền phong, đoàn thiếu nhi, có nhiệm vụ canh gác và bảo vệ quê nhà. Những thành viên của các tổ chức đó đều được giáo dục quân sự và giáo dục chính trị cần thiết.

Những tổ chức quân sự của dân chúng đó cũng là nguồn cơ bản của Hồng quân. Có những tổ chức này, Hồng quân mới có cơ sở bổ sung và mở rộng.

VI— Nguyên tắc cơ bản để xây dựng Hồng quân và nguyên tắc cơ bản về chiến lược chiến thuật của Hồng quân. Khu vực đỏ đã đập tan ba lần chiến tranh vây quét của bọn phản động Tưởng-Giới-Thạch. Cách mạng Trung-quốc tiến lên cao trào.

Căn cứ địa cách mạng phải qua đấu tranh vũ trang mới thành lập được. Vì thế muốn củng cố và mở rộng căn cứ địa, phát triển cách mạng ruộng đất thì cần phải có sự thắng lợi của đấu tranh vũ trang mới làm được. Muốn đấu tranh vũ trang được thắng lợi, trước hết phải thành lập một đội quân cách mạng của nhân dân, khác hẳn với các thứ quân đội cũ, và đội quân đó phải tác chiến dưới sự chỉ đạo đúng đắn về chiến lược và chiến thuật. Thời kỳ ấy, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã quy định một cách có hệ thống và toàn vẹn nguyên tắc cơ bản để xây dựng Hồng quân và nguyên tắc cơ bản về chiến lược chiến thuật của Hồng quân. Những nguyên tắc cơ bản đó và những

nguyên tắc quân sự khác đã tạo thành đường lối quân sự của Đảng cộng sản Trung-quốc do đồng chí Mao-Trạch-Đông đại biểu.

Thứ nhất, nguyên tắc cơ bản xây dựng Hồng quân là gì?

Tư tưởng căn bản để xây dựng quân đội là Hồng quân phải phục tùng sự lãnh đạo của tư tưởng giai cấp vô sản và phục vụ đấu tranh nhân dân và xây dựng căn cứ địa.

Xuất phát từ tư tưởng căn bản đó, cần phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với Hồng quân về mặt tổ chức, chính trị và tư tưởng. Cần thành lập tổ chức các cấp Đảng trong Hồng quân, thi hành chế độ ủy viên chính trị, đặt Hồng quân dưới sự lãnh đạo cứng mạnh của Đảng, làm cho Hồng quân có thể kiên quyết chấp hành cương lĩnh và chính sách của Đảng. Đồng thời cần thành lập và tăng cường chế độ công tác chính trị trong Hồng quân, giáo dục Hồng quân bằng cương lĩnh và chính sách của Đảng, khắc phục tư tưởng phi vô sản trong nội bộ Hồng quân, nâng cao giác ngộ tư tưởng chủ nghĩa Mác—Lê-nin và sức chiến đấu của Hồng quân.

Xuất phát từ tư tưởng căn bản này, chiến tranh cách mạng cần phải dựa vào nông dân, xây dựng một đội quân chủ yếu là nông dân, xây dựng căn cứ địa cách mạng ở nông thôn, mở rộng chiến tranh du kích có tính chất quần chúng. Cho nên, nhiệm vụ của Hồng quân không những chỉ đánh trận, mà còn phải tuyên truyền quần chúng, tổ chức và vũ trang quần chúng, giúp đỡ quần chúng xây dựng chính quyền và xây dựng Đảng. Ngoài ra Hồng quân còn có nhiệm vụ trù bị tiền. Đánh trận, làm công tác quần chúng, trù bị tiền là ba nhiệm vụ như một của Hồng quân.

Hồng quân còn cần phải xây dựng quan hệ đúng đắn giữa quân đội và chính quyền, giữa quân với dân, giữa quan với lính, cần phải có chính sách đúng đắn để làm tan rã quân địch và tranh thủ tù binh.

Tư tưởng căn bản xây dựng quân đội của đồng chí Mao-Trạch-Đông và cả hệ thống nguyên tắc xây dựng quân đội xuất phát từ tư tưởng đó đã làm cho Hồng quân trở thành một lực lượng vô địch, một quân đội cách mạng khác hẳn với bất cứ quân đội nào.

Thứ hai, nguyên tắc cơ bản về chiến lược chiến thuật của Hồng quân là gì?

Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã nói rõ đặc điểm của chiến tranh cách mạng Trung-quốc, những đặc điểm đó là:

(1) Trung-quốc là một nước nửa thuộc địa lớn, chính trị và kinh tế phát triển không đều, và đã trải qua một lần cách mạng lớn.

(2) Kẻ địch của cách mạng rất lớn mạnh.

(3) Hồng quân còn non yếu.

(4) Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc và cách mạng ruộng đất.

Những đặc điểm đó đã nói rõ Hồng quân có thể phát triển và thắng được quân địch, đồng thời cũng nói rõ Hồng quân không thể phát triển và thắng địch được nhanh, và nếu không khéo lại còn bị thất bại là khác. Cho nên quy định Hồng quân phải thực hành chiến tranh nhân dân dựa vào quần chúng, quy định chiến tranh nhân dân phải lấy du kích chiến và vận động chiến có tính chất du kích làm hình thức chiến tranh chính, đặt ra nguyên tắc cơ bản về chiến lược chiến thuật, Hồng quân phải đánh lâu dài về chiến lược và đánh mau về chiến thuật, về mặt chiến lược thì lấy ít thắng nhiều, về mặt chiến thuật thì lấy nhiều thắng ít.

Dưới điều kiện địch mạnh ta yếu, địch lớn ta nhỏ, địch xa rời quần chúng, ta gắn bó quần chúng, chỉ có lợi dụng đầy đủ nhược điểm của địch và ưu điểm của ta thì mới có thể sống còn, thắng lợi và phát triển. Vì thế Hồng quân phải thực hành

chiến tranh nhân dân, binh đoàn chủ lực kết hợp với binh đoàn địa phương, quân chính quy kết hợp với du kích và dân quân, quần chúng vũ trang kết hợp với quần chúng không vũ trang, như thế mới có thể chiến thắng được kẻ địch lớn mạnh hơn mình.

Chiến tranh của Hồng quân phải lấy du kích chiến và vận động chiến có tính chất du kích làm hình thức chiến tranh chính. Một trong những cống hiến vĩ đại về quân sự của đồng chí Mao-Trạch-Đông là đưa chiến tranh du kích đến địa vị chiến lược để suy luận. "Chiến tranh du kích là gì? Chiến tranh du kích là hình thức đấu tranh ở nước lạc hậu, ở nước lớn nửa thuộc địa, mà bộ đội vũ trang của nhân dân cần phải dựa vào trong một thời kỳ lâu dài để chiến thắng quân thù có vũ trang và sáng tạo trận địa của mình, do đó cũng là hình thức đấu tranh tốt nhất." (Mao-Trạch-Đông: Lời ra mắt của nội san "Người cộng sản") Phải ra sức phát triển mạnh chiến tranh du kích, và dưới điều kiện nhất định, sau khi lực lượng lớn mạnh thì chuyển chiến tranh du kích sang chiến tranh chính quy. Trong thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ hai, chiến tranh du kích đã phát triển dần sang chiến tranh chính quy, song chiến tranh Hồng quân lúc bấy giờ còn là vận động chiến có tính chất du kích.

Về hình thế địch với ta thì ta đứng thế kém, không thể thắng lợi nhanh chóng được. Vì thế mà về chiến lược chúng ta phải giữ phương châm đánh lâu dài, để biến đổi dần tình hình bất lợi cho ta. Về nguyên tắc chiến đấu trong chiến dịch thì lại trái hẳn, không phải là đánh lâu dài mà là phải đánh mau. Vì Hồng quân không có nguồn cung cấp vũ khí, nhất là đạn dược, địch có nhiều cánh quân, nên mỗi khi ta đánh một đội quân của địch, nếu không giải quyết chiến trường được nhanh, thì cánh quân khác của địch sẽ đến tiếp viện, mỗi khi ta

phá được một trận vây quét thì cần phải chuẩn bị tiếp tục tác chiến nữa v.v... Như thế, phải thực hành đánh nhanh từng chiến dịch, nếu kéo dài rất không lợi cho ta.

Về mặt chiến lược thì phải áp dụng phương châm lấy ít thắng nhiều, còn về mặt chiến thuật trong mỗi chiến dịch thì cần phải áp dụng phương châm lấy nhiều thắng ít. Tập trung nhiều binh lực, làm cho mỗi trận đánh của quân ta đều chiếm ưu thế tuyệt đối, thì mới có thể thu được thắng lợi và đạt mục đích bảo tồn lực lượng ta và tiêu diệt lực lượng địch, cho đến thắng lợi cuối cùng.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông phát hiện đặc điểm của chiến tranh cách mạng Trung-quốc, và từ đặc điểm đó đã đánh giá đầy đủ vai trò chỉ đạo trong chiến tranh, quy định chiến lược chiến thuật cho chiến tranh cách mạng.

Tư tưởng chiến lược chiến thuật này đã hình thành sau khi đã trải qua một quá trình phát triển. Trong thời kỳ Tỉnh-cương-sơn đồng chí Mao-Trạch-Đông đã đưa ra những nguyên tắc nổi tiếng về chiến lược và chiến thuật của chiến tranh du kích là "phân tán binh lực để phát động quần chúng, tập trung để đối phó với địch", "Địch tiến ta lui, địch đóng ta quấy, địch mỏi ta đánh, địch lui ta đuổi". Điểm nói trên là nguyên tắc tác chiến trong chiến tranh du kích, biến nguyên thành lẻ và biến lẻ thành nguyên, vừa có thể dàn ra vừa có thể co lại, mà các đội du kích nhỏ, ở vùng căn cứ nhỏ cần phải áp dụng. Điểm sau bao gồm hai giai đoạn chiến lược phòng ngự và tấn công, trong phòng ngự lại có cả hai giai đoạn chiến lược rút lui và chiến lược tấn công. Đó là nguyên tắc cơ bản của chiến tranh du kích mộc mạc của Hồng quân thích hợp với hoàn cảnh chiến tranh lúc bấy giờ. Đến lúc Hồng quân từ đội du kích nhỏ đã phát triển thành binh đoàn du kích lớn, căn cứ địa được mở rộng và củng cố, đến lúc khu Trung ương Giang-tây tiến hành chiến tranh chống vây quét

thì lại đề ra những nguyên tắc cơ bản: lừa địch vào sâu, tập trung binh lực, vận động chiến, tốc quyết chiến và tiêu diệt chiến.

Thứ nhất, lừa địch vào sâu tức là rút lui chiến lược, là bước chiến đấu có kế hoạch để chuẩn bị phản công, bảo tồn lực lượng, tìm cơ hội đánh địch, mà quân đội yếu phải dùng để đối phó với quân đội chiếm ưu thế. Muốn phản công, cần phải tạo ra một số điều kiện có lợi cho ta mà không lợi cho địch:

(1) Chọn nơi nào điều kiện quần chúng tốt nhất hoặc tương đối tốt;

(2) Chọn trận địa có lợi để tác chiến;

(3) Phát hiện những khâu yếu của địch.

Chuẩn bị những điều kiện đó rồi mới chuyển vào phản công.

Thứ hai, sở dĩ cần phải tập trung binh lực là để thay đổi tình hình tiến hay lùi, công hay thủ giữa địch và ta, làm cho quân địch chiếm ưu thế về chiến lược phải ở vào thế kém về chiến dịch, khiến cho địch chiếm địa vị chủ động về chiến lược phải đứng vào địa vị bị động về chiến dịch. Dĩ nhiên, không phải là tập trung tất cả binh lực, vì mục đích tập trung binh lực là để bảo đảm cho quân ta nắm ưu thế tuyệt đối hoặc tương đối trong khi tác chiến, còn mặt kiềm chế và tác chiến thứ yếu cũng cần một số binh lực nhất định.

Thứ ba, đặc điểm của chiến tranh Hồng quân là vận động chiến chứ không phải trận địa chiến, là vì phạm vi khu vực đỏ rất nhỏ, về số lượng và kỹ thuật đều kém địch rất xa, mỗi một căn cứ chỉ có một đạo Hồng quân. Cho nên trận địa chiến cơ bản không có tác dụng gì đối với Hồng quân. Song cũng không phủ nhận trận địa chiến, vì trận địa chiến cũng cần và có thể dùng trong trường hợp phòng ngự chiến lược để giữ vững hoặc kìm chế một số cứ điểm nào đó, và trong trường hợp tấn công chiến lược để đánh vào quân địch đang bị cô lập và không có viện trợ.

Thứ tư, về vấn đề tác chiến trong chiến dịch, chúng ta cần phải chấp hành tốc quyết chiến phải giải quyết một trận đánh trong vài tiếng đồng hồ hay một vài hôm. Trong khi vây thành đánh quân tiếp viện, nếu đánh quân địch bị vây thì phải chuẩn bị khá lâu dài, nhưng phương châm vây thành đánh quân tiếp viện không phải là đánh quân địch bị vây mà là đánh quân địch đến tiếp viện. Đối với quân tiếp viện vẫn là tốc quyết chiến.

Thứ năm, tất cả trang bị của Hồng quân hầu hết đều lấy của địch, phương châm tác chiến là đánh tiêu diệt, tiêu diệt sinh lực địch để bổ sung cho mình.

Những điều đó đều là phát triển nguyên tắc quân sự của Hồng quân, nội dung rất dồi dào, hình thức cũng thay đổi nhiều, song cơ bản vẫn là nguyên tắc đó.

Trong bốn cuộc chiến tranh chống vây quét được thắng lợi của Hồng quân, các nguyên tắc chỉ đạo về chiến lược và chiến thuật trên đây của đồng chí Mao-Trạch-Đông đã được hoàn toàn chứng thực là nguyên tắc chỉ đạo duy nhất thích hợp với chiến tranh của Hồng quân lúc bấy giờ.

Mùa đông năm 1930, Hồng quân đã thành lập nhiều căn cứ cách mạng lớn và nhỏ. Tưởng-Giới-Thạch phải khiếp sợ trước sự phát triển của quân đội và chính quyền nhân dân, vì thế, sau khi chiến tranh giữa Tưởng với Diêm-Tích-Sơn và Phùng-Ngọc-Tường đã kết thúc, hắn liền huy động 10 vạn quân để tấn công vào căn cứ địa Trung ương của ta. Đó là lần vây quét thứ nhất.

Mười vạn quân địch do Lỗ-Địch-Bình làm tổng tư lệnh, từ Cát-an, Kiến-ninh tiến dần về phía nam. Lúc đó Hồng quân có độ 4 vạn người tập trung ở vùng Hoàng-pha, Tiểu-bố thuộc huyện Ninh-đô Giang-tây.

Vì địch không phải là bộ đội chính tông của Tưởng-Giới-Thạch, nên tình thế chung cũng không đến nỗi nghiêm trọng.

Chủ lực vây quét là các đơn vị của Trương-Huy-Toản và Đàm-Đạo-Nguyên. Trương-Huy-Toản là tổng chỉ huy mặt trận, sư đoàn của hắn ở Long-cương, sư đoàn Đàm-Đạo-Nguyên ở Nguyên-đầu, gần nơi tập trung của Hồng quân. Hồng quân tập trung nhiều nhất là ở Long-cương, vì nơi đó có điều kiện quần chúng tốt và địa thế cũng tốt.

Chiến dịch bắt đầu từ ngày 27 tháng 12 năm 1930. Hồng quân tập trung toàn lực tấn công bất ngờ, tiêu diệt toàn bộ sư đoàn Trương-Huy-Toản, tiếp đó đuổi theo sư đoàn Đàm-Đạo-Nguyên. Tới ngày 1 tháng 1 năm 1931 thì chiến dịch kết thúc, quân ta tiêu diệt tất cả một sư đoàn rưỡi địch và bắt sống Trương-Huy-Toản.

Thế là lần vây quét thứ nhất bị đánh tan.

Tháng 4 năm 1931, Tưởng-Giới-Thạch huy động 20 vạn quân do Hà-Ứng-Khâm làm tổng tư lệnh, chúng dùng biện pháp lấn chiếm từng bước, và dàn một mặt trận dài 800 dặm từ Cát-an Giang-tây tới Kiến-ninh Phúc-kiến, để đánh thẳng vào khu Trung ương.

Lần này toàn bộ quân địch cũng không phải là quân chính tông của Tưởng-Giới-Thạch. Hồng quân có 3 vạn người. Hồng quân quyết định trước hết phải đánh vào chỗ yếu của quân vây quét, tức là bộ đội của Vương-Kim-Ngọc. Quân ta đợi bộ đội này rời khỏi vùng Phú-điền để chặn đường tiêu diệt chúng.

Chiến dịch bắt đầu từ ngày 16 tháng 5 năm 1931. Bộ đội Vương-Kim-Ngọc trên đường từ Phú-điền tới Đông-cố đã bị Hồng quân tấn công mãnh liệt. Sau khi thắng lợi Hồng quân lại đánh thẳng tới khu Kiến-ninh, Thái-ninh ở ranh giới Giang-Tây, Phúc-kiến. Tới ngày 30 tháng 5 cuộc chiến đấu chấm dứt, sau 15 hôm chiến đấu, Hồng quân đã đi 700 dặm, đánh 5 trận, quét ngang mặt trận dài 800 dặm của địch và tiêu diệt hơn ba vạn tên.

Thế là trận vây quét thứ hai bị đánh tan.

Tháng 7 năm 1931 Tưởng-Giới-Thạch thân hành làm tổng tư lệnh, huy động 30 vạn quân mở cuộc vây quét lần thứ ba.

Tưởng-Giới-Thạch chia ba đường đánh vào khu Trung ương, đường giữa là Hà-Ứng-Khâm, đường bên phải là Trần-Minh-Xu, đường bên trái là Chu-Thiệu-Lương. Quân chủ lực là bộ đội chính tông của Tưởng-Giới-Thạch có tới 10 vạn, rồi đến bộ đội của Trần-Minh-Xu. Còn các bộ đội khác, không phải quân chính tông của Tưởng-Giới-Thạch và sức chiến đấu tương đối kém.

Địch dùng phương châm đánh thọc sâu, định dồn Hồng quân đến Cống-giang để tiêu diệt. Sau những trận chiến đấu gian khổ, Hồng quân không được nghỉ ngơi để chỉnh huấn và bổ sung, lại phải đi vòng từ Kiến-ninh để về tập trung ở Hưng-quốc. Hồng quân dùng phương châm tránh chủ lực và đánh chỗ yếu của địch.

Hồng quân lợi dụng điều kiện có lợi ở căn cứ địa, để làm cho địch phải mỏi mệt. Đầu tháng 8 Hồng quân vượt qua chỗ hở của chủ lực địch để tiến về Liên-đường, đánh ba trận thắng cả ba, địch chết hơn 3 vạn tên.

Lúc đó chủ lực địch ở phía tây và phía nam đều quay về phía đông để bao vây Hồng quân. Hồng quân lại vượt qua những chỗ hở của chúng để tiến về Hưng-quốc tập trung và nghỉ ngơi. Quân địch đã mệt mỏi, không còn sức đánh nữa nên phải rút lui. Hồng quân lại thừa lúc địch lùi để truy kích mãnh liệt.

Như thế đến tháng 9 lần vây quét thứ ba cũng bị đánh tan.

Qua ba lần thắng lợi của chiến tranh chống vây quét, Hồng quân đã đánh tan nhiều cuộc tấn công của Tưởng-Giới-

Thạch với mấy chục vạn quân hiện đại hóa, Chính quyền đỏ đã đứng vững, được mở rộng và củng cố thêm.

Quan niệm chung về xây dựng Chính quyền đỏ của đồng chí Mao-Trạch-Đông là giai cấp vô sản lãnh đạo, thành lập căn cứ địa ở nông thôn, đấu tranh trường kỳ, tích trữ lực lượng, lấy nông thôn bao vây thành thị để giành thắng lợi cách mạng trong phạm vi toàn quốc.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã sửa chữa một luận điệu sai lầm cho rằng thời cơ cách mạng toàn quốc đã đến, nên chủ trương tranh thủ quần chúng trước rồi thành lập chính quyền sau, tức là tổ chức quần chúng khởi nghĩa vũ trang toàn quốc rồi thành lập chính quyền toàn quốc. Sai lầm này chủ yếu là không nhìn thấy Trung-quốc lúc bấy giờ là một nước nửa thuộc địa đang bị nhiều đế quốc tranh đoạt.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông nhận định rằng Chính quyền đỏ là hình thức cao nhất của cuộc đấu tranh nông dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản ở trong một nước nửa thuộc địa, là một nhân tố chính để thúc đẩy cao trào cách mạng toàn quốc tới nơi. Trong bài "Lửa đom đóm có thể đốt cháy cánh đồng" đã nói rõ vấn đề này.

"Cần phải như thế mới có thể dựng lên lòng ngưỡng mộ của quần chúng cách mạng toàn quốc như là toàn thế giới đã ngưỡng mộ Liên-xô. Cần phải như thế mới có thể gây cho giai cấp thống trị phản động những khó khăn lớn lao, mới có thể lay chuyển được cơ sở của chúng để đi tới chỗ làm cho nội bộ của chúng phải tan rã. Cũng cần phải như thế mới có thể thật sự lập được Hồng quân, làm cho nó thành ra công cụ chủ yếu của cuộc cách mạng lớn lao sau này. Nói tóm lại, cần phải như thế mới có thể đẩy cao trào cách mạng tới." (Mao-Trạnh-Đông: Lửa đom đóm có thể đốt cháy cánh đồng)

Từ tháng 10 năm 1927 đến năm 1931, Chính quyền đỏ vẫn trơ trơ tồn tại và ngày càng mở rộng và củng cố, thành một động lực lớn của cao trào cách mạng, nó đã từ "ngọn lửa đom đóm" phát triển thành "ngọn lửa đốt cháy cánh đồng".

Sự thắng lợi của ba lần chiến tranh chống vây quét, đã đưa cách mạng Trung-quốc tiến tới cao trào.

CHƯƠNG VI

PHONG TRÀO DÂN CHỦ CHỐNG NHẬT LÊN CAO, ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG-QUỐC SỬA CHỮA ĐƯỜNG LỐI "TẢ" KHUYNH TRONG ĐẢNG, TRIỆT ĐỂ THEO CON ĐƯỜNG BÔN-SÊ-VÍCH.

(9-1931—12-1935)

I — Tình hình thế giới từ năm 1929 đến 1932, đe dọa chiến tranh mới.

Cuối năm 1929, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới có tính chất tàn phá hơn trước đã bùng nổ ở các nước tư bản. Khủng hoảng đó ngày càng sâu sắc và kéo dài tới ba năm, khủng hoảng công nghiệp với nông nghiệp, khủng hoảng sản xuất với khủng hoảng thương nghiệp và tài chính đều xen lẫn nhau, làm cho tình hình kinh tế các nước tư bản hết sức khốn đốn.

Trong cuộc khủng hoảng này, đến cuối năm 1932 công nghiệp của Mỹ sụt xuống chỉ bằng 53,8% của năm 1929, của Anh chỉ bằng 83,8%, Đức 59,8%, Pháp 69,1%.

Cuộc khủng hoảng này khác với các cuộc khủng hoảng trước ở chỗ nó lâu và sâu sắc nhất. Khủng hoảng trước kia chỉ

trong có một hai năm, còn khủng hoảng này mãi đến năm 1932 mới chuyển sang cục diện mới. Nó đã làm cho của cải của chủ nghĩa tư bản tích lũy lâu năm (xương máu nhân dân) đã biến thành tro bụi, nó là một cuộc khủng hoảng nặng nhất trong các cuộc khủng hoảng.

Sở dĩ cuộc khủng hoảng này kéo dài chưa từng có là vì nó đã nổ ra trên cơ sở tổng khủng hoảng tư bản chủ nghĩa. Đặc điểm thứ nhất có ý nghĩa quyết định của tổng khủng hoảng tư bản chủ nghĩa là sự thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, đã làm cho kinh tế tư bản chủ nghĩa không còn là hệ thống kinh tế thế giới bao gồm tất cả và có một không hai, vì đi song song với hệ thống kinh tế tư bản, còn có hệ thống kinh tế mới, xã hội chủ nghĩa, ngày một lớn mạnh. Đặc điểm thứ hai của cuộc tổng khủng hoảng tư bản chủ nghĩa là khủng hoảng của chế độ thực dân đế quốc. Trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, phong trào giải phóng dân tộc lớn mạnh đã nổ ra. Quyền lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở nhiều nước thuộc địa đã bắt đầu chuyển sang tay giai cấp công nhân và chính đảng của nó. Đồng thời ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, chủ nghĩa tư bản trong nước cũng ra đời và phát triển đến mức cạnh tranh thị trường với các nước tư bản chủ nghĩa, làm cho vấn đề thị trường thuộc địa càng gay gắt thêm. Đặc điểm thứ ba của tổng khủng hoảng tư bản chủ nghĩa là thiết bị sản xuất công nghiệp, vận tải và nông nghiệp của các nước tư bản chủ nghĩa thường ngày không được sử dụng đầy đủ và số người thất nghiệp cũng đông. Trước tổng khủng hoảng tư bản chủ nghĩa, trong những năm công nghiệp hưng thịnh có tính chất chu kỳ, việc sản xuất của các nước tư bản có thể hoạt động đầy đủ và giảm bớt hiện tượng thất nghiệp; song trong thời kỳ tổng khủng hoảng, dù là những năm kinh tế

hoạt động mạnh cũng không thể lợi dụng toàn bộ năng lực sản xuất của xí nghiệp, số người thất nghiệp ngày càng đông.

Ngoài ra, sau khi nạn khủng hoảng kinh tế bùng nổ, còn có nhiều nguyên nhân khác làm cho nó phải kéo dài và sâu sắc thêm: thứ nhất, lần khủng hoảng này đã lan tràn khắp các nước tư bản, và đặc biệt đánh mạnh vào nước Mỹ là nước đã chiếm một nửa số lượng sản xuất và tiêu phí trên thế giới, kết quả là làm cho các nước khó dùng những thủ đoạn lợi cho mình hại cho người khác để chèn ép lẫn nhau. Thứ hai, lần khủng hoảng này cũng xen lẫn với khủng hoảng nông nghiệp của các nước nông nghiệp, vì thế khủng hoảng càng sâu sắc và phức tạp. Thứ ba, tổ chức lũng đoạn công nghiệp cố giữ giá hàng lũng đoạn, làm cho những người sản xuất ở ngoài tổ chức đó phải bị phá sản rất nhiều, đông đảo nhân dân tiêu thụ hết sức đau khổ, vì thế đã ảnh hưởng đến việc bán số hàng ứ đọng.

Những nguyên nhân nói trên đã quyết định quy luật chu kỳ của công nghiệp tư bản chủ nghĩa phải biến đổi quan trọng.

Quan hệ sản xuất của xã hội tư bản, so với bất cứ thời kỳ nào trước càng không thể thích hợp với tính chất xã hội của sức sản xuất.

Trong thời kỳ này, Liên-xô xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp và nông nghiệp Liên-xô đang tiếp tục lên cao.

Công nghiệp của Liên-xô tiếp tục tiến lên theo con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tiến lên trên con đường củng cố và phát triển công nghiệp nặng của nước mình. Đến năm 1931, tức là năm Nhật-bản bắt đầu xâm lược Trung-hoa, công nghiệp của Liên-xô so với năm 1913 trước chiến tranh đã tăng đến 314,7%. Năm 1931, công nghiệp Liên-xô đã chiếm 66,7% tổng sản lượng kinh tế quốc dân (năm 1913 chiếm 42,1%), công nghiệp đã chiếm địa vị quan trọng trong kinh tế quốc dân. Công nghiệp nặng đã chiếm địa vị chủ yếu trong

toàn bộ công nghiệp (55,4%). Dấu hiệu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là thành phần xã hội chủ nghĩa đã thắng thành phần tư bản chủ nghĩa và thành phần tiểu thương phẩm, về mặt này Liên-xô cũng hoàn toàn thắng lợi. Năm 1930, thành phần xã hội chủ nghĩa chiếm 99,7% trong tổng sản lượng đại công nghiệp, còn thành phần tư bản chủ nghĩa đã bị tiêu diệt.

Nông nghiệp Liên-xô cũng có biến đổi rõ rệt, tức là tập thể hóa nông nghiệp đã giành được thắng lợi vĩ đại. Đảng cộng sản Liên-xô nhận thấy chỉ có một con đường để hướng dẫn kinh tế nông thôn phát triển lên là tổ chức đại nông nghiệp xã hội chủ nghĩa, xây dựng nông trường quốc doanh và liên hợp nông dân để xây dựng nông trang tập thể, sử dụng kỹ thuật mới trong nông nghiệp.

Sau Đại hội đại biểu lần thứ 15 của Đảng cộng sản Liên-xô, nhất là sau vấn đề lương thực nghiêm trọng ở đầu năm 1928, thì trong công tác thực tế Đảng đã đi theo con đường đó.

Đảng cộng sản Liên-xô đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ vĩ đại đó. Năm 1930, số nông hộ tập thể hóa đã chiếm 23,6% tổng số nông hộ trong nước, đến năm 1931 thì chiếm 52,7%, còn năm 1929 chỉ có 3,9%. Năm 1930 đến năm 1931 là thời kỳ nông thôn Liên-xô chuyển biến lớn, là thời kỳ tập thể hóa nông nghiệp thắng lợi.

Thời kỳ này là thời kỳ chuyển biến trong sinh hoạt kinh tế của các nước trên thế giới, dù là Liên-xô hay các nước tư bản cũng thế. Song sự chuyển biến này có khác nhau về căn bản giữa Liên-xô và các nước tư bản, ở Liên-xô thì kinh tế ngày càng hưng thịnh, ở các nước tư bản thì chuyển sang khủng hoảng nghiêm trọng.

Khủng hoảng kinh tế thế giới làm cho mâu thuẫn giữa các đế quốc, giữa nước thắng trận với nước bại trận, giữa đế

quốc với các nước thuộc địa, nửa thuộc địa, giữa công nhân với nhà tư bản, giữa nông dân với địa chủ càng sâu sắc thêm.

Đồng chí Sta-lin đã chỉ rõ, giai cấp tư sản sẽ tìm cách để thoát khỏi nạn khủng hoảng kinh tế ở hai mặt: một mặt là thành lập chuyên chính phát xít phản động nhất để đàn áp giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong nước, mặt khác, là gây chiến tranh chia lại thuộc địa và phạm vi thế lực để xâm lược các nước yếu.

Thị trường trong nước của Nhật-bản nhỏ bé, bị nạn khủng hoảng kinh tế đánh mạnh. Giai cấp thống trị Nhật xem chiến tranh đối ngoại như lối ra duy nhất để trốn thoát nạn khủng hoảng kinh tế. Trước nhất quân quốc Nhật phát động chiến tranh xâm lược Trung-quốc, xé bỏ công ước 9 nước, muốn đuổi thế lực của các cường quốc Âu Mỹ ra khỏi Trung-quốc, biến Trung-quốc thành thuộc địa riêng của mình.

Đồng chí Sta-lin lại chỉ rõ giai cấp vô sản phải tìm đường ra trong cách mạng, "tức là nói giai cấp vô sản trong khi chống tư bản bóc lột, ngăn ngừa nạn chiến tranh, phải tìm đường ra trong cách mạng."

Trong khi lãnh đạo nhân dân toàn quốc tiến hành cuộc chiến tranh chống đế quốc Nhật xâm lược, giai cấp vô sản Trung-quốc và chính đảng của nó đã lấy chiến tranh cách mạng dân tộc làm lối ra của mình.

II— Đế quốc Nhật xâm chiếm Đông-bắc. Phong trào dân chủ dân tộc toàn quốc lên cao.

Trong lúc các nước ở châu Âu và Mỹ đang bận vì việc nội bộ do nạn khủng hoảng kinh tế gây ra, trong lúc Chính phủ

Tưởng-Giới-Thạch đã hoàn toàn đầu hàng đế quốc và dựa vào sự giúp đỡ của Anh, Mỹ đề tiến hành cuộc nội chiến phản cách mạng, thì đế quốc Nhật thừa cơ đánh chiếm Trung-quốc là nước đang thiếu quân lực và có thị trường rộng lớn. Nhật dùng vũ lực chiếm Đông-bắc của Trung-quốc và lấy Đông-bắc làm căn cứ, hòng biến Trung-quốc thành thuộc địa của mình.

Ngày 18 tháng 9 năm 1931, quân Nhật đóng ở biên giới Đông-bắc tập kích Thẩm-dương, Tưởng-Giới-Thạch ra lệnh không được chống cự. Các bộ đội đóng ở Thẩm-dương và các nơi trong vùng Đông-bắc đều vâng lệnh Tưởng-Giới-Thạch rút xuống phía nam Sơn-hải-quan, đề cho quân Nhật chỉ trong có vài ba tháng, đã chiếm hết cả vùng Đông-bắc.

Tối ngày 28 tháng 1 năm 1932, Nhật lại tấn công vào Thượng-hải, hòng chiếm Thượng-hải làm căn cứ thứ hai đề biến Trung-quốc thành thuộc địa. Quân và dân Thượng-hải đã đứng lên chiến đấu anh dũng chống quân Nhật và đã cho chúng một đòn nặng nề. Nhưng Tưởng-Giới-Thạch lại tích cực phá hoại cuộc kháng chiến ở Thượng-hải, làm cho đạo quân thứ 19 đang tác chiến ở Thượng-hải bị bắt buộc phải rút lui. Ngày 5 tháng 5 Tưởng còn ký hiệp định đình chiến bán nước với Nhật ở Thượng-hải, thừa nhận Trung-quốc không được đóng quân ở Thượng-hải và bằng lòng bóp nghẹt phong trào chống Nhật trong nước.

Tiếng đại bác Nhật đã đánh thức đông đảo nhân dân Trung-quốc, đã gợi tính giác ngộ dân tộc, cho nên, dưới sự kêu gọi và tổ chức của Đảng cộng sản Trung-quốc, đông đảo quần chúng đều lăn vào phong trào chống Nhật, chống Tưởng.

Nhân dân Đông-bắc và một phần quân đội yêu nước, dưới sự lãnh đạo và giúp đỡ của Đảng cộng sản Trung-quốc đã tổ chức quân nghĩa dũng chống Nhật, và tiến hành cuộc đấu tranh anh dũng. Thứ chiến tranh du kích đó đã phát triển đến một

quy mô rất lớn, và cũng đã trải qua nhiều khó khăn và thất bại, nhưng trước sau vẫn không bị địch tiêu diệt, và giữ vững đấu tranh cho tới khi nền thống trị thực dân của đế quốc Nhật ở Đông-bắc đã bị kết thúc.

Đầu tháng 10 năm 1931, 80 vạn công nhân Thượng-hải tổ chức hội liên hiệp cứu nước chống Nhật, phái đại biểu đến yêu cầu Chính phủ Nam-kinh lập tức ra quân chống Nhật, đồng thời họ cũng có tổ chức quân nghĩa dũng, và yêu cầu Chính phủ phát súng đánh Nhật. Công nhân Bắc-kinh tổ chức hội cứu nước chống Nhật và đội nghĩa dũng công nhân bưu điện với đội tuyên truyền. Công nhân các thành phố khác đều đứng lên tích cực làm công tác chống Nhật.

Ngày 28 tháng 9 năm 1931, học sinh Nam-kinh đến phá Bộ Ngoại giao của Chính phủ Nam-kinh và đánh cả Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Cuối năm 1931, các đoàn đại biểu học sinh Bắc-kinh, Thiên-tân, Thượng-hải, Hán-khẩu, Quảng-đông đều đến Nam-kinh thỉnh nguyện, phá đảng bộ Trung ương của Quốc dân đảng, Chính phủ quốc dân và Bộ Ngoại giao. Học sinh Thượng-hải phá đảng bộ thành phố Thượng-hải của Quốc dân đảng, và thành lập tòa án công chúng xử tội thị trưởng và cục trưởng công an Thượng-hải. Quần chúng học sinh các nơi cũng phá hoại nhiều đảng bộ và chính quyền địa phương của Quốc dân đảng.

Sau sự biến ngày 18 tháng 9, dân chúng trong nước và những người công thương nghiệp ở thành phố đều tẩy chay hàng hóa Nhật và cắt đứt quan hệ kinh tế với Nhật. Trong thời kỳ kháng chiến ở Thượng-hải, thương hội Thượng-hải và công hội tiền bạc đã bãi thị. Tờ "Thân báo" đại biểu giai cấp tư sản dân tộc cũng viết bài bình luận, yêu cầu Quốc dân đảng phải thay đổi thái độ chính trị, khôi phục bang giao với Liên-xô, chấm dứt nội chiến, xóa bỏ chuyên chính một đảng, bỏ điều lệ cấm các đảng phái khác, nhất trí đối ngoại.

Hành động của đế quốc Nhật muốn biến Trung-quốc làm thuộc địa riêng, đã làm cho nội bộ giai cấp thống trị Trung-quốc bị chia rẽ nghiêm trọng.

Đầu tháng 10 năm 1931, lúc quân Nhật đánh chiếm Liêu-ninh, Cát-lâm và thừa thế đánh vào Hắc-long-giang, thì bộ đội Mã-Chiếm-Sơn đứng lên chống lại, và chặn được kế hoạch chiếm Đông-bắc mau chóng của quân Nhật.

Tháng 12 năm 1931, hơn một vạn lính của đạo quân thứ 26 của Tưởng-Giới-Thạch phái đến Giang-tây để đánh Hồng quân, dưới sự lãnh đạo của Triệu-Bác-Sinh, Đồng-Chấn-Đường, hưởng ứng lời kêu gọi chống Nhật của Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc đã khởi nghĩa ở Ninh-đô và tham gia Hồng quân.

Ngày 28 tháng 1 năm 1932, đạo quân thứ 19 đánh với Nhật ở Thượng-hải. Nhờ công nhân, học sinh, và dân phố Thượng-hải giúp đỡ, và nhân dân toàn quốc ủng hộ, nên đạo quân này đã bền dẻo chống lại quân xâm lược Nhật và phá tan kế hoạch chiếm Thượng-hải trong mấy tiếng đồng hồ của chúng.

Tháng 9 năm 1931, vì có mâu thuẫn và sự xung đột trong nội bộ Quốc dân đảng giữa ba phái Tưởng-Giới-Thạch, Uông-Tinh-Vệ và Hồ-Hán-Dân, nên cuộc chiến tranh Ninh—Việt đã bùng nổ. Đến tháng 12 năm 1931 Tưởng-Giới-Thạch bắt buộc phải tuyên bố từ chức.

Vì Nhật-bản đe dọa, nên ngày 30 tháng 1 năm 1932 Chính phủ Nam-kinh dời về Lạc-dương.

Nền thống trị phản động của tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch, tức Chính phủ bán nước Nam-kinh đang lung lay.

Trong khu vực đỏ, tháng 8 năm 1931 Hồng quân Trung ương ở Giang-tây đã đánh tan cuộc vây quét lần thứ ba của Tưởng-Giới-Thạch, Hồng quân ở Hồ-bắc, Hà-nam, An-huy đã đánh tan quân đội Quốc dân đảng và mở rộng căn cứ địa.

Hồng quân đã khôi phục căn cứ địa Hồng-hồ. Ở biên giới Thiểm-tây và Cam-túc đã có đội du kích đỏ.

Ngày 7 tháng 11 năm 1931, khu vực đỏ đã triệu tập Đại hội đại biểu công nông binh toàn quốc lần thứ nhất ở Thụy-kim. Đại hội tuyên bố thành lập Chính phủ dân chủ công nông Trung ương, và bầu đồng chí Mao-Trạch-Đông làm Chủ tịch, đồng chí Chu-Đức làm Tổng tư lệnh Hồng quân.

Đại hội này đã thông qua luật căn bản, luật lao động, luật ruộng đất và nhiều sắc lệnh khác về chính sách kinh tế của nước Cộng hòa dân chủ công nông.

Ngày 15 tháng 4 năm 1932, Chính phủ dân chủ công nông Trung ương chính thức tuyên chiến với Nhật, kêu gọi và lãnh đạo Hồng quân công nông và đông đảo nhân dân bị áp bức, dùng chiến tranh cách mạng dân tộc để đuổi Nhật ra khỏi Trung-quốc.

Sau sự biến ngày 18 tháng 9, vì phong trào kháng Nhật, chống Tưởng-Giới-Thạch của nhân dân trong khu Quốc dân đảng thống trị lên cao, vì sự chia rẽ trong nội bộ Quốc dân đảng và khuynh hướng chống Nhật của giai cấp tư sản dân tộc, vì cuộc chống vây quét lần thứ ba của Hồng quân công nông được thắng lợi, Chính phủ dân chủ công nông Trung-quốc được thành lập và tuyên chiến với Nhật, cho nên tình hình chính trị trong nước đã có sự thay đổi lớn.

Đế quốc Nhật xâm lược đã bắt đầu làm thay đổi tình hình phe cách mạng và phe phản cách mạng, phong trào chống Nhật của nhân dân Trung-quốc đang phát triển trên đường khúc khuỷu, trong nước đã có tình hình khách quan có lợi cho cách mạng. Nhưng tình thế cách mạng lúc bấy giờ còn có nhược điểm nặng là tình hình địch mạnh ta yếu vẫn chưa thay đổi được, lực lượng phản cách mạng còn lớn mạnh hơn lực lượng cách mạng nhiều. Nhưng nhân dân không chịu bị thống trị như cũ,

mà Tưởng-Giới-Thạch cũng không thống trị như thế mãi. Nhiều phái không tham gia chính quyền và phái chống Tưởng cũng đồng ý lật đổ nền thống trị của tập đoàn thống trị Tưởng-Giới-Thạch, hoặc đứng trung lập. Tình hình chính trị này rất có lợi cho cách mạng và không lợi cho phản cách mạng.

Hình thế cách mạng mới đến rất nhanh. Những khẩu hiệu mặt trận thống nhất chống Nhật—kháng Nhật chống Tưởng, tổ chức chính phủ quốc phòng, tổ chức liên quân chống Nhật đã được đưa ra. Lúc đó có khả năng lật đổ Chính phủ Nam-kinh của Tưởng-Giới-Thạch, thành lập chính phủ quốc phòng và liên quân kháng Nhật. Nghĩa là lúc đó nếu cơ quan lãnh đạo của Đảng có sách lược đúng đắn, tức là phát động và lãnh đạo quần chúng đấu tranh một cách đúng đắn, liên hợp các phái kháng Nhật chống Tưởng, thúc đẩy đạo quân thứ 19, đồng thời lãnh đạo Hồng quân công nông phối hợp hành động, thì có thể làm cho Tưởng- Giới-Thạch không thể trở lại chính quyền, và tổ chức chính phủ quốc phòng và liên quân chống Nhật, lãnh đạo lực lượng cách mạng toàn quốc chống Nhật.

III —Sự hình thành của đường lối "tả" khuynh lần thứ ba. Dưới sự chỉ đạo của đường lối "tả" khuynh, hình thế có lợi cho cách mạng bị tan rã.

Sau khi Hội nghị lần thứ 3 của toàn thể Ban chấp hành Trung ương khóa thứ 6 đã đình chỉ sự chấp hành đường lối Lý-Lập-Tam, thì một số đồng chí mắc chủ nghĩa giáo điều, dưới sự lãnh đạo của Trần-Thiệu-Vũ và Tần-Bang-Hiến, đã đứng lên phản đối Trung ương. Họ nói đường lối Lý-Lập-Tam là "chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh dưới sự che đậy của "tả"

khuynh nói suông", họ trách Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương lần thứ 3 "chưa vạch trần và đả kích lý luận và thực tế của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh xưa nay trong đường lối Lý-Lập-Tam", và trách Trung ương lúc bấy giờ không nhìn thấy "hữu khuynh vẫn là nguy hiểm chính trong Đảng hiện nay". Họ thổi phồng ý nghĩa đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, chống phú nông trong cách mạng dân chủ tư sản Trung-quốc, và ý nghĩa của cái gọi là thành phần cách mạng xã hội chủ nghĩa. Họ không thừa nhận sự có mặt của giai cấp trung gian, nhấn mạnh cao trào cách mạng toàn quốc và đường lối tấn công trong phạm vi toàn quốc của Đảng.

Họ đã đánh giá quá cao sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Trung-quốc, cho nên về nhiệm vụ cách mạng, họ đã coi cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chống đế quốc, chống thế lực phong kiến, ngang hàng với cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, cho rằng trong cách mạng dân chủ, chỉ có kiên quyết phản đối giai cấp tư sản mới có thể giành được thắng lợi triệt để. Họ chủ trương chia lại ruộng đất phú nông, và khi chia lại chỉ cho phú nông một số ruộng xấu thôi. Họ chủ trương tước đoạt quyền lợi chính trị của phú nông và các nhà tư bản, và không cho chúng được tí quyền dân chủ gì trong chính quyền dân chủ công nông.

Họ phủ nhận sự có mặt của giai cấp trung gian, họ cho rằng giai cấp tư sản bậc trung và tầng lớp trên của giai cấp tiểu tư sản đều là một bộ phận của hàng ngũ phản cách mạng, không thể có "phái thứ ba" và "hàng ngũ trung gian", họ cho rằng trong phong trào dân chủ lúc bấy giờ giai cấp tư sản không có một tác dụng tiến bộ nào cả, vì thế lực lượng cách mạng Trung-quốc chỉ có giai cấp công nhân, cố nông, bần nông, trung nông và tầng dưới của giai cấp tiểu tư sản thành thị.

Họ nhấn mạnh cao trào cách mạng toàn quốc và đường lối tấn công trong phạm vi toàn quốc của Đảng. Cho rằng hình thế cách mạng trực tiếp có thể trước hết bao gồm một hoặc vài tỉnh chủ yếu, trong điều kiện phong trào cách mạng toàn quốc lên cao, cách mạng có khả năng thắng lợi trước tiên ở một hoặc mấy tỉnh, mà thắng lợi đó bắt đầu từ chỗ chiếm lấy một hoặc vài thành phố trung tâm kinh tế và chính trị chủ yếu, vì thế cần phải chuẩn bị kế hoạch bãi công đồng minh, biểu tình thị uy ở khắp nước hoặc các thành phố chủ yếu trong nước. Họ nhấn mạnh hai chính quyền quyết chiến, vì thế chủ trương đường lối sách lược của Đảng lúc bấy giờ là tấn công.

Dưới sự uy hiếp của chủ nghĩa giáo điều "tả" khuynh, tháng 1 năm 1931, Đảng triệu tập Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương lần thứ tư, Hội nghị này đã tiếp nhận đường lối "tả" khuynh mới, khiến đường lối "tả" khuynh đó chiếm được địa vị lãnh đạo ở Trung ương, thế là bắt đầu thời kỳ thống trị của đường lối "tả" khuynh lần thứ ba.

Trong thời kỳ đó, Trung-quốc có nhiều việc lớn liên tiếp xảy ra: Hồng quân ở khu Trung ương Giang-tây đã đánh tan lần vây quét thứ hai và thứ ba của địch, đồng thời, vì đế quốc Nhật chiếm Đông-bắc nên phong trào dân chủ dân tộc toàn quốc lên cao.

Nhưng, cơ quan lãnh đạo của Đảng lúc bấy giờ đương mắc sai lầm đường lối "tả" khuynh lần thứ ba, phần tử "tả" khuynh dùng sách lược đóng cửa, phản đối sách lược mặt trận thống nhất. Như thế không thể tổ chức quần chúng rộng rãi, không tập hợp được một cách có hiệu quả mọi lực lượng đồng minh có thể tranh thủ, để phát động cuộc đấu tranh kháng Nhật chống Tưởng rộng rãi. Như thế, trong tình hình khách quan có lợi, cũng không thể đưa cách mạng tiến lên được, trái lại vì lãnh đạo sai lầm mà cách mạng phải gặp những bước gay go mới.

Thứ nhất, đế quốc Nhật xâm lược đã làm cho quan hệ giai cấp trong nước bắt đầu có biến đổi mới, mâu thuẫn dân tộc ngày càng lên cao, mâu thuẫn giai cấp bắt đầu xuống thấp, có khả năng hình thành mặt trận thống nhất kháng Nhật chống Tưởng. Nhưng, những người lãnh đạo của đường lối "tả" khuynh lại quá nhấn mạnh đế quốc tấn công Liên-xô, nhấn mạnh các phái Quốc dân đảng nhất trí tấn công cách mạng Trung-quốc, cho rằng hành động quân sự của Nhật ở Đông-bắc là mở màn cuộc chiến tranh chống Liên-xô rất lộ liễu, cho rằng hình thế khách quan lúc bấy giờ không phải là làm cho các phái Quốc dân đảng càng chia rẽ, mà là làm cho chúng càng hợp sức chống cách mạng.

Đó là quan điểm sai lầm đối với tình hình lúc bấy giờ của đường lối "tả" khuynh.

Vì quá nhấn mạnh sự nhất trí tấn công Liên-xô của các nước đế quốc, một mặt xao nhãng cái nạn Nhật-bản đang biến Đông-bắc thành thuộc địa trước, để rồi biến cả Trung-quốc thành thuộc địa sau, xao nhãng sự quan trọng phải bảo vệ lãnh thổ và chủ quyền Trung-quốc, làm cho Đảng phải xa rời phong trào chống Nhật lúc bấy giờ đã rộng rãi. Mặt khác, xao nhãng mâu thuẫn và xung đột của các nước đế quốc ngày càng sâu sắc, không trông thấy nguy cơ chiến tranh của đế quốc, như thế làm cho chúng ta không lợi dụng được những mâu thuẫn và chia rẽ giữa đế quốc Nhật và các đế quốc khác, để làm cho hình thế lúc bấy giờ có lợi cho cuộc đấu tranh chống Nhật.

Vì quá nhấn mạnh sự nhất trí của giai cấp thống trị trong nước tấn công cách mạng, quá nhấn mạnh sự đoàn kết của bọn phản cách mạng, coi những nhân vật thống trị như nhau, đã không để ý đến những biến hóa về chính trị và kinh tế của những nhân vật thống trị lúc bấy giờ, xóa lấp những mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp thống trị, xóa lấp tất cả những mâu thuẫn

giữa giai cấp tư sản dân tộc không tham gia chính quyền và giai cấp mại bản hào thân đang cầm quyền, xóa lấp mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản dân tộc với đế quốc Nhật, như thế làm cho Đảng ta không thể áp dụng chính sách linh hoạt: căn cứ quan hệ lợi hại của chúng, lợi dụng mâu thuẫn của chúng, để cô lập và đả kích kẻ địch lớn và hung ác nhất, để mở rộng lực lượng cách mạng.

Thứ hai, người lãnh đạo đường lối "tả" khuynh lại đánh giá quá cao nguy cơ của bọn thống trị Quốc dân đảng và sự phát triển của lực lượng cách mạng, vì thế mà nhấn mạnh một chiều sự đối lập của hai chính quyền, nhấn mạnh quyết chiến giữa giai cấp, cho rằng lúc bấy giờ Trung-quốc chỉ có hai thứ chính quyền: hoặc là chính quyền Quốc dân đảng, hoặc là chính quyền đỏ, phủ nhận chính quyền thứ ba có thể tồn tại, tức là phủ nhận ngoài hai chính quyền đối lập ra, còn có một chính quyền khác có thể đối lập với chính quyền Nam-kinh.

Cho nên người chỉ đạo đường lối "tả" khuynh cự tuyệt khẩu hiệu lập chính phủ quốc phòng. Chính phủ quốc phòng không phải là chính phủ Nam-kinh bán nước, cũng không phải là chính quyền đỏ, mà là chính quyền dân chủ chống Nhật liên hợp các giai cấp các đảng phái. Lúc bấy giờ đông đảo quần chúng và cả đến phái không tham gia chính quyền cũng phản đối chính phủ bán nước Nam-kinh, nhưng họ không muốn hoặc không bằng lòng thành lập ngay chính phủ dân chủ công nông. Phần tử "tả" khuynh không nhìn thấy họ còn đang đứng ở giữa hai thứ chính quyền đối lập, họ đòi hỏi một chính quyền dân chủ chống Nhật. Cho nên phần tử "tả" khuynh không đưa ra khẩu hiệu chính phủ dân chủ chống Nhật thay chính phủ bán nước Nam-kinh.

Sai lầm này tất nhiên đã đẻ ra sai lầm khác. Tức là sai lầm chiếm một vài thành phố trung tâm chủ yếu, để mở đầu cho cách

mạng thắng lợi trước tiên ở một tỉnh hoặc mấy tỉnh ở Hồ-nam, Hồ-bắc và Giang-tây. Sau cuộc chiến tranh chống vây quét lần thứ ba, phần tử "tả" khuynh không đồng ý cho Hồng quân nghỉ ngơi và chỉnh huấn sau thắng lợi, họ ra lệnh cho Hồng quân tiếp tục truy kích quân địch, phải "giành được một vài thành phố trung tâm hay thành phố thứ yếu". Vì phân tích tình hình khách quan sai lầm, nên họ đưa ra vấn đề cách mạng có thể thắng lợi trước ở một hoặc vài tỉnh, và lấy đó làm một nhiệm vụ trung tâm của Đảng mà mọi người phải hoàn thành.

Như thế, làm cho Đảng chỉ phát động đông đảo quần chúng ở khu Quốc dân đảng để ủng hộ và phối hợp với Hồng quân tấn công ở Hồ-nam, Hồ-bắc, Giang-tây. Đồng thời, đối với công tác ở khu Quốc dân đảng, những người đại biểu của đường lối "tả" khuynh đã nhấn mạnh một chiều mặt trận thống nhất học sinh cách mạng, người buôn nhỏ và tầng lớp dưới của dân nghèo thành phố, nhấn mạnh một chiều đấu tranh công nhân, công tác công đoàn và cho rằng trung tâm công tác của Đảng phải tập trung vào việc lãnh đạo công nhân đấu tranh, buông lơi việc lãnh đạo đông đảo quần chúng chống Nhật. Và như thế cũng là để "hưởng ứng và phối hợp hành động của Hồng quân, tranh thủ cách mạng có thể thắng lợi trước trong một tỉnh hoặc vài tỉnh".

Do những chủ trương đó, Đảng đã phải bỏ qua cuộc đấu tranh với Chính phủ Nam-kinh, coi nhẹ việc tổ chức lực lượng quần chúng để chuẩn bị lật đổ Chính phủ bán nước Nam-kinh, chỉ thừa nhận cách mạng có thể thắng lợi ở các tỉnh Hồ-nam, Hồ-bắc, Giang-tây, mà không thừa nhận tình hình cách mạng chống Nhật chống Tưởng, không thừa nhận có thể lật đổ Chính phủ Nam-kinh.

IV— Cuộc đấu tranh kháng Nhật chống Tưởng trong thời kỳ cao trào cách mạng trong nước tạm thời xuống thấp.

Tưởng-Giới-Thạch bị bắt buộc phải từ chức không bao lâu, thì được sự giúp đỡ của đế quốc Nhật, hắn liền hợp với tập đoàn Uông-Tinh-Vệ và trở lại sân khấu chính trị. Tháng 1 năm 1932 sau khi Tưởng-Giới-Thạch và Uông-Tinh-Vệ lên nắm chính quyền, chúng liền ra sức đàn áp phong trào chống Nhật trong nước và phá hoại kháng chiến ở Thượng-hải. Sau khi ký hiệp định đình chiến ở Thượng-hải, một mặt Tưởng-Giới-Thạch lại phát động cuộc vây quét mới vào khu Hồ-bắc, Hà-nam, An-huy, một mặt khác, sau khi thành lập đoàn CC,[1] bọn chúng lại thành lập Xã phục hưng (tức Xã áo lam), đó là hai tổ chức phát xít, phá hoại Đảng cộng sản, đàn áp phong trào dân chủ yêu nước, làm tan rã phái phản Tưởng trong nội bộ Quốc dân đảng bằng những thủ đoạn nham hiểm, độc ác và tàn bạo. Dưới khẩu hiệu chống Cộng, Tưởng-Giới-Thạch triệu tập cái gọi là "Hội nghị quốc nạn", tổ chức mặt trận thống nhất phản cách mạng để gìn giữ chính quyền phản động. Cách mạng trong nước tạm thời phải xuống thấp.

Trong thời kỳ cách mạng thoái trào, nhân dân Trung-quốc vẫn tiếp tục đấu tranh kháng Nhật chống Tưởng.

Sau khi đã ký kết hiệp định đình chiến ở Thượng-hải, đế quốc Nhật dần dần tiến chiếm từng bước. Tháng 1 năm 1933, quân Nhật chiếm Sơn-hải-quan, rồi tiếp đó tấn công Nhiệt-hà, quân đội Quốc dân đảng không chống cự, cứ thế rút lui, vì thế quân Nhật đã chiếm được cả tỉnh Nhiệt-hà và miền bắc tỉnh

[1] Đó là một tổ chức đặc vụ phát xít, thành lập năm 1929, đứng đầu là Trần-Lập-Phu và Trần-Quả-Phu.

Sát-cáp-nhĩ rất nhanh, Trung tuần tháng 3 quân Nhật tấn công ồ ạt vào nhiều nơi ở Trường thành. Lúc bấy giờ quân của Quốc dân đảng đóng ở Bắc-kinh và Thiên-tân nhiều gấp mười mấy lần quân địch, nhưng Tưởng-Giới-Thạch cấm không cho quân đội Trung-quốc chống cự. Sau khi chiếm các nơi ở Trường thành, quân đội Nhật-bản lập tức tiến xuống bao vây Bắc-kinh, Thiên-tân. Ngày 31 tháng 5, Chính phủ Quốc dân đảng ký hiệp định Đường-cô với Nhật. Hiệp định này thực ra đã đồng ý cho Nhật-bản chiếm Đông-bắc, Nhiệt-hà, và thừa nhận miền đông tỉnh Hà-bắc là khu phi quân sự, để cho Nhật-bản có thể kiềm chế khu Hoa-bắc chặt chẽ hơn.

Để che giấu hành động bán nước của mình, Tưởng-Giới-Thạch vu khống Hồng quân quấy nhiễu hậu phương chống Nhật, rêu rao khẩu hiệu "chống ngoại trước hết phải dẹp nội". Để đập tan luận điệu tuyên truyền láo xược của Tưởng-Giới-Thạch và tỏ rõ quyết tâm chống Nhật của Hồng quân, ngày 17 tháng 1 năm 1933 Ủy ban quân sự cách mạng và Chính phủ dân chủ công nông Trung ương phát biểu tuyên ngôn, bằng lòng ký hiệp định chống Nhật với bất cứ một quân đội nào dưới ba điều kiện chấm dứt tấn công khu vực đỏ, đảm bảo quyền lợi dân chủ cho nhân dân và vũ trang nhân dân.

Bản tuyên ngôn này đã vạch trần những lời lẽ hoang đường và nhảm nhí của Quốc dân đảng như "Hồng quân quấy rối hậu phương", "chống Nhật trước hết phải diệt Cộng". Đã làm cho nhiều đảng viên Quốc dân đảng bất mãn với chính sách nội chiến chống Cộng, làm rúng động quân tâm trong bộ đội Quốc dân đảng đang vây quét Hồng quân, và làm cho Tưởng-Giới-Thạch bị lâm vào cảnh hết sức khó khăn.

Bọn Nhật muốn biến Trung-quốc thành thuộc địa riêng của chúng, và hành vi bán nước của bọn phản động Tưởng-Giới-Thạch đã làm cho nội bộ bọn thống trị Trung-quốc tiếp tục chia

rẽ thêm. Năm 1933 Phùng-Ngọc-Tường và Thái-Đình-Khải có hành động liên Cộng chống Nhật.

Sau khi Nhật chiếm các cống Trường thành và miền đông huyện Loan, chúng lại cho quân đánh Sát-cáp-nhĩ và chiếm huyện Đa-luân ở miền đông Sát-cáp-nhĩ. Thánh 5 năm 1933, nhờ ảnh hưởng và giúp đỡ của Đảng cộng sản Trung-quốc, một số người như Phùng-Ngọc-Tường đã tổ chức quân đồng minh chống Nhật ở Trương-gia-khẩu, tuyên chiến với Nhật, và sau một thời gian kháng chiến gian khổ đã thu phục được miền bắc Sát-cáp-nhĩ. Quân đội Tưởng-Giới-Thạch liên hợp với quân đội Nhật tấn công quân đồng minh chống Nhật, bắt buộc Phùng-Ngọc-Tường phải rời Sát-cáp-nhĩ, và vây đánh quân chống Nhật của Cát-Hồng-Xương đang tiến về phía đông tỉnh Hà-bắc. Đội quân chống Nhật đó bị Tưởng-Giới-Thạch và quân Nhật đánh ép hai mặt, nên đến tháng 10 thì thất bại.

Các tướng tá của đạo quân thứ 19 như Thái-Đình-Khải bị điều động đi "tiễu Cộng" ở Phúc-kiến đều dần dần giác ngộ và nhận thấy đánh với Hồng quân sẽ không có lối ra, nên tháng 11 năm 1933 họ liên hợp với nhóm Lý-Tế-Thâm trong Quốc dân đảng để thành lập chính phủ nhân dân ở Phúc-kiến, tuyên bố công khai tách khỏi Chính phủ Tưởng-Giới-Thạch và ký hiệp định kháng Nhật chống Tưởng với Hồng quân.

Sự biến Phúc-kiến xảy ra ngay lúc khu vực đỏ đang mở cuộc chiến tranh chống vây quét lần thứ năm. Chính phủ nhân dân Phúc-kiến ra đời là một việc rất có lợi cho Hồng quân để phá vây quét của địch và mở rộng căn cứ cách mạng. Vì thế, Đảng ký hiệp định đình chiến với đạo quân tứ 19, để thúc đẩy họ kháng Nhật chống Tưởng là một việc hoàn toàn đúng. Nhưng, về mặt chiến lược, những người đại biểu cho đường lối "tả" khuynh lại áp dụng phương châm trái ngược. Về mặt quân sự họ không tập kích bộ đội Tưởng-Giới-Thạch ở mặt trận phía

đông để giúp đỡ đạo quân thứ 19, và đập tan cuộc vây quét khu Trung ương lần thứ năm của Tưởng.

Từ mồng 1 tháng 9 năm 1931, là ngày thành lập Trung ương lâm thời do Tần-Bang-Hiến đứng đầu cho tới Hội nghị Tuân-nghĩa tháng 1 năm 1935 là thời kỳ đường lối "tả" khuynh lần thứ ba tiếp tục phát triển.

Đầu năm 1933 Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc từ Thượng-hải dọn vào căn cứ địa ở miền nam Giang-tây. Trước đó, những người chỉ đạo đường lối "tả" khuynh bất chấp những khó khăn do họ gây ra trong phong trào cách mạng Trung-quốc nói chung, và trong phong trào nhân dân chống Nhật ở khu thống trị Quốc dân đảng sau sự biến ngày 18 tháng 9 nói riêng, họ cứ phán đoán một cách mù quáng rằng tình hình cách mạng lúc đó ngày càng lên cao. Họ phủ nhận quy luật phát triển không đều của cách mạng Trung-quốc, họ cho quan điểm phong trào công nhân tiến chậm hơn phong trào nông dân, phong trào cách mạng miền bắc tiến chậm hơn phong trào cách mạng miền nam là quan điểm chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, họ bảo rằng phong trào bãi công ở các thành phố lớn trong nước đang lên cao, và chính quyền đỏ có thể thành lập khắp nơi ở miền bắc. Họ phán đoán một cách mù quáng rằng đấu tranh cách mạng lúc bấy giờ là đấu tranh của hai đường lối, tức là đường lối chính quyền đỏ và đường lối thuộc địa, cũng là cái gọi là quyết chiến giai cấp. Họ cho rằng sách lược "tích cực tấn công", đánh chiếm thành phố trung tâm vẫn là nhiệm vụ cấp bách nhất. Họ phản đối lợi dụng hình thức hợp pháp, trộn lộn công tác công khai với công tác bí mật và thường không đắn đo lực lượng địch mạnh hơn ta, cứ tổ chức một cách mù quáng những cuộc bãi công, bãi khóa, biểu tình thị uy, thậm chí bạo động vũ trang nữa. Chính sách mạo hiểm đó của

họ đã làm cho công tác Đảng trong khu thống trị Quốc dân đảng bị thiệt hại nặng.

Mặt khác, họ tuyên bố nguy hiểm chính trong Đảng lúc bấy giờ là hữu khuynh, nói xấu đường lối đúng đắn của khu Trung ương là đường lối phú nông. Sau khi dời vào căn cứ Giang-tây, họ liền cải biến lãnh đạo Đảng và lãnh đạo quân sự đúng đắn của khu Trung ương, thực hành chính sách quá tả ở khu vực đỏ, địa chủ không chia ruộng, phú nông chia ruộng xấu, và phủ nhận chính sách ruộng đất đúng đắn của đồng chí Mao-Trạch-Đông. Luật ruộng đất quy định sau khi bị tịch thu ruộng đất, địa chủ không được quyền chia ruộng. Sau khi tịch thu ruộng đất của phú nông thì chỉ chia cho họ một phần ruộng đất xấu; sau khi phú nông được chia ruộng, thì nông cụ và súc vật còn thừa của họ sẽ bị tịch thu hết. Đại cương hiến pháp cũng quy định, về mặt chính trị, phú nông không có quyền lợi dân chủ. Đối với tất cả các tầng lớp xã hội có tính chất tư bản chủ nghĩa ở dưới chính quyền đỏ, thì áp dụng chính sách quá tả như chính sách lao động, chính sách kinh tế và chính sách chính quyền, tức là chấp hành chính sách đấu tranh tất cả đối với hầu hết mọi thành phần xã hội, ngoài nông dân và tầng dưới giai cấp tiểu tư sản thành thị. Họ phủ nhận sự không đồng đều giữa khu trung tâm căn cứ với vùng rìa căn cứ, phủ nhận Đảng nên áp dụng chính sách khác nhau ở những vùng khác nhau. Họ tuyên bố lấy chủ nghĩa cộng sản làm phương châm cơ bản của nền văn hóa giáo dục của Chính phủ dân chủ công nông. Họ còn chấp hành những chính sách thanh trừ phản cách mạng quá "tả" v. v... Thế là đường lối sai lầm của họ được chấp hành trong khu Trung ương và các khu lân cận.

Đường lối "tả" khuynh cũng áp dụng chính sách hoàn toàn sai lầm đối với sự biến Phúc-kiến.

Họ coi các phái khác nhau trong Quốc dân đảng và Chính phủ Quốc dân đảng đều phản cách mạng như nhau. Coi sự chia rẽ trong nội bộ Quốc dân Đảng—Chính phủ nhân dân Phúc-kiến là "một trò mới", phủ nhận sự khác nhau giữa Chính phủ Nam-kinh của Tưởng-Giới-Thạch và Chính phủ nhân dân Phúc-kiến, phủ nhận có chính quyền thứ ba tồn tại. Họ không chịu tích cực giúp đỡ Chính phủ nhân dân Phúc-kiến, mà chỉ hấp tấp phê bình Chính phủ đó không triệt để, chỉ trách cương lĩnh của Chính phủ nhân dân Phúc-kiến khác với chính cương của Chính quyền đỏ, kêu gọi nhân dân Phúc-kiến hành động riêng, "làm cho kẻ đi tìm đường lối thứ ba bị phá sản".

Vì thế, dưới sự tấn công có ưu thế của Tưởng-Giới-Thạch, nội bộ Chính phủ nhân dân Phúc-kiến bị chia rẽ, lại gặp phải chính sách sai lầm của đường lối "tả" khuynh lần thứ ba, nên tới năm 1934 thì Chính phủ này bị thất bại.

Tuy đường lối "tả" khuynh đã cải biến lãnh đạo Đảng và lãnh đạo quân sự đúng đắn của khu Trung ương, nhưng vì phương châm chiến lược đúng đắn của đồng chí Mao-Trạch-Đông có ảnh hưởng sâu xa trong Hồng quân, cho nên trước khi đường lối sai lầm quán triệt triệt để tới Hồng quân, lần đấu tranh chống vây quét thứ tư vẫn được thắng lợi.

Sau cuộc thắng lợi chống vây quét lần thứ ba, trong nội bộ căn cứ cách mạng tiến hành công tác thanh trừ những cứ điểm phản cách mạng, củng cố hậu phương cách mạng.

Thời kỳ đó, Tưởng-Giới-Thạch giữ thế thủ với khu Trung ương, hắn tập trung binh lực tấn công vào khu Hồ-bắc, Hà-nam, An-huy và khu Hồng-hồ. Tháng 1 năm 1932, địch tấn công khu Hồ-bắc, Hà-nam, An-huy, quân phương diện thứ tư phá trận tuyến địch ở Hoàng-xuyên, đánh bại bộ đội tiếp viện của địch, mở rộng căn cứ địa tới các vùng Thương-thành, Cố-thủy, Tân-tập thuộc tỉnh Hà-nam và Kim-gia-trại, Nhạc-tây tỉnh An-huy.

Khu Hồ-bắc, Hà-nam, An-huy kiềm chế Trường-giang, vây bọc Vũ-Hán, uy hiếp đến đường sắt Bắc-kinh—Hán-khẩu, vì thế nó có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng. Tháng 7 Tưởng-Giới-Thạch phát động lần vây quét thứ tư vào khu Hồ-bắc, Hà-nam, An-huy, trong trận Thất-lý-bình quân ta đã đánh bại chủ lực quân địch. Nhưng sau khi thắng lợi, người lãnh đạo quân phương diện thứ tư cho rằng quân đội Quốc dân đảng không phải là quân chủ lực, nên không tiếp tục chuẩn bị chống vây quét, kết quả là khi địch tấn công thì quân ta phải chọi ngay mặt chính, nên bị thương và chết nhiều, đến tháng 10 năm 1932 phải rút khỏi khu Hồ-bắc, Hà-nam, An-huy, qua Hà-nam, Thiểm-tây để chuyển tới miền bắc Tứ-xuyên.

Mùa thu năm 1932, đồng chí Hạ-Long dẫn quân đoàn thứ hai của Hồng quân đi từ khu Hồng-hồ lên phía bắc, bộ đội tiền vệ tới gần Hán-dương hợp với quân phương diện thứ tư để uy hiếp Vũ-Hán. Sau khi quân phương diện thứ tư tiến về phía tây, thì quân đoàn thứ hai cũng rút khỏi khu Hồng-hồ, chuyển sang hoạt động ở biên giới Hồ-nam, Hồ-bắc, Tứ-xuyên, Quý-châu và mở thêm căn cứ mới ở đó.

Mùa hạ năm 1932, Tưởng-Giới-Thạch huy động 50 vạn quân vây quét khu Trung ương lần thứ tư.

Lần vây quét này bắt đầu từ ngày 12 tháng 6 năm 1932 đến tháng 2 năm 1933, tất cả 8 tháng. Địch dùng phương châm tác chiến phân tiến hợp kích, từ bắc tiến đều về phía nam, tiến thẳng tới Kim-khê. Hồng quân dùng phương châm tác chiến phục kích bao vây. Trận Hử-loan (phía tây Kim-khê) tiêu diệt một sư đoàn địch. Địch bố trí lại, chia ba đường tiến về phía Nam-phong, Quảng-xương, chủ lực ở phía đông, có hai sư đoàn ở phía tây đã lộ ra trước mặt Hồng quân. Hồng quân thay trận địa, âm thầm tập hợp và trước hết đánh vào phía tây, tại Hoàng-pha phía nam Nghi-hoàng tiêu diệt hai sư đoàn địch. Quân

địch đến tiếp viện lại bị Hồng quân tiêu diệt ở Đông-pha phía nam Nghi-hoàng và ở Phanh-lịch-sơn, Lôi-công-thặng gần Thảo-đài-cương, tiêu diệt một sư đoàn địch. Thế là lần vây quét thứ tư cũng bị Hồng quân phá tan.

Sau thắng lợi của trận chống vây quét lần thứ tư, ở khu Trung ương mở rộng phong trào đầu quân, làm cho Hồng quân được bổ sung. Lúc bấy giờ kể cả vũ trang địa phương, quân phương diện thứ nhất có độ 10 vạn người. Căn cứ địa đã mở rộng đến bốn tỉnh Hồ-nam, Giang-tây, Phúc-kiến, Quảng-đông có chừng 3 triệu người.

Ngày 22 tháng 1 năm 1934, Đại hội đại biểu lần thứ hai công nông binh toàn quốc triệu tập ở Thụy-kim. đồng chí Mao-Trạch-Đông đã đọc báo cáo tổng kết trước Đại hội.

Mùa hạ năm 1933, Tưởng-Giới-Thạch tích cực bố trí lần vây quét thứ năm. Một mặt thực hành sách lược quân sự mới, lập lô cốt ở chung quanh khu vực đỏ mà Thụy-kim ở Giang-tây là trung tâm. Mặt khác, về mặt kinh tế chúng thi hành chính sách phong tỏa tàn khốc. Lúc đó đồng chí Mao-Trạch-Đông đã nêu ra vấn đề xây dựng kinh tế trong Đại hội đại biểu công nông binh toàn quốc lần thứ hai.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông phân tích đúng đắn tính chất quan trọng của việc xây dựng kinh tế trong chiến tranh cách mạng, và chỉ rõ muốn đảm bảo cung cấp vật chất cho chiến tranh và cải thiện điều kiện sinh sống của quần chúng nhân dân, thì cần phải đấu tranh về mặt kinh tế.

Dưới sự chỉ đạo của phương châm này, công cuộc xây dựng kinh tế ở khu vực đỏ đã giành được thắng lợi lớn lao.

Thứ nhất, xây dựng kinh tế là để cung cấp vật chất cho Hồng quân, ủng hộ chiến tranh cách mạng.

Nhiệm vụ trước nhất của công cuộc xây dựng kinh tế ở khu vực đỏ là phát triển nông nghiệp, mà mấu chốt của việc

phát triển nông nghiệp là điều chỉnh sức lao động và trâu bò.

Trong thời kỳ chiến tranh cách mạng, nhiều trai tráng đã ra mặt trận, vì thế tổ chức sức lao động một cách có kế hoạch, và nhất là sức lao động của phụ nữ, là một việc có ý nghĩa đặc biệt. Khu Trung ương tổ chức xã hỗ trợ lao động, thứ xã hỗ trợ này tổ chức trên cơ sở kinh tế cá thể, căn cứ vào nguyên tắc tự nguyện và có lợi cho nhau để tổ chức ở từng thôn hoặc từng xã, nhờ đó có rất nhiều phụ nữ được tham gia mặt trận sản xuất.

Ngoài việc hỗ trợ giữa xã viên, xã hỗ trợ còn ưu đãi gia đình Hồng quân và giúp đỡ những người già yếu cô đơn.

Khu Trung ương còn tổ chức hợp tác xã trâu cày, góp tiền mua bò để dùng chung, nên đã giải quyết được nạn khan súc vật của nông dân.

Nhờ có những tổ chức hỗ trợ này nên đến năm 1934, trong khu vực đỏ có nhiều nơi sản lượng nông nghiệp không những đã khôi phục mà còn vượt qua mức trước cách mạng đã đảm bảo lương thực cho Hồng quân đánh giặc.

Việc phát triển công nghiệp (giấy, thuốc lá, tung-sten, long não, nông cụ, phân bón, vải, thuốc, đường, sam-pết, muối) đã tiến hành trên ba mặt: kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã và kinh tế tư nhân. Phát triển công nghiệp trước hết là để tự cấp, sau là để xuất khẩu, đều cần thiết để đảm bảo thắng lợi cho chiến tranh cách mạng.

Vấn đề mậu dịch xuất nhập khẩu là vấn đề quan trọng trong công tác kinh tế. Mỗi năm khu Trung ương xuất khẩu 3 triệu tạ thóc (tạ Trung-quốc) trung bình mỗi người phải đem một tạ thóc đi đổi hàng cần thiết. Ngoài ra còn xuất khẩu tung-sten. Mặt khác, 3 triệu dân mỗi năm phải ăn mất 900 vạn đồng bạc muối, mặc quần áo phải tốn 600 vạn đồng vải. Chính phủ dân

chủ công nông Trung ương phát hành công trái, quản lý mậu dịch xuất nhập khẩu, phải làm thế nào cho hàng xuất khẩu của mình bán được giá để mua muối, vải từ khu Quốc dân đảng vào.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông chỉ rõ kinh tế quốc dân của khu vực đỏ là do kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã và kinh tế tư nhân hợp thành. Trước hết phải phát triển hết khả năng kinh tế quốc doanh và phát triển đại quy mô kinh tế hợp tác xã, đối với kinh tế tư nhân thì có thể khuyến khích và giúp đỡ trong phạm vi luật pháp cho phép. Đồng chí Mao-Trạch-Đông nhấn mạnh sự lãnh đạo của kinh tế quốc doanh đối với kinh tế tư nhân, là điều kiện để bước sang chủ nghĩa xã hội sau này.

Thứ hai, xây dựng kinh tế để cải thiện điều kiện sinh sống của nhân dân, nâng cao nhận xét về chiến tranh cách mạng của nhân dân.

Chính phủ dân chủ công nông là người tổ chức đời sống nhân dân, Chính phủ nhân dân phải giải quyết mạnh mẽ các vấn đề của quần chúng, cải thiện đời sống của quần chúng.

Trong khu vực đỏ, nơi nào công tác được tốt thì mức sống nhân dân cũng được nâng cao. Đời sống nhân dân trong xã Trường-cương và xã Tài-khê là hai xã gương mẫu đã được cải thiện. Trước cách mạng, bần nông và cố nông ở xã Tài-khê mỗi năm chỉ có ba tháng là được ăn gạo, còn chín tháng phải ăn ngô khoai và ăn không đủ no. Đến năm 1934 thì khác hẳn, sáu tháng ăn gạo, sau tháng ăn ngô khoai và ăn được no. Bần nông xã Trường-cương ăn thịt nhiều gấp đôi trước kia, công nhân ăn thịt nhiều gấp ba. Nông dân mua vải cũng nhiều gấp đôi, dầu ăn cũng có thừa.

Xã Trường-cương và xã Tài-khê có rất nhiều thành tích về mặt động viên đầu quân, số thanh niên tham gia Hồng quân và đi công tác, xã Trường-cương có 80%, xã Tài-khê thượng có 88%, xã Tài-khê hạ có 70%.

Những thành tích này không thể tách rời việc cải thiện đời sống quần chúng. Quần chúng đã nhận xét được ý nghĩa của chiến tranh cách mạng qua những vấn đề thiết thân của họ, vì thế quần chúng đều hưởng ứng lời kêu gọi chính trị của Chính phủ, coi cách mạng như tính mạng của mình vậy.

V— Dưới sự chỉ đạo của đường lối "tả" khuynh lần thứ ba, cuộc đấu tranh chống vây quét lần thứ năm bị thất bại. Sự di chuyển lớn về chiến lược của Hồng quân công nông.

Sau lần vây quét thứ tư thất bại, nhờ đế quốc giúp đỡ, Tưởng-Giới-Thạch lại chuẩn bị một lần vây quét nữa. Tưởng-Giới-Thạch thấy chiến lược và chiến thuật đánh thọc vào và phân tiến hợp kích không làm gì nổi khu vực đỏ, nên thành lập ban huấn luyện sĩ quan ở Lư-sơn thuộc tỉnh Giang-tây, huấn luyện chủ nghĩa phát xít, nghiên cứu cách đánh lô cốt và đánh vùng núi; thành lập đội bảo an địa phương để tăng cường sự thống trị phát xít phản động; mượn tiền nước ngoài, phong tỏa kinh tế khu vực đỏ. Tưởng-Giới-Thạch tiến hành cuộc tổng vây quét căn cứ cách mạng về mặt quân sự, chính trị, kinh tế và tư tưởng.

Tưởng-Giới-Thạch muốn dùng chiến lược và chiến thuật đánh lâu dài và bao vây bằng lô cốt để tiêu hao sinh lực và vật lực của Hồng quân, thu hẹp căn cứ cách mạng, rồi sau cùng sẽ tìm đánh chủ lực để tiêu diệt Hồng quân.

Để phối hợp với cuộc vây quét quân sự, Tưởng-Giới-Thạch lại phát động cuộc vây quét về mặt văn hóa ở khu thống trị Quốc dân đảng. Vây quét văn hóa là một cuộc đàn áp

phong trào văn hóa cách mạng chưa từng thấy trong khu Quốc dân đảng thống trị.

Muốn "tiêu diệt" văn hóa cách mạng, thì cần phải có vũ khí văn hóa. Nhưng kẻ cầm đầu văn hóa Quốc dân đảng lại là bọn "ủy viên chính phủ" và "đội trưởng mật thám" phản động triệt để, còn các nhà nghệ thuật thì thối nát, ngay cả tác phẩm "nghệ thuật vì nghệ thuật" hoặc tác phẩm "đồi trụy" cũng không viết ra được, cho nên chúng chỉ còn có cách mạt sát, áp bức, tù đày và giết chóc để tẩy chay văn hóa cách mạng, chỉ còn có cách dùng lưu manh, mật thám, côn đồ để đối phó với nhà văn cách mạng.

Không những chúng cấm xuất bản sách báo và tạp chí tiến bộ, mà còn cấm cả các loại sách hơi có tính chất cách mạng, sách bìa chữ đỏ, sách của các tác giả thuộc cánh tả hoặc tác phẩm của người Nga. Các nhà xuất bản và hiệu sách có bán sách báo tiến bộ đều lần lượt bị đóng cửa. Mặt khác, Quốc dân đảng đề xướng đọc ngũ kinh, tôn trọng Khổng-Tử, cầu thần lễ phật, cổ động chủ nghĩa phát xít, tích cực đầu độc và lừa bịp nhân dân. Giết chóc và áp bức những nhà văn cách mạng và thanh niên tiến bộ là thủ đoạn tàn bạo chưa từng có trong lịch sử. Từ khi Quốc dân đảng phản bội cách mạng cho đến năm 1935 có đến 30 vạn thanh niện bì tàn sát, còn số mất tích, bắt giam hay tù đày thì không sao kể xiết.

Bọn côn đồ Quốc dân đảng muốn dùng sự khủng bố trắng vô cùng tàn khốc để bóp chết văn hóa cách mạng, để tiêu diệt tư tưởng cộng sản và tư tượng dân chủ. Lúc bấy giờ có Lỗ-Tấn là một chiến sĩ vĩ đại nhất cương quyết nhất và đúng đắn nhất trong mặt trận văn hóa cách mạng, đại biểu cho nhân dân toàn quốc đấu tranh với địch, và đã thành một ngọn cờ cách mạng trong cuộc đấu tranh văn hóa. Cuộc "vây quét" văn hóa của Quốc dân đảng bị thất bại, về mặt này đã chứng tỏ chúng

là tập đoàn thống trị đen tối và dã man nhất, đồng thời cũng chứng tỏ lực lượng của mặt trận văn hóa cách mạng giai cấp vô sản Trung-quốc không thể phá hủy được. Chính sách tàn sát không những không giết được văn hóa cách màng mà trái lại còn chứng tỏ Quốc dân đảng không có gì cả, và phong trào văn hóa cách mạng là phong trào văn hóa duy nhất.

Tháng 10 năm 1933, sau khi chuần bị sẵn sàng, Tưởng-Giới-Thạch huy động một triệu quân đề tiến hành cuộc vây quét lần thứ năm, và dùng 50 vạn quân đề tấn công trực tiếp vào khu Trung ương. Trước lần chiến tranh này khu Trung ương có phong trào mở rộng Hồng quân, và việc tham gia bộ đội đã thành một trào lưu, có 10 vạn công nông tích cực ra mặt trận. Kinh tế khu Trung ương bắt đầu được khôi phục và phát triền, đảm bảo cung cấp cho Hồng quân và cải thiện đời sống nhân dân. Chiến lược và chiến thuật của đồng chí Mao-Trạch-Đông đã được thắng lợi nhiều lần trong khi chống vây quét. Phong trào văn hóa cách mạng ở khu thống trị Quốc dân đảng lúc bấy giờ không bị chính phủ phản động bóp chết mà lại trở thành một phong trào văn hóa duy nhất, nó đã ủng hộ mạnh mẽ cuộc chiến tranh của Hồng quân. Phong trào kháng Nhật chống Tưởng của nhân dân khu Quốc dân đảng bắt đầu lên cao, và sự kiện Phúc-kiến cũng nổ ra, bắt buộc Tưởng-Giới-Thạch cùng một lúc phải tác chiến ở hai mặt trận. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, ở Thượng-hải và nhiều thành phố lớn khác đã thành lập ban trù bị Ủy ban tự vệ vũ trang dân tộc Trung-quốc do Tống-Khánh-Linh và Mã-Tương-Bá đứng đầu, bao gồm các nhân sĩ trứ danh thuộc các tầng lớp, họ đưa ra cương lĩnh cơ bản tác chiến với Nhật của nhân dân Trung-quốc. Tất cả những cái đó đã tạo điều kiện có lợi để phá tan lần vây quét thứ năm, như thế là Hồng quân có khả năng phá tan lần vây quét này. Nhưng những người lãnh đạo của

đường lối "tả" khuynh không lợi dụng các điều kiện đó, đặc biệt là họ áp dụng đường lối quân sự hoàn toàn sai lầm, kết quả là làm cho Hồng quân đã bị thiệt hại nặng nề.

Những người lãnh đạo đường lối "tả" khuynh vẫn tiếp tục xuất phát từ quan điểm các nước đế quốc và các phái trong Quốc dân đảng nhất trí trong việc tấn công Liên-xô và cách mạng Trung-quốc, họ xao nhãng nguy cơ dân tộc nghiêm trọng do Nhật-bản xâm lược gây nên, họ tiếp tục thổi phồng nguy cơ thống trị của Quốc dân đảng và sự phát triển của lực lượng cách mạng Trung-quốc. Như thế, họ đã phán đoán một cách khoác lác rằng cuộc chiến tranh chống vây quét lần thứ năm này là một trận quyết chiến giữa chính quyền đỏ và chính quyền Quốc dân đảng, cuộc quyết chiến để kết luận ai thắng ai, họ phán đoán rằng thắng lợi của cuộc chiến tranh này là then chốt quan trọng để thực hiện thắng lợi trước trong một tỉnh hoặc vài tỉnh cho đến thắng lợi toàn quốc. Họ còn nhận xét sai lầm rằng lúc thực hiện nền chuyên chính dân chủ công nông ở những khu quan trọng Trung-quốc cũng là lúc thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Về mặt phương châm quân sự họ phản đối chiến tranh du kích và chiến tranh vận động có tính chất du kích, họ đưa ra những khẩu hiệu Hồng quân phải giữ vững trận địa, không cho quân địch chiếm một tấc đất của khu vực đỏ trong chiến tranh chống vây quét v.v...

Địch muốn cắt đứt liên lạc giữa khu Trung ương và khu Phúc-kiến, Chiết-giang, Giang-tây, nên trước hết chúng đánh chiếm Lê-xuyên. Hồng quân ở Phúc-kiến trở về, gặp địch ở Tuân-khẩu, tiêu diệt một sư đoàn địch. Hồng quân đánh trận đầu tiên bao giờ cũng rất cẩn thận, hơn nữa trận đầu phải thắng, là vì "sự thắng bại của trận đầu tiên ảnh hưởng đến cả toàn cuộc và cả đến trận đánh cuối cùng nữa." (Mao-Trạch-

Đông: Vấn đề chiến lược trong chiến tranh cách mạng Trung-quốc) Trận đánh đó đã thắng lợi, song những người lãnh đạo chủ trương đường lối quân sự phòng ngự đơn thuần không coi trận Tuân-khẩu là trận đầu tiên chống vây quét. không dựa vào sự biến đổi tất nhiên của trận này gây ra để hướng dẫn chiến tranh tiến đến thắng lợi, trái lại họ hoang mang vì mất Lê-xuyên, họ muốn lấy lại Lê-xuyên, chống cự với địch ở ngoài căn cứ địa. Trước hết họ đi đánh Tiêu-thạch là khu trắng ở miền bắc Lê-xuyên, thất bại, lại đi đánh Tư-khê-kiều ở miền đông nam, cũng thất bại nốt. Sau đó, quân ta đã hoàn toàn lâm vào cảnh bị động, chỉ lẩn quẩn giữa chủ lực và lô cốt địch.

Tháng 12, địch tấn công vào Đoàn-thôn (phía nam Lê-xuyên). Trong trận này Hồng quân bị phân tán binh lực nên không tiêu diệt được toàn bộ quân địch. Sau khi chỉnh đốn và biên chế lại, quân địch lại tiến về phía nam đánh ép căn cứ địa của ta, Hồng quân rút về giữ Đức-thắng-quan, Đại-sam-lĩnh ở biên giới Phúc-kiến và Giang-tây để yểm hộ mặt trận Kiến-ninh và Thái-ninh.

Khi sự biến Phúc-kiến xảy ra, địch rút quân đội ở phía bắc đi đánh đạo quân thứ 19, giữ thế thủ với khu Trung ương, và đắp công sự phòng ngự dài theo mặt trận. Lúc đó chính là lúc ta có thể tiêu diệt địch. Nhưng dưới sự chỉ đạo của đường lối "tả" khuynh, Hồng quân không ra đánh địch, mà lại đánh ở Ô-giang (phía đông nam Cát-thủy), Thần-cương, Đảng-khẩu, kết quả là trước sự tấn công có ưu thế của quân đội Nam-kinh và do sự chia rẽ trong nội bộ đạo quân thứ 19, Chính phủ nhân dân Phúc-kiên đã bị thất bại.

Sau sự biến Phúc-kiến, địch tập trung toàn lực tấn công Hồng quân. Quân ta cầm cự với địch ngót 9 tháng ở Khang-

đô (phía tây bắc Kiến-ninh), Kiến-ninh, Thái-ninh, và cuối cùng bị bắt buộc phải rút lui.

Sau đó, chủ lực địch từ Cam-trúc tiến về Quảng-xương. Quảng-xương là cửa bắc của khu Trung ương. Cánh quân phía bắc của địch đánh chiếm Quảng-xương là để kêu gọi các cánh quân khác hợp nhau đánh vào khu Trung ương. Những người chỉ đạo đường lối "tả" khuynh tập trung lực lượng Hồng quân để đánh trận địa chiến, lấy tập trung đối phó với tập trung, lấy lô cốt chọi với lô cốt. Nhưng quân ta trang bị kém, nên mặc dù có đánh giết được địch, nhưng vì bị ràng buộc tính cơ động, nên kết quả phải hao tổn nhiều mà không chặn được địch.

Sau chiến dịch Quảng-xương, cánh quân thứ nhất của địch tiến nhanh từ Thái-hòa tới Hưng-quốc, cánh thứ hai từ Đằng-điền tới Cổ-long-cương, cánh thứ ba tiến về Ninh-đô và Thạch-thành. Quân ta lại phân tán để giữ, và chặn đường tiến của địch. Hồng quân đã từng mở chiến dịch ở Cao-hồ-não, Vạn-niên-đình phía nam Quảng-xương, hoàn toàn dùng trận địa chiến để giành từng tấc đất. Đó là trận địa chiến đã phát triển đến mức cao nhất trong lần chống vây quét thứ năm. Tuy có giết được địch, song Hồng quân cũng bị thương vong nhiều, thiệt hại đến lực lượng của mình. Tiếp đó là chiến dịch Dịch-tiền (phía bắc Thạch-thành), Hồng quân phải rút lui từng đợt, căn cứ địa ngày càng thu hẹp.

Sau chiến dịch Dịch-tiền, Hồng quân ở mặt trận Hưng-quốc, Cao-hưng-vu, Lão-doanh-bàn đều lần lượt rút lui về phía nam Hưng-quốc.

Nói tóm lại, trong cả quá trình chống vây quét lần thứ năm, không lợi dụng thắng lợi của trận đầu tiên ở Tuân-khẩu, không chịu giúp Chính phủ nhân dân ở Phúc-kiến, chủ trương

đánh địch bằng hai quả đấm, chủ trương lấy tập trung đối phó với tập trung, chủ trương phân tán binh lực để giữ trận địa, mấy cách đó đều là đối phó tiêu cực, phân tán bị động, làm cho lực lượng Hồng quân bị thiệt hại nặng mà cũng không chặn được địch. Vì thế chiến tranh đã phải kéo dài hơn một năm mà cũng không thể phá được vây quét của địch, và cuối cùng bị bắt buộc phải rút khỏi căn cứ địa Giang-tây.

Để phá vây quét của Tưởng-Giới-Thạch giành được thắng lợi mới, Hồng quân công nông Trung-quốc bắt đầu cuộc Trường chinh từ tháng 10 năm 1934, một cuộc di chuyển lớn về chiến lược đã làm chấn động cả thế giới.

Tháng 7 năm 1934, Đảng phái quân đoàn thứ bảy tổ chức bộ đội chống Nhật tiền phong và tiến lên bắc để chống Nhật. Đạo quân đó đi qua Phúc-kiến, Chiết-giang, An-huy chuyển vào Giang-tây hội hợp với đạo quân thứ 10 của đồng chí Phương-Chí-Mẫn lãnh đạo để tổ chức thành quân đoàn thứ mười. Sau nhiều lần chiến đấu, đến cuối năm 1934 thì quân đoàn này dời tới Hoài-ngọc-sơn đánh một trận với quân đội Quốc dân đảng, quân ta thua, và đến tháng 1 năm 1935 đồng chí Phương-Chí-Mẫn bị bắt và tới tháng 7 thì hy sinh anh dũng ở Nam-xương. Sau đó bộ phần còn lại của quân đoàn này do đồng chí Túc-Dụ chỉ huy tiếp tục đánh du kích ở vùng Phúc-kiến, Chiết-giang, Giang-tây.

Tháng 8, Trung ương cho lệnh đồng chí Nhiệm-Bật-Thời rút quân đoàn thứ sáu của Hồng quân khỏi căn cứ địa Giang-tây, Hồ-nam, bắt đầu phá vòng vây, đi trước làm đội tiền phong trinh sát dọ đường cho toàn bộ chủ lực Hồng quân. Tháng 10 năm đó, quân đoàn thứ sáu hợp với quân đoàn thứ hai của đồng chí Hạ-Long ở phía đông Quý-châu, để tổ chức thành quân phương diện thứ hai, và xây dựng căn cứ địa cách mạng Hồ-nam, Hồ-bắc, Tứ-xuyên, Quý-châu.

Đến tháng 9, đạo quân 25 của Hồng quân vốn hoạt động ở khu Hồ-bắc, Hà-nam, An-huy phá vòng vây ở vùng La-sơn tỉnh Hà-nam để bắt đầu trường chinh, tiến vào miền nam Thiểm-tây, và xây dựng căn cứ địa Hồ-bắc, Hà-nam, Thiểm-tây.

Đội tiền phong chống Nhật lên bắc, quân đoàn thứ sáu của Hồng quân đánh về phía tây, đạo quân 25 tiến về Tây-bắc, đã phối hợp chặt chẽ để quân phương diện thứ nhất và cả Hồng quân trong nước mở cuộc di chuyển chiến lược đại quy mô.

Tháng 10 năm 1934, quân đoàn chủ lực của Hồng quân và nhân viên công tác trong các cơ quan ở hậu phương tất cả có độ 10 vạn người, ra đi từ Trường-thính, Ninh-hóa tỉnh Phúc-kiến và Thụy-kim, Vu-đô tỉnh Giang-tây để bắt đầu cuộc di chuyển chiến lược đại quy mô. Trước hết phá vòng phong tỏa của địch ở giữa An-viễn, Tín-phong tỉnh Giang-tây, tiến vào miền bắc tỉnh Quảng-đông; phá vòng phong tỏa thứ hai của địch ở giữa Quế-đông, Nhữ-thành tỉnh Hồ-nam, rồi chiếm Nghi-chương; phá vòng phong tỏa thứ ba của địch ở ven đường Việt—Hán, chiếm huyện Lâm-vũ. Hồng quân lại chia quân tiến về phía tây, qua sông Tiêu tiến thẳng tới biên giới Quảng-tây.

Cuối tháng 11, Hồng quân tới đông ngạn sông Tương, rồi xông về phía tây, vượt vòng phong tỏa thứ tư của địch. Tiếp đó tiến theo dãy núi Tây-diên ở Quảng-tây vào miền đông Quý-châu, đánh chiếm mấy huyện Lê-bình, Cẩm-bính, Thi-bỉnh, Dư-khánh.

Sau khi tới Lê-bình, Hồng quân chỉnh đốn hàng ngũ, khắc phục những hiện tượng rối loạn, rồi tiến thẳng về Tuân-nghĩa. Trên đường hành quân đã đánh bại bộ đội Vương-Gia-Liệt của Quốc dân đảng, vượt sông Ô và ngày 6 tháng 1 năm 1935 chiếm Tuân-nghĩa. Trung ương triệu tập Hội nghị Tuân-nghĩa nổi tiếng ở đó—Hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị Trung ương.

VI — Hội nghị Tuân-nghĩa — Hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc. Cuộc đấu tranh chống đường lối sai lầm của Trương-Quốc-Đào trong lúc Hồng quân lên bắc đánh Nhật. Cuộc Trường chinh thắng lợi.

Xuất phát từ Giang-tây, Phúc-kiến, qua Quảng-đông, Hồ-nam, Quảng-tây, đến tháng 1 năm 1935, Hồng quân tới Tuân-nghĩa tỉnh Quý-châu. Để cứu vãn tình thế Hồng quân và sự nghiệp cách mạng Trung-quốc đang nguy ngập, Đảng triệu tập Hội nghị mở rộng của Bộ Chính trị Trung ương. Do đồng chí Mao-Trạch-Đông và các đồng chí khác đã đấu tranh kiên quyết, do sai lầm của chủ nghĩa cơ hội "tả" khuynh đã làm cho đông đảo đảng viên và cán bộ bất mãn, do nhiều đồng chí trước kia phạm sai lầm "tả" khuynh, nay đã bắt đầu giác ngộ và đứng bên lập trường đúng để chống lại đường lối "tả" khuynh, cho nên, dưới sự ủng hộ của nhiều đồng chí, Hội nghị Tuân-nghĩa đã phủ định đường lối quân sự sai lầm "tả" khuynh, khẳng định đường lối quân sự đúng đắn của đồng chí Mao-Trạch-Đông, cách quyền lãnh đạo của phần tử chủ nghĩa cơ hội "tả" khuynh, xác lập lãnh đạo mới của Trung ương Đảng do đồng chí Mao-Trạch-Đông đứng đầu.

Hội nghị Tuân-nghĩa đã chấm dứt sự thống trị của đường lối "tả" khuynh ở Trung ương, nhất là đã chấm dứt sai lầm trên vấn đề quân sự của chủ nghĩa cơ hội "tả" khuynh, và xác lập địa vị lãnh đạo của đồng chí Mao-Trạch-Đông trong toàn Đảng và Trung ương Đảng. Như thế là trong giờ phút hết sức khó khăn và nguy ngập của cuộc Trường chinh, Đảng đã bảo

tồn và rèn luyện được cốt cán Hồng quân, cứu vãn nguy cơ của Đảng và sự nghiệp cách mạng. Trung ương mới do đồng chí Mao-Trạch-Đông đứng đầu bắt đầu lãnh đạo là một chuyển biến cực kỳ quan trọng của Đảng ta. Từ đó trở đi, Đảng cộng sản Trung-quốc và cách mạng Trung-quốc đã tiến lên một cách thắng lợi dưới sự lãnh đạo mác-xít—lê-ni-nít của vị lãnh tụ xuất sắc, vị lãnh tụ vĩ đại và hoàn toàn có thể tin cậy được.

Sau Hội nghị Tuân-nghĩa, về mặt quân sự Đảng áp dụng phương châm vận động chiến, chỉnh đốn hàng ngũ, bỏ bớt hành trang, vận động nhanh chóng xuất nhập như thần, đã lừa địch và đánh lạc hướng địch.

Trong Hội nghị Tuân-nghĩa, Đảng quyết định Hồng quân tiếp tục lên bắc. Lúc đó, quân đội Quốc dân đảng vội bố trí chắn đường, không cho quân ta vượt sang phía bắc Trường-giang ở Tứ-xuyên để hội hợp với quân phương diện thứ tư ở khu Tứ-xuyên và Thiểm-tây. Quân ta ở Tứ-xuyên tiến sang Uy-tín ở tỉnh Vân-nam, rồi quay về Quý-châu, tập hợp chủ lực ở Tuân-nghĩa đánh bại nhiều bộ đội truy kích của Quốc dân đảng, rồi tiến lên phía tây bắc. Bộ đội Tưởng-Giới-Thạch lại chắn đường không cho quân ta hợp với quân phương diện thứ hai. Thế là quân ta tiến sát Quý-dương, rồi từ Quý-dương tiến sang Vân-nam, chiếm Tung-minh và Tầm-điện, trực tiếp uy hiếp Côn-minh. Lúc đó quân đội Quốc dân đảng đã bị ta bỏ lại sau. Trung ương cho lệnh bộ đội vượt sông Kim-sa, để thoát khỏi vòng vây đánh của địch, đó là một khâu quan trọng trong quá trình di chuyển chiến lược. Hồng quân vượt sông Kim-sa rồi ở vùng gần Hội-lý tiếp tục tiến lên bắc. Ngày 15 tháng 5 bộ đội tiền phong của Hồng quân đã tới An-thuận-trường ở phía nam sông Đại-độ, rồi hoàn thành nhiệm vụ vượt sông Đại-độ, và đi dọc theo bờ sông tiến thẳng tới Lô-định.

Sông Đại-độ là một chi nhánh của Trường-giang, hai bên đều là núi non trùng điệp cao tới hai ba chục dặm, sông rộng hơn 1.000 mét, sâu từ 7 mét đến 10 mét, nước chảy xiết. Trong tình hình địch chặn trước đuổi sau, ngày 29 tháng 5 Hồng quân đã chiếm được cầu Lô-định—một bến sông hiểm yếu ở phía bắc An-thuận-trường. Tiếp đó là vượt sông Đại-độ, qua Thiên-toàn, Lư-sơn bắt đầu leo lên núi Giáp-kim, một ngọn núi cao ở phía nam núi tuyết lớn, ở biên giới Tứ-xuyên và Tây-khang. Ngày 16 tháng 6 Hồng quân Trung ương và quân phương diện thứ tư gặp nhau ở Mậu-công miền tây Tứ-xuyên, tiếp tục tiến lên phía bắc, leo qua một ngọn núi cao khác là Mộng-bút-sơn thuộc núi tuyết lớn, ngày 10 tháng 7 tới Mao-nhi-cái phía tây nam huyện Tùng-phan.

Lúc bấy giờ, Trương-Quốc-Đào công tác ở quân phương diện thứ tư, trước sức tấn công của địch đã tỏ ra chủ nghĩa chạy dài và chủ nghĩa quân phiệt nghiêm trọng. Hắn phủ nhận phong trào dân chủ chống Nhật toàn quốc đang lên cao, thổi phồng lực lượng của địch, coi nhẹ lực lượng của mình, mất tin tưởng nơi tiền đồ cách mạng, nên có chủ trương chia rẽ nghiêm trọng với Trung ương. Trung ương Đảng chủ trương Hồng quân phải lên bắc xây dựng căn cứ địa Tứ-xuyên—Thiểm-tây—Cam-túc để nghênh tiếp phong trào chống Nhật toàn quốc lúc bấy giờ đang lên cao, Trương-Quốc-Đào phản đối phương châm đó, đưa ra đường lối chủ nghĩa thất bại, bảo Hồng quân phải rút lui vào khu dân tộc thiểu số ở giữa Tây-khang và Tây-tạng.

Phương châm sai lầm đó của Trương-Quốc-Đào làm cho Hồng quân rời khỏi khu người Hán, kết quả tất nhiên là làm yếu hẳn lực lượng Hồng quân, làm yếu hẳn phong trào chống Nhật trong nước, và cách mạng phải bị bẻ gãy.

Hồng quân nghỉ ngơi chỉnh huấn một tháng ở vùng núi tuyết. Lúc đó Trung ương họp hai hội nghị quan trọng—Hội

nghị Mậu-công và Hội nghị Mao-nhi-cái để chống lại đường lối chủ nghĩa chạy dài của Trương-Quốc-Đào.

Sau khi nghỉ ngơi chỉnh huấn, Hồng quân chia làm hai đường tả và hữu tiếp tục tiến lên bắc. Đội quân phía hữu đi qua đồng cỏ bùn lầy hoang vu (phía tây Tùng-phan), ngày 28 tháng 8 tới Ba-tây. Đội quân phía tả sau khi tới A-ba thì Trương-Quốc-Đào tự tiện rút xuống Thiên-toàn, Lư-sơn và ra lệnh cho các đơn vị thuộc quân phương diện thứ tư đang biên chế trong đội quân phía hữu trở qua đồng cỏ để xuống phía nam, tới vùng Cam-tư tỉnh Tây-khang. Hắn đã chia rẽ Hồng quân, lại còn lập ra ngụy Trung ương, đã phá hoại sự thống nhất của Đảng và Hồng quân, lại còn muốn làm hại tới Trung ương.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông lãnh đạo một số Hồng quân kiên quyết lên bắc đi về phía Cam-túc, Thiểm-tây. Ngày 5 tháng 9 xuất phát từ Mao-long tiến vào Mân-huyện phía nam tỉnh Cam-túc, chiếm Thông-vị, vượt qua vòng phong tỏa của địch ở núi Lục-bàn, qua Cố-nguyên rồi ra Hoàn-huyện, ngày 19 tháng 10 năm 1935 đến trấn Ngô-khởi huyện Bảo-an ở miền bắc Thiểm-tây, hội hợp với Hồng quân Thiểm-bắc (miền bắc Thiểm-tây) do đồng chí Lưu-Chí-Đan lãnh đạo.

Mặt khác, tháng 11 năm 1935, quân phương diện thứ hai ở Hồ-nam, Hồ-bắc, Tứ-xuyên. Quý-châu phá vây tiến lên phía bắc, qua Hồ-nam, Quý-châu, Vân-nam tới Cam-tư ở tỉnh Tây-khang, và hội hợp với quân phương diện thứ tư lúc tháng 6 năm 1936. Vì có sự kiên nhẫn và cố gắng của các đồng chí Chu-Đức, Nhiệm-Bật-Thời, Hạ-long, Quan-Hướng-Ứng nên quân phương diện thứ tư cũng tiến lên phía bắc với quân phương diện thứ hai, trái hẳn với ý muốn của Trương-Quốc-Đào. Tháng 10 năm 1936, hai quân phương diện thứ hai và thứ tư đã hợp nhau với quân phương diện thứ nhất ở Hội-ninh và Tĩnh-ninh tỉnh Cam-túc, Trương-Quốc-Đào lại cho lệnh quân phương diện

thứ tư tiến sang Tân-cương, cho nên cánh này chỉ còn lại một bộ phận nhỏ, còn phần lớn thì do đường lối sai lầm của Trương-Quốc-Đào nên bị tiêu diệt trong khi tiến sang Tân-cương. Đây là một thiệt hại lớn nữa trong quá trình Trường chinh của Hồng quân.

Nhờ có Hội nghị Mậu-công, Hội nghị Mao-nhi-cái và Hội nghị Diên-an về sau, chống lại hoạt động phản Đảng của Trương-Quốc-Đào, và nhờ phương châm đấu tranh trong đảng đúng đắn của Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông, nên quân phương diện thứ tư đã trở về nhanh chóng dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương. Đối với sai lầm của Trương-Quốc-Đào Trung ương trước sau vẫn dùng phương châm thuyết phục giáo dục, cho đến khi hắn thành lập ngụy Trung ương cũng vẫn khoan hồng để cho hắn có cơ hội sửa chữa, song tất cả những biện pháp đầy nhân nghĩa đó cũng không cứu vãn được một kẻ chủ nghĩa cơ hội đã thối nát như thế. Cuối cùng, Trương-Quốc-Đào phản bội và rời khỏi hàng ngũ cách mạng để bán mình cho Quốc dân đảng.

Trong một năm ròng từ tháng 10 năm 1934 đến tháng 10 năm 1935, Hồng quân Trung ương đã đi qua 11 tỉnh (Phúc-kiến, Giang-tây, Quảng-đông, Hồ-nam, Quảng-tây, Quý-châu, Tứ-xuyên, Vân-nam, Tây-khang, Cam-túc, Thiểm-tây), qua những núi cao quanh năm tuyết đóng, vượt những đồng cỏ hiếm vết chân người, đã đánh bại nhiều lần bao vây và chặn đánh của quân địch, đã đi hai vạn năm nghìn dặm, vượt nhiều khó khăn và nguy hiểm về mặt quân sự, chính trị cũng như thiên nhiên, cuối cùng đã tới căn cứ địa cách mạng Thiểm-bắc để hội hợp với Hồng quân ở đấy một cách thắng lợi. Trước cuộc chống vây quét lần thứ năm, Hồng quân đã phát triển tới 30 vạn người, nhưng vì lãnh đạo sai lầm của phần tử "tả" khuynh và sự chia rẽ của Trương-Quốc-Đào đã làm cho Hồng quân bị

thiệt hại nặng nề, nên đến lúc hội hợp ở Thiểm-bắc tất cả chỉ còn không được 3 vạn người. Nhưng đó là tinh hoa quý báu nhất của Đảng và của Hồng quân, cũng là tài sản quý báu nhất của nhân bân Trung-quốc.

Ba cánh quân chủ lực của Hồng quân đã dời trận địa và hợp nhau thắng lợi, đó là một việc có ý nghĩa lịch sử vĩ đại. Đồng chí Mao-Trạch-Đông nói: "Trường chinh là lần thứ nhất trong lịch sử, Trường chinh là bản tuyên ngôn, Trường chinh là đội tuyên truyền, Trường chinh là máy gieo hạt." (Mao-Trạch-Đông: Bàn về sách lược chống đế quốc Nhật)

Trường chinh là việc mới mẻ trong lịch sử, vì lịch sử chưa từng có một cuộc Trường chinh như thế bao giờ. Trường chinh là bản tuyên ngôn, vì nó đã chứng minh Hồng quân là lực lượng vô địch, và tuyên bố phá sản cuộc vây quét của đế quốc và Tưởng-Giới-Thạch. Trường chinh là đội tuyên truyền, vì nó đã tuyên bố con đường của Hồng quân là con đường giải phóng nhân dân trong một vùng rộng rãi của Trung-quốc. Trường chinh là máy gieo hạt, vì nó đã gieo rắc nhiều giống cách mạng trong 11 tỉnh.

Cuộc Trường chinh đã kết thúc bằng thắng lợi của ta và thất bại của địch.

CHƯƠNG VII

PHONG TRÀO DÂN CHỦ CHỐNG NHẬT LẠI LÊN CAO, THỜI KỲ MỚI CỦA HÒA BÌNH TRONG NƯỚC.

(12-1935—7-1937)

I—Hoàn cảnh quốc tế từ năm 1933 tới năm 1935, chiến tranh đế quốc mới bắt đầu.

Cuộc khủng hoảng kinh tế xảy ra ở các nước tư bản lúc nửa năm cuối 1929 có khác với các cuộc khủng hoảng kinh tế trước, chủ yếu là vì nó dài nhất và sâu sắc nhất. Cuộc khủng hoảng này kéo dài cho tới cuối năm 1932, thì quá trình công nghiệp sụt kém được tạm ngưng, cuộc khủng hoảng chuyền sang tiêu điều rồi tiếp đó là công nghiệp được vượng lên ít nhiều.

Nếu lấy sản lượng công nghiệp năm 1929 của các nước tư bản làm mức 100 để so sánh, thì năm 1933 công nghiệp các nước bắt đầu lên cao đôi chút, và mấy năm sau 1933 vẫn tiếp tục lên cao. Năm 1935 tức là năm có sự biến Hoa-bắc thì sản lượng của Mỹ chiếm 75,6%, Anh 105,8%, Pháp 67,4%, Ý 93,8%, Đức 94%, Nhật 141,8%. Các nước Nhật, Anh, Đức, Ý hoặc vượt mức trước khủng hoảng (Anh và Nhật) hoặc tiến gần mức đó (Đức và Ý), còn hai nước Mỹ và Pháp so với năm 1929 thì trung bình còn sụt mất 25%.

Tại sao khủng hoảng của các nước tư bản lại có thể giảm bớt được? Trước hết là do lực lượng kinh tế trong nội bộ các nước tư bản đã gây một tác dụng nhất định, tức là các nhà tư bản lũng đoạn tăng thêm cường độ lao động của công nhân, giảm bớt giá nông sản phẩm trong nước cũng như ở thuộc địa và nửa thuộc địa. Thứ hai là kết quả của nhân tố nhân tạo do các nước chuẩn bị chiến tranh đế quốc và thực hành chính sách lạm phát tiền tệ.

Nhật-bản chính là một nước như vậy. Trong thời kỳ đó, Nhật-bản tiếp tục xâm lược Trung-quốc, từ Đông-bắc lấn sang Hoa-bắc, Nhật-bản cướp được lợi nhuận siêu ngạch ở Trung-quốc, khuếch trương quân bị, gây chiến tranh xâm lược, để bù đắp một phần thiệt hại trong cuộc khủng hoảng kinh tế, làm cho các ngành công nghiệp Nhật được lên cao và rộn rịp trong một chừng mực nào đó.

Khủng hoảng kinh tế làm cho mâu thuẫn nội bộ các nước tư bản và mâu thuẫn giữa các nước đó càng gay gắt thêm.

Một mặt, các nước đế quốc lấy chủ nghĩa Sa-vanh và chuẩn bị chiến tranh làm yếu tố cơ bản cho chính sách đối ngoại, mặt khác, về nội chính thì lấy chính sách áp bức quần chúng công nông và khủng bố phản cách mạng làm thủ đoạn tất yếu để củng cố hậu phương chiến tranh sau này. Các nước đế quốc ngày càng rơi xuống vực sâu đầy mâu thuẫn trong ngoài mà không sao giải quyết được.

Vì thế, chiến tranh đế quốc mới ngày càng đến gần, vì nó là lối thoát tạm thời của tình trạng khủng hoảng.

Nhất là Đức, Ý, Nhật là ba nước đế quốc hiếu chiến, về mặt nội chính, đã tiêu diệt tận gốc chế độ dân chủ tư sản và dùng thủ đoạn khủng bố công khai để thực hiện chuyên chính phát xít.

Về chính sách đối ngoại, ba nước đó còn chưa bằng lòng với công ước chín nước và điều ước Véc-xây, cho rằng các điều ước

đó đã cản trở hành động xâm lược của chúng. Thế là ba nước xâm lược đó thành nơi gây ra chiến tranh. Ý chiếm Ê-ti-ô-pi, làm cho mâu thuẫn giữa Anh và Ý càng thêm lan rộng. Đức yêu cầu các nước láng giềng sửa đổi ranh giới và chuẩn bị chiếm Áo, Tiệp-khắc và Ba-lan. Sau khi chiếm Đông-bắc của Trung-quốc, Nhật-bản phát động cuộc tấn công mới vào Hoa-bắc và cả Trung-quốc. Đức và Ý xé điều ước Véc-xây, Nhật-bản xé công ước chín nước, cả ba đều rút khỏi Hội quốc liên.

Vấn đề lấy chiến tranh để chia cắt lại thế giới đã được đặt ra.

Chiến tranh mới là do những người cầm quyền ba nước xâm lược Đức, Ý và Nhật gây ra ở các nơi trên thế giới. Chiến tranh này là một cuộc chiến tranh phản đối phong trào giải phóng dân tộc và phản đối lợi ích của đế quốc Anh, Pháp, Mỹ, vì mục đích của nó là muốn chia cắt lại đất đai và phạm vi thế lực trên thế giới, có lợi cho nước xâm lược và thiệt hại cho nước bị xâm lược và các nước đế quốc khác.

Thế là liên minh ba nước xâm lược đó bắt đầu hình thành.

Trong thời kỳ đó, sản xuất công nghiệp Liên-xô ngày càng lên cao, năm 1929 là 100, năm 1935 lên tới 293,4%, tăng gần gấp ba.

Công nghiệp của Liên-xô lên cao không những chỉ biểu hiện ở mặt tăng gia sản lượng, mà còn quan trọng hơn nữa là nó làm cho kết cấu xã hội Liên-xô có sự thay đổi căn bản, tức là trong thời kỳ đó Liên-xô đã biến từ một nước nông nghiệp thành một nước công nghiệp, từ một nước nông nghiệp cá thể thành một nước nông nghiệp tập thể cơ giới hóa.

Vì Liên-xô công nghiệp hóa rất nhanh, nên công nghiệp đã chiếm địa vị thứ nhất trong tổng sản lượng kinh tế quốc dân, năm 1933 là 70,4%, Liên-xô đã trở thành một nước công nghiệp.

Quá trình từ một nước nông nghiệp tới một nước công nghiệp của Liên-xô là quá trình tiêu diệt thành phần tư bản

chủ nghĩa. Tỷ lệ hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế tuyệt đối trong công nghiệp. Năm 1935, trong số sản phẩm công nghiệp Liên-xô thì sản xuất của công nghiệp xã hội chủ nghĩa chiếm 99,96%, thành phần tư bản chủ nghĩa trong công nghiệp đã bị tiêu diệt, hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa là hệ thống duy nhất trong công nghiệp Liên-xô.

Về mặt nông nghiệp, nếu tính theo diện tích cày cấy thì năm 1933 kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm 84,5%, kinh tế cá thể nông dân chỉ chiếm 15,5%, nông trường tập thể đã thắng lợi và sẽ thắng lợi mãi, nông dân Liên-xô đã đứng hẳn về bên xã hội chủ nghĩa.

Chính sách đối ngoại của Liên-xô xưa nay vẫn là phản đối chiến tranh, bảo vệ hòa bình, vì thế, lợi ích của Liên-xô đòi hỏi Liên-xô phải gần gụi một số nước không muốn phá hoại hòa bình.

Sau khi ba nước Đức, Ý, Nhật ra khỏi Hội quốc liên, thì cuối năm 1934 Liên-xô vào Hội quốc liên. Tuy Hội quốc liên là một tổ chức yếu ớt, song nó vẫn là nơi có thể vạch mặt kẻ xâm lược, cho nên Liên-xô dùng nó để đấu tranh chống xâm lược. Tháng 5 năm 1935, Liên-xô ký kết hiệp ước tương trợ với Pháp và Tiệp-khắc. Tháng 3 năm 1936, Liên-xô cũng ký hiệp ước tương trợ với nước Cộng hòa nhân dân Mông-cổ.

II— Sự thành hình của tư bản quan liêu Trung-quốc. Khu thống trị Quốc dân đảng ngày càng thuộc địa hóa. Cuộc đấu tranh giữa đế quốc Mỹ, Anh, Nhật ở Trung-quốc.

Sau khi thành lập chuyên chính phát xít ở Nam-kinh thì bọn phản động Quốc dân đảng bắt đầu thành lập tổ chức lũng

đoạn kinh tế tư bản quan liêu mà đại biểu là bốn gia tộc lớn, tức Tưởng-Giới-Thạch, Tống-Tử-Văn, Khổng-Tường-Hy với Trần-Lập-Phu và Trần-Quả-Phu.

Trung tâm hoạt động lũng đoạn của bốn gia tộc lớn là bốn ngân hàng lớn: Trung ương, Trung-quốc, Giao thông và Nông dân. Ngân hàng Trung ương của Quốc dân đảng thành lập vào tháng 11 năm 1928, là một ngân hàng của Nhà nước có quyền quản lý quỹ Nhà nước, phát hành giấy bạc, đúc tiền, phát hành công trái v.v... Từ năm 1928 đến năm 1935, Tưởng-Giới-Thạch dùng cách Chính phủ vào cổ phần để chi phối ngân hàng Trung-quốc và ngân hàng Giao thông, là cột trụ tài chính của chính phủ quân phiệt Bắc-dương trước kia. Năm 1935 thành lập ngân hàng Nông dân Trung-quốc, do ngân hàng Nông dân bốn tỉnh Hà-nam, Hồ-bắc, An-huy, Giang-tây cũ đổi tên.

Bốn ngân hàng lớn chiếm địa vị lũng đoạn trong ngân hàng toàn quốc. Năm 1936, tư sản của bốn ngân hàng đó chiếm 59% số tư sản của tất cả ngân hàng toàn quốc, số tiền gửi trong ngân hàng cũng chiếm 59%, phát hành 78% bạc giấy thu đổi. Thực ra bốn ngân hàng đó là ngân hàng của ngân hàng toàn quốc, là kẻ lũng đoạn thương nghiệp, công nghiệp và nông nghiệp toàn quốc.

Tháng 11 năm 1935, để vơ vét của cải nhân dân trong nước biến thành của riêng của bốn gia tộc lớn, Chính phủ Tưởng-Giới-Thạch thực hành chính sách pháp tệ, phát hành giấy bạc không thu đổi. Đó là một phương thức bóc lột tàn khốc nhất. Đến tháng 7 năm 1937 trước ngày chiến tranh chống Nhật bùng nổ, số tiền pháp tệ đã phát hành có tới 1.400 triệu đồng.

Trung tâm hoạt động của bốn gia tộc lớn là bốn ngân hàng lớn, trước hết chúng vơ vét và lũng đoạn về mặt thương nghiệp. Họ Tống tổ chức Tờ-rớt (trust) thương mại rất lớn trong ngành bông, gạo và bách hóa, để lũng đoạn hoạt động thương nghiệp toàn quốc.

Hai năm 1935 và 1936 là thời kỳ khủng hoảng công thương nghiệp dân tộc, vì sau khi bốn gia tộc lớn đã nắm được cả ngành ngân hàng thì chúng lại xoay qua khống chế và lũng đoạn ngành công nghiệp. Dưới hình thức Chính phủ xây dựng, ngoài việc nuốt sống công nghiệp quan liêu sẵn có, bốn gia tộc lớn còn thành lập Ủy ban tư nguyên là cơ quan chủ yếu để lũng đoạn công nghiệp toàn quốc. Các nhà máy của bốn gia tộc lớn kinh doanh như nhà máy tung-sten, nhà máy luyện thép, nhà máy cơ khí v.v... đều hợp tác với đế quốc cả. Dưới hình thức doanh nghiệp của nhà buôn, bốn gia tộc lớn đã lợi dụng lúc người khác khốn đốn để cướp quyền trông coi và quyền sở hữu công nghiệp dân doanh, bằng các phương thức tăng thêm vốn, cải tổ, cho vay nặng lãi, nhất là công nghiệp dệt. Nửa năm đầu 1937 số ống suốt của các nhà máy dệt của bốn gia tộc kinh doanh chiếm 13% tổng số ống suốt trong các nhà máy dệt toàn quốc.

Về mặt cướp đoạt nông nghiệp, bốn gia tộc là địa chủ to nhất của Quốc dân đảng, bóc lột nông dân tàn tệ. Chúng còn dùng chính sách phản động bắt buộc nông dân nộp nhiều thứ sưu cao thuế nặng, cưỡng ép đi phu đi lính và trưng dụng ruộng đất của nông dân, thực tế thì nông dân cả nước đều là đối tượng bóc lột của bốn gia tộc lớn.

Bốn gia tộc lớn là con ma hút máu lớn nhất trong nước, chúng cướp đoạt của cải của nhân dân cả nước, bằng hình thức lũng đoạn tài chính, thương nghiệp, công nghiệp và nông nghiệp.

Tưởng-Giới-Thạch bán chủ quyền Trung-quốc để mua viện trợ bên ngoài, và kéo dài nền thống trị phản động. Quá trình thống trị phản động của tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch cũng là quá trình đế quốc biến Trung-quốc thành thị trường thuộc địa.

Tư bản lũng đoạn của đế quốc đã ăn sâu và chiếm địa vị chi phối trong các ngành kinh tế quốc dân Trung-quốc. Năm 1936, tư bản nước ngoài chiếm 55,7% tổng sản lượng than trong

nước. Hầu hết các mỏ sắt đều bị tư bản Nhật khống chế. Năm 1937, đế quốc chiếm 90,7% số vốn bỏ vào đường sắt Trung-quốc. Năm 1936 tàu ngoại quốc chiếm 81,9% số vận tải trên sông Trường-giang. Năm 1936, sức phát điện của tư bản ngoại quốc chiếm 55%. Trong tổng số tư sản ngân hàng, thì tư bản nước ngoài chiếm 20,8%. Song thực lực của ngân hàng nước ngoài không thể chỉ căn cứ vào số vốn ở Trung-quốc của họ, vì ngân hàng nước ngoài còn có đặc quyền phát hành giấy bạc, quản lý thuế hải quan, thuế muối, giá cả ngoại hối cũng do ngân hàng nước ngoài thao túng. Năm 1936, số ống suốt sợi trong các nhà máy sợi của nước ngoài chiếm 46,2% tổng số trong nước, số ống suốt chỉ chiếm 67,4%, số máy dệt vải chiếm 56,4%. Năm 1935, trong số tổng sản lượng thuốc lá đã bị nhà buôn nước ngoài chiếm 58%.

Nói tóm lại, trước khi chiến tranh chống Nhật, trong khu thống trị Quốc dân đảng, đế quốc đã lũng đoạn ngành than, luyện sắt, đường sắt, vận tải đường thủy, khống chế tài chính Trung-quốc, tư bản ngoại quốc đã chiếm địa vị thống trị trong một số ngành công nghiệp, nhất là ngành dệt và ngành thuốc lá.

Số vốn của đế quốc bỏ vào Trung-quốc không phải từ bên ngoài đưa vào mà là cướp đoạt ở Trung-quốc. Phương thức cướp đoạt của chúng là bắt bồi thường chiến tranh, chiếm đất Trung-quốc, lừa lấy quyền sở hữu của xí nghiệp, thu hút vốn Trung-quốc. Vì đế quốc chỉ đem vào Trung-quốc một số vốn rất ít, mà cướp đoạt được rất nhiều lợi nhuận, cho nên, kết quả là làm cho Trung-quốc mất thăng bằng trong thu chi quốc tế. Trong 43 năm từ năm 1894 đến năm 1937, tình hình thu chi quốc tế của Trung-quốc là: thu nhập quốc tế 1.736 triệu Mỹ kim, chi xuất quốc tế 3.437 triệu Mỹ kim. Con số không thăng bằng đó, một mặt là do số nhập quá mức trong mậu dịch đối ngoại, một mặt là do đế quốc cướp đoạt.

Sự bành trướng của tư bản lũng đoạn các nước đế quốc ở Trung-quốc đã phải trải qua cuộc đấu tranh quyết liệt mới thực hiện được.

Thứ nhất, năm 1936, trong số 4.285 triệu Mỹ kim vốn của các nước đế quốc bỏ vào Trung-quốc thì nước Anh chiếm 1.045 triệu Mỹ kim, so với số 1.047 triệu Mỹ kim hồi năm 1930 thì số đầu tư của Anh vẫn đứng y một chỗ. Mỹ có tất cả hơn 340 triệu Mỹ kim, so với số hơn 285 triệu Mỹ kim hồi năm 1930, đã tăng độ 20%, song số tiền đầu tư của Mỹ vẫn rất ít. Nhật có tất cả hơn 2.096 triệu Mỹ kim, so với số hơn 1.411 triệu Mỹ kim hồi năm 1930, thì tăng 48%. Trong thời gian đó, Nhật bỏ vốn nhiều nhất và phát triển nhanh nhất, chiếm một nửa tổng số bỏ vốn của các nước.

Thứ hai, năm 1936 số vốn Nhật bỏ vào Đông-bắc Trung-quốc tất cả là hơn 1.455 triệu Mỹ kim, chiếm hơn hai phần ba tổng số đầu tư. Nhưng trong thời kỳ này, Nhật bỏ vốn ở miền nam Sơn-hải-quan rất ít, và cũng không thấy tăng gia rõ rệt. Chỉ có Mỹ là tăng gia số đầu tư ở miền nam Sơn-hải-quan tới 40%, trong số nợ của Chính phủ Quốc dân đảng vay, có hơn hai phần ba là vay của Mỹ.

Thứ ba, năm 1936, trong số vốn hơn 1.369 triệu Mỹ kim của các nước bỏ vào xí nghiệp ở miền nam Sơn-hải-quan thì của Anh nhiều nhất, tức là hơn 651 triệu Mỹ kim, thứ hai là Nhật-bản, có hơn 305 triệu Mỹ kim, Mỹ ít nhất, có hơn 210 triệu Mỹ kim. Trong số vốn hơn 281 triệu Mỹ kim của các nước đế quốc bỏ vào các ngành chế tạo ở miền nam Sơn-hải-quan, thì nhiều nhất là Nhật, có hơn 140 triệu, nước Anh thứ hai, hơn 107 triệu Mỹ kim, Mỹ ít nhất, chỉ có hơn 20 triệu Mỹ kim.

Tư bản lũng đoạn của đế quốc ở Trung-quốc phát triển rất không đều.

Trong thời kỳ đó, Nhật tiếp tục xâm lược Hoa-bắc, lũng đoạn nghề bông, nghề điện, tài chính, nghề mỏ, đường sắt và

hải cảng v.v... ở đó, và đưa rất nhiều hàng hóa vào các tỉnh Hoa-bắc, có nhiều thứ hàng Nhật còn nhập cảng lậu thuế nữa. Các nhà máy sợi của Nhật ở Thượng-hải càng tích cực mở rộng để chèn ép và cướp đoạt nhà máy của người Trung-quốc.

Chính sách chinh phục Trung-quốc của đế quốc Nhật đã làm nguy hại nghiêm trọng đến lợi ích của đế quốc Anh, Mỹ ở Hoa-bắc, Hoa-trung và làm rúng động cả nền kinh tế của bốn gia tộc lớn.

Thế là mâu thuẫn và chia rẽ giữa đế quốc Anh, Mỹ, bốn gia tộc lớn là người thay mặt chúng ở Trung-quốc, với đế quốc Nhật ngày càng mở rộng và sâu sắc thêm.

Mùa hạ năm 1935, đoàn khảo sát kinh tế của Mỹ tới Trung-quốc. Mùa đông năm đó Rich-rô (Reith Ross) cố vấn kinh tế của Chính phủ Anh cũng đến Trung-quốc. Dưới sự sai khiến của Anh, Mỹ, Chính phủ Tưởng-Giới-Thạch thực hành chính sách pháp tệ, quy định tất cả bạc giấy của ba ngân hàng Trung ương, Trung-quốc và Giao thông phát hành là pháp tệ và tuyên bố tất cả bạc đồng là của chính phủ. Pháp tệ có liên hệ với đồng bung của Anh, hối đoái với bên ngoài, quy định một đồng bạc Trung-quốc bằng một hào hai xu rưỡi tiền Anh (tức một shilling hai pennies rưỡi). Pháp tệ của Tưởng-Giới-Thạch lấy ngoại hối làm bản vị, giá trị của đồng bạc do giá ngoại hối quyết định. Để giữ vững giá ngoại hối, Trung-quốc đã đưa ra rất nhiều bạc thật sang Mỹ, làm cho Mỹ được lợi nhiều. Cho nên kết quả của chính sách pháp tệ làm cho Mỹ kim và bung Anh hoàn toàn chi phối tiền tệ của chính phủ Tưởng-Giới-Thạch.

Đấu tranh giữa các nước đế quốc đã làm cho nội bộ Quốc dân đảng phân hóa và chính sách đối với Nhật của Chính phủ Nam-kinh phải dao động. Bọn cầm quyền Quốc dân đảng chia làm hai phái, phái thân Nhật và phái Âu Mỹ. Vì áp lực của

cao trào chống Nhật trong nhân dân và ảnh hưởng của Chính phủ Anh Mỹ, nên phái Âu Mỹ trong Chính phủ Nam-kinh đã bắt đầu thay đổi thái độ đối với Nhật.

Cuối năm 1935 xảy ra vụ ám sát Uông-Tinh-Vệ là đầu sỏ của phái thân Nhật và Đường-Hữu-Nhâm, một tên lâu la trong phái ấy. Sau đó, Chính phủ Quốc dân đảng cải tổ, phái thân Nhật xuống, phái Tưởng-Giới-Thạch thân Âu, Mỹ lên cầm quyền, sự liên hợp giữa Tưởng-Giới-Thạch và Uông-Tinh-Vệ do đó cũng tan rã. Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 1936, Đại sứ Nhật ở Trung-quốc là Ka-va-khô-ê đã đàm phán nhiều lần với Trương-Quần, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của Chính phủ Tưởng-Giới-Thạch, nhưng Chính phủ Nam-kinh dùng cách kéo dài, làm cho cuộc đàm phán không kết quả và phải ngưng trệ.

Năm 1935, lúc xảy ra sự biến Hoa-bắc, vì mâu thuẫn giữa Trung-quốc và Nhật-bản đã trở nên mâu thuẫn chính, quan hệ quốc tế và quan hệ giai cấp trong nước cũng thay đổi nhiều. Sau tháng 5 năm 1936, Đảng căn cứ vào sự thay đổi đó để áp dụng chính sách bắt buộc Tưởng-Giới-Thạch phải chống Nhật, và đưa ra nhiệm vụ kết hợp mặt trận thống nhất dân tộc chống Nhật của Trung-quốc với mặt trận hòa bình thế giới chống phát xít.

III— Đế quốc Nhật xâm chiếm miền bắc Trung-quốc. Đảng cộng sản Trung-quốc ra bản tuyên ngôn cứu quốc chống Nhật. Phong trào toàn quốc cứu quốc chống Nhật lại lên cao.

Năm 1935, quân xâm lược Nhật lại tấn công miền bắc Trung-quốc.

Chính phủ Nhật-bản lên tiếng cho Nhật là người chủ châu Á, là người bảo hộ Trung-quốc, không nước nào có thể nhúng tay vào Trung-quốc, và Trung-quốc không thể có quan hệ gì với bất cứ một nước nào ngoài Nhật-bản. Nhật tuyên bố Trung-quốc là thuộc địa riêng của Nhật và công khai chèn lấn các đế quốc khác. Đó là phương châm cơ bản trong bản tuyên bố ngày 17 tháng 4 năm 1934 của Bộ Ngoại giao Nhật.

Lúc đó Tưởng-Giới-Thạch còn có cái mộng dung thân ở phía nam Hoàng-hà. Nhưng ngày 29 tháng 5 năm 1935, quân phiệt Nhật lấy cớ Trung-quốc viện trợ Quân nghĩa dũng Đông-bắc, đưa ra những yêu cầu hết sức vô lý và điều động quân đội từ ngoài Trường thành vào trong Trường thành, uy hiếp Thiên-tân, Bắc-kinh, lại nói rõ nếu Chính phủ Nam-kinh không tiếp nhận những yêu cầu của chúng, thì chúng sẽ "tự do hành động".

Chính phủ Nam-kinh đã hoàn toàn khuất phục trước tấn công quân sự mới đó, và ký kết "hiệp định Hà-Ứng-Khâm—U-mê-du Yô-xi-di-rô" với Nhật, một hiệp định bán nước rất nhục nhã. Theo hiệp định đó thì Quốc dân đảng phải xóa bỏ Đảng bộ tỉnh Hà-bắc, Bắc-kinh, Thiên-tân, rút hiến binh, quân Trung ương và quân Đông-bắc khỏi tỉnh Hà-bắc, cách chức chủ tịch tỉnh Hà-bắc và hai thị trưởng thành phố Bắc-kinh, Thiên-tân, xóa bỏ ban chính huấn của phân hội quân sự Bắc-kinh, thủ tiêu phong trào chống Nhật trong tỉnh Hà-bắc. Nhật bảo sao, Quốc dân đảng đều nghe vậy. Thế là đế quốc Nhật đã thực hành chính sách hoàn toàn chinh phục Trung-quốc.

Ngày 5 tháng 6, Nhật viện cớ quân đội Trung-quốc giam giữ nhân viên đặc vụ của Nhật, tức là vụ Trương-bắc, để yêu cầu cách chức Tống-Triết-Nguyên, là chủ tịch tỉnh Sát-cáp-nhĩ.

Tháng 10, Nhật xui giục "dân đói" ở 4 huyện Hương-hà, Xương-bình, Vũ-thanh, Tam-hà ở miền đông tỉnh Hà-bắc làm

loan và tổ chức "Hội duy trì" ở huyện Hương-hà. Tháng 11 Nhật lại xui giục tên Hán gian Ân-Nhữ-Canh thành lập chính quyền bù nhìn gọi là "Chính phủ tự trị phòng Cộng miền đông Hà-bắc", rồi câu kết với Lý-Thủ-Tín và Tơ-mu-xuc để tổ chức "Chính phủ tự trị Nội-Mông".

Để thích ứng yêu cầu "đặc biệt hóa chính quyền Hoa-bắc" của Nhật, Chính phủ Nam-kinh phái Tống-Triết-Nguyên, Vương-Ấp-Đường, Vương-Khắc-Mẫn thành lập "Ủy ban chính vụ Hà-bắc, Sát-cáp-nhĩ", đặt hai tỉnh này ra ngoài khu vực hành chính Trung-quốc, để trở thành "nước Mãn châu" trá hình.

Trước nguy cơ dân tộc rất nghiêm trọng đó, phong trào chống Nhật trong nước càng lên cao.

Ngày 1 tháng 8 năm 1935, Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc ra tuyên ngôn "kêu gọi toàn thể đồng bào chống Nhật cứu quốc", khuyên toàn thể nhân dân, trong lúc cái họa mất nước và tiêu diệt giống nòi đã tới trước mắt, dù trước kia hay bây giờ có chính kiến và quyền lợi khác nhau, đều phải đoàn kết nhất trí, chung sức chống Nhật.

Bản tuyên ngôn đó kêu gọi tất cả những ai đã bằng lòng chống Nhật cứu quốc cùng chính phủ dân chủ công nông, Hồng quân và quân đội kháng Nhật khác đứng lên tổ chức chính phủ quốc phòng và liên quân chống Nhật thống nhất.

Sau khi Trung ương Đảng và chủ lực Hồng quân đã tới vùng Tây-bắc một cách thắng lợi và hội hợp với Hồng quân Thiểm-tây, Cam-túc, thì ngày 13 tháng 11 năm 1935 Trung ương Đảng ra tuyên ngôn chỉ rõ đế quốc Nhật muốn biến Trung-quốc thành thuộc địa và Tưởng-Giới-Thạch bán nước là một nguy cơ lớn cho dân tộc, vì thế chống Nhật phản Tưởng là con đường duy nhất của nhân dân Trung-quốc để mưu lấy sống còn. Bản tuyên ngôn đã nhấn mạnh cuộc đấu tranh chống Nhật phản Tưởng là do Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo, kêu gọi toàn

dân đứng lên và tổ chức lại, ủng hộ chủ trương đó là chủ trương mưu lấy sống còn duy nhất đúng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, tháng 11 năm 1935 ở Bắc-kinh thành lập Hội liên hiệp học sinh Bắc-kinh. Hội này tổ chức cuộc thỉnh nguyện đại quy mô, chống phong trào tự trị giả ở Hoa-bắc. Ngày 9 tháng 12 có năm sáu nghìn học sinh ở Bắc-kinh cử hành phong trào thỉnh nguyện yêu nước lớn lao, yêu cầu Chính phủ Quốc dân đảng chấm dứt nội chiến, nhất trí chống Nhật và đưa ra điều kiện cơ bản để chống Nhật cứu quốc; Chính phủ Quốc dân đảng dùng thủ đoạn tàn sát và bắt bớ rất dã man để đối phó với phong trào yêu nước đó. Nhưng phong trào không bị dập tắt, cuộc đấu tranh của quần chúng học sinh với quy mô to lớn hơn đang tiếp tục chuẩn bị. Ngày 10 tháng 12 tất cả trường học Bắc-kinh tổng bãi khóa, và lần lượt thành lập hội học sinh, làm công tác tuyên truyền và tổ chức chống Nhật.

Ngày 16 tháng 12 là ngày thành lập "Ủy ban chính vụ Hà-bắc Sát-cáp-nhĩ", hơn ba vạn học sinh và dân phố Bắc-kinh, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, tổ chức cuộc biểu tình thị uy yêu nước lớn lao. Quần chúng vượt qua vòng vây và tập kích của quân đội và cảnh sát Quốc dân đảng, để họp mít tinh ở Thiên-kiều, và biểu tình thị uy. Dưới áp lực của quần chúng, chính phủ bù nhìn, tức "Ủy ban chính vụ Hà-bắc—Sát-cáp-nhĩ" phải tuyên bố hoãn ngày thành lập.

Phong trào yêu nước ngày 9 và ngày 16 tháng 12 đã phá nền thống trị khủng bố của Chính phủ Quốc dân đảng liên minh với đế quốc Nhật, và được học sinh toàn quốc hưởng ứng rất nhanh chóng, do đó phong trào cứu quốc cũng được lan rộng khắp nước rất nhanh.

Sau phong trào yêu nước này, dưới sự lãnh đạo của Đảng, học sinh đi vào quần chúng công nông mở rộng cơ sở phong trào

chống Nhật. Trong đấu tranh kết hợp với công nông này, thanh niên học sinh đã được giáo dục và rèn luyện thêm nhiều.

Học sinh Bắc-kinh và Thiên-tân tổ chức đoàn tuyên truyền mở rộng để đi sâu vào nông dân làm công tác tuyên truyền và tổ chức, lập trường học đêm cho công nhân và nông dân, và trên cơ sở đó thành lập đội tiền phong giải phóng dân tộc Trung-hoa dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc. Tổ chức này được lan rộng khắp nước rất nhanh. Sau khi chiến tranh chống Nhật bùng nổ, có rất nhiều thanh niên học sinh đã hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, tham gia chiến tranh du kích chống Nhật, sự kết hợp giữa phần tử trí thức với quần chúng công nông lại càng phát triển hơn trước.

Tiếp đó, nhân dân toàn quốc lần lượt tổ chức Hội cứu quốc các giới, tháng 5 năm 1936 Hội liên hợp cứu quốc các giới toàn quốc được thành lập ở Thượng-hải.

Lúc bấy giờ, chống Nhật cứu quốc không phải là nguyện vọng riêng của nhân vật tiến bộ mà là hành động và yêu cầu chung của nhân dân khắp nước, cao trào mới của cách mạng đã bắt đầu lên cao trong phạm vi toàn quốc.

IV— Hội nghị Trung ương tháng 12 của Đảng cộng sản Trung-quốc. Đảng xác định sách lược mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật.

Khi cách mạng bắt đầu trở lại cao trào thì cần phải phân tích đúng đắn hình thế trong nước từ ngày Nhật tấn công đến nay để quyết định chính sách mới của Đảng. Sau khi quân đội Trường chinh đã tới Thiểm-bắc, ngày 25 tháng 12 năm 1935 Bộ Chính trị của Trung ương Đảng họp ở Ngọa-diêu-bảo tỉnh

Thiềm-tây, Quyết định sách lược xây dựng mặt trận thống nhất dân tộc chống Nhật, thông qua "nghị quyết về tình hình chính trị hiện nay và nhiệm vụ của Đảng". Quyết nghị đó đã phân tích toàn diện tình hình chính trị lúc bấy giờ, sự thay đổi của quan hệ giai cấp trong nước, và xác định sách lược của Đảng. Bản quyết nghị chỉ rõ Nhật muốn biến Trung-quốc thành thuộc địa là đặc điểm của hình thế lúc bấy giờ, trong sinh hoạt chính trị Trung-quốc thì các giai cấp, các đảng phái và lực lượng vũ trang của các đảng phái đó cũng đang thay đổi quan hệ giữa nhau, không những công nhân, nông dân, giai cấp tiểu tư sản kiên quyết yêu cầu chống Nhật, mà trong giai cấp thống trị cũng có một số người yêu cầu chống Nhật, nội bộ của chúng đang có mâu thuẫn và chia rẽ, cho nên nhiệm vụ của Đảng là phải dùng mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi nhất để phát động tất cả lực lượng chống Nhật trong nước và đẩy mạnh chiến tranh chống Nhật. Bản nghị quyết phản đối chủ nghĩa "tả" khuynh đóng cửa và chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, là nguy hiểm chủ yếu trong Đảng lúc bấy giờ. Ngày 27 tháng 12 đồng chí Mao-Trạch-Đông căn cứ vào bản quyết nghị đó đã đọc bản báo cáo đầu đề là "Bàn về sách lược chống đế quốc Nhật" trong hội nghị phần tử hoạt động của Đảng, bản báo cáo đó là cơ sở lý luận của mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật do Đảng đưa ra.

Thứ nhất, bản báo cáo đó đã chỉ rõ đặc điểm cơ bản của tình hình lúc bấy giờ là "Nhật muốn biến Trung-quốc thành thuộc địa của nó", nhất là sau sự biến Hoa-bắc, Nhật-bản xâm lược đã uy hiếp đến sống còn của nhân dân toàn quốc. Như thế đã làm cho mâu thuẫn dân tộc Trung-quốc và Nhật-bản trở thành mâu thuẫn chủ yếu, còn mâu thuẫn giai cấp trong nước đã xuống địa vị thứ hai. Đứng trước quân Nhật xâm lược, công nhân, nông dân và giai cấp tiểu tư sản Trung-quốc đều yêu cầu chống Nhật, trong đó công nhân và nông dân là lực lượng kiên

quyết nhất. Còn giai cấp tư sản dân tộc thì sau năm 1927 họ đã đứng sang bên Tưởng-Giới-Thạch rồi, xa rời bạn đồng minh của mình là giai cấp công nhân để làm bạn với giai cấp địa chủ mại bản, thật ra họ cũng chẳng được ích lợi gì.

Sau sự biến ngày 18 tháng 9, giai cấp tư sản dân tộc bị đả kích nặng về mặt kinh tế. Trước hết là trong 5 năm từ 1926 đến 1930, số sợi nhập khẩu hàng năm của Đông-bắc, là 12.888.977 lạng hải quan, mà hàng Trung-quốc có 9.906.183 lạng tức là 77%, vải bông thì chiếm 13.857.174 lạng trong số 53.199.255 lạng tức là 26%. Vì mất thị trường trọng yếu như thế và do nhiều nguyên nhân khác, nên sau năm 1931 các xưởng sợi Trung-quốc thường xuyên có hơn một triệu ống suốt phải nghỉ công. Thứ nữa, trước sự biến ngày 18 tháng 9 mỗi năm Đông-bắc sản xuất độ 10 triệu tấn than, đó là một vùng sản xuất than quan trọng trong nước, số than xuất khẩu chiếm độ một nửa. Nhiều công xưởng ở Hoa-bắc trước kia đều nhờ Đông-bắc cung cấp than. Nhưng sau năm 1931 Nhật-bản hoàn toàn khống chế các mỏ than Đông-bắc, vì thế việc cung cấp nhiên liệu công nghiệp cho Hoa-bắc bị ảnh hưởng lớn lao. Cuối cùng là đỗ tương Đông-bắc mỗi năm sản xuất bốn năm triệu tấn, trong đó có một nửa xuất khẩu. Đỗ tương Đông-bắc là một trong những thứ hàng quan trọng bán ra nước ngoài để đổi lấy ngoại hối. Đông-bắc bị Nhật chiếm thì đỗ tương cũng bị Nhật cướp đoạt, vì thế mà ảnh hưởng đến thu nhập quốc tế và ngoại hối (tỷ lệ của tổng số xuất khẩu trong thu nhập quốc tế của Trung-quốc trong năm 1930 là 61%, nhưng năm 1933 chỉ còn 42%), làm cho những người công thương nghiệp Trung-quốc bị thiệt hại nặng trên mậu dịch đối ngoại và thị trường quốc tế.

Từ năm 1931 đến năm 1936, những công xưởng của Nhật-bản nhất là nhà máy dệt vải ở các tỉnh vùng Hoa-bắc ngày càng tích cực mở rộng, sát nhập và nuốt trửng các xưởng Trung-hoa.

Hoa-bắc có hai trung tâm của ngành dệt, một là Thanh-đảo, hai là Thiên-tân. Thanh-đảo vốn là nơi nhà máy sợi của Nhật chiếm ưu thế. Còn Thiên-tân thì năm 1931 Nhật còn chưa có nhà máy sợi kinh doanh một mình, song đến năm 1936 thì số ống suốt của nhà máy sợi Nhật đã chiếm 55,2% tổng số ống suốt của cả thành phố, máy dệt vải chiếm 32,9%. Thượng-hải là trung tâm lớn nhất của ngành dệt Trung-quốc, từ năm 1931 đến năm 1936, số ống suốt của nhà máy Nhật từ 51% xuống 49,9%, số máy dệt vải từ 52,8% tăng lên 57,7%, số ống suốt của nhà máy Trung-quốc từ 41,9% trở thành 41,8%, máy dệt vải từ 34% xuống 29,1%. Trong 5 năm số máy dệt vải của Nhật tăng 5%, số máy dệt vải của Trung-quốc sụt 5%. Trong thời kỳ đó Nhật đã chiếm được địa vị ưu thế trong ba trung tâm ngành dệt lớn nhất là Thượng-hải, Thiên-tân, Thanh-đảo.

Giai cấp tư sản dân tộc đang đứng trước nguy cơ nước nhà sắp bị biến thành thuộc địa và công thương nghiệp dân tộc bị phá sản hoặc nửa phá sản, vì thế thái độ chính trị của họ có khả năng thay đổi, tức là có khả năng tham gia đấu tranh chống Nhật hoặc đứng trung lập.

"Ngay trong giai cấp địa chủ mại bản cũng không hoàn toàn thống nhất", vì Trung-quốc là một nước nửa thuộc địa dưới sự thống trị của nhiều nước đế quốc, cho nên Nhật xâm chiếm Trung-quốc có thể làm cho mối mâu thuẫn và chia rẽ giữa các nước đế quốc càng mở rộng và sâu sắc thêm, vì thế "khi cuộc đấu tranh đã chĩa mũi vào đế quốc Nhật thì bọn tay sai của Mỹ và Anh rất có thể nghe lời chủ để đấu tranh ngấm ngầm hoặc công khai với đế quốc Nhật và bọn tay sai của chúng."

Trước sự xâm lược của Nhật, quan hệ giai cấp trong nội bộ Trung-quốc và quan hệ giữa các nước đế quốc có sự thay đổi như thế đã nói rõ quan hệ giữa mặt trận cách mạng và phản cách mạng Trung-quốc đang thay đổi, thế lực phe cách mạng dân

tộc lan rộng, thế lực của phe phản cách mạng yếu đi. Vì thế, mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật có thể thành lập được.

Vì Hồng quân công nông Trung-quốc đã giành được thắng lợi vĩ đại trong cuộc Trường chinh, phong trào nhân dân Trung-quốc chống Nhật và phong trào cách mạng thế giới ngày càng lên cao, cho nên hình thế cách mạng đã "từ tính chất cục bộ chuyển sang tính chất toàn quốc, từ không thăng bằng đã dần dần trở thành có thăng bằng đến một chừng mực nào". Nhưng cách mạng Trung-quốc phát triển vẫn không thăng bằng, lực lượng cách mạng Trung-quốc tạm thời còn yếu hơn lực lượng phản cách mạng. Cho nên, đoàn kết tất cả mọi lực lượng chống Nhật trong nước, thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi, là một việc cần thiết cấp bách cho Đảng cộng sản Trung-quốc.

Hai sự thực căn bản đó là xuất phát điểm của Đảng để thành lập mặt trận thống nhất rộng rãi. Đảng cần phải và có thể tranh thủ đông đảo quần chúng tham gia mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật, tức là "Nhiệm vụ của Đảng là tập hợp Hồng quân với công nhân, nông dân, học sinh, giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc trong nước thành một mặt trận cách mạng dân tộc thống nhất."

Thứ hai, bản báo cáo đó đã nêu ra khẩu hiệu "nước cộng hòa nhân dân", đồng thời quy định tính chất nước cộng hòa nhân dân và các chính sách. Nước cộng hòa nhân dân có tính chất nhân dân và tính chất dân tộc sâu sắc. Nước cộng hòa nhân dân là do công nhân và nông dân làm chủ, đồng thời cũng dung nạp các giai cấp chống đế quốc và chống phong kiến, nước cộng hòa nhân dân trước hết bảo vệ quyền lợi của quần chúng công nông, đồng thời cũng cho phép công thương nghiệp dân tộc sống còn và phát triển, đối với ruộng đất và tài sản của phú nông thì ngoài phần bóc lột phong kiến ra đều áp dụng chính sách bảo hộ.

Ngày 6 tháng 12 năm 1935, Trung ương công bố quyết định thay đổi sách lược đối với phú nông, chỉ rõ trước nguy cơ dân tộc, phú nông đã bắt đầu tham gia cuộc đấu tranh chống đế quốc và chống Chính phủ Quốc dân đảng bán nước, hoặc có thái độ đồng tình trung lập, chỉ rõ sách lược đấu tranh gay gắt với phú nông trong phong trào chính quyền đỏ trước kia đã gây ra khuynh hướng tiêu diệt phú nông, ảnh hưởng đến quần chúng trung nông, làm cho họ không muốn phát triển sản xuất. Vì thế Trung ương Đảng quyết định thay đổi sách lược đối với phú nông: đối với phú nông, chỉ xóa bỏ phần bóc lột phong kiến của họ, và không tịch thu phần ruộng đất, thương nghiệp của họ thuê người làm và các tài sản khác của họ, hơn nữa, Chính phủ dân chủ còn đảm bảo tự do mở rộng tái sản xuất và phát triển công thương nghiệp của phú nông. Nửa năm sau lần hội nghị này, tháng 7 năm 1936 để làm cho chính quyền đỏ thành trung tâm chống Nhật cứu quốc, Trung ương Đảng ra chỉ thị về chính sách ruộng đất, quy định những ruộng đất, tài sản của Hán gian, ruộng đất, lương thực, nhà cửa, tài sản của giai cấp địa chủ đều tịch thu tất. Đối với ruộng đất của tiểu nghiệp chủ (những người làm nghề tự do, người buôn nhỏ, người thủ công nghiệp, địa chủ nhỏ có đời sống chật vật, và những người có ít ruộng đất cho thuê v.v...) thì không được tịch thu.

Thứ ba, sách lược mặt trận thống nhất chống Nhật là sách lược của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, trái lại với sách lược này là sách lược của chủ nghĩa đóng cửa. Những người chủ nghĩa đóng cửa không thừa nhận hành động đế quốc Nhật biến Trung-quốc thành thuộc địa có thể đem lại một sự thay đổi trong hàng ngũ cách mạng và hàng ngũ phản cách mạng. Họ nói rằng hàng ngũ của giai cấp địa chủ và giai cấp tư sản là thống nhất và cố định, họ coi những phái trung gian đang tích cực hoạt động lúc

bấy giờ là kẻ địch nguy hiểm nhất của cách mạng. Người chủ nghĩa đóng cửa cho rằng "lực lượng cách mạng phải rất thuần túy, con đường cách mạng phải rất thẳng tắp". Nhưng trái hẳn với những ý nghĩ đó, con đường cách mạng cũng như con đường của mọi sự vật khác, bao giờ cũng quanh co khúc khuỷu chứ không bằng thẳng mãi được, hàng ngũ cách mạng và phản cách mạng cũng có thể biến đổi. Nhu cầu của cách mạng là tổ chức quần chúng thật đông đảo và điều động quân cách mạng được rầm rầm rộ rộ. Chỉ có thứ lực lượng mạnh mẽ như thế mới có thể đánh đổ đế quốc Nhật và bọn bán nước. sách lược của mặt trận thống nhất là tập hợp lực lượng đông đảo để bao vây và tiêu diệt địch, đó là sách lược của chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Trái lại sách lược của chủ nghĩa đóng cửa là đơn thương độc mã đi chạm đầu với kẻ địch lớn mạnh. Chủ nghĩa đóng cửa đuổi tất cả quân bạn của cách mạng sang hàng ngũ địch. Như thế thực tế là giúp quân địch, làm cho cách mạng bị ngừng trệ, lẻ loi, thu hẹp, xuống thấp và thất bại nữa.

Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật khác với mặt trận thống nhất cách mạng trong thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất. Trong thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất, chủ nghĩa cơ hội lãnh đạo trong Đảng không dám mở rộng hàng ngũ của mình, chỉ dựa vào kẻ đồng minh tạm thời là Quốc dân đảng, kết quả là mặt trận thống nhất cách mạng phải thất bại vì không có cột trụ trung tâm. Nhưng đến năm 1935 thì tình hình trong nước đã thay đổi nhiều, Đảng cộng sản và Hồng quân đã được trui rèn lâu năm, Hồng quân đã hoàn thành thắng lợi cuộc Trường chinh vĩ đại, cho nên trong mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật, Đảng và Hồng quân tất nhiên đã trở thành cột trụ trung tâm, thành người lãnh đạo mạnh mẽ.

Trong mặt trận thống nhất đó, Đảng cộng sản gánh lấy trách nhiệm lãnh đạo có ý nghĩa quyết định. Lịch sử đã chứng minh nhiệm vụ cách mạng chống đế quốc và chống chủ nghĩa phong kiến Trung-quốc không thể do giai cấp tư sản lãnh đạo, mà phải do giai cấp công nhân lãnh đạo. Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đối với mặt trận thống nhất là một đảm bảo cho cách mạng thắng lợi.

Chính vì thế, Đảng cộng sản Trung-quốc cần phải mở rộng hàng ngũ của mình, đảm bảo sự lãnh đạo của mình đối với mặt trận thống nhất, cần phải mở rộng Đảng, mở rộng quân đội và căn cứ cách mạng do Đảng lãnh đạo. Đảng cộng sản, Hồng quân và căn cứ cách mạng là cột trụ trung tâm trong mặt trận thống nhất.

Thứ tư, với tinh thần chiến đấu bất khuất, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã nói lên ý chí kiên quyết và niềm tin thắng lợi của dân tộc Trung-hoa chống đế quốc Nhật, và đồng thời cũng chỉ rõ một cách khẳng định sự cần thiết phải có viện trợ quốc tế. Mặt trận thống nhất chống Nhật của Trung-quốc không bị cô lập, nhân dân thế giới đứng đầu là Liên-xô nhất định viện trợ chúng ta. "Chiến tranh chống Nhật của chúng ta cần phải có sự ủng hộ của nhân dân thế giới, trước hết là nhân dân Liên-xô, nhân dân Liên-xô nhất định ủng hộ chúng ta, vì chúng ta với Liên-xô đều sống chết có nhau." Nhân dân Liên-xô ủng hộ chúng ta, là điều kiện tất yếu để cho chiến tranh chống Nhật và cách mạng Trung-quốc giành được thắng lợi. Mặt khác, chúng ta phải tùy khả năng để xây dựng quan hệ chống chiến tranh xâm lược mới, với tất cả các nước tư bản Âu Mỹ nào đang có mâu thuẫn với Nhật. Chúng ta phải làm cho mặt trận thống nhất dân tộc chống Nhật của Trung-quốc được kết hợp với mặt trận hòa bình thế giới, để hoàn toàn cô lập đế quốc Nhật.

V— Đảng cộng sản Trung-quốc áp dụng chính sách bắt buộc Tưởng-Giới-Thạch chống Nhật. Sự biến Tây-an là bước ngoặt của thời cục. Mặt trận thống nhất chống Nhật bước đầu hình thành. Đấu tranh của Liên quân Đông-bắc chống Nhật.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông, toàn Đảng ra sức tổ chức mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật, và đã dần dần đi đến bước đầu thực hiện mặt trận ấy.

Năm 1936, Chính phủ phản động Quốc dân đảng phái quân Đông-bắc và đạo quân thứ 17 đến gây chiến tranh chống Cộng ở Thiểm-tây. Trước hết Đảng tranh thủ hai đạo quân đó đình chiến với Hồng quân và ký hiệp định chống Nhật với họ. Trong bức thư gửi cho toàn thể quân lính Đông-bắc ngày 25 tháng 1, Hồng quân chỉ rõ Tưởng-Giới-Thạch đưa quân Đông-bắc đi đánh Hồng quân ở Cam-túc, Thiểm-tây để làm cho quân Đông-bắc muốn chống Nhật và Hồng quân quyết tâm chống Nhật phải chịu hy sinh và tổn thất, chỉ rõ Tưởng-Giới-Thạch áp bức quân Đông-bắc, đưa họ tới Thiểm-tây và Cam-túc là hai tỉnh nghèo khổ nhất, ngay cả vùng tương đối khá (miền nam Thiểm-tây và Cam-túc) cũng không cho, đồng thời còn cho bè đảng đến dòm ngó và chia rẽ, vì thế quân Đông-bắc chỉ còn có một lối ra là chống Nhật phản Tưởng. Chính phủ dân chủ công nông và Hồng quân bằng lòng liên hợp với quân Đông-bắc, tổ chức chính phủ quốc phòng và Liên quân chống Nhật, để cùng nhau đánh Nhật.

Hưởng ứng yêu cầu cấp bách chống Nhật cứu quốc trong toàn quốc, ngày 10 tháng 3 Hồng quân đã tổ chức đội tiền phong

chống Nhật, vượt Hoàng-hà tiến về phía đông chiếm đường sắt Đại-đồng—Bồ-châu và chuẩn bị ra tiền tuyến Hà-bắc, Sát-cáp-nhĩ, làm đội dẫn đầu cho nhân dân toàn quốc chống Nhật. Nhưng Tưởng-Giới-Thạch lại đưa quân đến giúp Diêm-Tích-Sơn chặn đường Hồng quân chống Nhật và ra lệnh cho quân Đông-bắc và quân Tây-bắc tiến về phía bắc để quấy rối hậu phương chống Nhật của Hồng quân.

Ủy ban quân sự cách mạng Hồng quân tuyên bố, trong lúc Tổ quốc lâm nguy, nếu đôi bên đánh nhau, thì dù bên nào thắng cũng thiệt hại cho lực lượng quốc phòng, kẻ địch rất hả dạ. Vì thế, để giữ vững thực lực quốc phòng, Ủy ban quân sự đã rút đội tiền phong chống Nhật của nhân dân về phía tây Hoàng-hà, và ngày 5 tháng 5 năm 1936 đã phát biểu bức thông điện "ngừng bắn để giảng hòa và nhất trí chống Nhật", kêu gọi Chính phủ Nam-kinh chấm dứt nội chiến trong toàn quốc và trước hết là ở ba tỉnh Thiểm-tây, Cam-túc, Sơn-tây, và đôi bên phái đại biểu để đàm phán và thương lượng về phương pháp cứu quốc cụ thể. Đồng thời Ủy ban quân sự cũng kêu gọi nhân dân toàn quốc tổ chức hội xúc tiến chấm dứt nội chiến, phái đại biểu đến nhận ranh giới giữa đôi bên, kiểm soát và đôn đốc cho chủ trương đó được thực hiện triệt để.

Trước đó Tưởng-Giới-Thạch vẫn tiếp tục bán Đông-bắc và Hoa-bắc cho Nhật, vì thế Trung ương Đảng không kể bọn Tưởng trong mặt trận thống nhất chống Nhật. Nhưng về sau, vì Nhật tấn công Hoa-bắc đã chạm đến quyền lợi của Anh, Mỹ một cách nghiêm trọng, làm cho tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch bấy lâu có quan hệ mật thiết với quyền lợi Anh, Mỹ, rất có thể nghe theo lời chỉ bảo của Chính phủ Anh, Mỹ để thay đổi thái độ đối với Nhật. Vì thế, bức thông điện của Trung ương Đảng đã áp dụng chính sách bắt buộc Tưởng-Giới-Thạch quay về chống Nhật.

Phương châm của Đảng là: thứ nhất, đối với tập đoàn Tưởng-Giới-Thạch một mặt tranh thủ chúng tham gia mặt trận thống nhất, một mặt vạch trần sự thỏa hiệp của Chính phủ Quốc dân đảng với Nhật, vạch trần những lời lẽ và hành động làm mất chủ quyền và làm nhục quốc gia của họ. Thứ hai, đi đôi với việc bắt buộc Tưởng chống Nhật, chúng ta còn liên hợp với các phái và quân đội trong Quốc dân đảng, áp dụng hai phương châm cùng một lúc, là vì càng liên hợp được nhiều lực lượng dân chủ chống Nhật thì càng có thể đạt được mục đích bắt buộc Tưởng-Giới-Thạch chống Nhật. Thứ ba, đứng trước nhân dân toàn quốc Đảng ta cần phải gánh trách nhiệm tổ chức và lãnh đạo mặt trận thống nhất để làm cho trong nước được hòa bình thống nhất. Vì thế đối với những vụ xung đột trong nội bộ Quốc dân đảng lúc bấy giờ (chiến tranh Quốc dân đảng Tưởng-Giới-Thạch với quân phiệt Quảng-đông) không nên có thái độ bênh vực một bên nào.

Trung ương Đảng đoán trước Tưởng-Giới-Thạch không thể tiếp thu khẩu hiệu nước cộng hòa nhân dân, cho nên, để thúc đẩy Chính phủ và quân đội Nam-kinh tham gia chiến tranh chống Nhật, trong bức thư gửi cho Quốc dân đảng ngày 25 tháng 8 đã đổi khẩu hiệu lại là nước cộng hòa dân chủ. Trung ương Đảng đã phê phán nghiêm ngặt và chính đáng việc Quốc dân đảng định dùng hội nghị quốc phòng, một cơ quan do bọn đương quyền của Quốc dân đảng tổ chức, và chỉ có thể dùng làm cơ quan tư vấn cho chính phủ Quốc dân đảng, để thay cho Đại hội đại biểu cứu quốc chống Nhật toàn quốc của Đảng chủ trương triệu tập, và dùng đại hội quốc dân do bọn đương quyền Quốc dân đảng thao túng, để thay cho chủ trương thành lập nước cộng hòa dân chủ Trung-hoa và quốc hội dân chủ của Đảng đề ra. Trung ương Đảng chỉ rõ: trong Quốc dân đảng cũng như các giới trong nước, có nhiều người yêu nước, Đảng cộng sản

Trung-quốc bao giờ cũng sẵn sàng bắt tay chặt chẽ với họ để tổ chức mặt trận thống nhất, và mong rằng những đảng viên Quốc dân đảng yêu nước cũng có thể gây thành một lực lượng chi phối trong Đảng. Trung ương Đảng nói rõ chính sách thành lập mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật và chuẩn bị đặt lại quan hệ hợp tác với Quốc dân đảng.

Trong bản "nghị quyết về hình thế mới của phong trào cứu quốc chống Nhật và nước cộng hòa dân chủ" lúc tháng 9, Đảng đã nói cụ thể về khẩu hiệu nước cộng hòa dân chủ. Chỉ rõ nước cộng hòa dân chủ so với chuyên chính dân chủ công nông, về mặt khu vực, là một thứ dân chủ phổ biến hơn, so với chuyên chính một đảng của Quốc dân đảng thì là một chế độ tiến bộ hơn nhiều. Nó có thể làm cho nhân dân tham gia đời sống chính trị và Đảng cộng sản được tự do hoạt động cho việc thực hiện chủ nghĩa xã hội sau này. Nhưng muốn thực hiện khẩu hiệu này cần phải phát động quần chúng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Sau khi nước cộng hòa dân chủ được thực hiện, thì phải thực hành cương lĩnh chống Nhật cứu quốc của Đảng. Hai khẩu hiệu đó tuy có khác nhau về hình thức, song về thực chất thì cũng như nhau.

Chủ trương chống Nhật cứu quốc của Đảng cộng sản Trung-quốc được nhân dân cả nước nhiệt liệt ủng hộ. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lưu-Thiếu-Kỳ, công tác của Đảng và phong trào chống Nhật của nhân dân các giới trong khu thống trị Quốc dân đảng đã được khôi phục và phát triển. Tháng 8 năm 1936, quân Nhật bắt đầu chiếm tỉnh Tuy-viễn, bộ đội Trung-quốc ở đó vùng lên chống lại, nhân dân toàn quốc đã gây phong trào ủng hộ quân Tuy-viễn. Tháng 11 và tháng 12 công nhân nhà máy dệt Thượng-hải và Thanh-đảo bãi công chống Nhật. Ngay cả quân phiệt Quảng-tây và quân phiệt Quảng-đông trong nội

bộ của tập đoàn thống trị cũng viện cớ chống Nhật để liên hợp chống Tưởng giữa tháng 6 năm 1936.

Phong trào chống Nhật toàn quốc ngày càng lên cao, mà Tưởng-Giới-Thạch thì vẫn giữ chính sách chống Cộng chống nhân dân, tiếp tục tấn công Hồng quân. Lúc bấy giờ quân Đông-bắc của Trương-Học-Lương và quân Tây-bắc của Dương-Hồ-Thành đã chịu ảnh hưởng phong trào chống Nhật của nhân dân và Hồng quân, nên đình chiến với Hồng quân. Trương-Học-Lương và Dương-Hồ-Thành đã tán thành chính sách mặt trận dân tộc thống nhất của Đảng cộng sản Trung-quốc, nên yêu cầu liên hợp chống Nhật, nhưng Tưởng-Giới-Thạch không những đã cự tuyệt mà còn tích cực bố trí quân đội để "tiễu Cộng" và định cách chức Trương-Học-Lương và Dương-Hồ-Thành. Lúc bấy giờ ở Tây-an đã có tổ chức địa phương của Đảng, và dưới ảnh hưởng của Đảng, các đoàn thể chống Nhật như Hội liên hợp chống Nhật cứu quốc của các giới Tây-bắc, Hội cứu vong Đông-bắc, Hội liên hợp học sinh v. v... đều đứng lên đấu tranh chống quân đội, chống cảnh sát, hiến binh, đặc vụ của Quốc dân đảng, tổ chức những cuộc biểu tình thị uy. Do phong trào cứu quốc chống Nhật của nhân dân thúc đẩy, nên ngày 12 tháng 12 năm 1936 Trương-Học-Lương và Dương-Hồ-Thành giam giữ Tưởng-Giới-Thạch ở Tây-an, bắt buộc Tưởng-Giới-Thạch phải chấm dứt cuộc nội chiến chống Cộng có nguy hại cho nước nhà. Sau khi Tưởng-Giới-Thạch bị giam giữ, Chính phủ Nam-kinh bị phái thân Nhật là Uông-Tinh-Vệ và Hà-Ứng-Khâm nắm lấy, chúng điều động quân đội và tướng tá để chuẩn bị tấn công Tây-an, mưu tính cướp đoạt địa vị thống trị của Tưởng-Giới-Thạch. Đế quốc Nhật cũng nhân cơ hội đó để hoạt động mở rộng nội chiến Trung-quốc. Trung ương Đảng xuất phát từ lợi ích của toàn dân tộc, chủ trương kiên quyết đập tan âm mưu của đế quốc Nhật và bè lũ Uông-Tinh-vệ, Hà-

Ứng-Khâm, giải quyết hòa bình sự biến Tây-an. Sau khi Tưởng Giới-Thạch đã chấp nhận điều kiện liên hợp với Đảng cộng sản để chống Nhật, thì Trương-Học-Lương và Dương-Hổ-Thành thả hắn ra.

Tháng 2 năm 1937, trước Hội nghị toàn thể ban chấp hành Trung ương Quốc dân đảng lần thứ ba, bà Tống-Khánh-Linh thay mặt phái dân chủ trong Quốc dân đảng đã kêu gọi Quốc dân đảng kiên quyết chấp hành ba chính sách lớn của ông Tôn-Trung-Sơn, phải phát động phong trào quần chúng và cải thiện đời sống nhân dân, phải chấm dứt ngay cuộc nội chiến, liên hợp Đảng cộng sản và tất cả lực lượng dân chủ, phải liên hợp với tất cả các dân tộc đối đãi bình đẳng với ta, đứng đầu là Liên-xô, để chống xâm lược. Trong thời gian hội nghị, để thành lập mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật, Đảng ta đánh điện cho Quốc dân đảng, một mặt đảm bảo bốn điều, một mặt đưa ra năm yêu cầu. Bốn điều đảm bảo là: thay đổi thể chế chính quyền đỏ, biên chế lại Hồng quân, xóa bỏ chính sách khởi nghĩa vũ trang, đình chỉ chính sách tịch thu ruộng đất. Năm yêu cầu là: thực hiện hòa bình trong nước, đảm bảo quyền lợi dân chủ của nhân dân, triệu tập hội nghị đại biểu nhân dân chống Nhật, hoàn thành chuẩn bị chống Nhật, cải thiện đời sống nhân dân.

Những đảm bảo đó rất cần thiết để thay đổi sự đối lập giữa hai chính quyền theo biến hóa của mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp trong nước. Nhưng thứ nhượng bộ này là tích cực, là có điều kiện, vì nhượng bộ như thế để đổi lấy chiến tranh chống Nhật toàn quốc: cũng là thứ nhượng bộ có nguyên tắc, vì trong khu đặc biệt và trong Hồng quân vẫn còn giữ sự lãnh đạo của Đảng, trong quan hệ giữa hai Đảng thì Đảng cộng sản vẫn giữ tính độc lập và tự do phê bình.

Tháng 5 năm 1937, đã triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng cộng sản Trung-quốc ở Diên-an, Hội nghị đã thảo

luận và phê chuẩn đường lối chính trị của Đảng trong khoảng năm 1935—1937.

Trước Hội nghị, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã đọc bản báo cáo "Nhiệm vụ của Đảng cộng sản Trung-quốc trong thời kỳ chống Nhật". Bản báo cáo đã chỉ rõ từ ngày 9 tháng 12 năm 1935 đến tháng 2 năm 1937, là lúc Hội nghị toàn thể lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Quốc dân đảng, nhiệm vụ của Đảng là giành hòa bình trong nước, chấm dứt vũ trang xung đột trong nước. Trong thời kỳ đó, tranh thủ trong nước được hòa bình là điều kiện thực tế thứ nhất để tổ chức mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật. Sau Hội nghị lần thứ ba của Quốc dân đảng, cách mạng Trung-quốc đã bước vào thời kỳ chống Nhật, nhiệm vụ cơ bản của Đảng là giành dân chủ trong nước, đấu tranh cho dân chủ và tự do. Vì rằng chiến tranh chống Nhật cần phải có hòa bình trong nước, cần phải động viên nhân dân, mà dân chủ lại là một thứ không thể thiếu được để động viên nhân dân và củng cố hòa bình đã giành được. Cho nên tranh thủ tự do và dân chủ là một khâu trung tâm để đảm bảo cho chiến tranh chống Nhật được thắng lợi.

Cần phải bắt đầu thực hiện ngay việc cải cách dân chủ của chế độ chính trị: thứ nhất, thành lập chính thể dân chủ do các đảng phái các giai cấp hợp tác, thay đổi luật tuyển cử Đại hội quốc dân, thực hành bầu cử dân chủ, đặt ra hiến pháp dân chủ, thành lập quốc hội dân chủ, tuyển cử chính phủ dân chủ. Thứ hai, đảm bảo quyền tự do của nhân dân, nhất là tự do ngôn luận, tổ chức và hội họp.

Muốn thành lập và củng cố mặt trận thống nhất, thực hiện nước cộng hòa dân chủ, thì cần phải cố gắng tranh thủ quần chúng, nghĩa là phải phát động công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tranh thủ phái chống Nhật trong giai cấp tư sản, cho nên nhiệm vụ cơ bản của Đảng là phải tranh thủ đông đảo

quần chúng tham gia mặt trận thống nhất chống Nhật, đánh đồ đế quốc Nhật, thực hiện giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

Bản báo cáo đã chỉ rõ và nhấn mạnh vấn đề trách nhiệm lãnh đạo của giai cấp công nhân Trung-quốc trong chiến tranh chống Nhật, "giai cấp vô sản theo giai cấp tư sản hay là giai cấp tư sản đi theo giai cấp vô sản? Vấn đề trách nhiệm lãnh đạo cách mạng Trung-quốc là vấn đề mấu chốt đề quyết định cách mạng thắng hay bại". Kinh nghiệm lịch sử cách mạng Trung-quốc đã chứng minh kết luận đó. Cho nên cần phải phát huy đầy đủ tính bền bỉ và triệt đề trong cách mạng của giai cấp công nhân mới có thề khắc phục được tính bấp bênh và thỏa hiệp của giai cấp tư sản. Đối với mặt trận thống nhất chống Nhật, thái độ của bọn Quốc dân đảng rất tiêu cực nên làm nặng thêm trách nhiệm lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân và chính đảng của giai cấp ấy. Điều kiện giai cấp vô sản thông qua chính đảng của mình đề thực hiện lãnh đạo chính trị là phải đưa ra cương lĩnh chính trị, Đảng phải gây tác dụng gương mẫu trong hành động cách mạng, phải liên minh thích đáng với người hợp tác và phát triển tổ chức Đảng v. v...

Vấn đề dân chủ nêu ra trong bản báo cáo, về sau đã thành vấn đề căn bản trong cuộc đấu tranh giữa đường lối kháng chiến toàn diện của Đảng cộng sản và đường lối kháng chiến một chiều của Quốc dân đảng. Vấn đề giành quyền lãnh đạo trong bản báo cáo đã nêu ra, về sau trong bước đầu chiến tranh chống Nhật, đã trở thành vấn đề căn bản trong cuộc đấu tranh giữa đường lối đúng đắn của Trung ương Đảng và đường lối chủ nghĩa đầu hàng.

Sau sự biến ngày 18 tháng 9, Nhật chiếm Đông-bắc và biến Đông-bắc thành thuộc địa của Nhật, từ đó xã hội Trung-quốc từ nửa thuộc địa nửa phong kiến biến thành xã hội thuộc địa, nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

Trước sự biến ngày 18 tháng 9, Nhật đã có cơ sở vững chắc về chính trị và kinh tế ở Đông-bắc. Bộ tư lệnh quân Quan-đông và Quan đông sảnh (cơ quan hành chính tối cao) khống chế tất cả quân sự và chính trị ở Đông-bắc, công ty đường sắt Nam-Mãn chi phối tất cả công nghiệp và giao thông ở Đông-bắc. Sau khi Đông-bắc đã bị chiếm, ngày 9 tháng 3 năm 1932 Nhật-bản thành lập "nước Mãn-châu" bù nhìn ở đấy.

Dưới sự thống trị của đế quốc Nhật, số vốn bỏ vào Đông-bắc của Nhật năm 1932 là hơn 550 triệu Mỹ kim, đến năm 1936 đã tăng lên tới 1.455 triệu Mỹ kim (lúc bấy giờ tổng số vốn của Nhật ở Trung-quốc là 2.000 triệu Mỹ kim). Năm 1937, sản lượng sắt Đông-bắc có 81 vạn 1 nghìn tấn, sản lượng vật liệu thép có tất cả hơn 24 vạn 6 nghìn tấn, đường sắt của Nhật kinh doanh ở Đông-bắc có 8.296 cây số (lúc đó toàn quốc chỉ có 19.028 cây số).

Bọn xâm lược Nhật bắt nhân dân Đông-bắc di cư, chiếm ruộng của dân, cơ quan tài chính Nhật bóc lột nặng và kìm chế lương thực, về thực tế Nhật đã trở thành một lãnh chúa phong kiến to nhất.

Nhật chiếm tất cả công xưởng và hầm mỏ, chiếm tất cả nguyên liệu công nghiệp và giao thông vận tải, thị trường và ruộng đất. Nhật cho Đông-bắc là thuộc địa riêng của chúng.

Sau khi đế quốc Nhật chiếm Đông-bắc, nhân dân Đông-bắc và một số quân đội yêu nước đã tiến hành cuộc chiến tranh du kích anh dũng. Chiến tranh du kích đã từng phát triển đến một quy mô rất lớn. Nhưng vì quân Nhật càn quét, vì Quốc dân đảng chia rẽ phá hoại, và quan trọng hơn cả là bản thân của quân đội cũ có mâu thuẫn nội bộ ngày càng gay gắt, xa rời quần chúng, không biết dùng chiến lược và chiến thuật linh động, nên đến mùa xuân năm 1933 thì lần lượt bị địch tiêu diệt.

Cuối năm 1933 và đầu năm 1934 là bắt đầu giai đoạn mới của cuộc chiến tranh chống Nhật ở Đông-bắc, đặc điểm chính của giai đoạn đó là quân đội do Đảng cộng sản Trung-quốc lãnh đạo đã trở thành chủ lực và trọng tâm chống Nhật. Những đội du kích ở Bàn-thạch, Châu-hà, Nhiêu-hà, Ninh-an, Hải-luân, Thang-nguyên do Đảng lãnh đạo có tổ chức và kỷ luật nghiêm ngặt, dựa vào quần chúng, và áp dụng chiến thuật du kích, cho nên đã giành được thắng lợi trong chiến tranh, và nâng cao uy tín Đảng trong quần chúng. Nhờ chấp hành chính sách mặt trận thống nhất chống Nhật, nên có nhiều lực lượng vũ trang quần chúng và một bộ phận quân đội cũ đã đoàn kết chung quanh Đảng,bằng lòng biên chế lại hoặc chịu sự lãnh đạo thống nhất.

Khi hành động liên hợp của bộ đội chống Nhật ở các địa phương đã hoàn thành bước đầu thì cần phải giải quyết gấp vấn đề thống nhất lãnh đạo vũ trang chống Nhật toàn Đông-bắc. Tháng 2 năm 1935, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Liên quân Đông-bắc chống Nhật đã được thành lập và cương lĩnh chính trị của Liên quân cũng được thông qua.

Theo đà phát triển của tình hình chống Nhật, và căn cứ vào chỉ thị của Trung ương Đảng cộng sản Trung-quốc, năm 1937 tất cả Liên quân chống Nhật đều được biên chế thành ba đạo quân: Đạo quân thứ nhất hoạt động ở miền núi phía đông tỉnh Liêu-ninh; đạo quân thứ hai hoạt động ở miền núi phía đông tỉnh Cát-lâm; đạo quân thứ ba hoạt động ở miền núi và đồng bằng tỉnh Hắc-long-giang. Ba đạo quân này đều chuẩn bị sẵn sàng để khi nào quân Nhật tấn công nội địa thì mở rộng chiến tranh du kích để kìm chân địch và phối hợp với phong trào kháng chiến trong nước.

Dân tộc Triều-tiên ở Đông-bắc cũng thành lập đội du kích chống Nhật. Năm 1932 họ thành lập căn cứ chống Nhật ở dãy núi Trường-bạch và lưu vực Tùng-giang, năm 1934 thành lập

quân cách mạng nhân dân Triều-tiên, và năm 1935 thành lập "Tổ quốc quang phục hội", đã đấu tranh chống Nhật anh dũng khắp vùng. Nhân dân Trung-quốc và nhân dân Triều-tiên đã kề vai sát cánh, cùng nhau chiến đấu, chống kẻ thù chung là đế quốc Nhật.

Trước ngày chiến tranh toàn quốc chống Nhật, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Đông-bắc đã kháng chiến anh dũng, làm yếu địa vị thống trị của quân xâm lược Nhật ở Đông-bắc, kéo chậm kế hoạch tấn công nội địa của Nhật, và thúc đẩy chiến tranh chống Nhật khắp nước.

VI— Đồng chí Mao-Trạch-Đông làm công tác lý luận. Hai bài luận văn "Bàn về thực tiễn" và "Bàn về mâu thuẫn" đã đặt cơ sở tư tưởng chủ nghĩa Mác—Lê-nin cho Đảng cộng sản Trung-quốc.

Sau khi Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật đã sơ bộ hình thành thì lịch sử Trung-quốc bước vào một thời kỳ cách mạng mới, tức là thời kỳ chống Nhật. Nghiên cứu có hệ thống những vấn đề lý luận chỉ đạo cách mạng Trung-quốc, làm cho lý luận cách mạng đi trước thực tiễn cách mạng và dẫn dắt thực tiễn cách mạng tiến lên, đó là nhiệm vụ quan trọng của Đảng trong thời kỳ lịch sử mới. Tức là phải nâng cao tinh thần tự giác chủ nghĩa Mác—Lê-nin của cán bộ toàn Đảng, hình thành sự thống nhất chủ nghĩa Mác—Lê-nin trong Đảng. Vì thế, đồng chí Mao-Trạch-Đông đã hết sức cố gắng làm công tác lý luận.

Sau sự biến ngày 18 tháng 9 và sự biến Hoa-bắc, trong xã hội Trung-quốc, quan hệ giai cấp và quan hệ giữa các đế quốc

ở Trung-quốc đều thay đổi lớn. Khi đặt chính sách và tiến hành công tác cách mạng, Đảng phải lấy sự phát triển của quá trình khách quan làm xuất phát điểm. Người lãnh đạo cách mạng cần phải chú ý và đề ra nhiệm vụ cách mạng và phương án công tác mới, thích ứng với sự phát triển của quá trình khách quan đó, để dẫn dắt cách mạng tiến lên.

Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn giữa Trung-quốc với đế quốc Nhật và mâu thuẫn giữa Trung-quốc với các đế quốc khác đều cài tréo nhau, cho nên Đảng phải khéo phân tích và giải quyết những mâu thuẫn rất phức tạp đó.

Trong thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ hai, đường lối "tả" khuynh trước sau đã chiếm được địa vị thống trị trong Đảng ba lần và làm cho sự nghiệp cách mạng Trung-quốc bị thiệt hại nặng nề. Vì thế, Đảng phải rút bài học thất bại của những người chỉ đạo đường lối "tả" khuynh. Muốn hoàn toàn chiến thắng chủ nghĩa cơ hội, Đảng cần phải vạch trần cơ sở tư tưởng của đường lối "tả" khuynh. Vấn đề bản chất trong cuộc đấu tranh trong Đảng, là vấn đề cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác, tức là vấn đề duy vật biện chứng. Trong lịch sử của Đảng, các thứ chủ nghĩa cơ hội đều đối lập với chủ nghĩa Mác về vấn đề bản chất này, họ đều là chủ nghĩa chủ quan. Để tiến hành cuộc đấu tranh có hiệu quả với mọi chủ nghĩa cơ hội về mặt chính trị, cần phải đánh lui chủ nghĩa cơ hội trên vấn đề triết học, đó tức là nói trước hết phải chuẩn bị cho thắng lợi của cách mạng nhân dân, về mặt tư tưởng trong đội tiền phong cách mạng.

Hai bài luận văn "Bàn về thực tiễn" và "Bàn về mâu thuẫn" của đồng chí Mao-Trạch-Đông viết vào khoảng tháng 7, 8 năm 1937, đã hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng quan trọng trong Đảng.

Bài "Bàn về thực tiễn" đã phân tích cả vấn đề quan hệ giữa nhận thức và thực tiễn, tức nhận thức luận duy vật luận —vấn đề của phản ánh luận. Nhận thức bắt nguồn trong thực tiễn, lại trở về chỉ đạo thực tiễn, đó là nguyên lý cơ bản của nhận thức luận duy vật luận mác-xít.

Nhận thức bắt nguồn trong thực tiễn tức là nói, tồn tại là cái thứ nhất, nhận thức là phản ánh của tồn tại.

Nhận thức của con người bắt đầu từ thực tiễn, thực tiễn là cơ sở của nhận thức. Trong quá trình sản xuất và đấu tranh giai cấp, con người dần dần hiểu biết quy luật tự nhiên và quy luật xã hội. Người nào muốn có tri thức, thì phải tham gia thực tiễn cải tạo hiện thực, làm cho tư tưởng của mình phản ánh sự vật khách quan một cách đúng đắn. Tất cả mọi tri thức đều bắt nguồn trong kinh nghiệm trực tiếp, mà kinh nghiệm gián tiếp cũng là kinh nghiệm trực tiếp của người khác. Tách rời thực tiễn, thì không thể có tri thức đáng tin cậy được.

Giai đoạn thứ nhất của nhận thức là giai đoạn cảm tính. Trong quá trình thực tiễn, lúc đầu con người chỉ có thể thấy những hiện tượng bề ngoài, có những cảm giác và ấn tượng nào đó. Đi sâu vào thực tiễn xã hội, qua sự tiếp xúc nhiều lần và phân tích nghiên cứu về nhiều mặt, thì trong đầu óc con người sẽ phát sinh những đột biến của quá trình nhận thức, tức là từ giai đoạn cảm giác, ấn tượng lên đến giai đoạn khái niệm, suy lý, phán đoán. Như thế đã bước vào giai đoạn thứ hai, tức là giai đoạn lý tính. Nhận thức cảm tính chỉ phản ánh hiện tượng, khía cạnh, liên hệ bề ngoài của sự vật, còn nhận thức lý tính thì phản ánh bản chất, toàn diện, quan hệ bề trong của sự vật. Nhận thức lý tính phải dựa vào nhận thức cảm tính, trái lại, nhận thức cảm tính lại phải phát triển lên đến nhận thức lý tính.

Quá trình quan trọng nhất trong vận động nhận thức là sử dụng tri thức và lý luận trong thực tiễn. Tri thức phải trở về

thực tiễn để chỉ đạo thực tiễn, đồng thời đó cũng là quá trình thử thách tri thức và lý luận. Chỉ có trải qua thực tiễn xã hội mới có thể chứng minh nhận thức đúng hay không, có thể đạt được mục tích nhằm trước hay không. Đó là sự tiếp tục và phát triển của cả quá trình nhận thức.

Nếu con người đã thu được nhận thức có hệ thống trong thực tiễn, và nhận thức ấy trở vào thực tiễn lại được chứng thực, tức là biến những cái chủ quan thành khách quan, thì có thể nói là đã hoàn thành vận động nhận thức cụ thể. Nhưng bất cứ là quá trình nào, tự nhiên hay xã hội, do mâu thuẫn và đấu tranh trong nội bộ, đều phải luôn luôn tiến lên và phát triển không ngừng. Vì thế, vận động nhận thức của con người cũng luôn luôn tiến lên và phát triển không ngừng. Người cách mạng chân chính phải khéo đưa nhận thức chủ quan của mình biến theo tình hình khách quan đã thay đổi đó.

Vì thế, tư tưởng của con người phải thích hợp với quy luật khách quan, khi nào tình hình khách quan đã thay đổi, thì phải phản ánh đến đầu óc của con người một cách nhanh chóng, hơn nữa là đúng đắn, như thế mới có thể kịp thời đặt ra những chiến lược và sách lược đúng đắn. Thế, tức là nói phải thống nhất mâu thuẫn giữa chủ quan và khách quan. Cũng do đó, chúng ta phải cải tạo năng lực nhận thức của mình, tức là cải tạo thế giới chủ quan. Nhận thức là phản ánh, cải tạo năng lực nhận thức tức là cải tạo năng lực phản ánh, cũng tức là làm cho mình có năng lực phản ánh thế giới khách quan một cách đúng đắn.

Tư tưởng của con người có tác dụng sáng tạo của nó, nghĩa là tư tưởng có tính năng động tự giác. Nếu tư tưởng đã phản ánh đúng đắn thế giới khách quan, thì thông qua tác dụng năng động của tư tưởng, chúng ta có thể có dự kiến khoa học, có thể tự giác cải tạo thế giới khách quan.

Nguyên lý cơ bản về nhận thức luận mác-xít mà đồng chí Mao-Trạch-Đông đã trình bày, là lý luận phải thống nhất với thực tiễn. Trên vấn đề này, những người chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm trong Đảng đã hoàn toàn thoát ly chủ nghĩa Mác, đặc điểm nhận thức luận của họ là tách rời lý luận với thực tiễn.

Chủ nghĩa giáo điều phủ nhận sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, họ tách rời thực tiễn, phủ nhận sự cần thiết của tri thức cảm tính, cho rằng nhận thức lý tính không cần dựa vào nhận thức cảm tính, họ trường kỳ cự tuyệt kinh nghiệm của cách mạng Trung-quốc, và dẫn chứng những câu trong sách mác-xít một cách sống sượng, để lòe người.

Trong thời kỳ từ năm 1931 đến 1934, chính những người chủ nghĩa giáo điều đó đã làm cho cách mạng Trung-quốc bị thiệt hại nặng nề. Bài "Bàn về thực tiễn" chủ yếu là để phản đối chủ nghĩa giáo điều đó.

Những người chủ nghĩa kinh nghiệm cũng phủ nhận sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn. Họ chỉ nhấn mạnh một chiều nhận thức cảm tính, cho rằng không cần phát triển nhận thức cảm tính lên đến nhận thức lý tính, không thừa nhận tác dụng chỉ đạo của lý luận cách mạng đối với thực tiễn cách mạng, không thấy toàn cục của cách mạng, nếu cách mạng do những người này chỉ đạo thì nhất định sẽ bị thất bại.

Phủ nhận sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, là đặc điểm của chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm. Họ chỉ nhận xét một chiều chứ không phải toàn diện, cách nhận xét một chiều là điểm giống nhau của hai thứ chủ nghĩa chủ quan đó, họ thổi phồng chân lý một chiều và tương đối thành chân lý phổ biến và tuyệt đối. Chính vì điểm giống nhau đó, mà trong lịch sử của Đảng, hai bộ phận người này có thể hợp tác lẫn nhau. Kinh nghiệm của những người chủ nghĩa kinh

nghiệm là cục bộ, hẹp hòi, phần đông trong họ đều thiếu nhận thức độc lập, rõ ràng và hoàn chỉnh đối với những vấn đề có tính chất toàn diện, vì vậy khi nào họ hợp tác với chủ nghĩa giáo điều, thì nói chung, họ đều phụ thuộc chủ nghĩa giáo điều. Vì họ nhận thức vấn đề một chiều và chủ quan, cho nên về mặt chính trị có khi họ phạm sai lầm chủ nghĩa cơ hội "tả" khuynh, có khi lại phạm sai lầm chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh.

Vấn đề mà "Bàn về thực tiễn" giải quyết là vấn đề làm thế nào để phản ánh và cải tạo sự vật khách quan. Vấn đề mà "Bàn về mâu thuẫn" giải quyết là vấn đề làm thế nào để phân tích và giải quyết những mâu thuẫn của các thứ sự vật. Còn quan hệ giữa "Bàn về thực tiễn" và "Bàn về mâu thuẫn" là ở chỗ: nguyên lý cơ bản của nhận thức luận duy vật luận mà "Bàn về thực tiễn" đã nói rõ là, qua tác dụng suy nghĩ để cải tạo tài liệu cảm giác dồi dào, làm cho nhận thức của ta từ giai đoạn cảm tính tiến lên giai đoạn lý tính, rồi lại trở về thực tiễn để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Nguyên lý cơ bản về biện chứng pháp mà "Bàn về mâu thuẫn" đã nói rõ là, qua tác dụng suy nghĩ để cải tạo tất cả tài liệu cảm giác từ trong thực tiễn đến, làm cho nhận thức của mình được sâu để có thể chỉ đạo thực tiễn, phương pháp của nó là vạch trần những mâu thuẫn trong sự vật khách quan.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông đã giải thích và phát triển những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác về duy vật luận, đồng thời cũng đã giải thích và phát triển những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác về biện chứng pháp.

Học thuyết mâu thuẫn là hạt nhân của biện chứng pháp mác-xít. Trong tất cả mọi sự vật và quá trình phát triển của nó đều có mâu thuẫn, mâu thuẫn quyết định sinh mệnh của sự vật, không có mâu thuẫn thì không thể tồn tại được. Vì thế, sự tồn

tại của mâu thuẫn trong sinh hoạt thực tế đã biểu hiện sự phát triển của sự vật, đã biểu hiện sự vật đang tiến lên.

Mâu thuẫn là mâu thuẫn hiện thực, cho nên biện chứng pháp mác-xít căn cứ theo bản tính của sự vật để thừa nhận mâu thuẫn của sự vật, nghiên cứu phân tích quy luật phát triển của các thứ mâu thuẫn của sự vật và tìm ra phương pháp đúng đắn để giải quyết mâu thuẫn. Phương pháp nghiên cứu phân tích mâu thuẫn này là phương pháp phổ biến để nghiên cứu khoa học, cần phải được quán triệt trong các ngành nghiên cứu khoa học.

Chúng ta phải phân tích mâu thuẫn của sự vật như thế nào?

Vận động nhận thức của con người, phải từ nhận thức sự vật cá biệt, rồi dần dần mở rộng đến nhận thức sự vật nói chung. Sau khi đã nhận thức tính chất của sự vật rồi, thì lấy đó làm chỉ đạo để nghiên cứu những sự vật cụ thể chưa nghiên cứu hoặc chưa được đi sâu nghiên cứu.

Những người mở đầu chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã dạy cho chúng ta phương pháp nghiên cứu khoa học—phương pháp biện chứng, và vận dụng phương pháp đó vào các mặt nghiên cứu khoa học, đã thu được nhiều thành tích vĩ đại. Nhiệm vụ của chúng ta là nắm lấy phương pháp đó, tiếp tục tìm hiểu những sự vật cụ thể chưa nghiên cứu, chưa được đi sâu nghiên cứu hoặc mới phát sinh. Dùng tính phổ biến của sự vật để nghiên cứu tính đặc biệt của sự vật, dưới sự chỉ đạo của chân lý phổ biến, phân tích cụ thể các thứ sự vật. Nắm lấy cái nói chung, để phân tích cái cụ thể, thấy rõ cái cụ thể, rồi liên hệ với cái nói chung.

Trong bài "Bàn về mâu thuẫn", đồng chí Mao-Trạch-Đông đã nghiên cứu tỉ mỉ tính đặc biệt của mâu thuẫn. Nhận thức sự vật của con người là nhận thức hình thức vận động của sự vật,

nhận thức chỗ khác nhau giữa hình thức vận động của sự vật đó với hình thức vận động khác. Bất cứ hình thức vận động nào, trong nội bộ của nó đều bao gồm mâu thuẫn đặc biệt của bản thân, chính cái mâu thuẫn đặc biệt đó đã tạo thành bản chất đặc biệt của sự vật này không giống với sự vật khác. Nói chung, mâu thuẫn trong hình thức vận động của các thứ sự vật (tự nhiên, xã hội, tư tưởng) đều có tính đặc biệt của bản thân. Mâu thuẫn trong hình thức vận động vật chất của giới tự nhiên, khác với mâu thuẫn trong hình thức vận động của xã hội. Tác dụng và phản tác dụng trong lực học, phân giải và hóa hợp trong hóa học, đấu tranh giai cấp trong khoa học xã hội, đều là những hình thức vận động của sự vật khác nhau.

Trong quá trình phát triển khác nhau của một sự vật, cũng có mâu thuẫn đặc biệt khác nhau. Quá trình phát triển của cách mạng Trung-quốc và cách mạng Nga, vì mâu thuẫn giai cấp khác nhau, nên đều có tính đặc biệt khác nhau.

Chẳng những mâu thuẫn trong các quá trình phát triển đều có tính đặc biệt của nó, mà ngay cả mâu thuẫn của mỗi giai đoạn trong một quá trình phát triển cũng có tính đặc biệt của nó. Cách mạng dân chủ mới của Trung-quốc đã trải qua bốn thời kỳ lịch sử, mâu thuẫn căn bản trong mỗi thời kỳ lịch sử không có thay đổi, nhưng trong quá trình cách mạng đã có những hình thức khác nhau như kịch liệt hoặc hòa hoãn, hơn nữa những mâu thuẫn khác chịu ảnh hưởng của mâu thuẫn căn bản đó cũng có kịch liệt hoặc hòa hoãn, lại còn có thứ mới phát sinh nữa.

Trong phát triển của sự vật phức tạp, có rất nhiều mâu thuẫn. Phương pháp nhận thức tính đặc biệt của các thứ mâu thuẫn trong sự vật phức tạp là gì? Phương pháp chủ yếu là nghiên cứu đặc điểm cụ thể của các thứ mâu thuẫn và đặc điểm cụ thể của mặt đối lập của mâu thuẫn. Trong các thứ mâu

thuẫn có mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn không chủ yếu, hơn nữa là trong mỗi một mâu thuẫn đều có mặt chủ yếu của mâu thuẫn và mặt không chủ yếu của mâu thuẫn. Mâu thuẫn chủ yếu quy định và ảnh hưởng các mâu thuẫn khác, mặt chủ yếu của mâu thuẫn là mâu thuẫn gây tác dụng chi phối. Muốn nhận thức tính đặc biệt của mâu thuẫn, thì phải nắm lấy mâu thuẫn chủ yếu và mặt chủ yếu của mâu thuẫn. Sau khi Nhật đánh vào Trung-quốc, thì mâu thuẫn giữa đế quốc Nhật và Trung-quốc biến thành mâu thuẫn chủ yếu, còn mâu thuẫn giai cấp trong nước là mâu thuẫn thứ yếu. Có nắm được mâu thuẫn chủ yếu đó, mới có thể đặt ra phương châm mặt trận thống nhất chống Nhật để giải quyết mâu thuẫn và tạo điều kiện giải quyết mâu thuẫn khác. Nhất định phải nắm lấy mâu thuẫn chủ yếu, mới có thể giải quyết vấn đề căn bản trong đấu tranh. Nếu không nắm được điểm đó, thì không thể đầy sự vật tiến lên, và không thể giải quyết được các thứ mâu thuẫn thứ yếu. Tư tưởng và phương pháp lãnh đạo của đồng chí Mao-Trạch-Đông là, khéo tổ chức mọi lực lượng để đấu tranh giải quyết những vấn đề trung tâm của mỗi giai đoạn và sau khi giải quyết những vấn đề trung tâm, lại tạo điều kiện có lợi để giải quyết những vấn đề thứ yếu. Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, lực lượng chủ yếu chống Nhật là công nhân và nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, chứ không phải đại địa chủ đại tư sản do phe ngoan cố Quốc dân đảng đại biểu. Trung ương Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông đã nắm lấy lực lượng kháng Nhật đó, phóng tay phát động lực lượng tiến bộ, do đó đã tìm được phương pháp đúng đắn để giải quyết mâu thuẫn Trung—Nhật, và cũng đã tìm được phương pháp đúng đắn để giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ mặt trận thống nhất chống Nhật. Nhiệm vụ của người mác-xít không những là phải chân thực nói rõ mâu thuẫn, mà còn quan trọng hơn nữa

là phải căn cứ theo quy luật phát triển của mâu thuẫn để giải quyết mâu thuẫn. Biện chứng pháp là khoa học phê phán và cách mạng, vì vậy, người mác-xít cần phải giải quyết mâu thuẫn một cách đúng đắn.

Bài "Bàn về mâu thuẫn" chỉ rõ: nắm chắc tính đồng nhất và tính đấu tranh của mâu thuẫn là then chốt để giải quyết mâu thuẫn. Trong điều kiện nhất định, hai mặt của mâu thuẫn có thể cùng chung tồn tại trong một sự vật, lại có thể chuyển hóa theo mặt đối lập của nó, tức là hai mặt của mâu thuẫn có thể cùng tồn tại và cùng chuyển hóa lẫn nhau, đó là tính đồng nhất của mâu thuẫn. Trong nước tư bản, giai cấp vô sản bị thống trị và giai cấp tư sản thống trị có thể cùng chung tồn tại trong xã hội tư bản, nhưng trải qua cuộc đấu tranh cách mạng lại có thể chuyển hóa lẫn nhau, tức là giai cấp vô sản bị thống trị biến thành giai cấp thống trị, còn giai cấp tư sản thống trị thì biến thành giai cấp bị thống trị. Cho nên, người cách mạng phải cố gắng tạo điều kiện có lợi và phá hoại điều kiện không lợi, làm cho giai cấp vô sản bị thống trị biến thành giai cấp thống trị.

Tính đấu tranh của mâu thuẫn là quy luật vận động tuyệt đối và phổ biến của sự vật. Hai mặt của mâu thuẫn cùng chung tồn tại trong một sự vật chung và chuyển hóa lẫn nhau đều phải trải qua cuộc đấu tranh, nếu không có đấu tranh thì không có tính đồng nhất, cũng không thể chuyển hóa lẫn nhau được, cho nên, đấu tranh của mâu thuẫn, bất cứ trong điều kiện nào, đều tồn tại cả.

Trong quá trình phát triển của sự vật, đấu tranh của mâu thuẫn có tính chất tuyệt đối, nhưng như thế không phải là nói, phương pháp giải quyết mâu thuẫn (tức hình thức đấu tranh) đều có thể răm rắp như nhau. Hình thức đấu tranh khác nhau ở chỗ có đối kháng và không đối kháng, cho nên cần phải

nghiên cứu cụ thể các thứ hình thức đấu tranh mâu thuẫn. Vì tính chất của mâu thuẫn khác nhau, cho nên hình thức đấu tranh cũng khác nhau. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản trong xã hội tư bản là mâu thuẫn đối kháng, sự phát triển của mâu thuẫn đối kháng này đã chia rẽ xã hội tư bản thành hai lực lượng đối lập và đấu tranh mất còn với nhau. Mâu thuẫn có tính đối kháng không thể giải quyết trên nền tảng xã hội đã đẻ nó ra, phải qua một cuộc cách mạng, lật đổ chế độ xã hội đó mới có thể giải quyết được. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân, mâu thuẫn giữa công nhân và nông dân là mâu thuẫn không có tính đối kháng, phương pháp giải quyết mâu thuẫn này là tập thể hóa nông nghiệp và cơ giới hóa nông nghiệp. Vì vậy, đối kháng chỉ là một trong những hình thức đấu tranh của mâu thuẫn, chứ không phải là tất cả. Nhận thức và vận dụng đúng đắn hình thức đấu tranh đối kháng và không đối kháng, là điều kiện quan trọng để giải quyết mâu thuẫn.

Trong công tác lý luận của Đảng, đã từng có hai phương pháp tư tưởng khác nhau. Một là phương pháp cụ thể phân tích những vấn đề cụ thể, tức là dùng biện chứng pháp duy vật để nghiên cứu phân tích quy luật phát triển của cách mạng Trung-quốc. Bất cứ người mác-xít chân chính nào, cũng đều phải tuân theo phương pháp này để đối sử với tất cả mọi sự vật. Đồng chí Mao-Trạch-Đông là người đã vận dụng biện chứng pháp duy vật một cách xuất sắc để giải quyết vấn đề cách mạng Trung-quốc, còn bài "Bàn về mâu thuẫn" là một trước tác quan trọng của đồng chí Mao-Trạch-Đông giải thích và phát triển biện chứng pháp mác-xít.

Một phương pháp nữa là phương pháp tư tưởng hình nhi thượng học. Hình nhi thượng học cự tuyệt đi sâu nghiên cứu cụ thể những sự vật cụ thể, và đóng khung mọi sự vật trong

một công thức cứng đờ. Họ mượn những câu nói chủ nghĩa Mác — Lê-nin hoặc tự đắc với những kinh nghiệm hẹp hòi của họ, và tuyệt đối không dùng phương pháp khác nhau để giải quyết những mâu thuẫn khác nhau. Đặc điểm của họ là chủ quan và một chiều.

Phương pháp tư tưởng này áp dụng trong vấn đề chính trị sẽ đẻ ra chủ nghĩa cơ hội "tả" hữu khuynh. Trong cuộc cách mạng năm 1924—1927, giai cấp công nhân và giai cấp tư sản đã kết thành mặt trận thống nhất, trong mặt trận thống nhất này vừa có liên hợp vừa có đấu tranh. Vì giai cấp tư sản có mâu thuẫn với bọn đế quốc và tay sai của chúng, cho nên họ có xu hướng liên hợp với Đảng cộng sản, nhưng vì giai cấp tư sản có mâu thuẫn với quần chúng nhân dân, cho nên họ lại tranh giành quyền lãnh đạo với Đảng cộng sản. Nhưng phần tử "tả" khuynh nhận xét vấn đề một chiều, và không thừa nhận sự thống nhất mâu thuẫn, phần tử hữu khuynh cũng mắc sai lầm một chiều, họ phủ nhận mâu thuẫn trong thống nhất. Trong thời kỳ chiến tranh trong nước lần thứ hai, phần tử "tả" khuynh chỉ thấy mâu thuẫn gay gắt giữa cách mạng và phản cách mạng, không thấy những mâu thuẫn khác, cho nên họ chủ trương đả đảo tất cả. Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, họ chỉ thấy mâu thuẫn Trung—Nhật, và xóa nhóa mâu thuẫn khác, cho nên lại phủ nhận đấu tranh. Chủ nghĩa cơ hội "tả" hữu khuynh về mặt chính trị đã nảy nở do phương pháp tư tưởng hình nhi thượng học này.

Sở dĩ "Bàn về mâu thuẫn" có thể vận dụng biện chứng pháp để giải quyết vấn đề cách mạng Trung-quốc xuất sắc như thế, là vì đồng chí Mao-Trạch-Đông đã vì cách mạng nhân dân mà nghiên cứu biện chứng pháp, rồi lại dùng kinh nghiệm cách mạng nhân dân để bồi bổ thêm cho biện chứng pháp. Trước tác "Bàn về mâu thuẫn" này ra đời đã làm cho nhân dân

Trung-quốc biết cách thức phân tích và giải quyết vấn đề cụ thể. "Bàn về mâu thuẫn" là vũ khí tư tưởng sắc bén của nhân dân Trung-quốc.

LỜI KẾT THÚC CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC LẦN THỨ HAI

Từ năm 1927 đến năm 1937, Đảng phải đối phó với một thời kỳ phản động rất nghiêm trọng. Trong thời kỳ đó, một mặt địch phát động nhiều đợt tấn công quân sự để tiêu diệt Đảng và tiêu diệt cách mạng; mặt khác, sau khi đã khắc phục được chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh của Trần-Độc-Tú, Đảng lại gặp phải mấy lần tập kích của chủ nghĩa cơ hội "tả" khuynh, gặp phải đường lối chủ nghĩa thất bại với sự phá hoại và chia rẽ của Trương-Quốc-Đào, nên phải lâm vào tình trạng vô cùng nguy hiểm. Lúc bấy giờ Đảng đã tìm được một vị lãnh tụ vĩ đại, xuất sắc, hoàn toàn có thể tin cậy là đồng chí Mao-Trạch-Đông, và xây dựng sự lãnh đạo của Trung ương do đồng chí Mao-Trạch-Đông đứng đầu.

Đồng chí Mao-Trạch-Đông lãnh đạo cách mạng trước tiên phát triển từ nông thôn, đi con đường đấu tranh vũ trang, từ một căn cứ nhỏ phát triển đến nhiều căn cứ nhỏ hoặc một căn cứ lớn. Tức là dùng nông thôn vũ trang và cách mạng để bao vây và cuối cùng cướp được thành thị do bọn phản cách mạng chiếm đóng. Đó là con đường phát triển đúng đắn duy nhất, trong điều kiện cách mạng Trung-quốc đã bị kẻ địch lớn mạnh đánh bại ở thành thị và tạm thời không thể giành được thắng lợi ở thành thị. Vì thế đã sáng tạo Hồng quân và lập ra căn cứ địa, đã biết lãnh đạo chiến tranh cách mạng, cách mạng ruộng đất và xây dựng chính quyền.

Từ ngày sự biến 18 tháng 9 và nhất là sự biến Hoa-bắc đã xảy ra, đế quốc Nhật thực hành chính sách hoàn toàn chinh phục Trung-quốc, khiến cho mâu thuẫn giữa Trung-quốc với Nhật-bản đã trở thành mâu thuẫn chính, còn mâu thuẫn trong nước thì xuống địa vị thứ hai. Do đó, quan hệ giai cấp trong nước và quan hệ quốc tế cũng có đổi mới. Trung ương Đảng và đồng chí Mao-Trạch-Đông đưa ra nhiệm vụ thành lập mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật và nhiệm vụ kết hợp mặt trận đó với mặt trận hòa bình thế giới.

Trong cuộc đấu tranh chính quyền đỏ, nhờ sự lãnh đạo của đồng chí Mao-Trạch-Đông, Đảng đã khắc phục được sự lãnh đạo sai lầm của đường lối "tả" khuynh và hoạt động chống Đảng của Trương-Quốc-Đào. Trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Nhật, nhờ sự lãnh đạo của đồng chí Mao-Trạch-Đông, Đảng đã sửa chữa sách lược chủ nghĩa "tả" khuynh đóng cửa.

Thế là trong thời gian 10 năm phản động, nhờ có sự lãnh đạo theo chủ nghĩa Mác—Lê-nin có tính chất sáng tạo của Đảng cộng sản Trung-quốc, nên đã đánh bại sự tấn công của quân thù trong và ngoài nước, đã khắc phục được những sai lầm của chủ nghĩa cơ hội, gìn giữ được cốt cán của Hồng quân và một số căn cứ địa cách mạng, gìn giữ được nhiều cán bộ ưu tú của Đảng, và tích trữ kinh nghiệm cách mạng dồi dào. Cuối năm 1935, Đảng lại xác lập sách lược mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật, chấm dứt cục diện nội chiến, và đi tới chiến tranh chống Nhật.

Thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ hai, là thời kỳ dưới điều kiện vô cùng khó khăn, Đảng đã thành thuộc về tư tưởng và chính trị, nên đã hoàn thành việc chuẩn bị chính trị và cán bộ quan trọng nhất để phát triển cách mạng Trung-quốc.